

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

**BÁO CÁO THUYẾT MINH KẾT QUẢ
ĐÁNH GIÁ CHỈ SỐ NĂNG LỰC CẠNH TRANH CẤP SỞ,
NGÀNH VÀ CẤP HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ (DDCI)
TỈNH BÌNH THUẬN NĂM 2023**

*(Ban hành kèm theo Tờ trình số 4407/TTr-SKHĐT ngày 30 tháng 9 năm 2024
của Sở Kế hoạch và Đầu tư)*

Chủ đầu tư: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Thuận

Nhà thầu: Công ty CP Công nghệ Hải Nam Tech

Bình Thuận, tháng 9 năm 2024

MỤC LỤC

MỤC LỤC	1
LỜI GIỚI THIỆU	6
CHƯƠNG I.	7
I. GIỚI THIỆU BỘ CHỈ SỐ DDCI BÌNH THUẬN NĂM 2023	7
II. MỤC TIÊU, Ý NGHĨA CỦA BỘ CHỈ SỐ DDCI BÌNH THUẬN NĂM 2023	8
III. TỔNG QUAN VỀ CÁC CHỈ SỐ THÀNH PHẦN, PHƯƠNG PHÁP VÀ ĐỐI TƯỢNG KHẢO SÁT DDCI BÌNH THUẬN NĂM 2023	9
IV. TỔNG QUAN VỀ DOANH NGHIỆP, HỢP TÁC XÃ VÀ HỘ KINH DOANH THAM GIA KHẢO SÁT CHỈ SỐ DDCI BÌNH THUẬN NĂM 2023	16
CHƯƠNG II.	20
I. XẾP HẠNG DDCI BÌNH THUẬN NĂM 2023 KHỐI SBN	20
1. Kết quả tổng hợp DDCI Bình Thuận năm 2023 khối SBN	20
2. Kết quả 8 chỉ số thành phần khối SBN.....	29
2.1. Chỉ số Tính minh bạch và tiếp cận thông tin của khối SBN	29
2.2. Chỉ số Tính năng động và hiệu lực thi hành của khối SBN:	33
2.3. Chỉ số Chi phí thời gian của khối SBN:	35
2.4. Chỉ số Chi phí không chính thức của khối SBN:.....	39
2.5. Cạnh tranh bình đẳng của khối SBN:	42
2.6. Chỉ số Hỗ trợ doanh nghiệp của khối SBN:	46
2.7. Chỉ số Thiết chế pháp lý của khối SBN.....	49
2.8. Chỉ số Ứng dụng công nghệ thông tin và triển khai chuyển đổi số của SBN	52
II. TỔNG HỢP MỘT SỐ Ý KIẾN KHẢO SÁT CỦA CÁC DN, HTX, HKD ĐỐI VỚI KHỐI SBN	56
CHƯƠNG III.	58
I. XẾP HẠNG DDCI BÌNH THUẬN NĂM 2023 KHỐI ĐỊA PHƯƠNG:	58
1. Kết quả tổng hợp DDCI Bình Thuận năm 2023 khối SBN.....	58
2. Kết quả 9 chỉ số thành phần khối địa phương	65
2.1. Chỉ số Tính minh bạch và tiếp cận thông tin của khối địa phương	65
2.2. Chỉ số Tính năng động và hiệu lực thi hành của khối địa phương	67
2.3. Chỉ số Chi phí thời gian của khối địa phương:	70
2.4. Chỉ số Chi phí không chính thức của khối địa phương:	73

2.5. Chỉ số Cạnh tranh bình đẳng của khối địa phương:	75
2.6. Chỉ số Hỗ trợ doanh nghiệp khối địa phương:	78
2.7. Chỉ số Thiết chế pháp lý của khối địa phương:	81
2.8. Chỉ số Ứng dụng công nghệ thông tin và triển khai chuyển đổi số của khối địa phương:	83
2.9. Chỉ số Tiếp cận đất đai của khối địa phương:	86
II. TỔNG HỢP MỘT SỐ Ý KIẾN KHẢO SÁT CỦA CÁC DN, HTX, HKD ĐỐI VỚI KHỐI ĐỊA PHƯƠNG.....	88
CHƯƠNG IV. NHẬN XÉT VÀ KIẾN NGHỊ.....	90
1. Nhận xét	90
2. Khuyến nghị	91
Phụ lục 1. Hồ sơ DDCI Bình Thuận năm 2023 theo sở, ban, ngành	95
Phụ lục 2. Hồ sơ DDCI Bình Thuận năm 2023 theo địa phương.....	118
Phụ lục 3. Danh sách các sở, ban, ngành trong DDCI Bình Thuận 2023	131
Phụ lục 4. Danh sách các huyện, thị xã, thành phố trong DDCI Bình Thuận 2023	132
Phụ lục 5. Hướng dẫn Tổng hợp kết quả khảo sát, xếp hạng chỉ số.....	133
Phụ lục 6. Các chỉ số thành phần, tiêu chí và phương án được lựa chọn dùng để tính tỷ lệ % tổng hợp điểm	137
Phụ lục 7. Tổng hợp điểm chỉ số thành phần DDCI khối Địa phương	146
Phụ lục 8. Tổng hợp điểm chỉ số thành phần DDCI khối Sở, ban, ngành	147

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1. 1 Thống kê số phiếu hợp lệ của các SBN	11
Bảng 1. 2 Thống kê số phiếu hợp lệ của các huyện, thị xã, thành phố	12
Bảng 1. 3 Chỉ số thành phần của khối SBN	14
Bảng 1. 4 Chỉ số thành phần của khối địa phương.....	14
Bảng 1. 5 Mức xếp hạng chỉ số DDCI Bình Thuận năm 2023	15
Bảng 1. 6 Ví dụ về chuẩn hoá điểm số theo thang điểm 10	16
Bảng 1. 7 Số phiếu khảo sát DDCI Bình Thuận 2023	17
Bảng 1. 8 Tổng số lượt phản hồi khối SBN tại tỉnh Bình Thuận năm 2020 và năm 2023	18
Bảng 2. 1 Điểm số DDCI khối SBN năm 2023 so với năm 2020	23
Bảng 2. 2 Xếp hạng và các chỉ số thành phần DDCI Bình Thuận năm 2023 khối SBN	24
Bảng 2. 3 Điểm số trung bình các chỉ tiêu của chỉ số Tính minh bạch và tiếp cận thông tin của khối SBN năm 2023	32
Bảng 2. 4 Điểm số trung bình các chỉ tiêu của chỉ số Tính năng động và hiệu lực thi hành của khối SBN năm 2023	35
Bảng 2. 5 Điểm số trung bình các chỉ tiêu của chỉ số Chi phí thời gian của khối SBN năm 2023	38
Bảng 2. 6 Điểm số trung bình các chỉ tiêu của chỉ số Chi phí không chính thức của khối SBN năm 2023	42
Bảng 2. 7 Điểm số trung bình các chỉ tiêu của chỉ số Cạnh tranh bình đẳng của khối SBN năm 2023.....	45
Bảng 2. 8 Điểm số trung bình chỉ tiêu của Chỉ số Hỗ trợ doanh nghiệp của khối SBN năm 2023.....	48
Bảng 2. 9 Tổng hợp một số ý kiến khảo sát của các DN, HTX, HKD đối với khối SBN	56
Bảng 3. 1 Điểm số DDCI khối địa phương năm 2023 so với năm 2020	60
Bảng 3. 2 Kết quả xếp hạng, chỉ số thành phần DDCI Bình Thuận năm 2023 khối địa phương	63
Bảng 3.3 Điểm số trung bình các chỉ tiêu của chỉ số Tính tính minh bạch và tiếp cận thông tin của khối địa phương năm 2023	67
Bảng 3. 4 Điểm số trung bình các chỉ tiêu của chỉ số Tính năng động và hiệu lực thi hành của khối địa phương năm 2023.....	69
Bảng 3. 5 Điểm số trung bình các chỉ tiêu của chỉ số Chi phí thời gian của khối địa phương năm 2023	72
Bảng 3.6 Điểm số trung bình các chỉ tiêu của chỉ số Chi phí không chính thức của khối địa phương năm 2023	75
Bảng 3.7 Điểm số trung bình các chỉ tiêu của Chỉ số Cạnh tranh bình đẳng của chính quyền Địa phương năm 2023	78
Bảng 3. 8 Điểm số trung bình các chỉ tiêu của Chỉ số Hỗ trợ doanh nghiệp của khối địa phương năm 2023	80
Bảng 3.9 Điểm số trung bình các chỉ tiêu của chỉ số Thiết chế pháp lý của khối địa phương năm 2023	83

Bảng 3. 10 Điểm số trung bình Chỉ tiêu Ứng dụng công nghệ thông tin và triển khai chuyển đổi số của khối địa phương năm 2023	86
Bảng 3. 11 Điểm số trung bình các chỉ tiêu của Chỉ số Tiếp cận đất đai của khối địa phương năm 2023	88
Bảng 3.12 Tổng hợp một số ý kiến, kiến nghị của các DN, HTX, HKD cho các địa phương.....	89

DANH MỤC HÌNH

Hình 1. 1 Quy trình tổng hợp điểm DDCI năm 2023.....	16
Hình 1. 2 Cơ cấu phiếu đánh giá SBN và địa phương trong DDCI Bình Thuận năm 2023 (%)	17
Hình 1. 3 Cơ cấu doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh được lựa chọn khảo sát trong DDCI Bình Thuận năm 2023 (%).....	17
Hình 1. 4 Tổng số lượt phản hồi khối địa phương tại tỉnh Bình Thuận năm 2020 và năm 2023	19
Hình 2. 1 Chỉ số DDCI Bình Thuận năm 2023 khối SBN	20
Hình 2. 2 Xếp hạng và điểm số chỉ số DDCI Bình Thuận năm 2023 khối SBN	21
Hình 2. 3 Mức độ cải thiện điểm số DDCI của khối SBN 2023 so với năm 2020 ..	23
Hình 2. 4 Xếp hạng Chỉ số Tính minh bạch và tiếp cận thông tin năm 2023 khối SBN	30
Hình 2. 5 Mức độ cải thiện điểm số chỉ số Tính minh bạch và tiếp cận thông tin khối SBN năm 2023 so với năm 2020.....	31
Hình 2. 6 Xếp hạng Chỉ số Tính năng động và hiệu lực thi hành khối SBN	33
Hình 2. 7 Mức độ cải thiện điểm số chỉ số Tính năng động và hiệu lực thi hành của khối SBN năm 2023 so với năm 2020.....	34
Hình 2. 8 Xếp hạng Chỉ số Chi phí thời gian của khối SBN năm 2023.....	36
Hình 2. 9 Mức độ cải thiện điểm số chỉ số Chi phí thời gian của khối SBN năm 2023 so với năm 2020	37
Hình 2. 10 Xếp hạng Chỉ số Chi phí không chính thức của khối SBN năm 2023 ...	39
Hình 2. 11 Mức độ cải thiện điểm số chỉ số Chi phí không chính thức của khối SBN năm 2023 so với năm 2020.....	41
Hình 2. 12 Xếp hạng Chỉ số Cạnh tranh bình đẳng của khối SBN năm 2023	43
Hình 2. 13 Mức độ cải thiện điểm số chỉ số Cạnh tranh bình đẳng của khối SBN năm 2023 so với năm 2020.....	44
Hình 2. 14 Xếp hạng Chỉ số Hỗ trợ doanh nghiệp khối SBN năm 2023	46
Hình 2. 15 Mức độ cải thiện điểm số chỉ số Hỗ trợ doanh nghiệp của khối SBN năm 2023 so với năm 2020	47
Hình 2. 16 Xếp hạng Chỉ số Thiết chế pháp lý của khối SBN năm 2023	50
Hình 2. 17 Mức độ cải thiện điểm số chỉ số Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự của khối SBN năm 2023 so với năm 2020.....	51
Hình 2. 18 Điểm số trung bình các chỉ tiêu của chỉ số Thiết chế pháp lý của khối SBN năm 2023.....	52
Hình 2. 19 Xếp hạng Chỉ số Ứng dụng công nghệ thông tin và triển khai chuyển đổi số của khối SBN năm 2023	53
Hình 2. 20 Mức độ cải thiện điểm số chỉ số Ứng dụng công nghệ thông tin và triển khai chuyển đổi số của SBN năm 2023 so với năm 2021	54

Hình 2. 21 Điểm số trung bình các chỉ tiêu của Chỉ số Ứng dụng công nghệ thông tin và triển khai chuyển đổi số của khối SBN 2023	55
Hình 3. 1 Nội dung các chỉ số và xếp hạng DDCI Bình Thuận năm 2023 khối địa phương	58
Hình 3. 2 Xếp hạng chỉ số DDCI Bình Thuận năm 2023 khối địa phương	59
Hình 3. 3 Mức độ cải thiện điểm số DDCI Bình Thuận năm 2023 so với năm 2020 khối địa phương	59
Hình 3. 4 So sánh các chỉ số DDCI tỉnh Bình Thuận năm 2023 khối địa phương ..	60
Hình 3. 5 Biến động của các chỉ số thành phần DDCI Bình Thuận năm 2023 khối địa phương	61
Hình 3. 6 Xếp hạng Chỉ số Tính minh bạch và tiếp cận thông tin khối địa phương năm 2023	65
Hình 3.7 Mức độ cải thiện điểm số Tính minh bạch và tiếp cận thông tin khối địa phương năm 2023 so với năm 2020	66
Hình 3. 8 Xếp hạng Chỉ số Tính năng động và hiệu lực thi hành của khối địa phương năm 2023	68
Hình 3. 9 Mức độ cải thiện điểm số Tính năng động và hiệu lực thi hành của khối địa phương năm 2023 so với năm 2020	69
Hình 3. 10 Xếp hạng Chỉ số Chi phí thời gian của khối địa phương năm 2023	70
Hình 3. 11 Mức độ cải thiện điểm số Chi phí thời gian của khối địa phương năm 2023 so với năm 2020	71
Hình 3. 12 Xếp hạng Chỉ số Chi phí không chính thức của khối địa phương năm 2023	73
Hình 3. 13 Mức độ cải thiện điểm số Chi phí không chính thức của khối địa phương năm 2023 so với năm 2020.....	74
Hình 3. 14 Xếp hạng Chỉ số Cạnh tranh bình đẳng của khối địa phương năm 2023	76
Hình 3. 15 Mức độ cải thiện điểm số Cạnh tranh bình đẳng của khối địa phương năm 2023 so với năm 2020.....	77
Hình 3. 16 Xếp hạng Chỉ số Hỗ trợ doanh nghiệp của khối địa phương năm 2023	79
Hình 3. 17 Mức độ cải thiện điểm số Hỗ trợ doanh nghiệp của khối địa phương năm 2023 so với năm 2020	80
Hình 3. 18 Xếp hạng Chỉ số Thiết chế pháp lý của khối địa phương năm 2023	81
Hình 3. 19 Mức độ cải thiện điểm số Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự của khối địa phương năm 2023 so với năm 2020	82
Hình 3. 20 Xếp hạng Chỉ số Ứng dụng công nghệ thông tin và triển khai chuyển đổi số của khối địa phương năm 2023	84
Hình 3. 21 Mức độ cải thiện điểm số Chỉ số Ứng dụng công nghệ thông tin và triển khai chuyển đổi số của khối địa phương năm 2023 so với 2020	85
Hình 3. 22 Xếp hạng Chỉ số Tiếp cận đất đai khối địa phương năm 2023	86
Hình 3. 23 Mức độ cải thiện điểm số Tiếp cận đất đai khối địa phương năm 2023 so với năm 2020	87

LỜI GIỚI THIỆU

Với mục tiêu nâng cao vai trò và trách nhiệm trong việc điều hành của các sở, ban, ngành cấp tỉnh cũng như UBND cấp huyện, thị xã, thành phố; UBND tỉnh Bình Thuận đã triển khai đánh giá Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp sở, ngành và cấp huyện, thị xã, thành phố (DDCI) tỉnh Bình Thuận năm 2020. Kết quả đánh giá Chỉ số DDCI năm 2020 đã thúc đẩy thi đua, cải cách mạnh mẽ, nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính, tạo môi trường đầu tư và kinh doanh thuận lợi. Đồng thời, nâng cao thứ hạng của tỉnh Bình Thuận trong bảng xếp hạng Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) do Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) công bố. Điều này đã được minh chứng thông qua Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) Bình Thuận năm 2023, đạt 68,06 điểm, xếp hạng 18/63 tỉnh/thành phố (mức cao nhất trong 15 năm qua).

Năm 2023, đánh dấu lần thứ hai triển khai đánh giá Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp sở, ngành và cấp huyện, thị xã, thành phố (DDCI) theo Kế hoạch số 2198/KH-UBND ngày 19/6/2023 của UBND tỉnh Bình Thuận. Đây cũng là năm mà hệ thống chính trị tỉnh Bình Thuận đã chủ động và sáng tạo trong việc thực hiện Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh Bình Thuận về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng và an ninh năm 2023. Cùng với đó, Quyết định số 176/QĐ-UBND ngày 19/1/2023 cũng được ban hành để cụ thể hóa Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 06/01/2023 của Chính phủ, với 06 nhiệm vụ trọng tâm và 11 nhóm giải pháp cụ thể cho các sở, ban, ngành và địa phương.

Bộ Chỉ số DDCI của tỉnh Bình Thuận được xây dựng dựa trên nguyên tắc và phương pháp tương tự như Bộ Chỉ số PCI, do Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) và Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (USAID) triển khai. Trong năm 2023, Bộ Chỉ số DDCI cho khối sở, ban, ngành gồm 8 chỉ số thành phần, khối địa phương gồm 9 chỉ số thành phần, đều tập trung phản ánh các yếu tố có tác động trực tiếp đến sự phát triển của doanh nghiệp. Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Thuận giữ vai trò chủ trì, phối hợp với đơn vị tư vấn để thực hiện khảo sát và đánh giá Chỉ số DDCI năm 2023. Kết quả khảo sát cho thấy sự nhất quán trong chính sách điều hành kinh tế của các cấp chính quyền. Tuy nhiên, một số tồn tại, hạn chế cũng được chỉ ra và cần được khắc phục, đặc biệt là việc lắng nghe và đáp ứng ý kiến của cộng đồng doanh nghiệp.

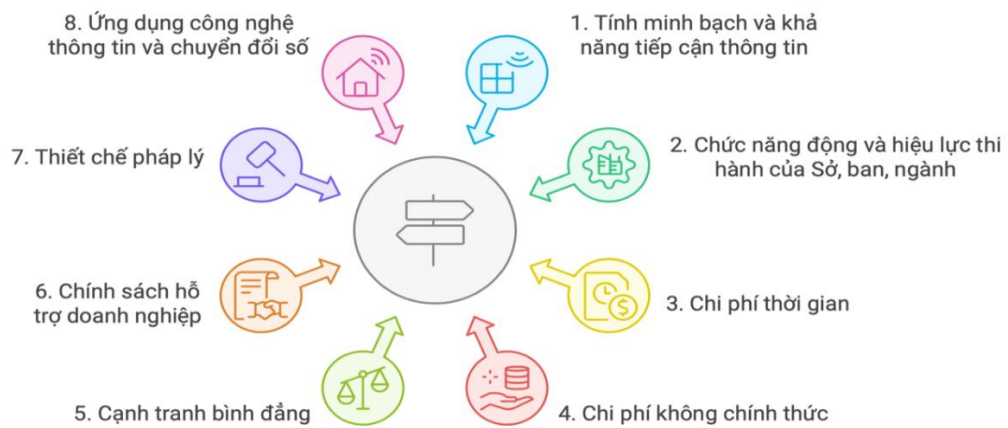
Chỉ số DDCI giúp phân tích chi tiết về hiệu quả hoạt động kinh tế, góp phần nâng cao năng lực quản lý và điều hành của tỉnh. Bộ chỉ số này còn khẳng định cam kết của Bình Thuận trong việc tạo ra môi trường kinh doanh minh bạch, công khai, đồng thời cải thiện thủ tục hành chính nhằm hỗ trợ doanh nghiệp phát triển bền vững. Kết quả khảo sát chính là cơ sở quan trọng để đánh giá chất lượng điều hành của các sở, ban, ngành, địa phương, qua đó giúp tỉnh nâng cao năng lực cạnh tranh tổng thể.

CHƯƠNG I. TỔNG QUAN VỀ BỘ CHỈ SỐ DDCI VÀ QUÁ TRÌNH KHẢO SÁT, XẾP HẠNG CHỈ SỐ DDCI BÌNH THUẬN NĂM 2023

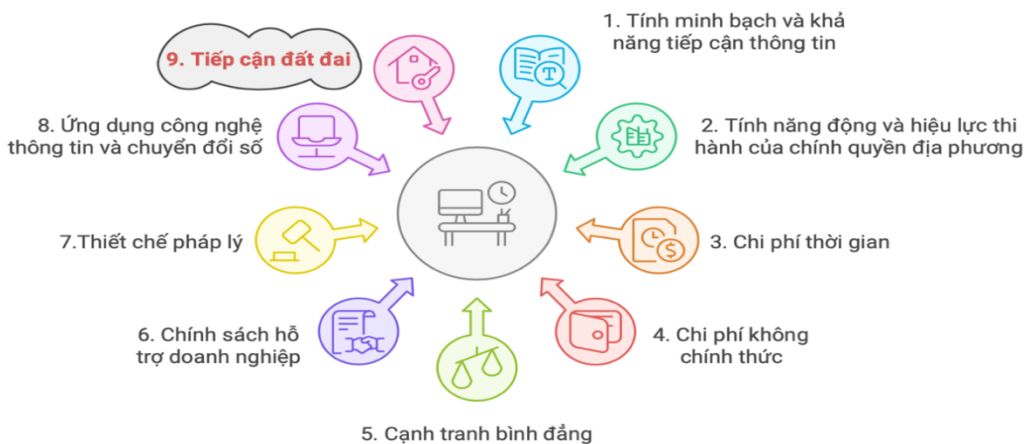
I. GIỚI THIỆU BỘ CHỈ SỐ DDCI BÌNH THUẬN NĂM 2023

Bộ Chỉ số DDCI Bình Thuận năm 2023 kế thừa cách tiếp cận từ năm 2020, được xây dựng và vận hành dựa trên các nguyên tắc và phương pháp tương tự như Bộ Chỉ số PCI do VCCI cùng Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ triển khai. Bộ chỉ số này bao gồm 08 chỉ số thành phần cho khối sở, ban, ngành (SBN) và 09 chỉ số thành phần cho khối huyện, thị xã, thành phố (địa phương). Các chỉ số này phản ánh những lĩnh vực điều hành kinh tế có tác động mạnh mẽ đến sự phát triển của doanh nghiệp (DN), hợp tác xã (HTX) và hộ kinh doanh (HKD). Các chỉ số này được thiết kế để đánh giá toàn diện sự hiệu quả và chất lượng điều hành của các cơ quan, chính quyền, nhằm thúc đẩy môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi, hỗ trợ DN, HTX, HKD phát triển bền vững.

1. Chỉ số thành phần khối SBN:



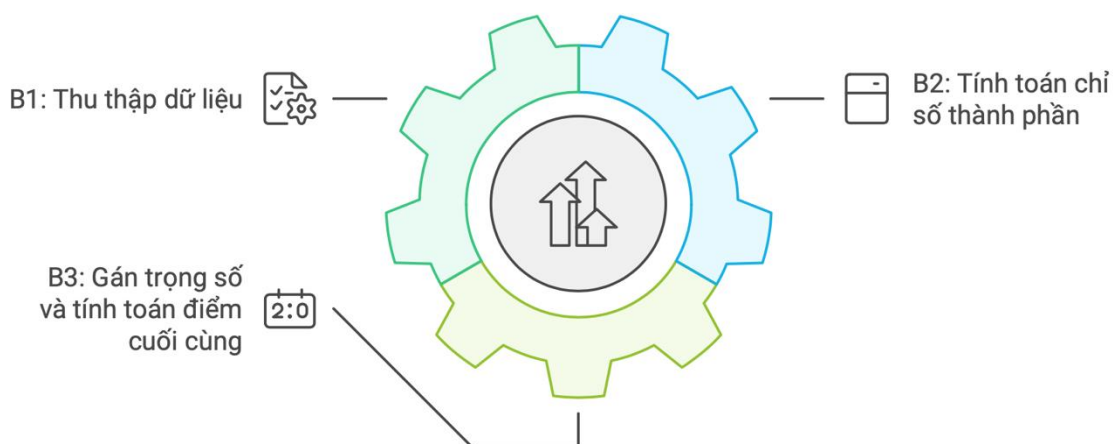
2. Chỉ số thành phần khối địa phương:



3. Phương pháp luận:

Chỉ số DDCI tương tự như Chỉ số PCI, bao gồm 3 bước: (1) Thu thập dữ liệu điều tra, (2) Tính toán và chuẩn hóa các chỉ số thành phần trên thang điểm 10 và (3) Gắn

trọng số, tính điểm tổng hợp DDCI trên thang điểm 100. Năm 2023, Bình Thuận sử dụng phương pháp khảo sát trực tuyến chuyên dụng, đảm bảo tính định danh và xác thực đối với DN, HTX và HKD tham gia. Hình thức khảo sát hiện đại này được cộng đồng doanh nghiệp hưởng ứng nhờ sự thuận tiện và dễ sử dụng.



II. MỤC TIÊU, Ý NGHĨA CỦA BỘ CHỈ SỐ DDCI BÌNH THUẬN NĂM 2023

Chỉ số DDCI phản ánh sự khác biệt trong năng lực điều hành kinh tế của các sở, ban, ngành và địa phương. Mỗi chỉ số thành phần được quy đổi thành điểm số để so sánh giữa các đơn vị trong cùng lĩnh vực. Các chỉ số này được xây dựng từ nhiều tiêu chí nhỏ và mỗi tiêu chí được chuẩn hóa trên thang điểm 10. Đơn vị có thực tiễn tốt nhất sẽ đạt điểm 10, đơn vị có thực tiễn kém nhất sẽ đạt điểm 1 và các đơn vị còn lại sẽ nằm trong khoảng từ 1 đến 10. Điểm số cao nhất và thấp nhất được cập nhật theo thời gian khảo sát.

Tỉnh Bình Thuận tiếp tục triển khai Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp sở, ngành và cấp huyện, thị xã, thành phố (DDCI) sau hai năm không thực hiện (2021 và 2022), với bốn mục tiêu chính trong năm 2023:

- Khảo sát và đánh giá năng lực điều hành của các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố nhằm thúc đẩy thi đua, cải cách mạnh mẽ, nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính, tạo môi trường thuận lợi cho đầu tư và kinh doanh.

- Tạo kênh thông tin minh bạch và đáng tin cậy để doanh nghiệp đóng góp ý kiến, từ đó đánh giá và cải thiện công tác điều hành, nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), khắc phục các hạn chế còn tồn tại.

- Lan tỏa truyền thông về DDCI nhằm khẳng định nỗ lực của tỉnh trong việc cải thiện môi trường đầu tư, tạo nền tảng tương tác với doanh nghiệp qua mạng xã hội và hỗ trợ doanh nghiệp một cách kịp thời, thiết thực.

- Tăng cường cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh và nâng cao thứ hạng của tỉnh Bình Thuận trong bảng xếp hạng Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) do VCCI công bố.

Các mục tiêu này hướng đến việc nâng cao chất lượng điều hành kinh tế - xã hội, thúc đẩy phát triển bền vững cho cộng đồng doanh nghiệp trong tỉnh.

III. TỔNG QUAN VỀ CÁC CHỈ SỐ THÀNH PHẦN, PHƯƠNG PHÁP VÀ ĐỐI TƯỢNG KHẢO SÁT DDCI BÌNH THUẬN NĂM 2023

1. Chỉ số thành phần trong khảo sát DDCI Bình Thuận năm 2023:

Chỉ số DDCI là một khảo sát tích hợp bao gồm hệ thống chỉ số DDCI dành cho khối SBN và khối địa phương. Phạm vi khảo sát tập trung vào các DN, HTX và HKD đang hoạt động, sản xuất và triển khai dự án đầu tư tại tỉnh Bình Thuận.

Trong năm 2023, hệ thống Chỉ số DDCI cho khối SBN gồm 8 chỉ số thành phần, khối địa phương gồm 09 chỉ số thành phần. Các chỉ số này được kế thừa từ Chỉ số DDCI Bình Thuận năm 2020, phản ánh đầy đủ hơn các lĩnh vực có ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế của tỉnh¹.

Có 09 chỉ số thành phần đánh giá khối SBN và khối địa phương, bao gồm²:

TT	Chỉ số	Nội dung
01	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	Đo lường khả năng tiếp cận các kế hoạch, văn bản pháp lý, thông tin cần thiết cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, SBN và địa phương. Chỉ số này cũng đánh giá liệu doanh nghiệp có thể tiếp cận một cách công bằng và công khai các văn bản này hay không; cũng như khả năng phát sinh các thủ tục, giấy tờ nằm ngoài quy định khi thực hiện thủ tục hành chính.
02	Tính năng động và hiệu lực thi hành	Đo lường tính sáng tạo và khả năng phản ứng linh động của các phòng ban, bộ phận chuyên môn thuộc SBN và địa phương trong quá trình thực thi chính sách của tỉnh Bình Thuận cũng như trong việc đưa ra các sáng kiến riêng nhằm phát triển khu vực kinh tế tư nhân, đồng thời đánh giá khả năng hỗ trợ của SBN hoặc chính quyền địa phương trong việc triển khai các hoạt động đầu tư, kinh doanh trên địa bàn Tỉnh.
03	Chi phí thời gian	Đo lường thời gian doanh nghiệp phải bỏ ra để thực hiện các thủ tục hành chính cũng như mức độ thường xuyên và thời gian doanh nghiệp phải tạm dừng kinh doanh để các cơ quan Nhà nước của địa phương thực hiện việc thanh tra, kiểm tra.
04	Chi phí không chính thức	Đo lường mức độ gây nhiễu, khó khăn cho doanh nghiệp của cán bộ công quyền; những khoản chi phí không chính thức mà doanh nghiệp phải trả và những trở ngại do những khoản chi phí không chính

¹ Tham khảo Phụ lục 1 về danh sách các sở, ban, ngành và địa phương trong khảo sát DDCI Bình Thuận 2023 theo Kế hoạch số 2198/KH-UBND ngày 19/6/2023 về triển khai thực hiện đánh giá năng lực cạnh tranh cấp sở, ngành và cấp huyện, thị xã, thành phố (DDCI) tỉnh Bình Thuận năm 2023.

² Danh sách chi tiết các chỉ số thành phần, các chỉ tiêu được đưa vào tính toán trong mỗi chỉ số thành phần tham khảo ở phần Phụ lục.

		thức này gây ra đối với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp và liệu các cán bộ nhà nước có sử dụng các quy định của SBN hay địa phương để trục lợi hay không.
05	Cạnh tranh bình đẳng	Đánh giá nỗ lực và kết quả điều hành của các đơn vị SBN và địa phương nhằm tạo môi trường kinh doanh không phân biệt đối xử giữa doanh nghiệp lớn và doanh nghiệp nhỏ, giữa doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp tư nhân, giữa doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FDI) và khối doanh nghiệp trong nước. Chỉ số này đặc biệt có ý nghĩa với hoạt động khởi nghiệp và phát triển doanh nghiệp về lâu dài cho Tỉnh.
06	Hỗ trợ doanh nghiệp	Đo lường mức độ sẵn sàng và hiệu quả của các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp do các SBN và địa phương cung cấp. Chỉ số này cũng phản ánh mức độ hiệu quả trong việc hỗ trợ doanh nghiệp thông qua các hoạt động gặp gỡ, đối thoại doanh nghiệp để giải quyết các khó khăn mà doanh nghiệp gặp phải trong quá trình đầu tư và triển khai kinh doanh tại Bình Thuận.
07	Thiết chế pháp lý	Đo lường năng lực thực thi pháp luật, giải quyết hiệu quả các tranh chấp, khiếu nại các hành vi vi phạm của cán bộ công quyền cấp cơ sở. Đối với khối SBN, chỉ số này còn đo lường khả năng phổ biến, tuyên truyền, thực thi hiệu quả các văn bản pháp luật của các SBN tới cộng đồng doanh nghiệp.
08	Ứng dụng công nghệ thông tin và triển khai chuyển đổi số	Đo lường mức độ hấp dẫn của cổng thông tin điện tử và mức độ ứng dụng công nghệ thông tin của SBN và các chính quyền địa phương. Chỉ số này cũng đánh giá sự cập nhật nhanh chóng và đầy đủ các chủ trương, chính sách và các văn bản liên quan tới thủ tục hành chính và pháp luật của SBN và địa phương; sự tiện dụng khi tra cứu cũng như khả năng phản hồi ý kiến, giải đáp khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp trên cổng thông tin điện tử.
09	Khả năng tiếp cận đất đai	Đo lường về các khía cạnh của vấn đề đất đai và cơ sở hạ tầng mà doanh nghiệp phải đối mặt: Việc tiếp cận đất đai có dễ dàng không, chất lượng cơ sở hạ tầng kết nối với cơ sở kinh doanh của doanh nghiệp tại địa phương có tốt hay không, các hoạt động quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất tại địa phương cũng như hỗ trợ giải phóng mặt bằng tại địa phương có tốt hay không.

2. Đặc điểm về mẫu khảo sát DDCI Bình Thuận năm 2023:

Mẫu khảo sát DDCI Bình Thuận năm 2023 được lựa chọn theo phương pháp mẫu

ngẫu nhiên phân tầng (theo tỷ lệ của các nhóm đơn vị kinh doanh và theo loại hình doanh nghiệp). Cơ sở dữ liệu cho mẫu khảo sát bao gồm: (1) Mẫu khảo sát DDCI khối SBN và (2) Mẫu khảo sát DDCI khối địa phương. Tổng số mẫu khảo sát là 2.000 mẫu, được phân bổ cho 3 nhóm đối tượng chính: Doanh nghiệp (1.500 phiếu - 75%), Hợp tác xã (200 phiếu - 10%) và Hộ kinh doanh (300 phiếu - 15%).

2.1. Mẫu khảo sát DDCI khối SBN:

Mẫu khảo sát DDCI năm 2023 cho khối SBN được thiết kế linh hoạt, kết hợp giữa chọn mẫu ngẫu nhiên và chọn mẫu theo tỷ lệ DN, HTX, HKD đã và đang có tương tác với SBN. Dữ liệu mẫu được thu thập từ danh sách do các SBN, Trung tâm hành chính công cung cấp và thông tin từ các Hội, Hiệp hội doanh nghiệp/ngành nghề trên địa bàn tỉnh Bình Thuận. Đối với SBN có ít đối tượng tương tác, ưu tiên lấy mẫu toàn bộ danh sách SBN cung cấp và bổ sung theo ngành nghề đặc thù. Đồng thời, giới hạn mẫu ở SBN có nhiều đối tượng tương tác nhằm đảm bảo tính khách quan và công bằng.

Năm 2023, khảo sát được triển khai trên 21 SBN, tăng 05 cơ quan so với năm 2020 (Tòa án nhân dân tỉnh, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Tài chính, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Tư pháp). Với số phiếu hợp lệ thu được là 740/1.218 phiếu (chiếm 60,8%), chi tiết được thể hiện tại Bảng 1.1.

Bảng 1. 1 Thống kê số phiếu hợp lệ của các SBN

STT	Tên Sở, ban, ngành cơ quan cấp tỉnh	Số phiếu trả lời	Tỷ lệ %
1	Sở Thông tin và Truyền thông	13	1,76 %
2	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	29	3,92 %
3	Sở Giao thông vận tải	18	2,43 %
4	Sở Công thương	28	3,78 %
5	Sở Xây dựng	20	2,70 %
6	Sở Tài nguyên và Môi trường	35	4,73 %
7	Sở Kế hoạch và Đầu tư	130	17,57 %
8	Tòa án nhân dân tỉnh	10	1,35 %
9	Bảo hiểm xã hội tỉnh	149	20,14 %
10	Cục Quản lý thị trường tỉnh	25	3,38 %
11	Chi cục Hải quan Cửa khẩu Cảng tỉnh	19	2,57 %
12	Công an tỉnh	11	1,49 %
13	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	16	2,16 %
14	Sở Y tế	42	5,68 %
15	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	11	1,49 %
16	Sở Khoa học và Công nghệ	11	1,49 %
17	Sở Tư pháp	13	1,76 %
18	Sở Giáo dục và Đào tạo	12	1,62 %
19	Sở Tài chính	10	1,35 %
20	Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh	11	1,49 %

STT	Tên Sở, ban, ngành cơ quan cấp tỉnh	Số phiếu trả lời	Tỷ lệ %
21	Cục Thuế tỉnh	127	17,16 %
	TỔNG	740	100 %

2.2. Mẫu khảo sát DDCI khối địa phương:

Mẫu khảo sát DDCI năm 2023 cho khối địa phương phản ánh đầy đủ các yếu tố về địa lý, kinh tế - xã hội và đặc trưng riêng của từng khu vực. Phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên phân tầng đồng tỷ lệ được áp dụng cho mỗi huyện, thị xã, thành phố, nhằm đảm bảo tính đại diện cho các nhóm cơ sở sản xuất kinh doanh (doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh) theo tỷ lệ tương ứng về số lượng và ngành nghề. Với số phiếu hợp lệ thu được là 478/1.218 phiếu (chiếm 39,2%). Chi tiết về phân bổ số lượng phiếu thu được thể hiện tại Bảng 1.2.

Bảng 1. 2 Thống kê số phiếu hợp lệ của các huyện, thị xã, thành phố

STT	Tên huyện, thị xã, thành phố	Số phiếu trả lời	Tỷ lệ %
1	Huyện Đức Linh	26	5,44 %
2	Huyện Hàm Tân	28	5,86 %
3	Huyện Hàm Thuận Bắc	34	7,11 %
4	Huyện Hàm Thuận Nam	19	3,97 %
5	Huyện Phú Quý	19	3,97 %
6	Huyện Tánh Linh	24	5,02 %
7	Huyện Tuy Phong	28	5,86 %
8	Huyện Bắc Bình	39	8,16 %
9	Thị xã La Gi	72	15,06 %
10	Thành phố Phan Thiết	189	39,54 %
	TỔNG	478	100 %

3. Phương pháp và cách tính chỉ số DDCI Bình Thuận năm 2023:

3.1 Tính điểm các tiêu chí:

Điểm số DDCI năm 2023 được tính dựa trên áp dụng công thức quy đổi điểm số các tiêu chí trong mỗi chỉ số thành phần từ tỷ lệ (%) thành điểm số trên thang điểm 10. Đây là công thức chuẩn đang được VCCI sử dụng để tính điểm Chỉ số PCI. Công thức quy đổi điểm sẽ đánh giá đối với các đơn vị có tỷ lệ (%) cao nhất sẽ đạt điểm tuyệt đối (10 điểm); các đơn vị có tỷ lệ (%) thấp nhất sẽ đạt điểm thấp nhất (1 điểm); các đơn vị khác trong nhóm xếp hạng sẽ được xếp điểm tương ứng với tỷ lệ (%) từ cao xuống thấp. Đối với khảo sát Chỉ số DDCI 2023 các tiêu chí đều là tiêu chí thuận (tức là điểm tiêu chí càng cao thì phản ánh chất lượng điều hành càng tốt). Công thức chuẩn hóa điểm số các tiêu chí như sau:

$$\text{Điểm của cơ quan/đơn vị Z} = 1 + 9 * \frac{X - \text{min}}{\text{max} - \text{min}}$$

Trong đó:

- + X là giá trị của đơn vị Z.
- + Min: Điểm thấp nhất trong tổng số đơn vị được đánh giá.
- + Max: Điểm cao nhất trong tổng số đơn vị được đánh giá.

Ví dụ: Tiêu chí % doanh nghiệp hài lòng về thái độ, ứng xử của cán bộ tại bộ phận một cửa. Đây là tiêu chí thuận, giá trị của đơn vị Z là 40%; đơn vị tốt nhất tại tiêu chí này đạt 60%; đơn vị thấp nhất là 17%. Theo đó, điểm quy chuẩn của đơn vị Z ở tiêu chí này đạt: $1+9*(40-17)/(60-17) = 5,81$ điểm. Đơn vị đạt điểm cao nhất (trong trường hợp này là 60%) được 10 điểm; đơn vị đạt điểm thấp nhất (trong trường hợp này là 17%) chỉ được 1 điểm.

3.2 Tính điểm chỉ số thành phần:

Công thức chuẩn hóa điểm số các chỉ số thành phần (điểm tối đa là 10 và điểm tối thiểu là 1):

Chỉ số thành phần = Trung bình cộng điểm các tiêu chí trong chỉ số thành phần.
Ví dụ: Chỉ số thành phần Văn hóa giao tiếp, cơ sở vật chất của đơn vị Z gồm 04 tiêu chí với điểm số: TC1 = 4,23 điểm; TC2 = 5,51 điểm; TC3 = 6,99 điểm; TC4 = 4,25 điểm.
Điểm số chỉ số thành phần = $(4,23 + 5,51 + 6,99 + 4,25)/4 = 5,25$ điểm.

3.3 Tính điểm DDCI (có gán trọng số):

Chỉ số DDCI được xác định dựa trên điểm số của các chỉ số thành phần, được chuẩn hóa theo thang điểm 100. Để tính toán DDCI tổng hợp, mỗi chỉ số thành phần được gán một trọng số tương ứng, phản ánh mức độ đóng góp của nó đối với sự phát triển của khu vực kinh tế tư nhân. Việc xác định trọng số dựa trên tham khảo từ PCI và đánh giá mức độ ưu tiên của từng chỉ số trong việc cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh của tỉnh. Trọng số được làm tròn và chia thành các mức: 5%, 10%, 15%, 20%, trong đó, các chỉ số tác động lớn nhất đến hoạt động điều hành và cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh được ưu tiên trọng số cao hơn. Chi tiết về trọng số của các chỉ số thành phần thuộc khối SBN và khối địa phương được trình bày tại Bảng 1.3 và Bảng 1.4. Cần lưu ý rằng, phương pháp xếp loại DDCI sẽ được điều chỉnh linh hoạt qua từng năm, phụ thuộc vào mục tiêu và yêu cầu cụ thể của từng cuộc khảo sát, đánh giá.

Bảng 1. 3 Chỉ số thành phần của khối SBN

STT	Chỉ số thành phần	Trọng số (%)
1	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	10
2	Tính năng động và hiệu lực thi hành của sở ban ngành/chính quyền địa phương	10
3	Chi phí thời gian	15
4	Chi phí không chính thức	15
5	Cạnh tranh bình đẳng	10
6	Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp	20
7	Thiết chế pháp lý	10
8	Ứng dụng công nghệ thông tin và triển khai chuyển đổi số	10
TỔNG		100

Bảng 1. 4 Chỉ số thành phần của khối địa phương

STT	Chỉ số thành phần	Trọng số (%)
1	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	10
2	Tính năng động và hiệu lực thi hành của sở ban ngành/chính quyền địa phương	5
3	Chi phí thời gian	10
4	Chi phí không chính thức	15
5	Cạnh tranh bình đẳng	10
6	Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp	20
7	Thiết chế pháp lý	10
8	Ứng dụng công nghệ thông tin và triển khai chuyển đổi số	10
9	Tiếp cận đất đai	10
TỔNG		100

Công thức tính điểm DDCI (có gắn trọng số):

Điểm số DDCI (có trọng số) = (Chỉ số 1 x trọng số % + Chỉ số 2 x trọng số % + ... + Chỉ số 09 x trọng số %) x 09

Ví dụ: DDCI của đơn vị Z = (5,27 x 10% + 6,33 x 15% + 7,52 x 10% + 5,14 x 5% + 9,22 x 10% + 8,21 x 15% + 6,25 x 10% + 7,66 x 15% + 4,28 x 10%) x 9 = 61,57 điểm.

3.4. Xếp hạng Chỉ số DDCI:

Căn cứ theo điểm số từ cao xuống thấp, đơn vị nào có điểm số cao xếp trên, điểm

số thấp xếp dưới trong bảng xếp hạng. Điểm số DDCI là cơ sở để xác định mức xếp hạng đối với cơ quan, đơn vị (Bảng 1.5).

Bảng 1.5 Mức xếp hạng chỉ số DDCI Bình Thuận năm 2023

STT	Mức xếp hạng	Điểm số DDCI đạt được (Thang điểm 100)
1	Rất Tốt	DDCI \geq 80 điểm
2	Tốt	70 điểm \leq DDCI $<$ 80 điểm
3	Khá	60 điểm \leq DDCI $<$ 70 điểm
4	Trung bình	50 điểm \leq DDCI $<$ 60 điểm
5	Tương đối thấp	30 điểm \leq DDCI $<$ 50 điểm
6	Rất thấp	DDCI $<$ 30 điểm

Trường hợp các cơ quan, đơn vị trong nhóm xếp hạng có điểm số DDCI bằng nhau thì sẽ dùng điểm chỉ số thành phần theo thứ tự ưu tiên chỉ số thành phần có trọng số cao hơn để xếp hạng. Các cơ quan, đơn vị điểm chỉ số thành phần có trọng số lớn nhất cao hơn sẽ xếp hạng bên trên.

3.5. Phương pháp khảo sát:

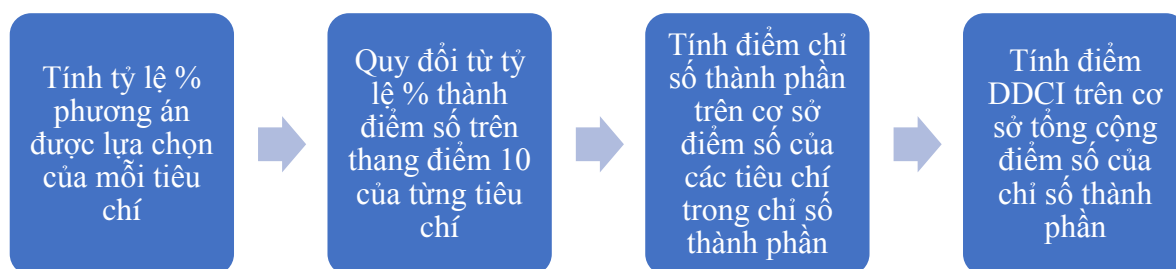
Phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên là điều kiện tiên quyết cho việc đo lường các kết quả đánh giá bằng cách xác định đối chứng phù hợp. Các doanh nghiệp được khảo sát và được chọn xác suất theo phương pháp ngẫu nhiên phân tầng. Các doanh nghiệp khảo sát thuộc mọi thành phần, được phân bố đồng đều theo tỷ lệ phù hợp tương ứng với lĩnh vực hoạt động, địa phương thực hiện khảo sát.

Quy trình tổng hợp kết quả khảo sát sẽ được thực hiện trực tuyến trên nền tảng Cloud, không có sự tác động của bất kỳ cá nhân, tổ chức nào từ bên ngoài để đảm bảo kết quả khảo sát được tổng hợp chính xác và khách quan (cụ thể về quy trình và chọn mẫu xem Phụ lục 3).

Về cách tính điểm Chỉ số DDCI trong năm 2023, phương pháp tổng hợp điểm kết quả khảo sát và xếp hạng DDCI được áp dụng theo phương pháp tổng hợp điểm của Chỉ số PCI. Phương pháp tính điểm này sẽ giúp tạo sự phân hóa về điểm số rõ nét hơn giữa các đơn vị trong nhóm xếp hạng, qua đó có thể nhìn nhận được những kết quả trong công tác cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh mà mỗi đơn vị đã đạt được, đồng thời cũng chỉ ra được những mặt còn tồn tại, hạn chế cần cải thiện. Chính vì vậy, với cách tính điểm này, khoảng cách điểm số giữa vị trí đầu bảng và cuối bảng có thể chênh lệch lớn.

Mỗi đơn vị khi tham gia khảo sát sẽ được đánh giá dựa trên chỉ số thành phần tương ứng với các tiêu chí (câu hỏi). Mỗi tiêu chí (câu hỏi) sẽ được thiết kế theo hình thức trả lời trắc nghiệm lựa chọn phương án. Tỷ lệ % lựa chọn phương án của mỗi tiêu chí (câu hỏi) sẽ được dùng để quy thành điểm số trên thang điểm 10 của từng tiêu chí. Các tiêu chí sẽ được tổng hợp điểm thành điểm của chỉ số thành phần. Từ điểm của các chỉ số thành phần tổng cộng thành điểm DDCI của mỗi đơn vị, cụ thể quy trình như sau:

Hình 1. 1 Quy trình tổng hợp điểm DDCI năm 2023



Ví dụ về tính điểm chỉ số Chi phí thời gian khi giải quyết công việc, thủ tục hành chính của các địa phương theo Bảng 1. 6:

Bảng 1. 6 Ví dụ về chuẩn hoá điểm số theo thang điểm 10

Tên đơn vị	DN/HTX/HKD có thể giải quyết công việc, thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến hoặc dịch vụ bưu chính công ích theo quy định khi có yêu cầu được không? (A. Luôn luôn; B. Thường xuyên; C. thỉnh thoảng; D. Không bao giờ)	
	Tỷ lệ %	Điểm số
A	93,15	10
B	88,51	8,4
C	89,58	8,77
D	85,45	7,34
E	84,21	6,91
F	87,25	7,96
G	67,11	1
Cao nhất	93,15	10
Thấp nhất	67,11	1
Trung vị	80,13	5,5

Như vậy, đơn vị A có 93,15% doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh cho rằng công việc, thủ tục hành chính luôn được giải quyết sớm hơn so với giấy hẹn hoặc đúng theo giấy hẹn; 93,15% cho rằng có thể luôn luôn hoặc thường xuyên giải quyết công việc, thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến hoặc dịch vụ bưu chính công ích. Từ tỷ lệ % phương án của mỗi tiêu chí được lựa chọn, sẽ áp dụng công thức để chuẩn hoá điểm theo hệ số 10 như sau:

$$\text{Điểm chuẩn hoá} = 9 * \frac{\text{Điểm của đơn vị đánh giá} - \text{Điểm nhỏ nhất}}{\text{Điểm lớn nhất} - \text{Điểm nhỏ nhất}} + 1$$

$$\text{VD: về điểm chuẩn hoá của đơn vị B trong Bảng 1.6} = 9 * \frac{88,51 - 67,11}{93,15 - 67,11} + 1 = 8,4.$$

IV. TỔNG QUAN VỀ DOANH NGHIỆP, HỢP TÁC XÃ VÀ HỘ KINH DOANH THAM GIA KHẢO SÁT CHỈ SỐ DDCI BÌNH THUẬN NĂM 2023

Khảo sát DDCI dựa trên ý kiến của DN, HTX, HKD thuộc mọi thành phần kinh tế, ngành nghề kinh doanh đang đầu tư sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh. Mẫu khảo sát DDCI được xác định danh sách do các SBN, Trung tâm hành chính công cung cấp

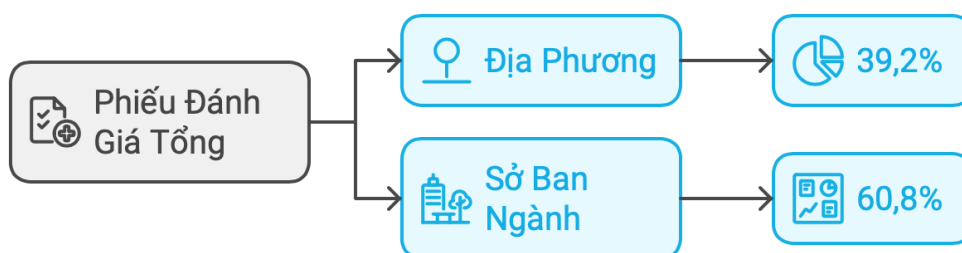
và thông tin từ các Hội, Hiệp hội doanh nghiệp/ngành nghề trên địa bàn tỉnh Bình Thuận.

Đối với DDCI Bình Thuận năm 2023, DN, HTX, HKD khi được lựa chọn thì mẫu khảo sát sẽ được cấp riêng một “**mã khảo sát**” của đơn vị mình và mời tham gia khảo sát trên hệ thống. Khi đó, DN, HTX, HKD có thể sử dụng “**mã khảo sát**” này để đánh giá chung cho cả SBN và chính quyền địa phương. Chính vì vậy, cơ cấu mẫu sẽ được chia theo địa phương để làm căn cứ chọn DN, HTX, HKD. Căn cứ vào số lượng doanh nghiệp dự kiến khảo sát trong DDCI Bình Thuận năm 2023, cơ cấu và số lượng DN, HTX, HKD trên toàn tỉnh Bình Thuận được khảo sát theo Bảng 1. 7 và Hình 1.2:

Bảng 1. 7 Số phiếu khảo sát DDCI Bình Thuận 2023

	Tổng số phiếu khảo sát
Số DN/HTX/HKD tham gia khảo sát	2.000
Số phiếu thu về hợp lệ	1.218

Hình 1. 2 Cơ cấu phiếu đánh giá SBN và địa phương trong DDCI Bình Thuận năm 2023 (%)



Số lượng DN, HTX, HKD (dự kiến) tham gia khảo sát là 2.000 trong đó: (i) doanh nghiệp là 1.500 (chiếm 75%); (ii) Hợp tác xã là 200 (chiếm 10%) và (iii) hộ kinh doanh 300 (chiếm 15%) theo Hình 1.3:

Hình 1. 3 Cơ cấu doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh được lựa chọn khảo sát trong DDCI Bình Thuận năm 2023 (%)



Sau thời gian triển khai, DDCI Bình Thuận năm 2023 đạt mục tiêu kế hoạch đề ra với 1.218 lượt DN, HTX, HKD phản hồi.

Với mục tiêu thúc đẩy chuyển đổi số trong hoạt động hành chính công, khảo sát

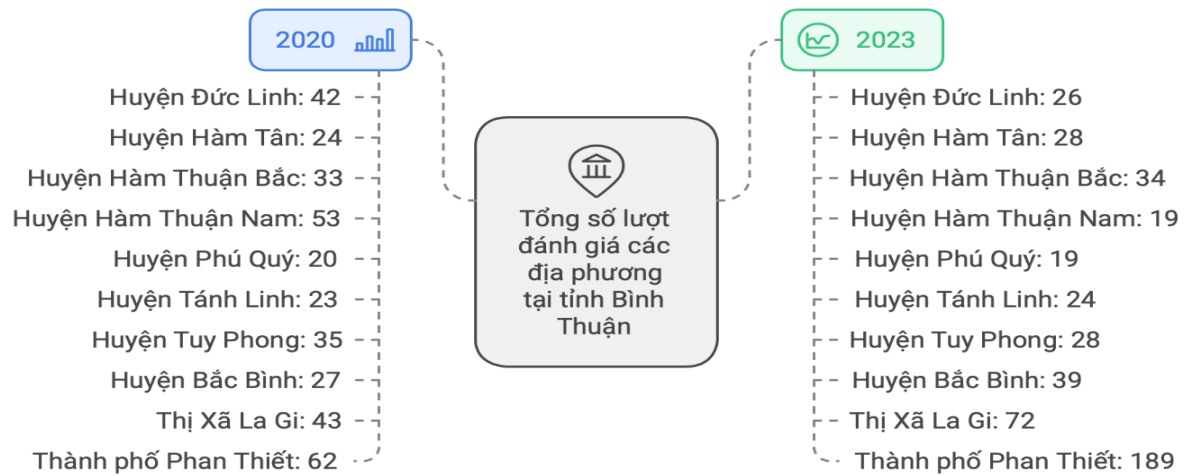
DDCI Bình Thuận năm 2023 sử dụng công nghệ khảo sát trực tuyến là chính, mỗi DN, HTX, HKD cùng đánh giá SBN và địa phương sẽ tương ứng với cùng “**mã khảo sát**”; với 1.218 phiếu thu về (740 phiếu đánh giá SBN và 478 phiếu đánh giá các địa phương). Khảo sát DDCI Bình Thuận năm 2023 thực hiện với 21 SBN, trong đó 05 SBN mới đưa vào khảo sát nên không có số liệu so sánh với năm 2020 theo Bảng 1.8:

Bảng 1. 8 Tổng số lượt phản hồi khối SBN tại tỉnh Bình Thuận năm 2020 và năm 2023

TT	Tên sở, ban, ngành	Năm 2020	Năm 2023
1	Sở Kế hoạch và Đầu tư	94	130
2	Sở Khoa học và Công nghệ	31	11
3	Bảo hiểm xã hội tỉnh	90	149
4	Sở Giao thông vận tải	35	18
5	Cục Thuế tỉnh	88	127
6	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	50	16
7	Sở Lao động – Thương binh và Xã hội	70	11
8	Chi cục Hải quan Cửa khẩu Cảng tỉnh	22	19
9	Cục Quản lý thị trường tỉnh	29	25
10	Sở Công thương	98	28
11	Công an tỉnh	46	11
12	Sở Xây dựng	95	20
13	Sở Y tế	42	42
14	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	38	29
15	Sở Tài nguyên và Môi trường	52	35
16	Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh	21	11
17	Tòa án nhân dân tỉnh		10
18	Sở Tư pháp		13
19	Sở Tài chính		10
20	Sở Thông tin và Truyền thông		13
21	Sở Giáo dục và Đào tạo		12

Kết quả số phiếu phản hồi cho đợt khảo sát DDCI 2023 khối địa phương theo Hình 1.4:

Hình 1. 4 Tổng số lượt phản hồi khối địa phương tại tỉnh Bình Thuận năm 2020 và năm 2023

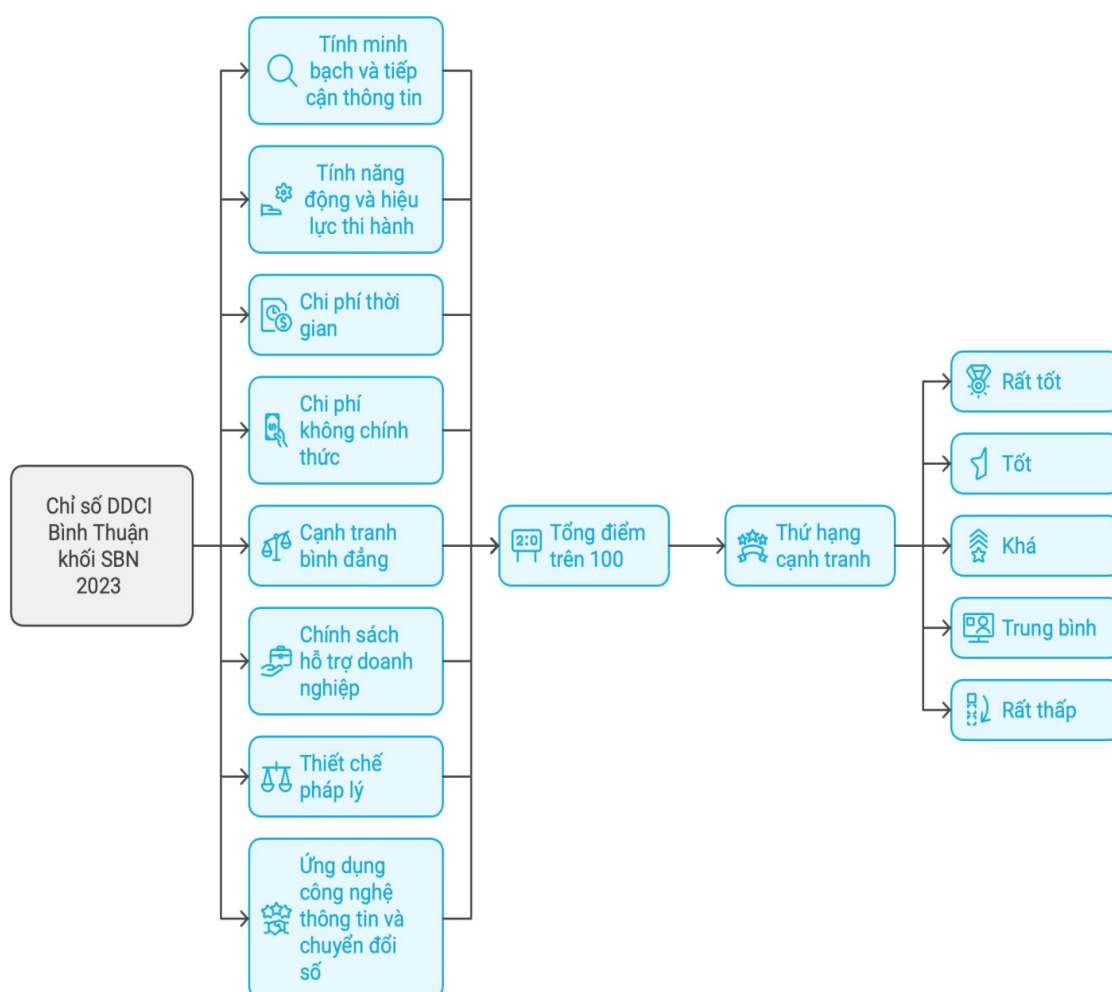


CHƯƠNG II. CHỈ SỐ NĂNG LỰC CẠNH TRANH CẤP SỞ, BAN, NGÀNH

I. XẾP HẠNG DDCI BÌNH THUẬN NĂM 2023 KHỐI SBN

Chỉ số DDCI khối SBN là một công cụ đánh giá quan trọng được phát triển để đo lường và đánh giá sự phát triển kinh tế, cũng như mức độ cạnh tranh của các doanh nghiệp trong nhiều lĩnh vực tại tỉnh Bình Thuận. Đây cũng là một công cụ quan trọng giúp các SBN hiểu rõ hơn về những khó khăn và cơ hội mà doanh nghiệp đang phải đối mặt, từ đó có thể đưa ra các chính sách và giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp phù hợp nhằm thúc đẩy sự phát triển và cạnh tranh trong lĩnh vực kinh doanh. Chỉ số DDCI Bình Thuận năm 2023 được xây dựng dựa trên 8 chỉ tiêu chính và kết quả được chia thành 5 nhóm thứ hạng để đánh giá chi tiết cho từng SBN.

Hình 2. 1 Chỉ số DDCI Bình Thuận năm 2023 khối SBN



1. Kết quả tổng hợp DDCI Bình Thuận năm 2023 khối SBN

Căn cứ vào kết quả khảo sát, bảng xếp hạng DDCI Bình Thuận năm 2023 khối SBN được chia thành 4 nhóm. Trong đó, có 11/21 cơ quan xếp ở nhóm Tốt, 6/21 cơ quan xếp ở nhóm Khá, 3/21 cơ quan xếp ở nhóm Trung bình và 1/21 cơ quan xếp ở nhóm Tương đối thấp.

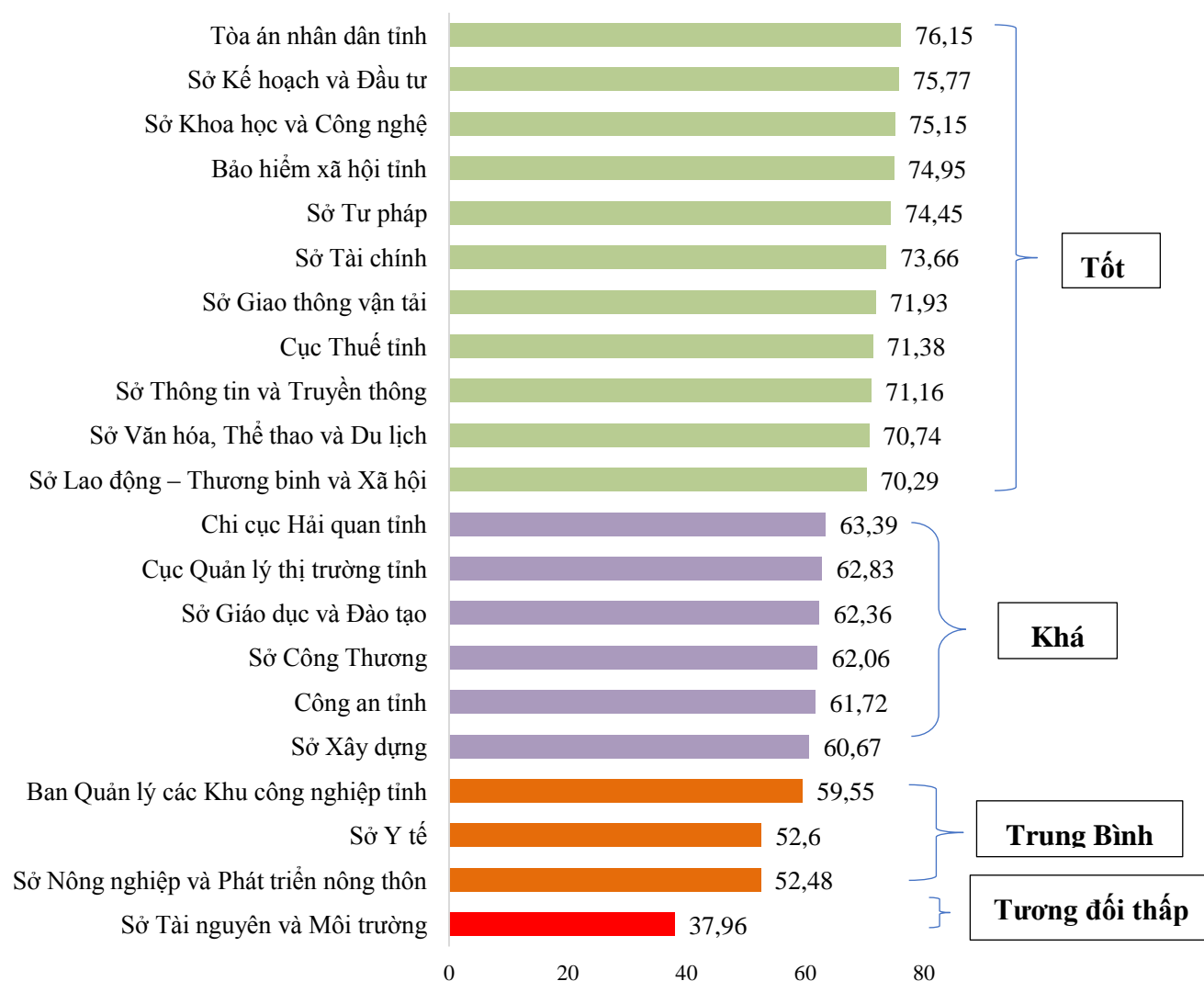
Điểm trung bình của khối SBN năm 2023 là 65,77 điểm, giảm nhẹ so với năm

2020 là 70,50 điểm, cho thấy năng lực cạnh tranh của các SBN có sự sụt giảm so với năm 2020. Trên thực tế, hầu hết các SBN đều giảm điểm số, phản ánh các SBN cần nỗ lực hơn nữa trong việc nâng cao hiệu quả hoạt động, hướng đến mục tiêu xây dựng chính quyền phục vụ. Về điểm số, so với năm 2020, điểm số chỉ số DDCI Bình Thuận năm 2023 chỉ ghi nhận tăng ở 3/16 cơ quan, nhưng giảm ở 13/16 cơ quan. Về xếp hạng, năm 2023 ghi nhận 4/16 cơ quan có sự cải thiện về vị trí, 1/16 cơ quan giữ nguyên vị trí và 11/16 cơ quan sụt giảm về vị trí trên bảng xếp hạng.

Kết quả trên đã phản ánh nỗ lực của các sở, ban, ngành trong việc nâng cao năng lực quản lý, điều hành, hướng đến xây dựng chính quyền kiến tạo, phục vụ người dân và doanh nghiệp. Sự thay đổi về thứ hạng và điểm số cho thấy tinh thần cầu thị, đổi mới, năng động của các đơn vị, góp phần tạo dựng môi trường đầu tư kinh doanh minh bạch, hiệu quả, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Bình Thuận.

Với thang điểm tối đa là 100 điểm, điểm tổng hợp Chỉ số DDCI khối SBN năm 2023 và thứ hạng tương ứng của các SBN được trình bày cụ thể theo Hình 2.2 và Bảng 2.1.

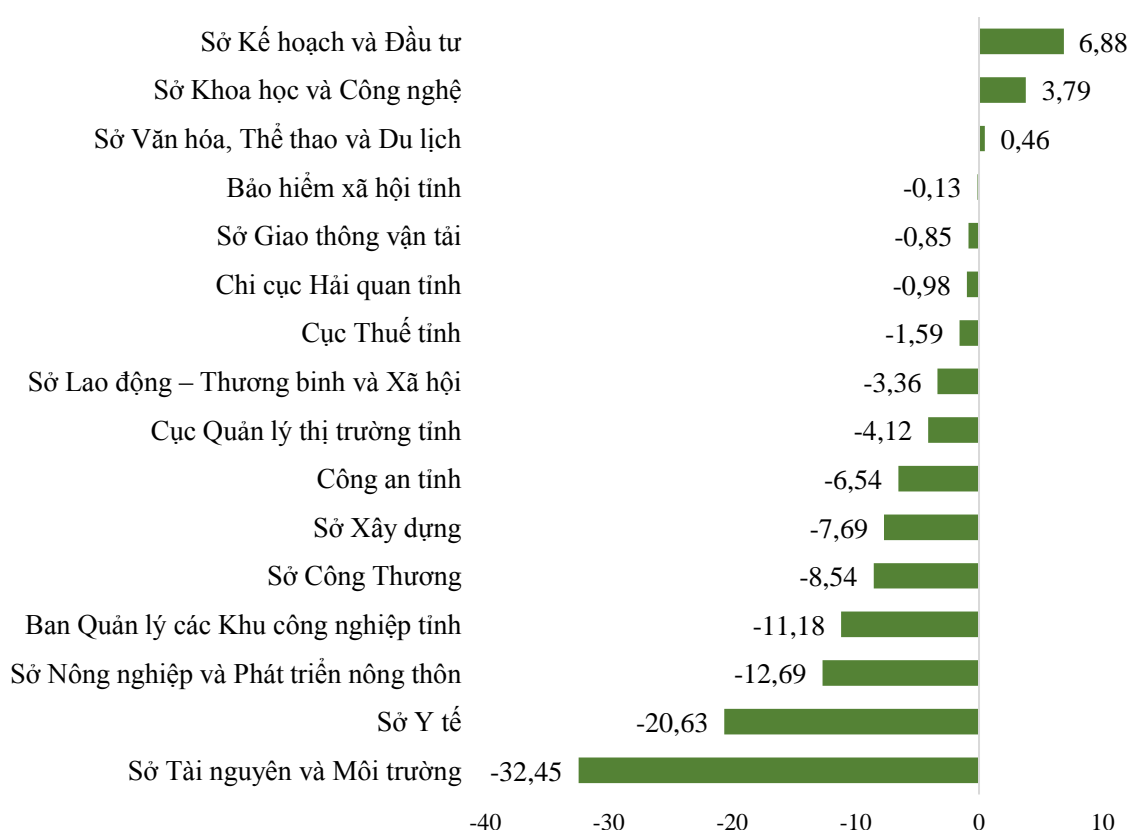
Hình 2. 2 Xếp hạng và điểm số chỉ số DDCI Bình Thuận năm 2023 khối SBN



Trên bảng xếp hạng năm 2023, trong Top 10 cơ quan dẫn đầu về điểm số DDCI năm 2023 có tới 4/5 cơ quan mới đưa vào xếp hạng năm 2023, cho thấy những cơ quan mới được đưa vào xếp hạng đều có điểm số vượt trội. Dẫn đầu bảng xếp hạng chỉ số DDCI Bình Thuận năm 2023 khối SBN là Tòa án nhân dân tỉnh với 76,15 điểm. Vị trí thứ hai thuộc về Sở Kế hoạch và Đầu tư với 75,77 điểm (tăng 6,88 điểm và tăng 9 bậc so với năm 2020). Sở Khoa học và Công nghệ xếp ở vị trí thứ ba với 75,15 điểm (tăng 3,79 điểm và tăng 3 bậc so với năm 2020). Giảm 3 bậc và đứng ở vị trí thứ tư là Bảo hiểm xã hội tỉnh với 74,95 điểm (giảm nhẹ 0,13 điểm và giảm 3 bậc so với năm 2020). Hai cơ quan mới được đưa vào đánh giá năm 2023 là Sở Tư pháp và Sở Tài chính lần lượt đứng ở vị trí thứ năm và thứ sáu tương ứng là 74,45 điểm và 73,66 điểm. Giảm tương ứng 2 bậc và 4 bậc, giữ các vị trí thứ bảy và thứ tám là Sở Giao thông vận tải và Cục Thuế tỉnh với 71,93 điểm và 71,38 điểm (giảm 0,85 điểm và 1,59 điểm so với năm 2020). Với 71,16 điểm, Sở Thông tin và Truyền thông (cơ quan mới được đưa vào đánh giá) xếp ở vị trí thứ chín. Giữ nguyên vị trí thứ mười là Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch với 70,74 điểm (tăng nhẹ 0,46 điểm so với năm 2020). Bám sát ở vị trí thứ 11 trên bảng xếp hạng là Sở Lao động, Thương binh và Xã hội với 70,29 điểm (giảm 3,36 điểm và giảm 9 bậc so với năm 2020). Đây là những cơ quan có điểm số năng lực cạnh tranh năm 2023 cao hơn mức trung bình (65,77 điểm).

Trên bảng xếp hạng năm 2023 giữ vị trí thứ 12 và 13 trên bảng xếp hạng năm 2023 là Chi cục Hải quan Cửa khẩu Cảng tỉnh và Cục Quản lý Thị trường tỉnh lần lượt tăng 4 bậc và 1 bậc, với 63,39 điểm và 62,83 điểm (giảm tương ứng 0,98 điểm và 4,12 điểm so với năm 2020). Mới được đưa vào đánh giá, Sở Giáo dục và Đào tạo đứng ở vị trí thứ 14, với 62,36 điểm. Vị trí thứ 15 thuộc về Sở Công Thương với 62,06 điểm (giảm 8,54 điểm và giảm 7 bậc so với năm 2020). Công an tỉnh và Sở Xây dựng là các cơ quan đứng thứ 16 và 17 (giảm 3 bậc và 5 bậc so với năm 2020), với điểm số là 61,72 điểm và 60,67 điểm (giảm 6,54 điểm và 7,69 điểm so với năm 2020). Giảm mạnh 11 bậc và 16 bậc, Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh và Sở Y tế đứng ở vị trí thứ 18 và 19 với 59,55 điểm và 52,6 điểm (giảm 11,18 điểm và 20,63 điểm so với năm 2020). Giảm 12,69 điểm và giảm 5 bậc, Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn đứng ở vị trí thứ 20 với 52,48 điểm. Vị trí cuối cùng là Sở Tài nguyên và Môi trường với 37,96 điểm (giảm mạnh 32,45 điểm) và giữ khoảng cách khá xa về điểm so với cơ quan liền kề phía trên.

Hình 2. 3 Mức độ cải thiện điểm số DDCI của khối SBN 2023 so với năm 2020



Năm 2023 chứng kiến sự chênh lệch lớn về điểm số giữa các cơ quan (38,19 điểm) và có xu hướng tăng mạnh so với năm 2020 (10,71 điểm), thể hiện sự khác biệt ngày càng rõ rệt giữa các cơ quan khi so sánh về năng lực cạnh tranh năm 2023. Trong số 16 cơ quan được phân tích, đánh giá và xếp hạng năm 2020, bên cạnh sự giảm mạnh về điểm số của Sở Tài nguyên và Môi trường và Sở Y tế, có các cơ quan (Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch) ghi nhận mức độ cải thiện so với năm 2020.

So với năm 2020 có 5/16 cơ quan ghi nhận số lượng chỉ số thành phần tăng nhiều hơn số lượng chỉ số thành phần giảm (Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Khoa học và Công nghệ, Cục Thuế tỉnh, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Cục Quản lý thị trường tỉnh); 3/16 cơ quan có số lượng chỉ số thành phần tăng và giảm bằng nhau (Bảo hiểm xã hội tỉnh, Sở Giao thông vận tải, Sở Lao động, Thương binh và Xã hội); 8/16 cơ quan có số lượng chỉ số thành phần giảm nhiều hơn chỉ số thành phần tăng (Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Y tế, Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh...). Điểm số và kết quả xếp hạng chi tiết đối với các chỉ số thành phần DDCI Bình Thuận năm 2023 của khối SBN được thể hiện ở Bảng 2.1 và Bảng 2.2.

Bảng 2. 1 Điểm số DDCI khối SBN năm 2023 so với năm 2020

TT	Đơn vị SBN	DDCI 2020	DDCI 2023	Nhóm	Chỉ số tăng	Chỉ số giảm
1	Tòa án nhân dân tỉnh	-	76,15	Tốt	-	-
2	Sở Kế hoạch và Đầu tư	68,89	75,77	Tốt	7	1

3	Sở Khoa học và Công nghệ	71,36	75,15	Tốt	6	2
4	Bảo hiểm xã hội tỉnh	75,08	74,95	Tốt	4	4
5	Sở Tư pháp	-	74,45	Tốt	-	-
6	Sở Tài chính	-	73,66	Tốt	-	-
7	Sở Giao thông vận tải	72,78	71,93	Tốt	4	4
8	Cục Thuế tỉnh	72,97	71,38	Tốt	5	3
9	Sở Thông tin và Truyền thông	-	71,16	Tốt	-	-
10	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	70,28	70,74	Tốt	5	3
11	Sở Lao động – Thương binh và Xã hội	73,65	70,29	Tốt	4	4
12	Chi cục Hải quan Cửa khẩu Cảng tỉnh	64,37	63,39	Khá	3	5
13	Cục Quản lý thị trường tỉnh	66,95	62,83	Khá	5	3
14	Sở Giáo dục và Đào tạo	-	62,36	Khá	-	-
15	Sở Công thương	70,60	62,06	Khá	2	6
16	Công an tỉnh	68,26	61,72	Khá	2	6
17	Sở Xây dựng	68,36	60,67	Khá	3	5
18	Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh	70,73	59,55	Trung Bình	1	7
19	Sở Y tế	73,23	52,6	Trung Bình	1	7
20	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	65,17	52,48	Trung Bình	2	6
21	Sở Tài nguyên và Môi trường	70,41	37,96	Tương đối thấp	1	7

Bảng 2. 2 Xếp hạng và các chỉ số thành phần DDCI Bình Thuận năm 2023 khối SBN

TT	Sở, ban, ngành	Xếp hạng	Kết quả chi tiết chỉ số thành phần		
			Chỉ số thành phần	Điểm số	Xếp hạng
1	Tòa án nhân dân tỉnh	1 - Tốt	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	10	1
			Tính năng động và hiệu lực thi hành của SBN	8,99	3
			Chi phí thời gian	7,26	8
			Chi phí không chính thức	7,37	13
			Cạnh tranh bình đẳng	9,17	6
			Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp	5,5	1
			Thiết chế pháp lý	5,39	8

TT	Sở, ban, ngành	Xếp hạng	Kết quả chi tiết chỉ số thành phần		
			Chi số thành phần	Điểm số	Xếp hạng
			Ứng dụng công nghệ thông tin và triển khai chuyên đổi số	9,65	2
2	Sở Kế hoạch và Đầu tư	2 - Tốt	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	8,99	5
			Tính năng động và hiệu lực thi hành của SBN	8,58	6
			Chi phí thời gian	7,88	2
			Chi phí không chính thức	8,22	4
			Cạnh tranh bình đẳng	8,71	10
			Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp	4,69	16
			Thiết chế pháp lý	6,49	1
			Ứng dụng công nghệ thông tin và triển khai chuyên đổi số	9,47	4
3	Sở Khoa học và Công nghệ	3 - Tốt	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	10	1
			Tính năng động và hiệu lực thi hành của SBN	9,54	1
			Chi phí thời gian	8,2	1
			Chi phí không chính thức	6,86	15
			Cạnh tranh bình đẳng	8,79	8
			Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp	5,5	1
			Thiết chế pháp lý	3,53	12
			Ứng dụng công nghệ thông tin và triển khai chuyên đổi số	9,7	1
4	Bảo hiểm xã hội tỉnh	4 - Tốt	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	8,47	8
			Tính năng động và hiệu lực thi hành của SBN	8,11	11
			Chi phí thời gian	6,97	10
			Chi phí không chính thức	8,98	1
			Cạnh tranh bình đẳng	8,09	14
			Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp	5,5	1
			Thiết chế pháp lý	6,15	5
			Ứng dụng công nghệ thông tin và triển khai chuyên đổi số	9,2	7
5	Sở Tư pháp	5 - Tốt	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	7,75	13
			Tính năng động và hiệu lực thi hành của SBN	8,85	4
			Chi phí thời gian	7,84	3
			Chi phí không chính thức	8,27	2
			Cạnh tranh bình đẳng	10	1
			Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp	5,5	1
			Thiết chế pháp lý	3,34	15
			Ứng dụng công nghệ thông tin và triển khai chuyên đổi số	9,34	5
6		6	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	9,18	4

TT	Sở, ban, ngành	Xếp hạng	Kết quả chi tiết chỉ số thành phần		
			Chi số thành phần	Điểm số	Xếp hạng
	Sở Tài chính	- Tốt	Tính năng động và hiệu lực thi hành của SBN	7,19	13
			Chi phí thời gian	6,8	12
			Chi phí không chính thức	7,75	7
			Cạnh tranh bình đẳng	10	1
			Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp	5,5	1
			Thiết chế pháp lý	5,39	7
			Ứng dụng công nghệ thông tin và triển khai chuyển đổi số	9,07	10
7	Sở Giao thông vận tải	7 - Tốt	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	8,25	9
			Tính năng động và hiệu lực thi hành của SBN	6,75	15
			Chi phí thời gian	7,43	7
			Chi phí không chính thức	8,12	6
			Cạnh tranh bình đẳng	8,8	7
			Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp	5,5	1
			Thiết chế pháp lý	6,32	4
Ứng dụng công nghệ thông tin và triển khai chuyển đổi số	7,48	15			
8	Cục Thuế tỉnh	8 - Tốt	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	7,35	14
			Tính năng động và hiệu lực thi hành của SBN	8,28	7
			Chi phí thời gian	7,49	6
			Chi phí không chính thức	8,12	5
			Cạnh tranh bình đẳng	7,4	18
			Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp	4,67	17
			Thiết chế pháp lý	6,48	2
Ứng dụng công nghệ thông tin và triển khai chuyển đổi số	9,11	9			
9	Sở Thông tin và Truyền thông	9 - Tốt	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	9,37	3
			Tính năng động và hiệu lực thi hành của SBN	8,84	5
			Chi phí thời gian	6,05	17
			Chi phí không chính thức	8,27	3
			Cạnh tranh bình đẳng	10	1
			Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp	5,5	1
			Thiết chế pháp lý	2,53	20
Ứng dụng công nghệ thông tin và triển khai chuyển đổi số	7,94	12			
10	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	10 - Tốt	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	8,17	11
			Tính năng động và hiệu lực thi hành của SBN	8,25	8
			Chi phí thời gian	7,03	9
			Chi phí không chính thức	7,65	8

TT	Sở, ban, ngành	Xếp hạng	Kết quả chi tiết chỉ số thành phần		
			Chi số thành phần	Điểm số	Xếp hạng
			Cạnh tranh bình đẳng	8,7	11
			Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp	5,5	1
			Thiết chế pháp lý	3,46	14
			Ứng dụng công nghệ thông tin và triển khai chuyên đổi số	9,14	8
11	Sở Lao động – Thương binh và Xã hội	11 - Tốt	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	8,21	10
			Tính năng động và hiệu lực thi hành của SBN	7,99	12
			Chi phí thời gian	7,77	4
			Chi phí không chính thức	7,61	10
			Cạnh tranh bình đẳng	9,24	5
			Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp	5,5	1
			Thiết chế pháp lý	5,58	6
			Ứng dụng công nghệ thông tin và triển khai chuyên đổi số	5,2	18
12	Chi cục Hải quan Cửa khẩu Cảng tỉnh	12 - Khá	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	5,71	17
			Tính năng động và hiệu lực thi hành của SBN	8,19	9
			Chi phí thời gian	7,7	5
			Chi phí không chính thức	6,09	19
			Cạnh tranh bình đẳng	3,53	21
			Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp	5,5	1
			Thiết chế pháp lý	6,35	3
			Ứng dụng công nghệ thông tin và triển khai chuyên đổi số	7,92	13
13	Cục Quản lý thị trường tỉnh	13 - Khá	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	8,08	12
			Tính năng động và hiệu lực thi hành của SBN	8,16	10
			Chi phí thời gian	6,51	13
			Chi phí không chính thức	7,39	12
			Cạnh tranh bình đẳng	7,88	15
			Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp	3,4	18
			Thiết chế pháp lý	3,24	16
			Ứng dụng công nghệ thông tin và triển khai chuyên đổi số	7,82	14
14	Sở Giáo dục và Đào tạo	14 - Khá	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	8,78	6
			Tính năng động và hiệu lực thi hành của SBN	9,16	2
			Chi phí thời gian	4,47	20
			Chi phí không chính thức	2,92	21
			Cạnh tranh bình đẳng	8,2	13
			Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp	5,5	1
			Thiết chế pháp lý	4,87	9

TT	Sở, ban, ngành	Xếp hạng	Kết quả chi tiết chỉ số thành phần		
			Chi số thành phần	Điểm số	Xếp hạng
			Ứng dụng công nghệ thông tin và triển khai chuyên đổi số	9,26	6
15	Sở Công thương	15 - Khá	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	5,39	19
			Tính năng động và hiệu lực thi hành của SBN	6,85	14
			Chi phí thời gian	5,39	18
			Chi phí không chính thức	6,18	18
			Cạnh tranh bình đẳng	8,22	12
			Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp	5,5	1
			Thiết chế pháp lý	4,87	9
			Ứng dụng công nghệ thông tin và triển khai chuyên đổi số	8,37	11
16	Công an tỉnh	16 - Khá	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	6,13	16
			Tính năng động và hiệu lực thi hành của SBN	5,42	19
			Chi phí thời gian	6,09	16
			Chi phí không chính thức	6,86	15
			Cạnh tranh bình đẳng	8,79	8
			Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp	5,5	1
			Thiết chế pháp lý	4,63	11
			Ứng dụng công nghệ thông tin và triển khai chuyên đổi số	6,32	16
17	Sở Xây dựng	17 - Khá	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	8,58	7
			Tính năng động và hiệu lực thi hành của SBN	6,15	17
			Chi phí thời gian	6,21	15
			Chi phí không chính thức	5,61	20
			Cạnh tranh bình đẳng	9,58	4
			Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp	2,88	19
			Thiết chế pháp lý	3,22	17
			Ứng dụng công nghệ thông tin và triển khai chuyên đổi số	9,65	2
18	Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh	18 - Trung Bình	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	5,34	20
			Tính năng động và hiệu lực thi hành của SBN	6,11	18
			Chi phí thời gian	6,94	11
			Chi phí không chính thức	7,06	14
			Cạnh tranh bình đẳng	7,44	17
			Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp	5,5	1
			Thiết chế pháp lý	3,53	12
			Ứng dụng công nghệ thông tin và triển khai chuyên đổi số	5,13	19
19	Sở Y tế	19	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	5,6	18

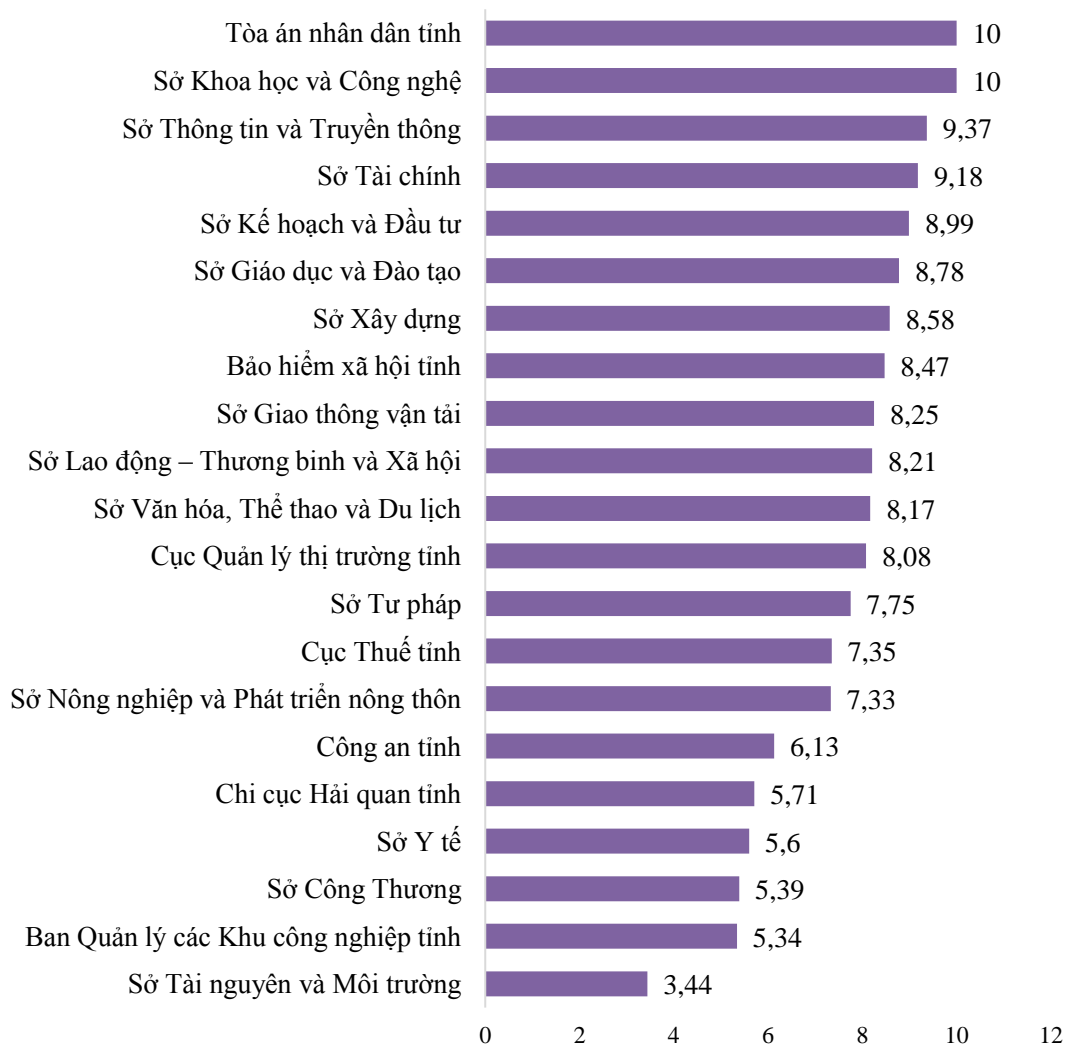
TT	Sở, ban, ngành	Xếp hạng	Kết quả chi tiết chỉ số thành phần		
			Chi số thành phần	Điểm số	Xếp hạng
		- Trung Bình	Tính năng động và hiệu lực thi hành của SBN	4,86	20
			Chi phí thời gian	4,98	19
			Chi phí không chính thức	7,55	11
			Cạnh tranh bình đẳng	6,24	19
			Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp	5,5	1
			Thiết chế pháp lý	1,64	21
			Ứng dụng công nghệ thông tin và triển khai chuyển đổi số	4,46	20
20	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	20 - Trung Bình	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	7,33	15
			Tính năng động và hiệu lực thi hành của SBN	6,3	16
			Chi phí thời gian	6,38	14
			Chi phí không chính thức	7,64	9
			Cạnh tranh bình đẳng	5,51	20
			Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp	1,88	20
			Thiết chế pháp lý	3,04	18
Ứng dụng công nghệ thông tin và triển khai chuyển đổi số	5,51	17			
21	Sở Tài nguyên và Môi trường	21 - Tương đối thấp	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	3,44	21
			Tính năng động và hiệu lực thi hành của SBN	3,82	21
			Chi phí thời gian	4	21
			Chi phí không chính thức	6,69	17
			Cạnh tranh bình đẳng	7,48	16
			Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp	1	21
			Thiết chế pháp lý	2,91	19
Ứng dụng công nghệ thông tin và triển khai chuyển đổi số	2,27	21			

2. Kết quả 8 chỉ số thành phần khối SBN

2.1. Chỉ số Tính minh bạch và tiếp cận thông tin của khối SBN

Điểm số trung bình của chỉ số thành phần Tính minh bạch và tiếp cận thông tin của khối SBN tại Bình Thuận năm 2023 đạt 7,62 điểm, có sự cải thiện so với mức 6,73 điểm năm 2020, cho thấy nỗ lực của các cơ quan tại Bình Thuận trong việc nâng cao sự minh bạch và khả năng tiếp cận thông tin của doanh nghiệp. Bên cạnh đó, sự khác biệt lớn về điểm số giữa các cơ quan năm 2023 (6,56 điểm), thể hiện mức độ khác biệt trong việc tiếp cận thông tin của doanh nghiệp giữa các cơ quan là rất lớn và có xu hướng tăng mạnh so với năm 2020 (1,17 điểm). Điều này cho thấy kết quả của việc nỗ lực giữa các cơ quan rất khác nhau, dẫn đến khoảng cách ngày càng xa giữa các cơ quan trong năm 2023.

Hình 2. 4 Xếp hạng Chỉ số Tính minh bạch và tiếp cận thông tin năm 2023 khối SBN



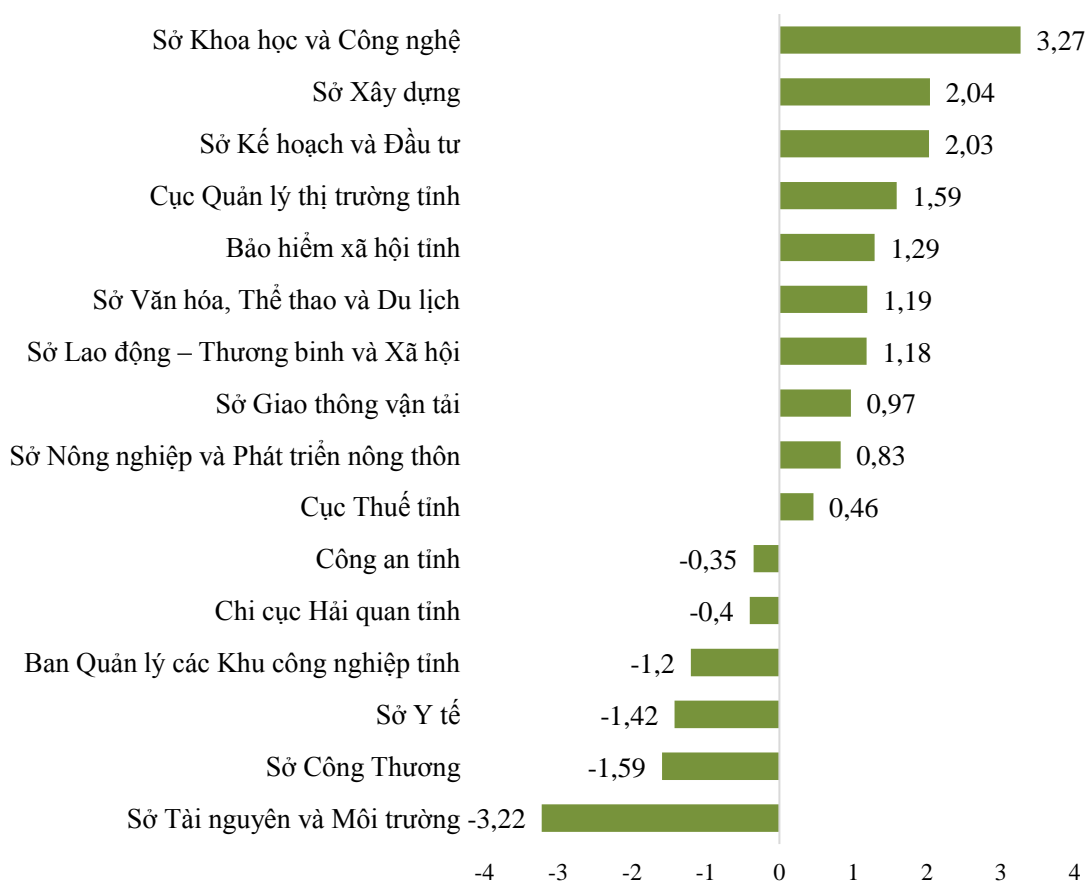
Chỉ số thành phần Tính minh bạch và tiếp cận thông tin của khối SBN tại Bình Thuận ghi nhận: (i) Về điểm số so với năm 2020, 10/16 cơ quan có sự cải thiện về điểm số và 6/16 cơ quan có sự sụt giảm về điểm số. Năm 2023, có 2/21 cơ quan đạt điểm tuyệt đối; 2/21 cơ quan đạt ngưỡng 9,0 điểm; 8/21 cơ quan đạt ngưỡng trên 8,0 điểm; 3/21 cơ quan đạt ngưỡng 7,0 điểm; 1/21 cơ quan đạt ngưỡng 6,0 điểm; 4/21 cơ quan đạt ngưỡng 5,0 điểm và 01 cơ quan (Sở Tài nguyên và môi trường) đạt mức rất thấp (3,44 điểm). (ii) Về xếp hạng: Trong số 16 cơ quan được đánh giá, xếp hạng năm 2020, có 4/16 cơ quan có sự cải thiện và 12/16 cơ quan giảm vị trí trên bảng xếp hạng năm 2023³.

Nằm trong Top 5 cơ quan dẫn đầu chỉ số thành phần Tính minh bạch và tiếp cận thông tin chỉ có 02 cơ quan được xếp hạng năm 2020, cho thấy những cơ quan mới được đưa vào xếp hạng đều có điểm số vượt trội. Sở Khoa học và Công nghệ (tăng 3,27 điểm và tăng 8 bậc so với năm 2020) và Tòa án nhân dân tỉnh là các cơ quan dẫn đầu bảng

³ Năm 2020, tỉnh Bình Thuận đánh giá, xếp hạng đối với 16 cơ quan; năm 2023, đánh giá, xếp hạng đối với 21 cơ quan (tăng 5 cơ quan). Vì vậy, sự thay đổi về vị trí xếp hạng của một cơ quan cụ thể trong hai lần xếp hạng của tỉnh Bình Thuận chỉ có giá trị tham khảo.

xếp hạng năm 2023 với số điểm tuyệt đối (10 điểm). Vị trí thứ ba và thứ tư thuộc về Sở Thông tin và Truyền thông và Sở Tài chính với số điểm lần lượt là 9,37 điểm và 9,18 điểm. Tăng 2 bậc và 2,03 điểm so với năm 2020, Sở Kế hoạch và Đầu tư xếp ở vị trí thứ năm là với 8,99 điểm. Bám sát ở vị trí thứ sáu là Sở Giáo dục và Đào tạo với 8,78 điểm. Sở Xây dựng tăng 2,04 điểm và tăng 4 bậc so với năm 2020, đứng ở vị trí thứ bảy với 8,58 điểm.

Hình 2. 5 Mức độ cải thiện điểm số chỉ số Tính minh bạch và tiếp cận thông tin khối SBN năm 2023 so với năm 2020



Bảo hiểm xã hội tỉnh, Sở Giao thông vận tải, Sở Lao động, Thương binh và Xã hội và Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch là 4 cơ quan giảm từ 6 đến 8 bậc và tương ứng giữ các vị trí từ thứ tám đến vị trí thứ mười một. Tuy nhiên, điểm số của các cơ quan này đều có sự cải thiện nhẹ so với năm 2020, cụ thể là Bảo hiểm xã hội tỉnh đạt 8,47 điểm (tăng 1,29 điểm), Sở Giao thông vận tải đạt 8,25 điểm (tăng 0,97 điểm), Sở Lao động, Thương binh và Xã hội đạt 8,21 điểm (tăng 1,18 điểm) và Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đạt 8,17 điểm (tăng 1,19 điểm). Bám sát là Cục Quản lý Thị trường tỉnh đạt 8,08 điểm (tăng 1,59 điểm), tăng 2 bậc và vươn lên vị trí thứ 12. Sở Tư pháp đứng ở vị trí thứ 13 với 7,75 điểm. Cục Thuế tỉnh và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn mặc dù điểm số tăng nhẹ so với năm 2020 (tăng 0,46 điểm và 0,83 điểm) nhưng vẫn giảm lần lượt 6 bậc và 2 bậc, giữ các vị trí thứ 14 và 15, với 7,35 và 7,33 điểm. Đây cũng là 15 cơ quan có điểm số của chỉ số thành phần Tính minh bạch và tiếp cận thông tin cao hơn mức trung bình của tỉnh Bình Thuận năm 2023 (7,62 điểm).

Ở các vị trí còn, Công an tỉnh và Chi cục Hải quan Cửa khẩu Cảng tỉnh cùng giảm 1 bậc và giữ vị trí thứ 16 và 17 do điểm số giảm nhẹ so với năm 2020. Ngoài ra, Sở Y tế và Sở Công Thương cùng giảm rất mạnh 14 bậc và giữ vị trí thứ 18 và 19 với 5,6 điểm và 5,39 điểm (giảm nhẹ so với năm 2020). Vị trí thứ 20 thuộc về Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh với 5,34 điểm. Xếp ở vị trí cuối và điểm số cách khá xa so với cơ quan liền kề phía trên là Sở Tài nguyên và Môi trường với 3,44 điểm (giảm mạnh nhất 3,22 điểm so với năm 2020).

Nhìn chung, xu hướng tăng điểm của chỉ số thành phần Tính minh bạch và tiếp cận thông tin năm 2023 cho thấy sự thay đổi tích cực trong việc nâng cao tính minh bạch và tiếp cận thông tin của tất cả cơ quan nhằm hướng đến việc tạo môi trường thuận lợi cho DN, HTX, HKD tiếp cận thông tin một cách minh bạch, hiệu quả, nâng cao hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp.

Bảng 2. 3 Điểm số trung bình các chỉ tiêu của chỉ số Tính minh bạch và tiếp cận thông tin của khối SBN năm 2023

TT	Tên chỉ tiêu	Điểm trung bình toàn tỉnh	Điểm đơn vị cao nhất	Điểm đơn vị thấp nhất
1	Đánh giá về mức độ dễ dàng trong việc tiếp cận các thông tin, tài liệu theo quy định pháp luật từ cơ quan nhà nước.	0,973	1,000	0,886
2	Đánh giá về khả năng đáp ứng yêu cầu cung cấp thông tin từ Website của cơ quan nhà nước.	0,922	1,000	0,727
3	Đánh giá về việc có cần “mối quan hệ” với cơ quan nhà nước để tiếp cận các thông tin, tài liệu một cách dễ dàng, thuận lợi.	0,945	1,000	0,846
4	Đánh giá về mức độ tiếp cận các thông tin không được công bố công khai.	0,967	1,000	0,811

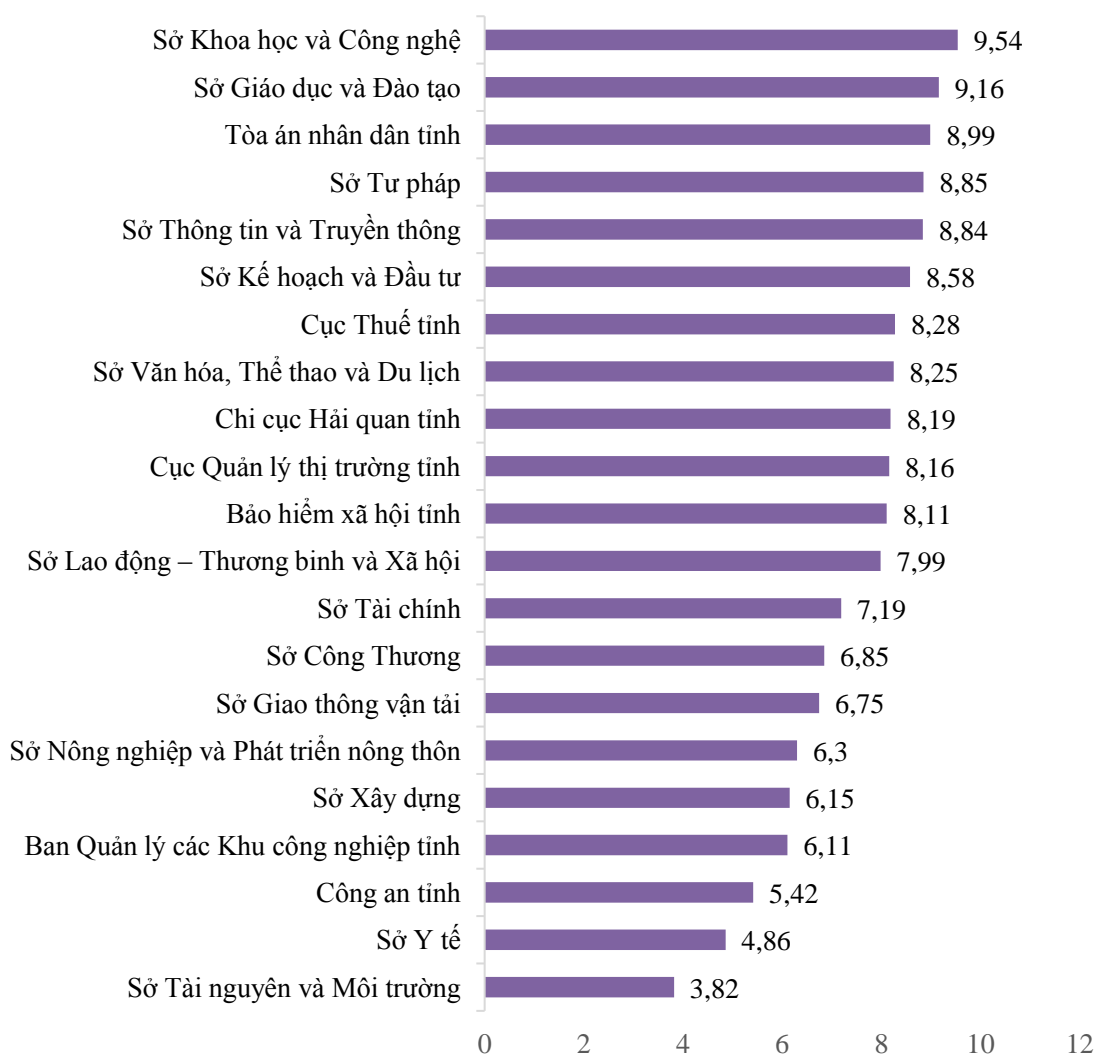
Chỉ số Tính minh bạch và tiếp cận thông tin của khối SBN được cấu thành từ 4 chỉ tiêu và đều có điểm trung bình rất cao (trên 95%). Điều này cho thấy, các cơ quan đang đạt kết quả tương đối tốt trong việc minh bạch thông tin và nâng cao khả năng tiếp cận thông tin của doanh nghiệp, bao gồm việc cung cấp thông tin, tài liệu theo quy định pháp luật, công khai minh bạch về phí và lệ phí, cũng như sẵn sàng cung cấp thông tin, văn bản khi doanh nghiệp đề nghị.

Theo kết quả khảo sát có 97,3% doanh nghiệp cho rằng họ có thể dễ dàng trong việc tiếp cận các thông tin, tài liệu theo quy định pháp luật từ cơ quan nhà nước; 92,2% doanh nghiệp đánh giá Website của cơ quan nhà nước đáp ứng yêu cầu cung cấp thông tin của doanh nghiệp; 94,5% doanh nghiệp cho biết họ không cần “mối quan hệ” với cơ quan nhà nước để tiếp cận các thông tin, tài liệu một cách dễ dàng, thuận lợi và 96,7% doanh nghiệp khẳng định có thể tiếp cận các thông tin không được công bố công khai.

2.2. Chỉ số Tính năng động và hiệu lực thi hành của khối SBN:

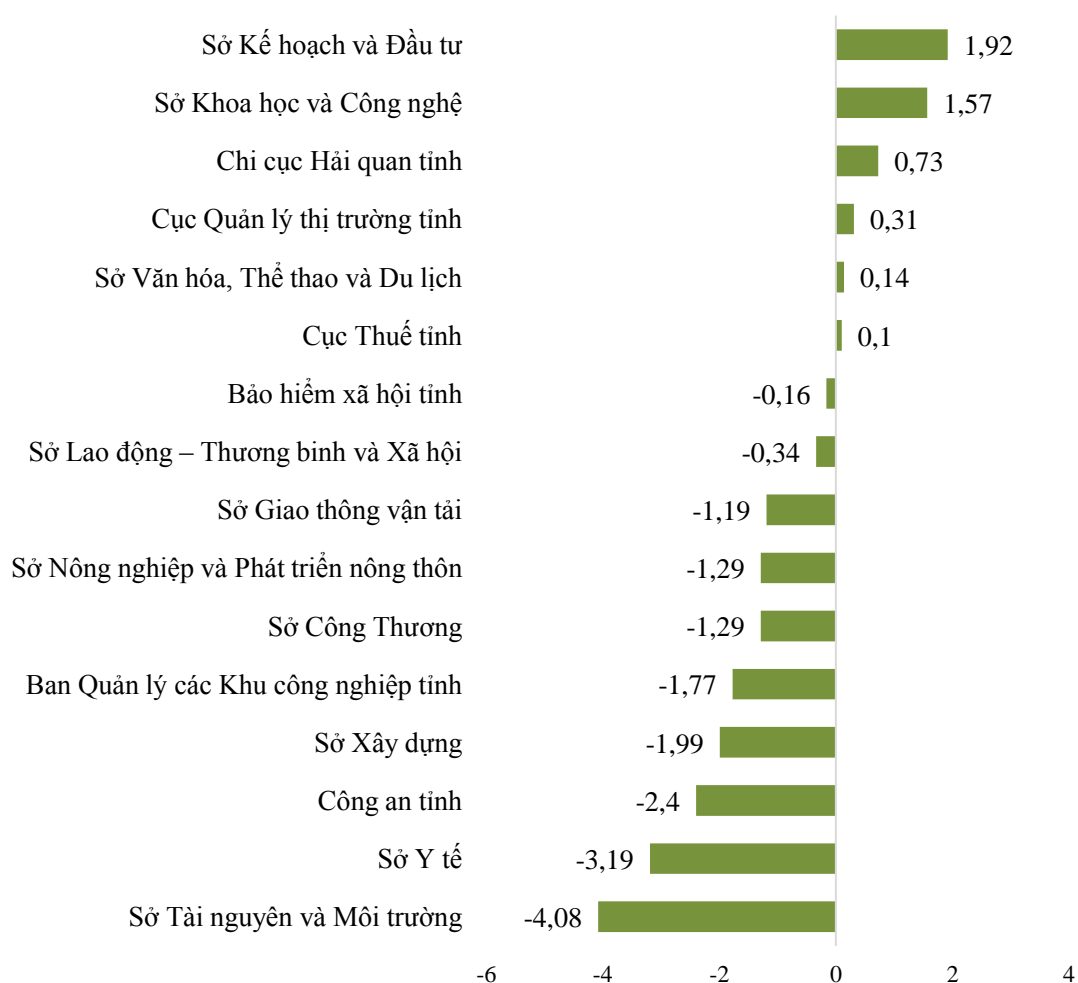
Điểm số trung bình của chỉ số thành phần Tính năng động và hiệu lực thi hành của khối SBN tại Bình Thuận năm 2023 đạt 7,45 điểm, giảm nhẹ so với mức 7,89 điểm năm 2020 cho thấy sự giảm sút của các cơ quan tại Bình Thuận đối với sự sáng tạo, linh hoạt của các cơ quan quản lý trong thực thi chính sách, các sáng kiến nhằm phát triển kinh tế tư nhân trong việc triển khai các hoạt động đầu tư, kinh doanh trên địa bàn. Bên cạnh đó, sự khác biệt lớn về điểm số giữa các cơ quan năm 2023 (5,75 điểm), thể hiện mức độ khác biệt trong thực thi chính sách, các sáng kiến nhằm phát triển kinh tế tư nhân giữa các cơ quan là rất lớn và có xu hướng tăng mạnh so với năm 2020 (1,67 điểm).

Hình 2. 6 Xếp hạng Chỉ số Tính năng động và hiệu lực thi hành khối SBN



Chỉ số thành phần Tính năng động và hiệu lực thi hành của khối SBN tại Bình Thuận ghi nhận: (i) Về điểm số so với năm 2020, 6/16 cơ quan có sự cải thiện về điểm số và 10/16 cơ quan giảm về điểm số. Năm 2023 có 2/21 cơ quan đạt ngưỡng 9,0 điểm; 9/21 cơ quan đạt ngưỡng trên 8,0 điểm; 2/21 cơ quan đạt ngưỡng 7,0 điểm; 5/21 cơ quan đạt ngưỡng 6,0 điểm; 3/21 cơ quan còn lại đạt điểm rất thấp. (ii) Về xếp hạng trong số 16 cơ quan được đánh giá, xếp hạng từ năm 2020, có 4/16 cơ quan có sự cải thiện, 12/16 cơ quan sụt giảm vị trí.

Hình 2. 7 Mức độ cải thiện điểm số chỉ số Tính năng động và hiệu lực thi hành của khối SBN năm 2023 so với năm 2020



Dẫn đầu bảng xếp hạng là Sở Khoa học và công với 9,54 điểm (tăng 1,57 điểm và tăng 7 bậc so với năm 2020. Các vị trí thứ hai đến thứ năm trên bảng xếp hạng năm 2023 thuộc về các cơ quan mới được đánh giá, lần lượt là Sở Giáo dục và đào tạo (9,16 điểm), Tòa án nhân dân tỉnh (8,99 điểm), Sở Tư pháp (8,85 điểm) và Sở Thông tin và truyền thông (8,84 điểm). Sở Kế hoạch và đầu tư giữ vị trí thứ sáu với 8,58 điểm. Cục Thuế tỉnh và Sở Văn hoá, thể thao và du lịch giữ các vị trí thứ bảy và thứ tám. Vị trí thứ chín và thứ mười thuộc về là Chi Cục Hải Quan cửa khẩu Cảng tỉnh và Cục Quản lý thị trường tỉnh với 8,19 và 8,16 điểm.

Vị trí thứ 11 và 12 trên bảng xếp hạng năm 2023 thuộc về Bảo hiểm xã hội tỉnh và Sở Lao động, thương binh và xã hội với 8,11 điểm và 7,99 điểm. Mới được đưa vào đánh giá, Sở Tài chính đạt 7,19 điểm và đứng ở vị trí thứ 13. Sở Công thương đứng thứ 14 và vị trí thứ 15 thuộc về Sở Giao thông vận tải với 6,75 điểm. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giảm 1,29 điểm và giảm 2 bậc so với năm 2020, giữ vị trí thứ 16 với 6,3 điểm. Giảm 1,99 điểm và 1,77 điểm, tương ứng với giảm 13 bậc và 7 bậc so với năm 2020, Sở Xây dựng và Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh giữ các vị trí thứ 17 và 18 với 6,15 điểm và 6,11 điểm. Công an tỉnh đạt 5,42 điểm (giảm 2,4 điểm so với năm 2020) và đứng thứ 14. Hai vị trí cuối bảng là Sở Y tế và Sở Tài nguyên và Môi

trường với số điểm rất thấp (4,86 điểm và 3,82 điểm), giảm mạnh 3,19 điểm và 4,08 điểm so với năm 2020.

Bảng 2. 4 Điểm số trung bình các chỉ tiêu của chỉ số Tính năng động và hiệu lực thi hành của khối SBN năm 2023

TT	Tên chỉ tiêu	Điểm trung bình toàn tỉnh	Điểm đơn vị cao nhất	Điểm đơn vị thấp nhất
1	Đánh giá về mức độ đề xuất, tham mưu các chính sách, quy định cho tỉnh nhằm hỗ trợ, phát triển sản xuất kinh doanh của cơ quan nhà nước.	0,852	1,000	0,643
2	Đánh giá về tính phù hợp, hiệu quả, thiết thực của các chính sách, quy định hỗ trợ, phát triển sản xuất kinh doanh do cơ quan nhà nước tham mưu cho tỉnh	0,959	1,000	0,828
3	Đánh giá về sự mạnh dạn, sáng tạo trong việc triển khai các chủ trương, quyết định, chính sách,... của cơ quan nhà nước cấp trên.	0,966	1,000	0,900
4	Đánh giá về hiện tượng trì hoãn/chậm trễ hoặc thực hiện không đúng các chủ trương, chính sách của tỉnh, trung ương tại cơ quan nhà nước cấp dưới.	0,975	1,000	0,850
5	Đánh giá về vai trò của người đứng đầu cơ quan nhà nước trong công tác lãnh, chỉ đạo cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh tại địa phương, sở, ban, ngành	0,953	1,000	0,818

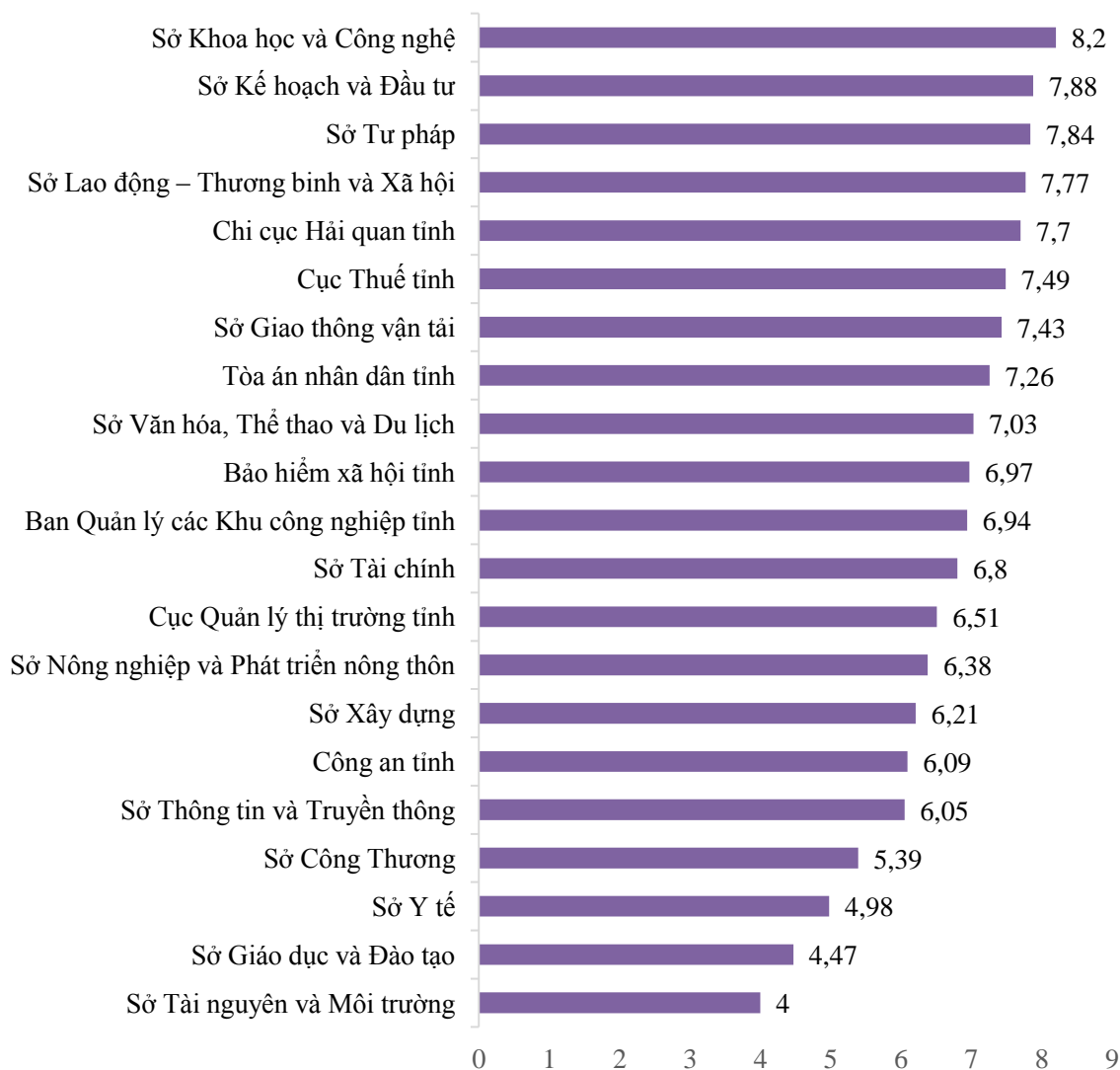
2.3. Chỉ số Chi phí thời gian của khối SBN:

Điểm số trung bình của chỉ số thành phần Chi phí thời gian của khối SBN tại Bình Thuận năm 2023 đạt 6,64 điểm, giảm nhẹ so với mức 7,13 điểm năm 2020 cho thấy hạn chế của các cơ quan tại Bình Thuận trong việc giảm thiểu thời gian chờ đợi của doanh nghiệp khi cung ứng dịch vụ công,... Bên cạnh đó, sự khác biệt lớn về điểm số giữa các cơ quan năm 2023 (4,2 điểm), thể hiện mức độ khác biệt trong việc tiếp cận thông tin của doanh nghiệp giữa các cơ quan là rất lớn và có xu hướng tăng mạnh so với năm 2020 (1,94 điểm).

Chỉ số thành phần Chi phí thời gian của khối SBN tại Bình Thuận ghi nhận: (i) Về điểm số so với năm 2020 có 5/16 cơ quan có sự cải thiện về điểm số và 11/16 cơ quan sụt giảm về điểm số. Năm 2023, chỉ có 1/21 cơ quan đạt ngưỡng 8,0 điểm; 8/21 cơ quan đạt ngưỡng trên 7,0 điểm; 8/21 cơ quan đạt ngưỡng 6,0 điểm; 1/21 cơ quan đạt ngưỡng 5,0 điểm và 3/21 cơ quan đạt mức rất thấp (dưới 5,0 điểm). (ii) Về xếp hạng trong số 16 cơ quan được đánh giá, xếp hạng từ năm 2020, có 6/16 cơ quan có sự cải thiện, 1/16 cơ quan giữ nguyên vị trí và 9/16 cơ quan sụt giảm vị trí.

Dẫn đầu bảng xếp hạng năm 2023, Sở Khoa học và Công nghệ tăng mạnh 11 bậc so với năm 2020, Sở Kế hoạch và đầu tư xếp ở vị trí thứ hai với 7,88 điểm. Bám sát ở vị trí thứ ba là Sở Tư pháp với 7,84 điểm. Giữ nguyên vị trí thứ tư là Sở Lao động, Thương binh và Xã hội với 7,77 điểm.

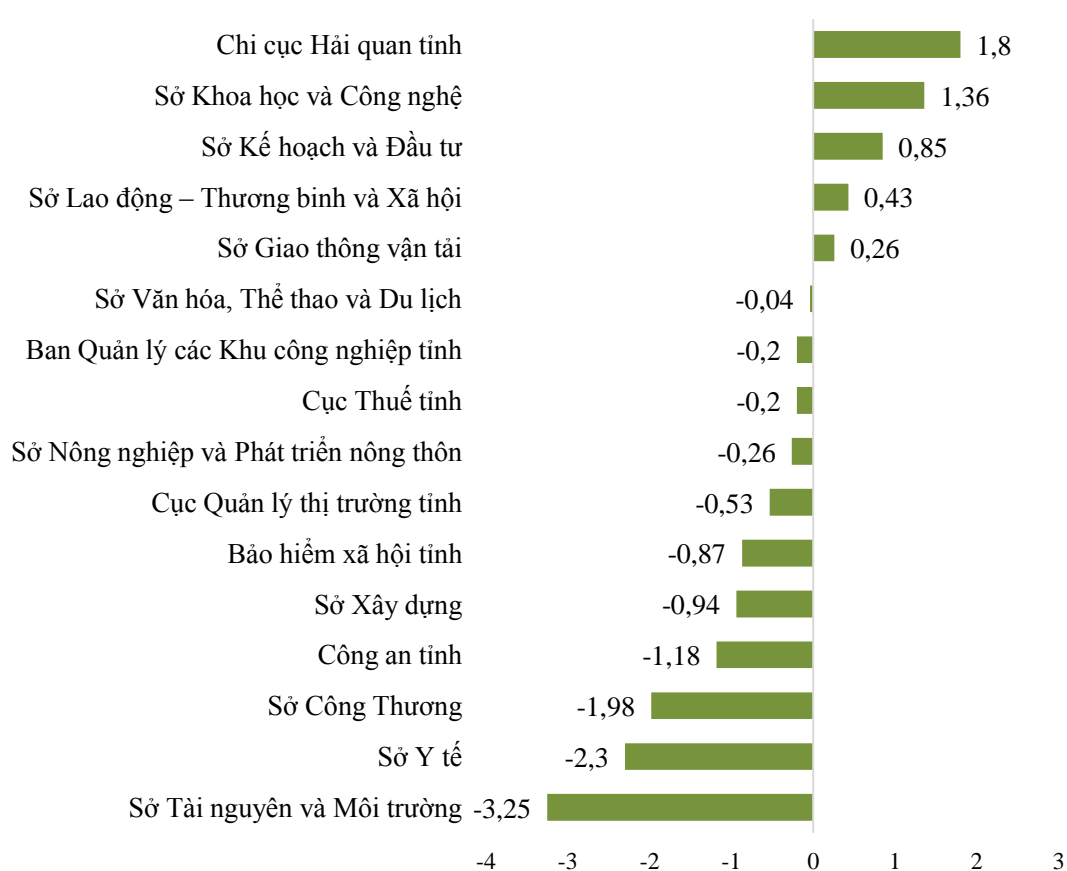
Hình 2. 8 Xếp hạng Chỉ số Chi phí thời gian của khối SBN năm 2023



Giảm 4 bậc, Cục Thuế tỉnh xếp ở vị trí thứ sáu với 7,49 điểm (giảm -0,2 điểm so với năm 2020). Sở Giao thông vận tải với 7,43 điểm và xếp ở vị trí thứ bảy (tăng 0,26 điểm và tăng 1 bậc so với năm 2020). Tòa án nhân dân tỉnh đứng ở vị trí tám với 7,26 điểm. Vị trí thứ chín thuộc về Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch với 7,03 điểm (giảm nhẹ 0,04 điểm nhưng tăng 2 bậc so với năm 2020). Bảo hiểm xã hội tỉnh sụt giảm từ vị dẫn đầu năm 2020 xuống vị trí thứ 10 với 6,97 điểm (giảm 0,87 điểm so với năm 2020). Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh đạt 6,94 điểm (giảm 0,2 điểm so với năm 2020) và xếp ở vị trí thứ 11 (giảm 1 bậc so với năm 2020). Sở Tài chính với 7,84 điểm chiếm vị trí thứ 12. Đây là các cơ quan có điểm chỉ số thành phần Chi phí thời gian trên mức trung bình năm 2023 (6,64 điểm).

Không có sự biến động lớn về vị trí, Cục Quản lý thị trường tỉnh và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giữ vị trí thứ 13 và 14 với 6,51 điểm và 6,38 điểm (cùng giảm nhẹ so với năm 2020). Sở Xây dựng và Công an tỉnh giảm tương ứng 6 bậc và 10 bậc, giữ vị trí thứ 15 và 16 với số điểm lần lượt là 6,21 điểm và 6,09 điểm (giảm 0,94 điểm và 1,18 điểm so với năm 2020). Ở các vị trí cuối bảng, Sở Thông tin và Truyền thông và Sở Giáo dục và Đào tạo giữ vị trí thứ 17 và 20 với 6,05 điểm và 4,47 điểm. Sở Công thương (giảm 15 bậc), Sở Y tế và Sở Tài nguyên và Môi trường (đều giảm 14 bậc) giữ vị trí thứ 18, 19 và 21 với 5,39 điểm, 4,98 điểm và 4,0 điểm. Đây là những cơ quan cần có giải pháp để cải thiện chỉ số thành phần Chi phí thời gian trong thời gian tới.

Hình 2. 9 Mức độ cải thiện điểm số chỉ số Chi phí thời gian của khối SBN năm 2023 so với năm 2020



Chỉ số Chi phí thời gian của khối SBN được cấu thành từ 9 chỉ tiêu và đều có điểm trung bình khá cao (trên 85%). Điều này cho thấy, các doanh nghiệp đánh giá tỉnh Bình Thuận đang thực hiện khá tốt công việc giảm chi phí thời gian trong việc thực hiện các thủ tục hành chính đối với các doanh nghiệp.

Theo kết quả khảo sát có 98,9% doanh nghiệp cho rằng không mất nhiều thời gian để cơ quan nhà nước giải quyết công việc, thủ tục hành chính; 97,7% doanh nghiệp khẳng định không có tình trạng ùn đùn công việc tại cơ quan nhà nước. Đáng chú ý, 100% doanh nghiệp cho biết hoạt động thanh tra, kiểm tra của cơ quan quản lý không gây cản trở đáng kể cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp; hoạt động

thanh tra, kiểm tra không bị chông chéo với các cuộc thanh tra, kiểm tra khác; cơ quan quản lý thực hiện đúng nội dung trong quyết định thanh tra.

Đối với thủ tục hành chính có 85,7% doanh nghiệp đánh giá quy trình và thủ tục thực hiện dễ hiểu, dễ thực hiện. Tuy nhiên, khoảng cách lớn về điểm số giữa đơn vị cao nhất và thấp nhất cho thấy vẫn còn một số thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến hoặc dịch vụ bưu chính công ích chưa dễ dàng, thuận tiện. Ngoài ra, 86,7% doanh nghiệp cho rằng họ có được tư vấn hỗ trợ của cơ quan quản lý nhà nước khi giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến hoặc dịch vụ bưu chính công ích. Nhưng khoảng cách lớn về điểm số giữa đơn vị cao nhất và thấp nhất cho thấy vẫn còn một số cơ quan quản lý nhà nước chưa thực hiện tốt việc tư vấn cho doanh nghiệp.

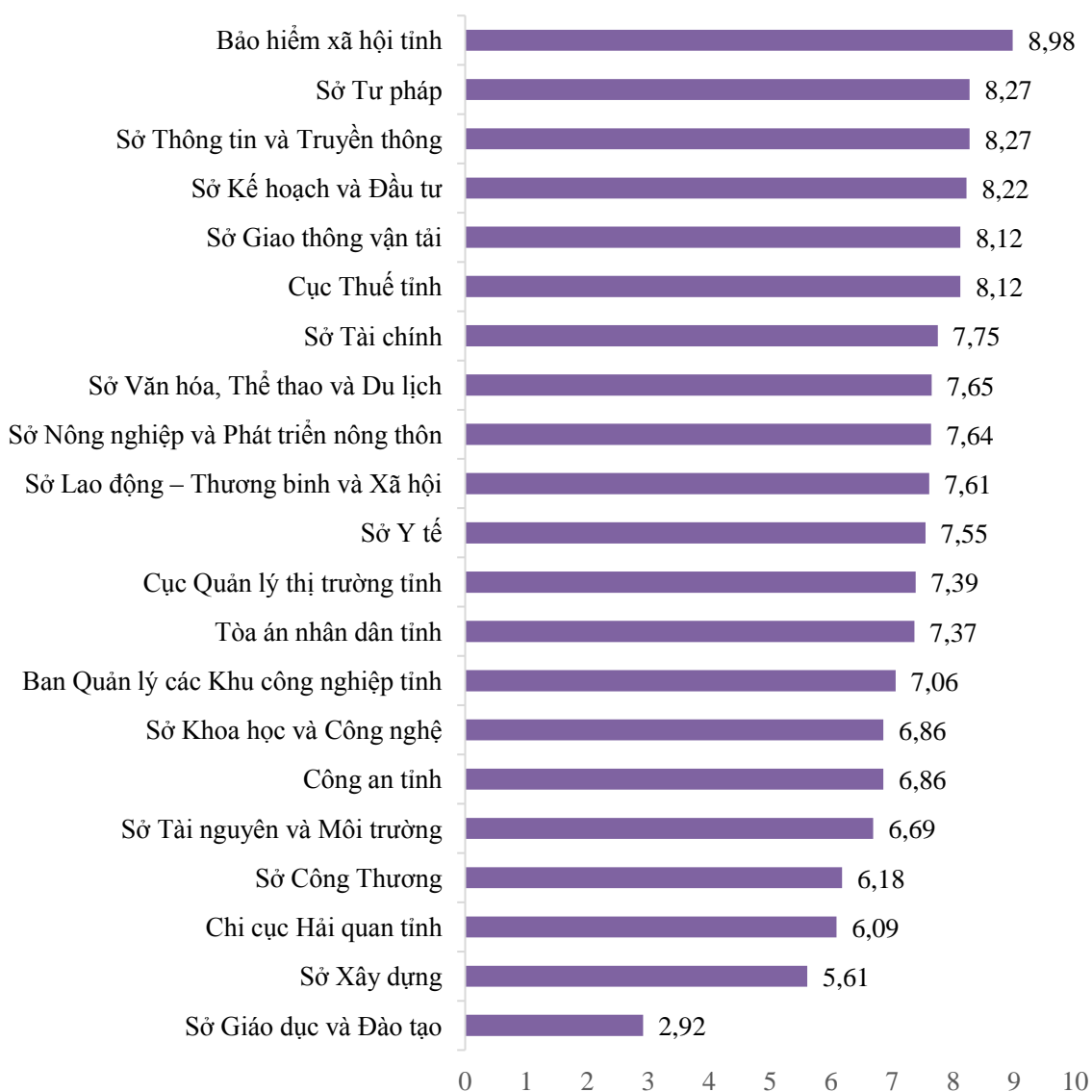
Bảng 2. 5 Điểm số trung bình các chỉ tiêu của chỉ số Chi phí thời gian của khối SBN năm 2023

TT	Tên chỉ tiêu	Điểm trung bình toàn tỉnh	Điểm đơn vị cao nhất	Điểm đơn vị thấp nhất
1	Đánh giá về thời gian giải quyết công việc, thủ tục hành chính của cơ quan nhà nước	0,989	1,000	0,929
2	Đánh giá việc giải quyết công việc, thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến hoặc dịch vụ bưu chính công ích có dễ dàng thuận tiện hay không	0,857	1,000	0,619
3	Đánh giá việc giải quyết công việc, thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến hoặc dịch vụ bưu chính công ích, có được tư vấn hỗ trợ của cơ quan quản lý nhà nước.	0,867	1,000	0,607
4	Đánh giá về tình trạng đùn đẩy công việc tại cơ quan nhà nước	0,977	1,000	0,750
5	Đánh giá về tình trạng thanh tra, kiểm tra năm 2023 của cơ quan quản lý nhà nước với doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh			
6	Đánh giá về thời gian trung bình của mỗi đợt thanh tra, kiểm tra.			
7	Đánh giá về mức độ ảnh hưởng hoạt động thanh tra, kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh	1,000	1,000	1,000
8	Đánh giá về mức độ chông chéo của các hoạt động thanh tra, kiểm tra.			
9	Đánh giá về phạm vi thanh tra, kiểm tra theo quy định của cơ quan nhà nước.			

2.4. Chỉ số Chi phí không chính thức của khối SBN:

Điểm số trung bình của chỉ số thành phần Chi phí không chính thức của khối SBN tại Bình Thuận năm 2023 đạt 7,2 điểm, cải thiện nhẹ so với mức 6,65 điểm năm 2020 cho thấy nỗ lực của các cơ quan tại Bình Thuận trong việc hạn chế tình trạng nhũng nhiễu, khó khăn cho doanh nghiệp và hạn chế những khoản chi phí phát sinh mà doanh nghiệp phải trả thêm cũng như giảm thiểu khả năng trục lợi các quy định của cán bộ quản lý,... Bên cạnh đó, sự khác biệt khá lớn về điểm số giữa các cơ quan năm 2023 (6,08 điểm), thể hiện mức độ khác biệt trong việc tiếp cận thông tin của doanh nghiệp giữa các cơ quan là khá lớn và có xu hướng tăng nhẹ so với năm 2020 (1,13 điểm).

Hình 2. 10 Xếp hạng Chỉ số Chi phí không chính thức của khối SBN năm 2023



Chỉ số thành phần Chi phí không chính thức của khối SBN tại Bình Thuận ghi nhận: (i) Về điểm số so với năm 2020, 11/16 cơ quan có sự cải thiện về điểm số và 5/16 cơ quan sụt giảm nhẹ về điểm số. Năm 2023, có 6/21 cơ quan đạt ngưỡng 8,0 điểm; 8/21 cơ quan đạt ngưỡng trên 7,0 điểm; 5/21 cơ quan đạt ngưỡng 6,0 điểm; 1/21 cơ quan (Sở Xây dựng) đạt ngưỡng 5,0 điểm và 1/21 cơ quan (Sở Giáo dục và Đào tạo) đạt điểm rất thấp (2,92 điểm) và cách rất xa cơ quan xếp liền kề phía trên. (ii) Về xếp hạng trong số

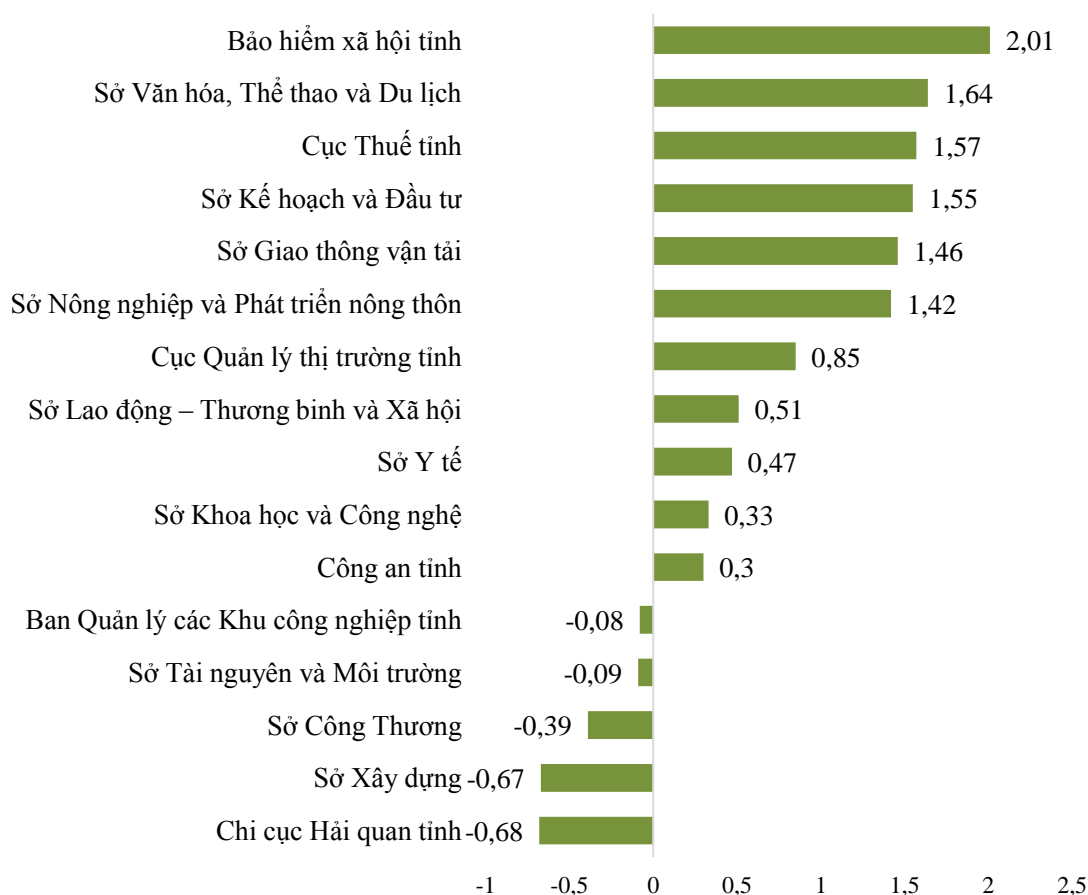
16 cơ quan được đánh giá, xếp hạng từ năm 2020, có 6/16 cơ quan có sự cải thiện, 1/16 cơ quan giữ nguyên vị trí và 9/16 cơ quan giảm vị trí.

Dẫn đầu bảng xếp hạng năm 2023 là Bảo hiểm xã hội với 8,98 điểm (tăng mạnh nhất 2,01 điểm và tăng 3 bậc so với năm 2020). Cùng đạt 8,27 điểm, Sở Tư pháp và Sở Thông tin và Truyền thông xếp ở vị trí thứ hai. Bám sát là Sở Kế hoạch và Đầu tư với 8,22 điểm (tăng 1,55 điểm) và giữ vị trí thứ tư. Sở Giao thông vận tải và Cục Thuế tỉnh cùng giữ vị trí thứ năm với 8,12 điểm. Trong đó Sở Giao thông vận tải tăng 1,46 điểm và tăng 2 bậc so với năm 2020; Cục Thuế tỉnh tăng 1,57 điểm và tăng 6 bậc so với năm 2020. Sở Tài chính đạt 7,75 điểm và giữ vị trí thứ bảy. Tiếp theo, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giữ các vị trí thứ tám và thứ chín. Trong đó Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tăng khá mạnh 1,64 điểm, dẫn đến tăng 8 bậc so với năm 2020; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tăng 1,42 điểm và tăng 6 bậc so với năm 2020. Chỉ ghi nhận mức tăng 0,51 điểm so với năm 2020, Sở Lao động, Thương binh và Xã hội chỉ đạt 7,61 điểm và giữ vị trí thứ mười (giảm mạnh 9 bậc so với năm 2020).

Sở Y tế giữ vị trí thứ 11 với 7,55 điểm (tăng nhẹ 0,47 điểm so với năm 2020). Mặc dù ghi nhận tăng 0,85 điểm so với năm 2020, Cục Quản lý Thị trường tỉnh vẫn giữ nguyên vị trí thứ 12 với 7,39 điểm. Bám sát về điểm số, Tòa án nhân dân tỉnh đạt 7,37 điểm, xếp ở vị trí thứ 13. Đây cũng là 13 cơ quan có điểm số thành phần cao hơn mức trung bình của năm 2023.

Giảm 0,08 điểm và giảm mạnh 13 bậc so với năm 2020, Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh đứng ở vị trí thứ 12 với 7,06 điểm. Cùng giữ vị trí thứ 15 là Sở Khoa học và Công nghệ và Công an tỉnh với 6,86 điểm. Trong đó, Sở Khoa học và Công nghệ tăng 0,33 điểm và giảm 2 bậc so với năm 2020; Công an tỉnh tăng 0,3 điểm và giảm 5 bậc so với năm 2020. Vị trí thứ 17 thuộc về Sở Tài nguyên và Môi trường với 6,69 điểm (giảm 0,09 điểm và giảm 12 bậc so với năm 2020). Giảm tương ứng 9 bậc và 13 bậc, Sở Công thương và Chi Cục Hải Quan cửa khẩu Cảng tỉnh giữ các vị trí thứ 18 và 19 với 6,18 điểm và 6,09 điểm (giảm 0,39 điểm và 0,68 điểm so với năm 2020). Đạt 5,61 điểm, Sở xây dựng giữ vị trí thứ 20 (giảm 0,67 điểm và giảm 6 bậc so với năm 2020). Sở Giáo dục và Đào tạo chỉ đạt 2,92 điểm và giữ vị trí cuối bảng.

Hình 2. 11 Mức độ cải thiện điểm số chỉ số Chi phí không chính thức của khối SBN năm 2023 so với năm 2020



Chỉ số Chi phí không chính thức của khối SBN được cấu thành từ 4 chỉ tiêu. Ngoại trừ nội dung liên quan đến chi trả chi phí không chính thức khi giải quyết thủ tục hành chính, các chỉ tiêu đều có điểm trung bình ở mức cao (90% trở lên). Điều này cho thấy theo đánh giá của các doanh nghiệp, các cơ quan nhà nước của tỉnh Bình Thuận đang thực hiện tốt việc giảm chi phí không chính thức cho các doanh nghiệp. Theo kết quả khảo sát cho thấy có 94,8% doanh nghiệp khẳng định rằng họ không cần trả chi phí không chính thức cho cơ quan nhà nước so với doanh thu của DN, HTX, HKD; có 98,7% doanh nghiệp phản hồi rằng không phải trả chi phí không chính thức trong hoạt động thanh, kiểm tra trong năm 2023; có 93,8% doanh nghiệp khẳng định họ không phải chi trả chi phí không chính thức trong hoạt động thanh, kiểm tra.

Mặc dù có 83,3% doanh nghiệp cho rằng chi phí không chính thức không ảnh hưởng đến kết quả giải quyết công việc, thủ tục hành chính của cơ quan nhà nước đối với doanh nghiệp. Tuy nhiên, khoảng cách lớn về điểm số giữa đơn vị cao nhất và thấp nhất⁴ cho thấy một số nơi, một số lúc vẫn xảy ra tình trạng doanh nghiệp phải trả các chi phí không chính thức khi thực hiện thủ tục hành chính.

⁴ Điểm đơn vị cao nhất là 1,000 điểm; điểm đơn vị thấp nhất là 0,405 điểm.

Bảng 2. 6 Điểm số trung bình các chỉ tiêu của chỉ số Chi phí không chính thức của khối SBN năm 2023

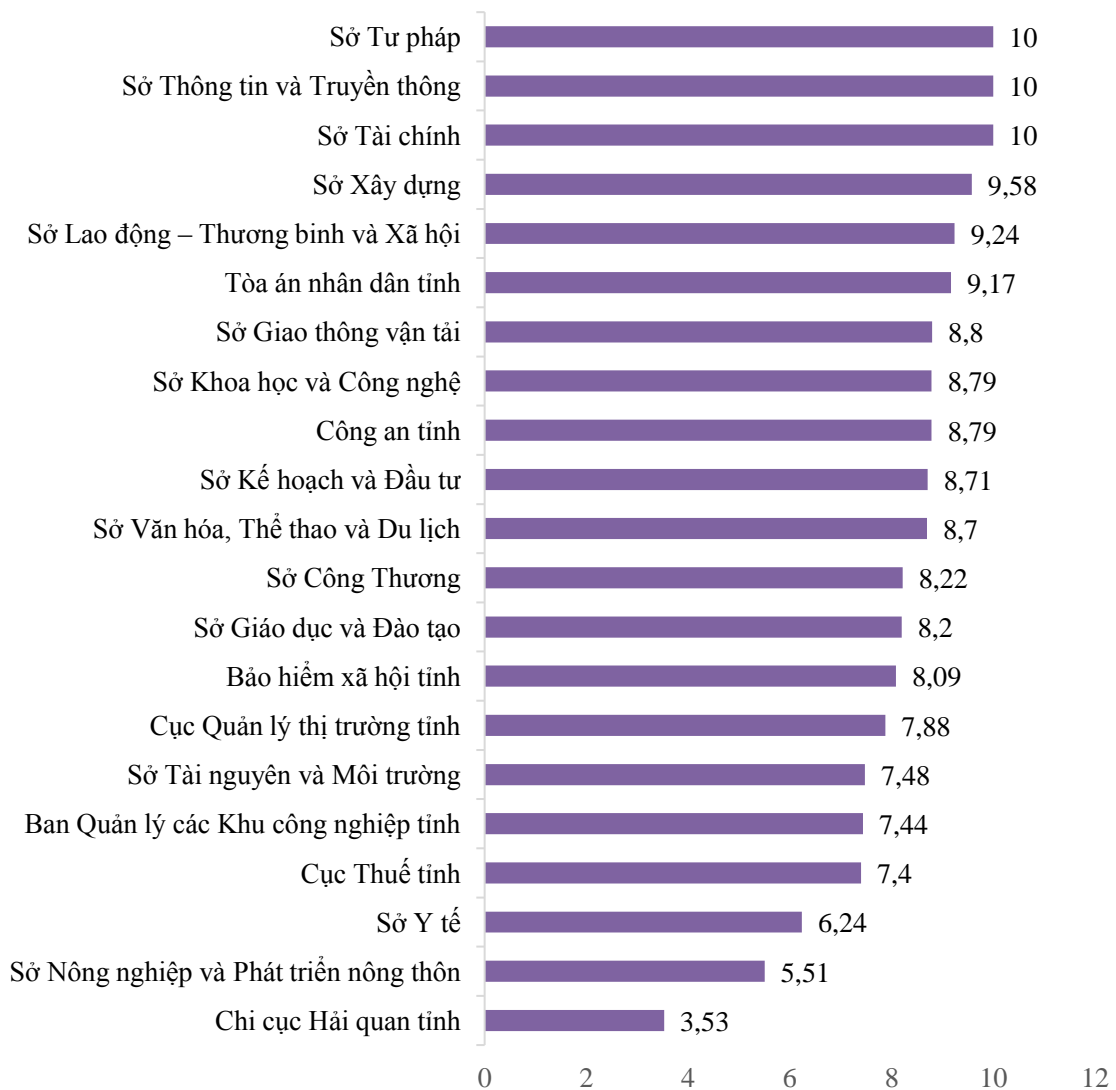
TT	Tên chỉ tiêu	Điểm trung bình toàn tỉnh	Điểm đơn vị cao nhất	Điểm đơn vị thấp nhất
1	Đánh giá về mức độ phải trả chi phí không chính thức cho cơ quan nhà nước so với doanh thu của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh	0,948	1,000	0,727
2	Đánh giá về ảnh hưởng, tác động của chi phí không chính thức đến kết quả giải quyết công việc, thủ tục hành chính của cơ quan nhà nước đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh	0,833	1,000	0,405
3	Đánh giá về mức độ phải chi trả chi phí không chính thức trong hoạt động thanh, kiểm tra trong năm 2023.	0,987	1,000	0,917
4	Đánh giá về mức độ phải chi trả chi phí không chính thức trong hoạt động thanh, kiểm tra trong năm 2023 so với năm 2020	0,938	1,000	0,900

2.5. Cạnh tranh bình đẳng của khối SBN:

Điểm số trung bình của chỉ số thành phần Cạnh tranh bình đẳng đạt 8,18 điểm, tăng so với mức 7,05 điểm năm 2020 cho thấy nỗ lực của các cơ quan tại Bình Thuận trong việc tạo môi trường cạnh tranh bình đẳng, không phân biệt đối xử giữa các loại hình doanh nghiệp,... Bên cạnh đó, sự khác biệt lớn về điểm số giữa các cơ quan năm 2023 (6,47 điểm), thể hiện mức độ khác biệt trong việc tiếp cận thông tin của doanh nghiệp giữa các cơ quan là rất lớn và có xu hướng tăng rất mạnh so với năm 2020 (0,85 điểm). Đây là điều mà tỉnh Bình Thuận cần lưu ý và có giải pháp trong thời gian tới để giảm bớt sự khác biệt này.

Chỉ số thành phần Cạnh tranh bình đẳng của khối SBN tại Bình Thuận ghi nhận: (i) Về điểm số so với năm 2020, có 13/16 cơ quan có sự cải thiện về điểm số và 3/16 cơ quan sụt giảm về điểm số. Năm 2023, có 3/21 cơ quan đạt điểm tuyệt đối (10 điểm); 3/21 cơ quan đạt ngưỡng 9,0 điểm; 8/21 cơ quan đạt ngưỡng trên 8,0 điểm; 4/21 cơ quan đạt ngưỡng 7,0 điểm; 1/21 cơ quan đạt ngưỡng 6,0 điểm; 1/21 cơ quan đạt ngưỡng 5,0 điểm và 1/21 cơ quan (Cục Thuế tỉnh) có điểm số dưới ngưỡng 5,0 điểm. (ii) Về xếp hạng trong số 16 cơ quan được đánh giá, xếp hạng từ năm 2020, có 4/16 cơ quan cải thiện vị trí, 1/16 cơ quan giữ nguyên vị trí và 11/16 cơ quan giảm vị trí.

Hình 2. 12 Xếp hạng Chỉ số Cạnh tranh bình đẳng của khối SBN năm 2023

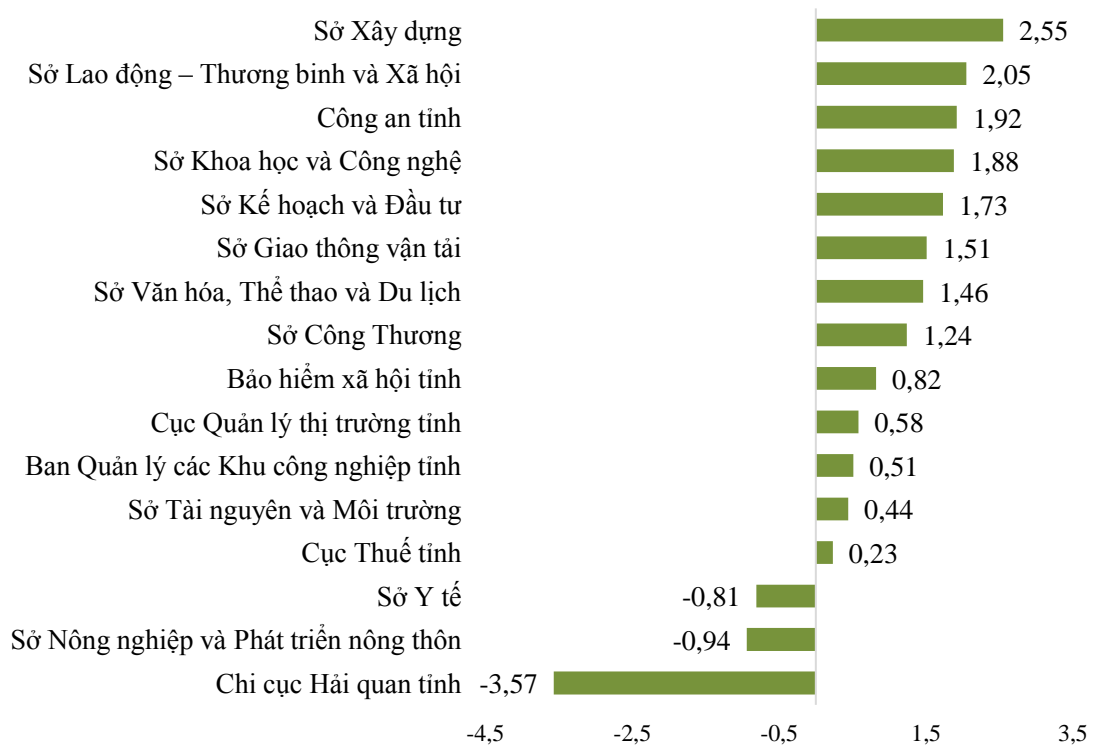


Nằm trong Top 5 cơ quan dẫn đầu đối với chỉ số thành phần Cạnh tranh bình đẳng có 3 cơ quan mới được đánh giá năm 2023, cho thấy những cơ quan mới được đưa vào đánh giá đều có điểm số vượt trội. Cùng đạt điểm tuyệt đối (10 điểm), Sở Tư pháp, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Tài chính đứng ở vị trí đầu tiên. Hai cơ quan có điểm số đạt trên ngưỡng 9,0 điểm, xếp ở vị trí thứ tư và thứ năm là Sở Xây dựng (9,58 điểm) và Sở Lao động, Thương binh và Xã hội (9,24 điểm). Trong đó, Sở Xây dựng tăng mạnh 2,55 điểm và tăng 6 bậc so với năm 2020; Sở Lao động, Thương binh và Xã hội tăng 2,05 điểm và giữ nguyên vị trí thứ năm. Vị trí thứ sáu thuộc về Toà án nhân dân tỉnh với 9,17 điểm. Sở Giao thông vận tải xếp thứ bảy với 8,8 điểm (tăng 1,51 điểm nhưng giảm 5 bậc so với năm 2020). Sở Khoa học và Công nghệ và Công an tỉnh tăng tương ứng 6 bậc và 7 bậc, cùng giữ vị trí thứ tám với 8,79 điểm (tăng 1,88 điểm và 1,92 điểm so với năm 2020). Vị trí thứ mười thuộc về Sở Kế hoạch và Đầu tư với 8,71 điểm (tăng 1,73 điểm và tăng 1 bậc so với năm 2020).

Vị trí thứ 11 thuộc về Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch với 8,7 điểm (tăng 1,46 điểm nhưng giảm mạnh 7 bậc so với năm 2020). Giảm 1 bậc và giữ vị trí thứ 12 là Sở Công thương với 8,22 điểm (tăng nhẹ 1,24 điểm so với năm 2020). Bám sát ở vị trí

thứ 13 là Sở Giáo dục và đào tạo với 8,2 điểm. Vị trí thứ 14 thuộc về Bảo hiểm xã hội tỉnh với 8,09 điểm (tăng nhẹ 0,82 điểm nhưng giảm 11 bậc so với năm 2020). Tăng 0,5 điểm so với năm 2020 và đạt 7,88 điểm nhưng Cục Quản lý thị trường tỉnh vẫn giảm mạnh 14 bậc xuống vị trí thứ 15. Tiếp theo, Sở Tài nguyên và Môi trường và Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh giữ vị trí thứ 16 và 17 với 7,48 và 7,44 điểm; trong đó, Sở Tài nguyên và Môi trường tăng 0,44 điểm nhưng giảm 7 bậc, Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh tăng 0,51 điểm nhưng giảm 7 bậc so với năm 2020. Bám sát về điểm số, đứng thứ 18 là Cục Thuế tỉnh với 7,4 điểm (tăng 0,23 điểm nhưng giảm mạnh 12 bậc so với năm 2020). Sở Y tế và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cùng giảm nhẹ về điểm (giảm 0,81 điểm và 0,94 điểm) so với năm 2020, lần lượt giảm 11 bậc và 4 bậc, giữ vị trí thứ 19 và 20. Vị trí cuối cùng thuộc về Chi cục Hải quan Cửa khẩu Cảng tỉnh chỉ với 3,53 điểm (giảm mạnh 3,57 điểm, dẫn đến giảm 14 bậc so với năm 2020).

Hình 2. 13 Mức độ cải thiện điểm số chỉ số Cạnh tranh bình đẳng của khối SBN năm 2023 so với năm 2020



Chỉ số Cạnh tranh bình đẳng của khối SBN được cấu thành từ 5 chỉ tiêu. Ngoại trừ nội dung liên quan sự phân biệt đối xử giữa các doanh nghiệp theo quy mô các chỉ tiêu còn lại đều có điểm trung bình rất cao (trên 95%). Cho thấy, khối SBN tỉnh Bình Thuận đang thực hiện khá tốt việc đảm bảo sự công bằng, bình đẳng và không phân biệt đối xử giữa các loại hình doanh nghiệp.

Theo kết quả khảo sát có 99,1% doanh nghiệp cho rằng họ không thấy có phân biệt đối xử giữa các loại hình doanh nghiệp trong việc giải quyết kiến nghị, khó khăn; có 96,7% doanh nghiệp cho biết không có sự phân biệt đối xử giữa các loại hình doanh nghiệp trong việc giải quyết các thủ tục hành chính; có 98,5% doanh nghiệp khẳng định

không nhận thấy sự ưu ái cho các doanh nghiệp lớn, doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp FDI cũng như không có việc gây cản trở, khó khăn cho DNNVV trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Ngoài ra, có 99,4% doanh nghiệp cho biết không có sân sau có quan hệ với cơ quan quản lý nhà nước.

Đối với sự bình đẳng trong tiếp cận thông tin, có 86,2% doanh nghiệp khẳng định không có sự phân biệt đối xử giữa các doanh nghiệp trong tiếp cận thông tin. Tuy nhiên, khoảng cách lớn về điểm số giữa đơn vị cao nhất và thấp nhất cho thấy vẫn có nơi, có lúc doanh nghiệp nhỏ và vừa khó tiếp cận được với các thông tin, cơ hội kinh doanh bình đẳng so với các doanh nghiệp khác.

Nhìn chung, khối SBN tỉnh Bình Thuận đã có những bước tiến đáng kể trong việc tạo dựng môi trường cạnh tranh bình đẳng. Hầu hết doanh nghiệp đánh giá cao sự minh bạch, công bằng của các cơ quan nhà nước. Tuy nhiên, vẫn cần chú trọng việc nâng cao ý thức về đạo đức nghề nghiệp, minh bạch hóa quy trình làm việc, tạo môi trường kinh doanh minh bạch, công bằng và thuận lợi hơn nữa cho doanh nghiệp ở một số cơ quan vào một số thời điểm nhất định.

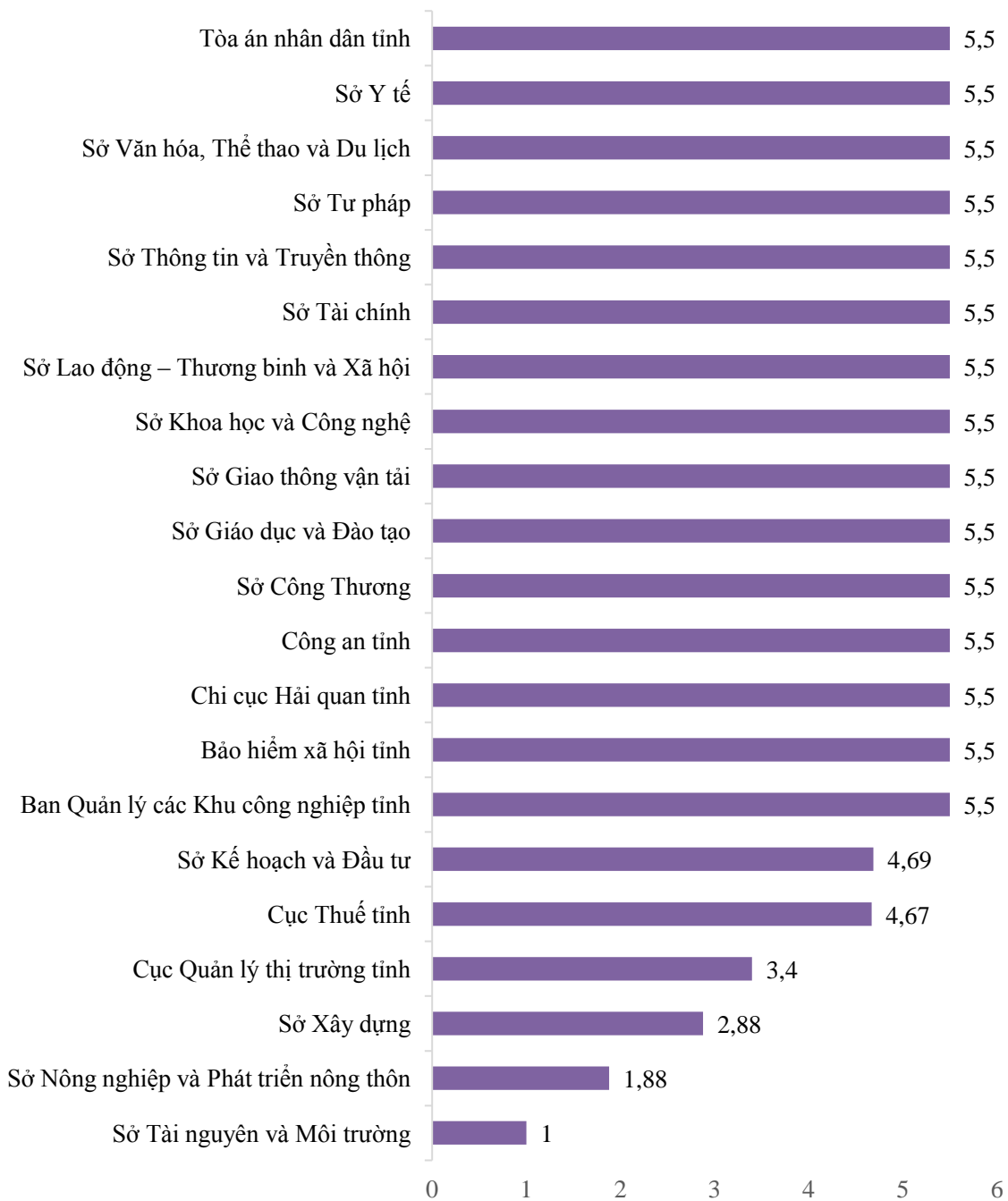
Bảng 2. 7 Điểm số trung bình các chỉ tiêu của chỉ số Cạnh tranh bình đẳng của khối SBN năm 2023

TT	Tên chỉ tiêu	Điểm trung bình toàn tỉnh	Điểm đơn vị cao nhất	Điểm đơn vị thấp nhất
1	Mức độ bình đẳng, không phân biệt đối xử giữa Doanh nghiệp (DN) lớn, Doanh nghiệp nhà nước (DNNN), Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (DN FDI) hơn Doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) trong việc tiếp cận thông tin, cơ hội kinh doanh	0,862	1,000	0,568
2	Mức độ bình đẳng, không phân biệt đối xử giữa DN lớn, DNNN, DN FDI hơn DNNVV trong việc giải quyết kiến nghị, khó khăn	0,991	1,000	0,946
3	Mức độ bình đẳng, không phân biệt đối xử giữa DN lớn, DNNN, DN FDI hơn DNNVV trong việc giải quyết các thủ tục hành chính nhanh chóng, đơn giản hơn	0,967	1,000	0,865
4	Việc ưu ái cho các DN lớn, DNNN, DN FDI gây cản trở, khó khăn cho DNNVV trong hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD)	0,985	1,000	0,909
5	Đánh giá mức độ thân hữu, doanh nghiệp sân sau có quan hệ với cơ quan quản lý nhà nước.	0,994	1,000	0,952

2.6. Chỉ số Hỗ trợ doanh nghiệp của khối SBN:

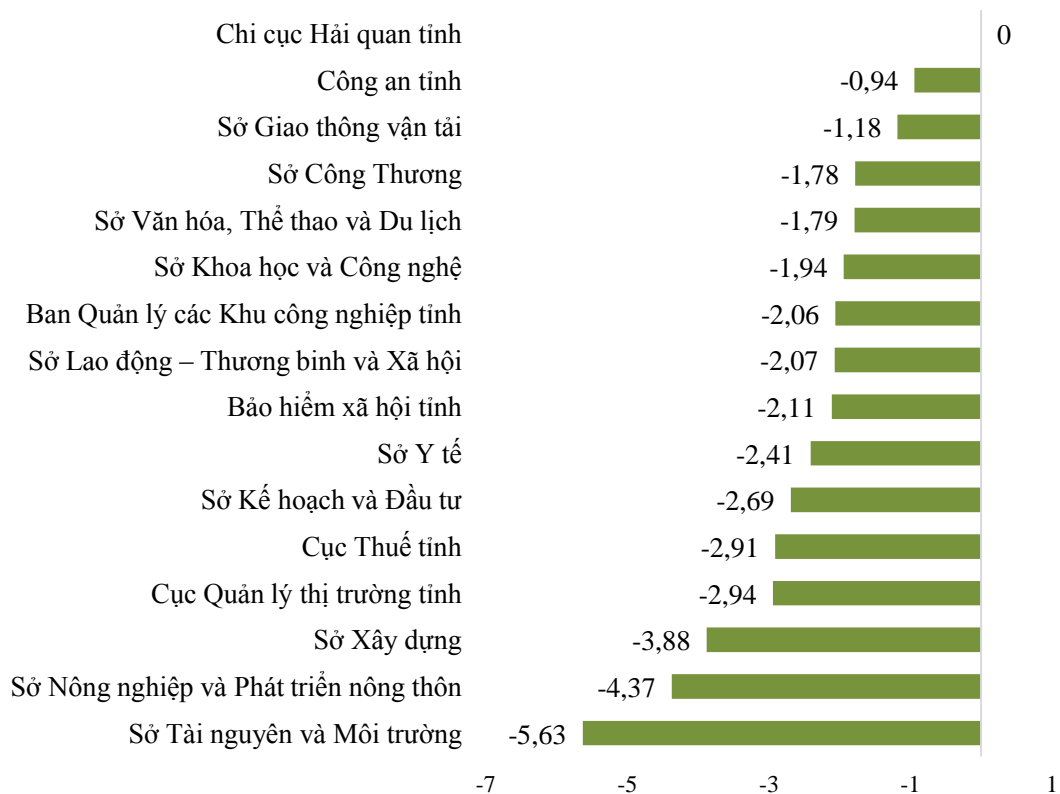
Điểm số trung bình của chỉ số thành phần Hỗ trợ doanh nghiệp của khối SBN tại Bình Thuận năm 2023 chỉ đạt 4,81 điểm, giảm rất mạnh so với mức 7,01 điểm năm 2020 cho thấy một số bất cập của các cơ quan tại Bình Thuận trong việc gặp gỡ, đối thoại để giải quyết khó khăn cho doanh nghiệp, cũng như hiệu quả của các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp do các cơ quan quản lý thực hiện. Ngoài ra, sự khác biệt lớn về điểm số giữa các cơ quan năm 2023 (4,5 điểm), thể hiện mức độ khác biệt trong việc hỗ trợ doanh nghiệp giữa các cơ quan là khá lớn và có xu hướng tăng mạnh so với năm 2020 (2,41 điểm).

Hình 2. 14 Xếp hạng Chỉ số Hỗ trợ doanh nghiệp khối SBN năm 2023



Chỉ số thành phần Hỗ trợ doanh nghiệp của khối SBN tại Bình Thuận ghi nhận: (i) Về điểm số so với 2020, ngoại trừ Chi cục Hải quan Cửa khẩu Cảng tỉnh không thay đổi về điểm số, còn lại 15/16 cơ quan đều giảm điểm so với năm 2020. Năm 2023, có 15/21 cơ quan cùng dẫn đầu với 5,5 điểm; điểm số cao nhất của năm 2023 (5,5 điểm) đúng bằng điểm số thấp nhất của năm 2020 (Chi cục Hải quan Cửa khẩu Cảng tỉnh). (ii) Về xếp hạng trong số 16 cơ quan được đánh giá, xếp hạng từ năm 2020, có 9/16 cơ quan có sự cải thiện, 1/16 cơ quan giữ nguyên vị trí và 6/16 cơ quan sụt giảm vị trí trên bảng xếp hạng năm 2023.

Hình 2. 15 Mức độ cải thiện điểm số chỉ số Hỗ trợ doanh nghiệp của khối SBN năm 2023 so với năm 2020



Trên bảng xếp hạng năm 2023, có 15 cơ quan đều dẫn đầu bảng xếp hạng với 5,5 điểm (trong đó có 5 cơ quan mới đưa vào xếp hạng: Toà án nhân dân tỉnh, Sở Tư pháp, Sở Thông tin và truyền thông, Sở Tài chính, Sở Giáo dục và đào tạo). Đáng chú ý, có 8/10 cơ quan đứng đầu trên bảng xếp hạng năm 2020 nằm trong danh sách 15 cơ quan dẫn đầu trên bảng xếp hạng năm 2023, cho thấy: (i) 5 cơ quan mới đưa vào xếp hạng là những cơ quan có sự hỗ trợ doanh nghiệp tốt của tỉnh Bình Thuận, (ii) không có nhiều xáo trộn về danh sách các cơ quan trong Top 10 năm 2020 so với Top 15 năm 2023.

Các cơ quan có điểm số Chỉ số Hỗ trợ doanh nghiệp thấp hơn mức trung bình của năm 2023 (4,81 điểm). Xếp thứ 16 và 17 là Sở Kế hoạch và Đầu tư và Cục Thuế tỉnh với 4,69 điểm và 4,67 điểm (giảm 2,69 điểm và 2,91 điểm, dẫn đến giảm 9 bậc và 14 bậc so với năm 2020). Cục Quản lý thị trường giảm 4 bậc và giữ vị trí thứ 18 với 3,4

điểm (giảm 2,94 điểm so với năm 2020). Sở Xây dựng và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn lần lượt giảm 3,88 điểm và 4,37 điểm so với năm 2020 dẫn đến việc giảm 4 bậc và 9 bậc, giữ vị trí thứ 19 và 20. Ở vị trí cuối cùng, Sở Tài nguyên và Môi trường giảm 9 bậc và giảm 5,63 điểm so với năm 2020, chỉ đạt 1 điểm.

Nhìn chung, hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp của các cơ quan tỉnh Bình Thuận trong năm 2023 có nhiều hạn chế; 4 cơ quan nằm ở phía cuối bảng xếp hạng cần kịp thời có giải pháp mạnh mẽ trong việc nâng cao hiệu quả của các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp và giải quyết các khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp nhằm cải thiện điểm số chỉ tiêu của Chỉ số thành phần hỗ trợ doanh nghiệp.

Chỉ số hỗ trợ doanh nghiệp của khối SBN được cấu thành từ 7 chỉ tiêu. Mặc dù chỉ số thành phần này của tỉnh Bình Thuận năm 2023 khối SBN có xu hướng giảm, nhưng các cơ quan vẫn nhận được đánh giá tốt về hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp như: Có 98,7% doanh nghiệp hài lòng với cách phản hồi/giải quyết các thủ tục, hồ sơ còn vướng mắc.

Bảng 2. 8 Điểm số trung bình chỉ tiêu của Chỉ số Hỗ trợ doanh nghiệp của khối SBN năm 2023

TT	Tên chỉ tiêu	Điểm trung bình toàn tỉnh	Điểm đơn vị cao nhất	Điểm đơn vị thấp nhất
1	Đánh giá mức độ tham gia của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh với các chương trình hỗ trợ từ cơ quan quản lý nhà nước.	1,000	1,000	1,000
2	Đánh giá công tác truyền thông, phổ biến chính sách pháp luật của sở, ban, ngành/chính quyền địa phương đến doanh nghiệp			
3	Đánh giá công tác truyền thông, hỗ trợ doanh nghiệp của sở, ban, ngành/chính quyền địa phương đến doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh.			
4	Đánh giá chất lượng về chương trình hỗ trợ doanh nghiệp của sở, ban, ngành/chính quyền địa phương đến doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh			
5	Đánh giá chất lượng hỗ trợ doanh nghiệp của sở, ban, ngành/chính quyền địa phương đến doanh nghiệp hợp tác xã, hộ kinh doanh.			
6	Đánh giá về mức độ tiếp thu, hỗ trợ của sở, ban, ngành/chính quyền địa phương đến doanh nghiệp hợp tác xã, hộ kinh doanh, sau các chương trình đối thoại.			

7	Đánh giá mức độ hài lòng với cách phản hồi/giải quyết các thủ tục, hồ sơ còn vướng mắc (chương trình hỗ trợ doanh nghiệp)	0,987	1,000	0,914
---	---	-------	-------	-------

2.7. Chỉ số Thiết chế pháp lý của khối SBN

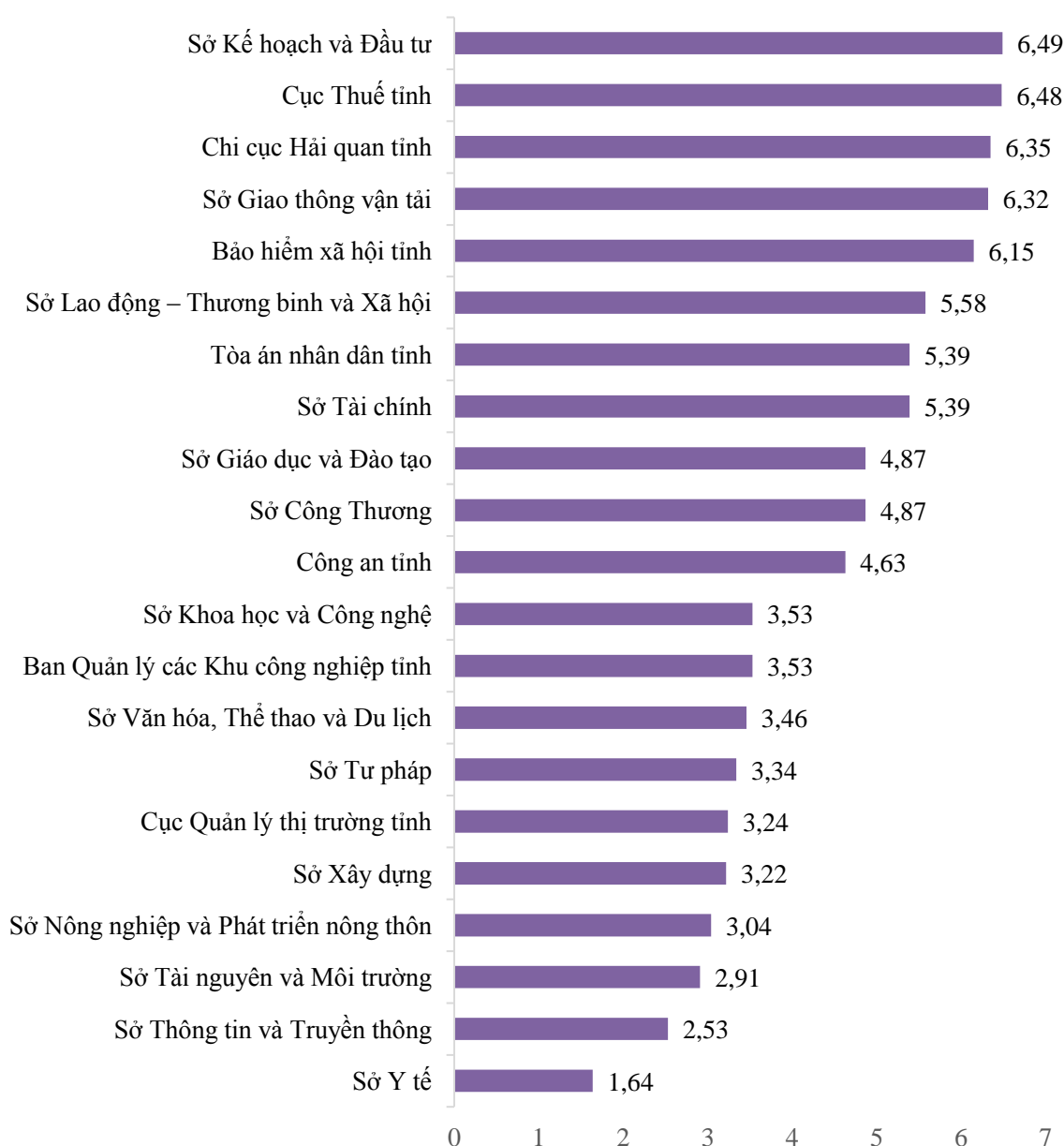
Điểm số trung bình của chỉ số thành phần Thiết chế pháp lý của khối SBN tại Bình Thuận năm 2023 chỉ đạt 4,43 điểm, sụt giảm mạnh so với mức 6,61 điểm năm 2020, cho thấy hạn chế của các cơ quan tại Bình Thuận trong việc thực thi pháp luật, giải quyết hiệu quả các tranh chấp, khiếu nại và hành vi nhũng nhiễu của cán bộ. Bên cạnh đó, sự khác biệt lớn về điểm số giữa các cơ quan năm 2023 (4,85 điểm), thể hiện mức độ khác biệt trong việc hỗ trợ doanh nghiệp giữa các cơ quan là rất lớn và có xu hướng tăng so với năm 2020 (0,69 điểm). Như vậy, chỉ số thành phần này ghi nhận 2 dấu hiệu cần phải xem xét: (i) Sự sụt giảm về điểm tuyệt đối, (ii) sự khác biệt ngày càng nhiều trong việc thực thi pháp luật ở các cơ quan.

Chỉ số thành phần Thiết chế pháp lý của khối SBN tại Bình Thuận ghi nhận: (i) Về điểm số so với năm 2020, có 1/16 cơ quan có sự cải thiện về điểm số và 15/16 cơ quan sụt giảm về điểm số. Năm 2023, có 5/21 cơ quan đạt ngưỡng 6,0 điểm; 3/21 cơ quan đạt ngưỡng trên 5,0 điểm; 3/21 cơ quan đạt ngưỡng 4,0 điểm; 7/21 cơ quan đạt ngưỡng 3,0 điểm và 3/21 cơ quan còn lại có điểm số rất thấp. (ii) Về xếp hạng trong số 16 cơ quan được đánh giá, xếp hạng từ năm 2020, có 4/16 cơ quan có sự cải thiện, 2/16 cơ quan giữ nguyên vị trí và 10/16 cơ quan sụt giảm vị trí.

Nằm trong Top 5 cơ quan dẫn đầu đối với chỉ số thành phần Thiết chế pháp lý đều là những cơ quan đã được đưa vào đánh giá từ năm 2020. Dẫn đầu là Sở Kế hoạch và Đầu tư (tăng rất mạnh 13 bậc so với năm 2020) với 6,49 điểm (tăng 0,08 điểm so với năm 2020). Giữ nguyên vị trí thứ hai trên bảng xếp hạng là Cục Thuế tỉnh với 6,48 điểm (giảm 0,05 điểm so với năm 2020). Mặc dù, giảm nhẹ về điểm số (giảm 0,28 điểm) nhưng Chi cục Hải quan Cửa khẩu Cảng tỉnh vẫn tăng rất mạnh, 12 bậc so với năm 2020 và giữ vị trí thứ ba với 6,35 điểm. Giữ vị trí thứ tư là Sở Giao thông vận tải với 6,32 điểm (giảm 0,42 điểm so với năm 2020). Bảo hiểm xã hội giảm 0,61 điểm và giảm 3 bậc và giữ vị trí thứ năm. Các cơ quan này là 5/21 cơ quan có điểm số đạt trên ngưỡng 6,0 điểm.

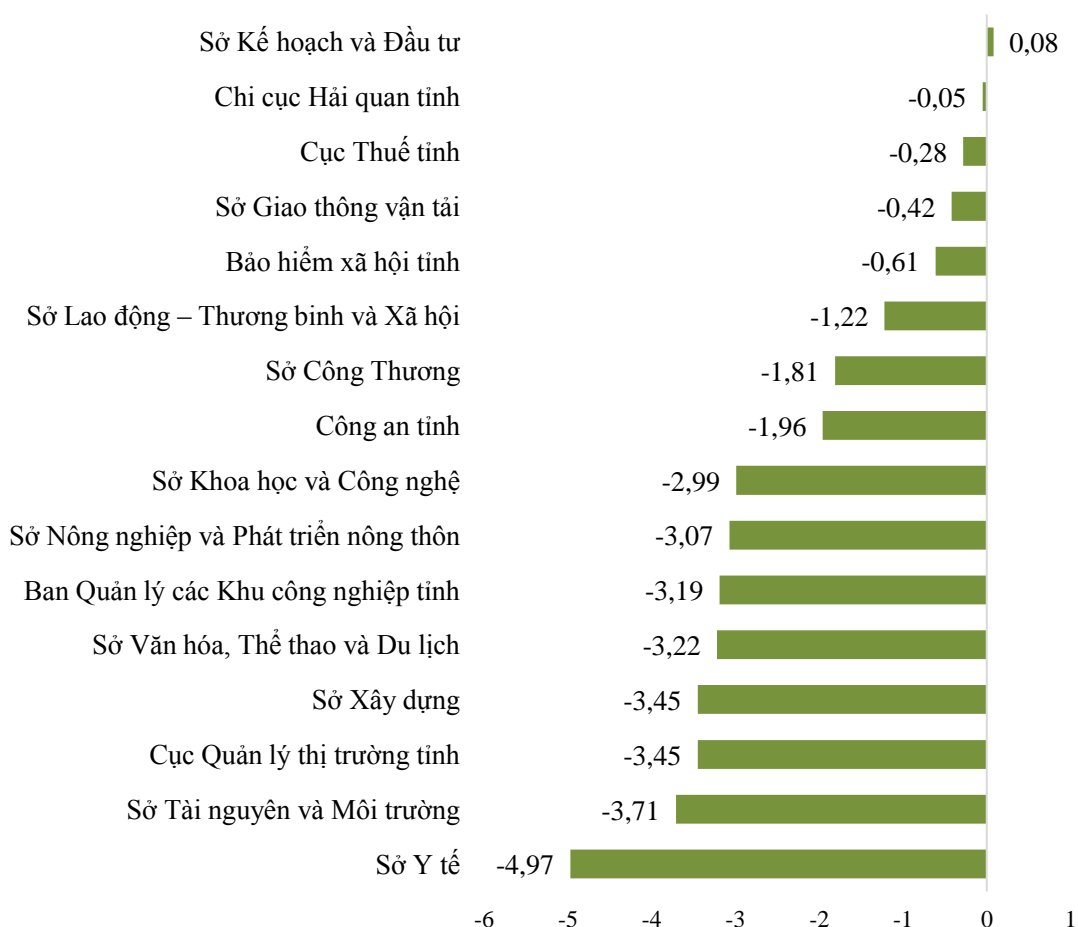
Giảm 5 bậc từ vị trí dẫn đầu năm 2020 xuống vị trí thứ sáu là Sở Lao động, Thương binh và Xã hội với mức giảm 1,22 điểm so với năm 2020 và chỉ đạt 5,58 điểm. Cùng giữ vị trí thứ bảy thuộc về các cơ quan mới được đưa vào đánh giá là Tòa án nhân dân tỉnh và Sở Tài chính (cùng đạt 5,39 điểm). Bám sát là Sở Giáo dục và Đào tạo và Sở Công thương cùng đạt 4,87 điểm và giữ vị trí thứ chín. Sở Công thương giảm 2 bậc và giảm 1,81 điểm so với năm 2020. Công an tỉnh giữ vị trí thứ 11 với 4,63 điểm (giảm 1,96 điểm nhưng tăng 1 bậc so với năm 2020). Đây cũng là các cơ quan có điểm số đối với chỉ số thành phần Thiết chế pháp lý cao hơn mức trung bình năm 2023 (4,43 điểm).

Hình 2. 16 Xếp hạng Chỉ số Thiết chế pháp lý của khối SBN năm 2023



Cùng giữ vị trí thứ 12 trên bảng xếp hạng năm 2023 với 3,53 điểm nhưng Sở Khoa học và Công nghệ tăng 1 bậc và giảm 2,99 điểm so với năm 2020; còn Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh giảm 3,19 điểm và giảm 8 bậc so với năm 2020. Ở vị trí thứ 14 là Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch với 3,46 điểm (giảm 3,22 điểm và giảm 7 bậc so với năm 2020). Sở Tư pháp đạt 3,34 điểm và giữ vị trí thứ 15 trên bảng xếp hạng. Cùng giảm mạnh tương ứng 10 bậc và 8 bậc, giữ vị trí thứ 16 và 17 trên bảng xếp hạng năm 2023 là Cục Quản lý Thị trường và Sở Xây dựng với 3,24 điểm và 3,22 điểm (cùng giảm 3,45 điểm so với năm 2020). Đạt 3,22 điểm và giảm 2 bậc so với năm 2020, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giữ vị trí thứ 18. Sở Tài nguyên và Môi trường giảm 3,17 điểm so với năm 2020 và đạt 2,91 điểm, giữ vị trí thứ 19. Sở Thông tin và Truyền thông đứng ở vị trí thứ 20. Vị trí cuối cùng thuộc về Sở Y tế chỉ đạt 1,64 điểm, giảm mạnh về điểm số (4,97 điểm) và về thứ tự (10 bậc) so với năm 2020.

Hình 2. 17 Mức độ cải thiện điểm số chỉ số Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự của khối SBN năm 2023 so với năm 2020



Chỉ số Thiết chế pháp lý của khối SBN được cấu thành từ 3 chỉ tiêu. Các chỉ tiêu đều có điểm trung bình khá cao (trên 80%), cho thấy doanh nghiệp đánh giá cao trong việc thực thi pháp luật các cơ quan quản lý của tỉnh Bình Thuận.

Theo kết quả khảo sát, có 96,6% doanh nghiệp cho rằng không có tình trạng bao che và cơ quan nhà nước sẽ xử lý nghiêm cán bộ, công chức, viên chức có hành vi nhũng nhiễu. Tất cả doanh nghiệp được hỏi đều hài lòng với công tác giải quyết khiếu nại của cơ quan quản lý nhà nước. Mặc dù, có 81,4% doanh nghiệp cho rằng các cơ quan nhà nước đều tham mưu, giải quyết, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật hoặc tranh chấp của doanh nghiệp kịp thời, nhưng khoảng cách lớn về điểm số giữa đơn vị cao nhất và thấp nhất⁵ trong kết quả khảo sát cho thấy có nơi, có lúc vẫn xảy ra tình trạng các cơ quan nhà nước không tham mưu hoặc tham mưu không đúng, kịp thời để giải quyết các vấn đề nói trên.

⁵ Điểm đơn vị cao nhất là 0,954 điểm; điểm đơn vị thấp nhất là 0,667 điểm

Hình 2. 18 Điểm số trung bình các chỉ tiêu của chỉ số Thiết chế pháp lý của khối SBN năm 2023

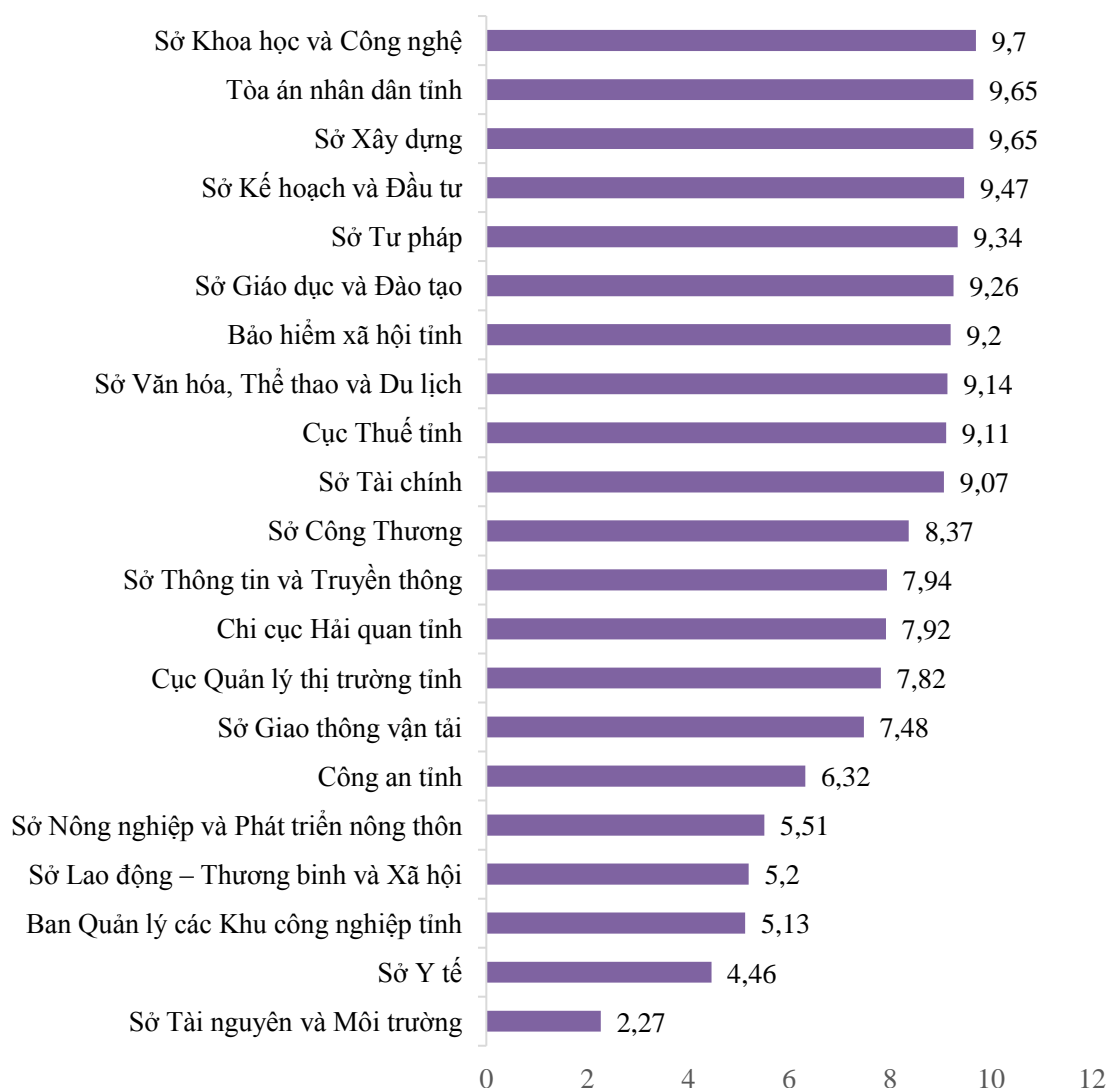
TT	Tên chỉ tiêu	Điểm trung bình toàn tỉnh	Điểm đơn vị cao nhất	Điểm đơn vị thấp nhất
1	Đánh giá về việc xử lý cán bộ, công chức, viên chức có hành vi nhũng nhiễu	0,966	1,000	0,909
2	Đánh giá về việc tham mưu, giải quyết, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật hoặc tranh chấp của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh	0,814	0,954	0,667
3	Đánh giá về việc mức độ hài lòng về công tác giải quyết khiếu nại của cơ quan quản lý nhà nước.	1,000	1,000	1,000

2.8. Chỉ số Ứng dụng công nghệ thông tin và triển khai chuyển đổi số của SBN

Điểm số trung bình của chỉ số thành phần chỉ số Ứng dụng công nghệ thông tin và triển khai chuyển đổi số của khối SBN tại Bình Thuận năm 2023 đạt 7,71 điểm, tăng nhẹ so với mức 7,24 điểm năm 2020 cho thấy nỗ lực của các cơ quan tại Bình Thuận trong việc cập nhật kịp thời, đầy đủ các chủ trương, chính sách và các văn bản liên quan đến doanh nghiệp, cũng như khả năng phản hồi ý kiến, giải đáp khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp trên công thông tin điện tử. Bên cạnh đó, sự chênh lệch khá lớn về điểm số giữa các cơ quan năm 2023 (7,43 điểm), thể hiện mức độ khác biệt về ứng dụng công nghệ thông tin và triển khai chuyển đổi số là tương đối lớn và có xu hướng tăng mạnh so với năm 2020 (3,42 điểm).

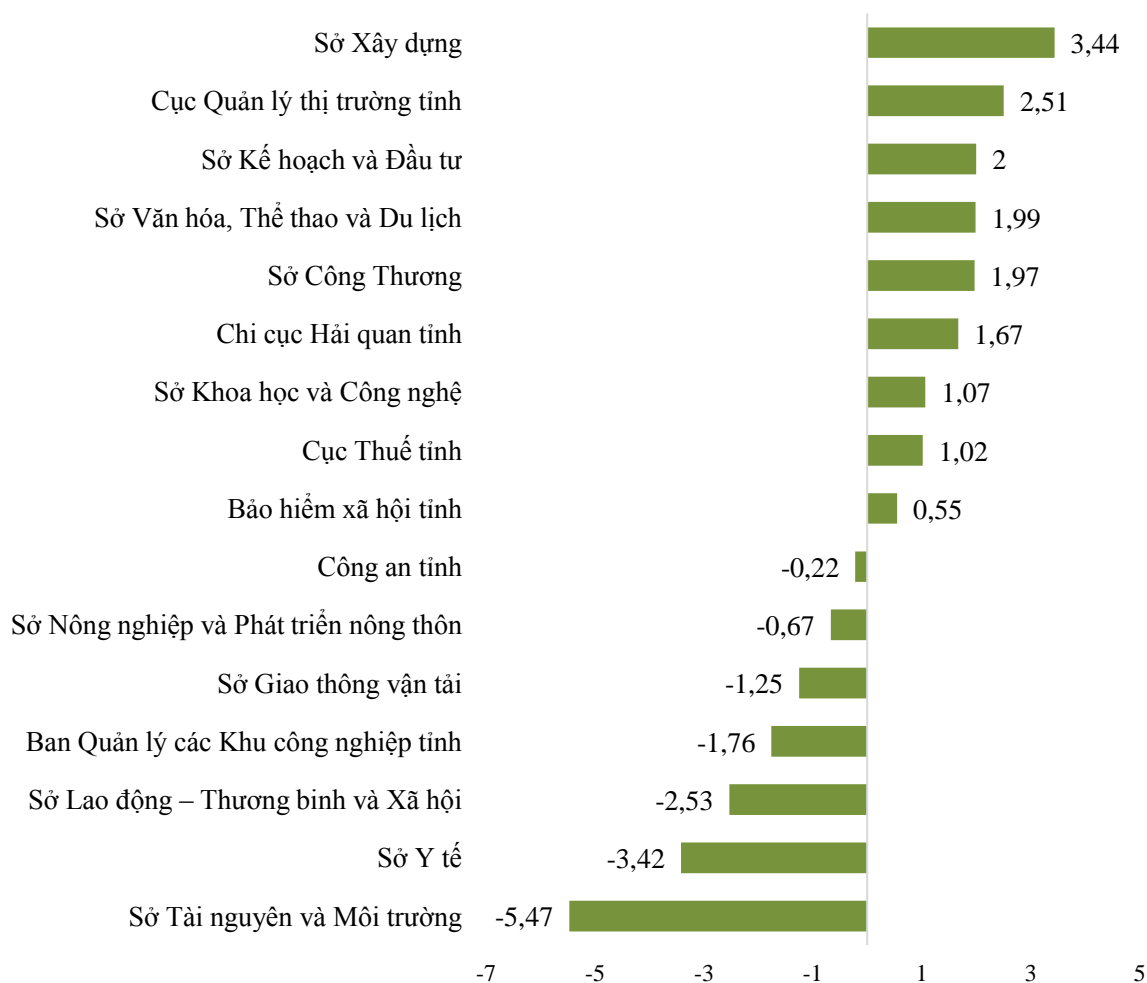
Chỉ số thành phần Ứng dụng công nghệ thông tin và triển khai chuyển đổi số của khối SBN tại Bình Thuận ghi nhận: (i) Về điểm số so với năm 2020, 9/16 cơ quan có sự cải thiện về điểm số và 7/16 cơ quan sụt giảm về điểm số. Năm 2023, có 10/21 cơ quan đạt ngưỡng 9,0 điểm; 1/21 cơ quan đạt ngưỡng 8,0 điểm; 4/21 cơ quan đạt ngưỡng 7,0 điểm; 1/21 cơ quan đạt ngưỡng 6,0 điểm; 3/21 cơ quan đạt ngưỡng 5,0 điểm và 2/21 cơ quan còn lại có số điểm rất thấp. (ii) Về xếp hạng trong số 16 cơ quan được đánh giá, xếp hạng từ năm 2020, 5/16 cơ quan có sự cải thiện, 1/16 cơ quan giữ nguyên vị trí và 10/16 cơ quan sụt giảm vị trí.

Hình 2. 19 Xếp hạng Chỉ số Ứng dụng công nghệ thông tin và triển khai chuyển đổi số của khối SBN năm 2023



Nằm trong Top 5 cơ quan dẫn đầu đối với chỉ số thành phần Ứng dụng công nghệ thông tin và triển khai chuyển đổi số, có 3 cơ quan đã được xếp hạng năm 2020. Sở Khoa học và Công nghệ dẫn đầu bảng xếp hạng với 9,7 điểm (tăng 1,07 điểm và tăng 2 bậc so với năm 2020). Cùng xếp ở vị trí thứ hai trên bảng xếp hạng năm 2023 với 9,65 điểm là Tòa án nhân dân tỉnh và Sở Xây dựng tăng mạnh nhất 3,44 điểm và tăng mạnh 12 bậc so với năm 2020. Vị trí thứ tư thuộc về Sở Kế hoạch và Đầu tư với 9,47 điểm (tăng 2,0 điểm và tăng 4 bậc so với năm 2020). Giữ vị trí thứ năm và thứ sáu là Sở Tư pháp (9,34 điểm) và Sở Giáo dục và Đào tạo (9,26 điểm). Bảo hiểm xã hội tỉnh mặc dù tăng 0,55 điểm nhưng vẫn giảm 5 bậc so với năm 2020 và giữ vị trí thứ bảy với 9,2 điểm. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch giữ vị trí thứ tám, tăng 1 bậc tăng 1,99 điểm, đạt 9,14 điểm. Cục Thuế tỉnh giữ vị trí thứ chín với 9,11 điểm (tăng 1,02 điểm nhưng vẫn giảm 5 bậc so với năm 2020). Sở Tài chính đứng thứ 10 với 9,07 điểm. Đây cũng là 10 cơ quan đạt điểm số năm 2023 trên ngưỡng 9,0 điểm.

Hình 2. 20 Mức độ cải thiện điểm số chỉ số Ứng dụng công nghệ thông tin và triển khai chuyển đổi số của SBN năm 2023 so với năm 2021



Vị trí thứ 11 trên bảng xếp hạng năm 2023 thuộc về Sở Công Thương với 8,37 điểm (tăng 1,97 điểm và tăng 1 bậc so với năm 2020). Sở Thông tin và Truyền thông đứng ở vị trí thứ 12 trên bảng xếp hạng năm 2023 với 7,94 điểm. Giữ nguyên vị trí thứ 13 trên bảng xếp hạng là Chi Cục Hải Quan cửa khẩu Cảng tỉnh với 7,92 điểm (tăng 1,67 điểm so với năm 2020). Cùng giảm 5 bậc, Cục Quản lý thị trường tỉnh và Công an tỉnh lần lượt các vị trí thứ 14 và 16 trên bảng xếp hạng năm 2023 với 7,82 điểm (tăng 2,51 điểm so với năm 2020) và 6,32 điểm (giảm 0,22 điểm so với năm 2020). Giảm 1,25 điểm so với năm 2020 và tương ứng 14 bậc từ vị trí dẫn đầu năm 2020 xuống vị trí thứ 15 là Sở Giao thông vận tải với 7,48 điểm. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giảm nhẹ 0,67 điểm so với năm 2020, tương ứng với giảm 2 bậc và giữ vị trí thứ 17 với 5,51 điểm. Vị trí thứ 18 và 19 trên bảng xếp hạng năm 2023 thuộc về Sở Lao động, Thương binh và Xã hội và Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh với 5,2 điểm và 5,13 điểm (giảm 2,53 điểm và 1,76 điểm, tương ứng giảm 11 bậc và 9 bậc so với năm 2020). Cùng giảm 15 bậc và giữ hai vị trí cuối bảng là Sở Y tế và Sở Tài nguyên và Môi trường khi hai cơ quan này chỉ đạt tương ứng 4,46 điểm và 2,27 điểm (giảm 3,42 điểm và 5,47 điểm so với năm 2020). Đây là các cơ quan cần có giải pháp mạnh mẽ, kịp thời để cải thiện điểm số Ứng dụng công nghệ thông tin và triển khai chuyển đổi số trong thời gian tới.

Chỉ số Ứng dụng công nghệ thông tin và triển khai chuyển đổi số của khối SBN được cấu thành từ 4 chỉ tiêu. Ngoài chỉ tiêu về cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành và văn bản quản lý hành chính có liên quan đến doanh nghiệp trên cổng thông tin điện tử, các chỉ tiêu đều có điểm trung bình rất cao (trên 95%). Điều này cho thấy theo đánh giá của các doanh nghiệp, xét về mặt tổng thể các cơ quan thuộc tỉnh Bình Thuận thực hiện khá tốt công tác ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số.

Theo kết quả khảo sát, có 97,2% doanh nghiệp hài lòng về chất lượng đường truyền và khả năng truy cập vào cổng thông tin điện tử. Có 96% doanh nghiệp cho rằng cổng thông tin điện tử đã đáp ứng dịch vụ hỏi, đáp/hỗ trợ trực tuyến. Ngoài ra, 98,1% doanh nghiệp khẳng định có thể dễ dàng tiếp cận các văn bản quy phạm pháp luật trên cổng thông tin của cơ quan quản lý. Đáng chú ý, có 83,8% doanh nghiệp cho rằng cơ quan quản lý có đăng tải và cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành và văn bản quản lý hành chính có liên quan đến doanh nghiệp. Tuy nhiên, khoảng cách về điểm số giữa đơn vị cao nhất và thấp nhất trong kết quả khảo sát vẫn còn. Điều này cho thấy, một số cơ quan nhà nước cần thực hiện tốt việc đăng tải và cập nhật các văn bản liên quan đến doanh nghiệp trong thời gian tới.

Hình 2. 21 Điểm số trung bình các chỉ tiêu của Chỉ số Ứng dụng công nghệ thông tin và triển khai chuyển đổi số của khối SBN 2023

TT	Tên chỉ tiêu	Điểm trung bình toàn tỉnh	Điểm đơn vị cao nhất	Điểm đơn vị thấp nhất
1	Đánh giá chất lượng đáp ứng truy cập của website.	0,972	1,000	0,909
2	Website có đáp ứng dịch vụ hỏi, đáp/hỗ trợ trực tuyến.	0,960	1,000	0,818
3	Đánh giá Website có đăng tải và cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành và văn bản quản lý hành chính có liên quan đến doanh nghiệp.	0,838	1,000	0,571
4	Đánh giá chất lượng tiếp cận các VBPL, chính sách,... trên Website của đơn vị.	0,981	1,000	0,886

II. TỔNG HỢP MỘT SỐ Ý KIẾN KHẢO SÁT CỦA CÁC DN, HTX, HKD ĐỐI VỚI KHỐI SBN

Ý kiến của cộng đồng doanh nghiệp là nguồn thông tin quý báu, giúp Tỉnh hiểu rõ hơn về những thách thức và cơ hội mà cộng đồng doanh nghiệp đang phải đối mặt. Các doanh nghiệp đã chia sẻ những góp ý liên quan đến quy trình hành chính, với những thách thức như tính rườm rà và phức tạp của thủ tục hành chính hoặc những lý do khác. Đồng thời, cộng đồng doanh nghiệp cũng nhấn mạnh về khó khăn trong việc tiếp cận nguồn vốn, một khía cạnh quan trọng đối với sự phát triển bền vững của họ. Tất cả những ý kiến này đều được tổng hợp một cách toàn diện; đây là cơ sở để đề xuất những biện pháp cụ thể nhằm cải thiện môi trường kinh doanh, tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của cộng đồng doanh nghiệp tại Bình Thuận.

Sau quá trình khảo sát và đánh giá Chỉ số DDCI tại 21 sở, ban, ngành tỉnh Bình Thuận, đã tổng hợp một số ý kiến từ các doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh theo Bảng 2.9:

Bảng 2. 9 Tổng hợp một số ý kiến khảo sát của các DN, HTX, HKD đối với khối SBN

SBN	Một số ý kiến, kiến nghị từ kết quả khảo sát
Sở Công thương	<ul style="list-style-type: none"> - Công khai niêm yết các thủ tục hành chính, các khoản phí, lệ phí trên trang website của Sở Công thương; - Bố trí, sắp xếp công chức có trình độ chuyên môn, năng lực tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả; - Tổ chức, công khai lấy ý kiến của doanh nghiệp khi xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật; - Tích cực đăng tin các hoạt động xúc tiến thương mại, khuyến công, thông tin định hướng phát triển ngành; - Cần đơn giản hóa quy trình, thủ tục hành chính.
Sở Tài nguyên và Môi trường	Giấy thường chậm so với quy trình thủ tục đo đạc giấy tờ đất không giải quyết kịp thời cho người dân.
Sở Y tế	Cơ quan nên xem lại các trang Web, và dịch vụ công trực tuyến, cần làm đơn giản, dễ thao tác để mọi người dân đều có thể sử dụng được nhằm giảm tải tại các cơ quan, cũng như giảm thời gian đi lại cho người dân.
Sở Giáo dục và Đào tạo	Nhóm trẻ Hòa Mi luôn được sự chỉ đạo kịp thời của các ban ngành.
Sở Kế hoạch và Đầu tư	Khi cấp giấy phép kinh doanh cho doanh nghiệp lần đầu (Kèm bản cứng mã ngành kinh doanh, để doanh

SBN	Một số ý kiến, kiến nghị từ kết quả khảo sát
	<p>ngiệp đọc hiểu và chọn ngành phù hợp, đỡ mất thời gian đi lại).</p> <p>Đề nghị được nhiều khảo sát như thế này, nhằm mục đích phục vụ cho doanh nghiệp phát triển.</p>
Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Mối liên hệ giữa cơ quan nhà nước và doanh nghiệp tốt.
Bảo hiểm xã hội tỉnh	Đề xuất Bảo hiểm xã hội thường xuyên tổ chức các buổi hội thảo triển khai về các chính sách mới hoặc các chính sách thay đổi liên quan đến Bảo hiểm xã hội để doanh nghiệp có dịp hỏi đáp trực tiếp. Tần suất 1 năm/1 lần là tối thiểu.

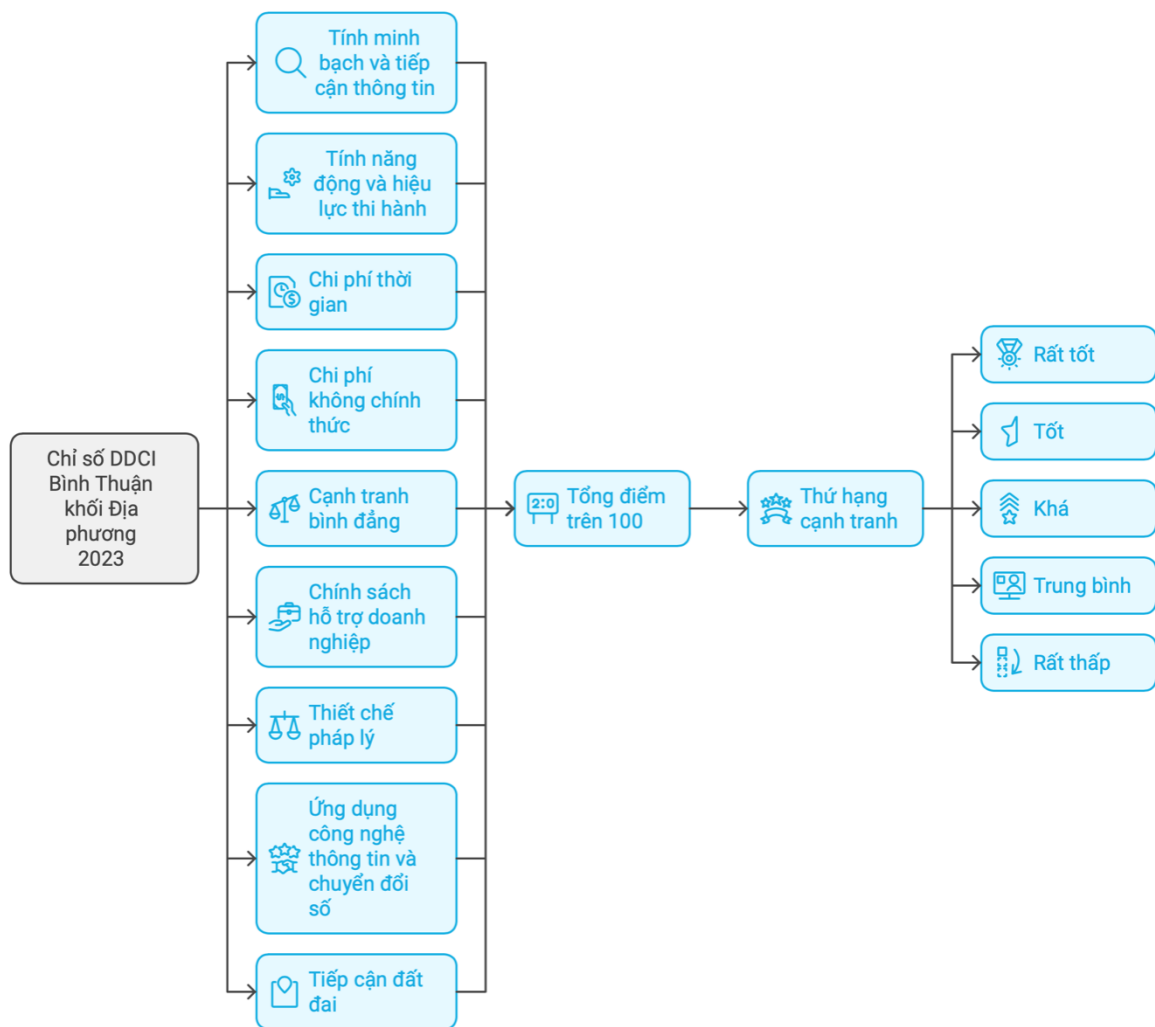
CHƯƠNG III.

CHỈ SỐ NĂNG LỰC CẠNH TRANH CỦA KHỐI ĐỊA PHƯƠNG

I. XẾP HẠNG DDCI BÌNH THUẬN NĂM 2023 KHỐI ĐỊA PHƯƠNG:

DDCI khối địa phương là một thước đo quan trọng, phản ánh hiệu quả hoạt động và năng lực cạnh tranh của chính quyền các địa phương trong việc kiến tạo và phát triển kinh tế. Bộ chỉ số này tập trung đánh giá chất lượng môi trường kinh doanh cũng như mức độ hỗ trợ của chính quyền địa phương đối với cộng đồng doanh nghiệp. Năm 2023, DDCI Bình Thuận khối địa phương được xây dựng dựa trên 9 chỉ tiêu chính và kết quả được phân thành 5 nhóm thứ hạng để đánh giá chi tiết cho từng địa phương.

Hình 3. 1 Nội dung các chỉ số và xếp hạng DDCI Bình Thuận năm 2023 khối địa phương

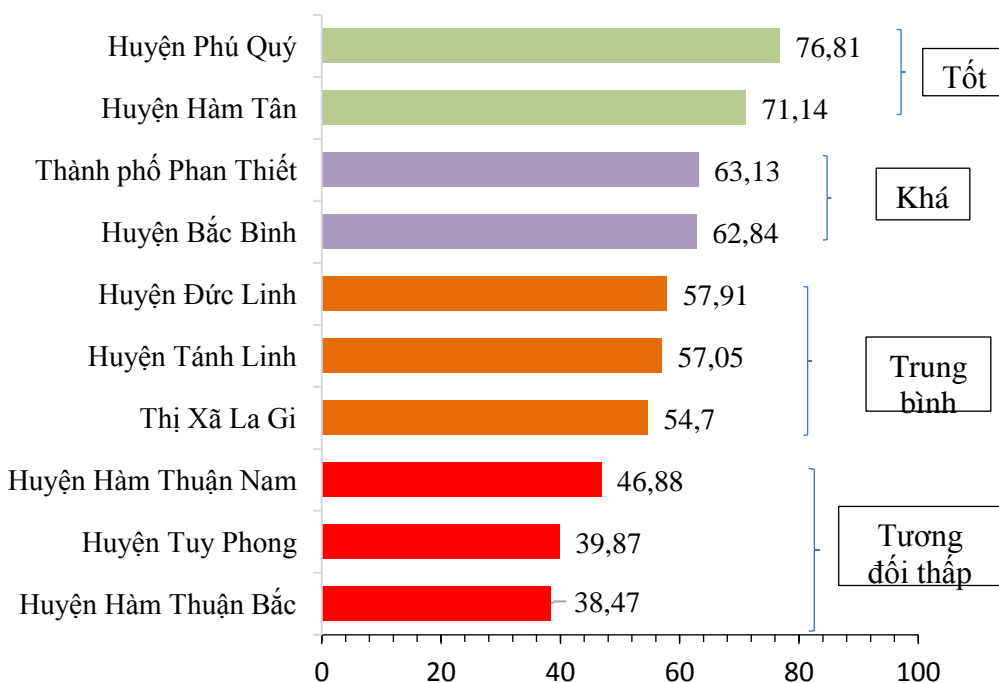


1. Kết quả tổng hợp DDCI Bình Thuận năm 2023 khối Địa phương

Căn cứ vào kết quả khảo sát, bảng xếp hạng DDCI Bình Thuận năm 2023 khối địa phương được chia thành 4 nhóm. Trong đó, có 2/10 địa phương xếp ở nhóm Tốt, 2/10 địa phương xếp ở nhóm Khá, 3/10 địa phương xếp ở nhóm Trung bình và 3/10 địa phương xếp ở nhóm Tương đối thấp, theo Hình 3.2.

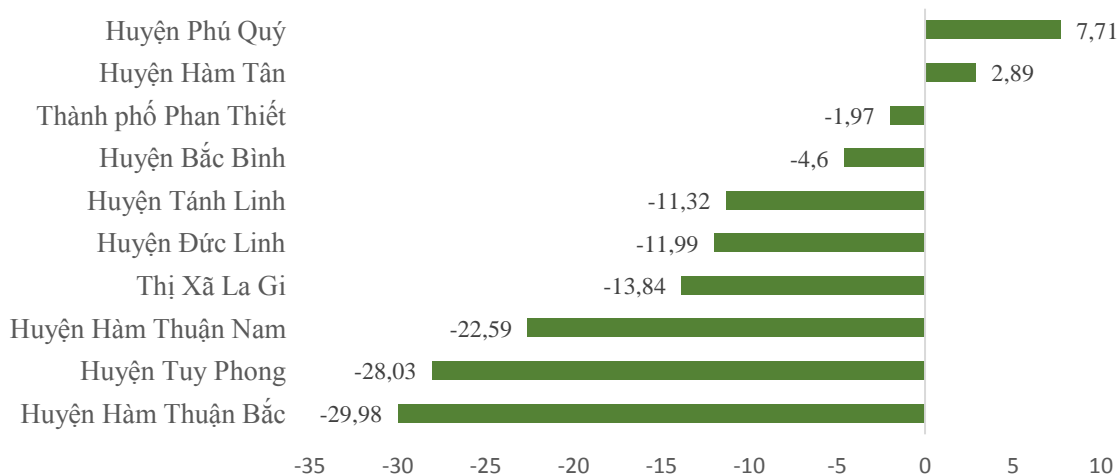
Điểm trung bình của khối địa phương năm 2023 là 56,88 điểm, thấp hơn so với mức 68,41 điểm của năm 2020, cho thấy khối địa phương đã có sự giảm điểm. Ngoài ra, giữa các địa phương có sự chênh lệch rất lớn (38,34 điểm) và có xu hướng tăng mạnh so với năm 2020 (4,8 điểm), thể hiện sự khác biệt về chất lượng chỉ số năng lực cạnh tranh năm 2023 giữa các địa phương ngày càng rõ nét.

Hình 3. 2 Xếp hạng chỉ số DDCI Bình Thuận năm 2023 khối địa phương



Đáng chú ý, cùng với mức độ sụt giảm chung về xếp hạng chỉ số năng lực cạnh tranh nói chung của khối địa phương Bình Thuận năm 2023, 2/10 địa phương có sự cải thiện là huyện Phú Quý (tăng 7,71 điểm) và huyện Hàm Tân (tăng 2,89 điểm). Có 8/10 địa phương ghi nhận giảm điểm so với năm 2020, trong đó 3 địa phương ghi nhận mức giảm rất mạnh so với năm 2020 là huyện Hàm Thuận Bắc (giảm 29,98 điểm), huyện Tuy Phong (giảm 28,03 điểm) và huyện Hàm Thuận Nam (giảm 22,59 điểm); mức giảm mạnh được ghi nhận với 3 địa phương là thị xã La Gi, huyện Đức Linh và huyện Tánh Linh.

Hình 3. 3 Mức độ cải thiện điểm số DDCI Bình Thuận năm 2023 so với năm 2020 khối địa phương



Theo kết quả khảo sát ghi nhận, một số địa phương có số lượng chỉ số thành phần năm 2023 tăng nhiều nhất là huyện Phú Quý (6/9 chỉ số thành phần tăng), tiếp đến là huyện Hàm Tân và huyện Bắc Bình (5/9 chỉ số thành phần tăng). Các địa phương còn lại năm 2023 có số lượng chỉ số thành phần tăng ít hơn số lượng chỉ số thành phần so với năm 2020. Đáng chú ý là huyện Hàm Thuận Nam với 9/9 chỉ số đều giảm, tiếp đến là 03 huyện: Huyện Đức Linh, huyện Tuy Phong, huyện Hàm Thuận Bắc với 8/9 chỉ số thành phần giảm so với năm 2020. Thực trạng này phù hợp với xu hướng giảm điểm chung của chỉ số năng lực cạnh tranh khối địa phương tỉnh Bình Thuận năm 2023.

Bảng 3. 1 Điểm số DDCI khối địa phương năm 2023 so với năm 2020

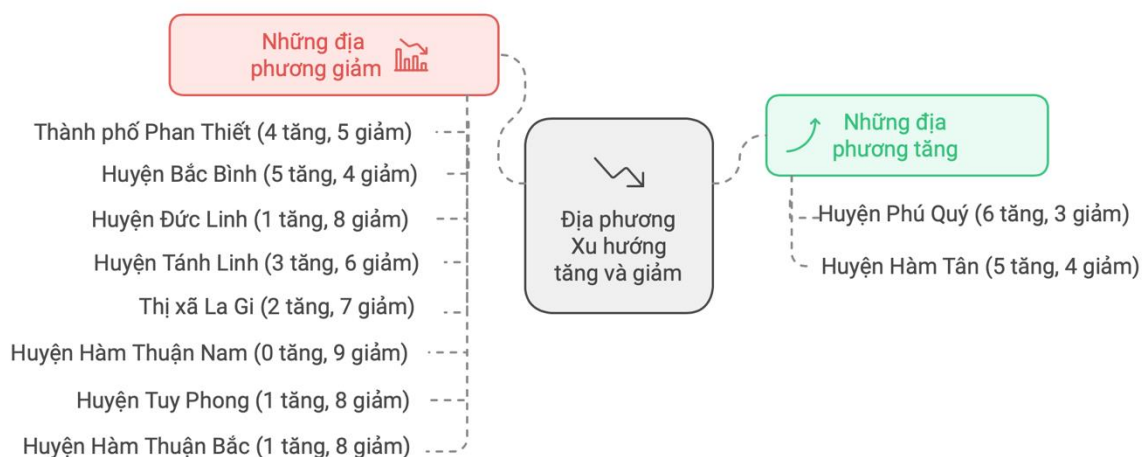
TT	Đơn vị SBN	DDCI 2020	DDCI 2023	Nhóm	Chỉ số tăng	Chỉ số giảm
1	Huyện Phú Quý	69,10	76,81	Tốt	6	3
2	Huyện Hàm Tân	68,25	71,14	Tốt	5	4
3	Thành phố Phan Thiết	65,10	63,13	Khá	4	5
4	Huyện Bắc Bình	67,44	62,84	Khá	5	4
5	Huyện Đức Linh	69,90	57,91	Trung bình	1	8
6	Huyện Tánh Linh	68,35	57,05	Trung bình	3	6
7	Thị xã La Gi	68,54	54,7	Trung bình	2	7
8	Huyện Hàm Thuận Nam	69,47	46,88	Tương đối thấp	0	9
9	Huyện Tuy Phong	67,90	39,87	Tương đối thấp	1	8
10	Huyện Hàm Thuận Bắc	68,45	38,47	Tương đối thấp	1	8

Hình 3. 4 So sánh các chỉ số DDCI tỉnh Bình Thuận năm 2023 khối địa phương



Theo Hình 3.4 cho thấy ngoại trừ chỉ số thành phần Tính năng động và hiệu lực thi hành tăng nhẹ 0,63 điểm, từ mức 5,78 điểm (năm 2020) lên mức 6,36 điểm (năm 2023), 8/9 chỉ số thành phần còn lại đều giảm so với năm 2020. Đáng chú ý, chỉ số thành phần Hỗ trợ doanh nghiệp giảm mạnh nhất 2,48 điểm, từ mức 6,67 điểm (năm 2020) xuống mức 4,17 điểm (năm 2023), cho thấy hiệu quả của các Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp cũng như mức độ hiệu quả trong việc hỗ trợ doanh nghiệp sụt giảm mạnh. Chỉ số thành phần Chi phí thời gian giảm mạnh 2,19 điểm, từ mức 7 điểm (năm 2020) xuống mức 4,88 điểm (năm 2023), cho thấy thời gian doanh nghiệp phải bỏ ra để thực hiện các thủ tục hành chính, thời gian doanh nghiệp phải tạm dừng kinh doanh để các cơ quan chức năng thực hiện việc thanh tra, kiểm tra tăng lên khá nhiều. Chỉ số thành phần quan trọng khác là Thiết chế pháp lý cũng giảm 1,42 điểm, từ mức 6,31 điểm (năm 2020) xuống mức 4,8 điểm (năm 2023), cho thấy năng lực thực thi pháp luật, giải quyết hiệu quả các tranh chấp, khiếu nại các hành vi vi phạm của cán bộ công quyền cấp cơ sở có xu hướng giảm.

Hình 3.5 Biến động của các chỉ số thành phần DDCI Bình Thuận năm 2023 khối địa phương



Theo Hình 3.5, hai địa phương dẫn đầu và đều xếp loại “Tốt” là hai địa phương duy nhất có sự cải thiện về điểm số so với năm 2020. Trong đó, huyện Phú Quý vươn lên dẫn đầu bảng xếp hạng với 76,81 điểm (năm 2020 xếp thứ 8/10 địa phương). Đây là cũng là địa phương có điểm số năng lực cạnh tranh tăng vừa phải (tăng 7,71 điểm). Huyện Hàm Tân có điểm số năng lực cạnh tranh đạt 71,14 điểm, tăng nhẹ (tăng 2,89 điểm) so với năm 2020, qua đó giúp địa phương này tăng 6 bậc trên bảng xếp hạng (từ vị trí thứ bảy năm 2020 lên vị trí thứ hai năm 2023).

Cùng tăng 7 bậc trên bảng xếp hạng năm 2023 với huyện Phú Quý, đứng ở vị trí thứ ba trên bảng xếp hạng với 63,13 điểm là thành phố Phan Thiết (năm 2020 đứng thứ 10/10 địa phương). Ngoài ra, cùng tăng 5 bậc trên bảng xếp hạng năm 2023 với huyện Hàm Tân, đứng ở vị trí thứ tư trên bảng xếp hạng với 62,84 điểm là huyện Bắc Bình (năm 2020 đứng thứ 9/10 địa phương). Đây cũng là hai địa phương được xếp vào nhóm “Khá” năm 2023.

Nhóm “Trung bình” bao gồm 3 địa phương và giữ vị trí thứ năm đến thứ bảy. Giảm mạnh 11,99 điểm so với năm 2020, huyện Đức Linh sụt giảm 4 bậc từ vị trí dẫn đầu năm 2020 xuống vị trí thứ năm với 57,91 điểm. Tiếp tục duy trì vị trí thứ sáu là huyện Tân Linh với 57,05 điểm (giảm 11,32 điểm so với năm 2020). Vị trí thứ bảy thuộc về thị xã La Gi với 57,05 điểm (giảm 13,84 điểm và giảm 3 bậc so với năm 2020).

Ba vị trí cuối bảng thuộc về huyện Hàm Thuận Nam, huyện Tuy Phong và huyện Hàm Thuận Bắc đều được xếp vào nhóm “Tương đối thấp”.

Điểm số và kết quả xếp hạng chi tiết đối với các Chỉ số thành phần DDCI 2023 của khối địa phương tỉnh Bình Thuận được thể hiện ở Bảng 3. 2.

Bảng 3. 3 Kết quả xếp hạng, chỉ số thành phần DDCI Bình Thuận năm 2023 khối địa phương

TT	Huyện, thị xã, thành phố	Xếp hạng	Kết quả chi tiết chỉ số thành phần		
			Chỉ số thành phần	Điểm số	Xếp hạng
1	Huyện Phú Quý	1-Tốt	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	9,5	1
			Tính năng động và hiệu lực thi hành	7,07	2
			Chi phí thời gian	8,2	1
			Chi phí không chính thức	7,75	2
			Cạnh tranh bình đẳng	10	1
			Hỗ trợ doanh nghiệp	5,5	1
			Thiết chế pháp lý	5,5	4
			Ứng dụng công nghệ thông tin và triển khai chuyên đổi số	7,45	4
			Tiếp cận đất đai	10	1
2	Huyện Hàm Tân	2-Tốt	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	7,61	3
			Tính năng động và hiệu lực thi hành	6,99	3
			Chi phí thời gian	6,08	3
			Chi phí không chính thức	8,94	1
			Cạnh tranh bình đẳng	7,45	5
			Hỗ trợ doanh nghiệp	5,5	1
			Thiết chế pháp lý	4,86	7
			Ứng dụng công nghệ thông tin và triển khai chuyên đổi số	9,43	1
			Tiếp cận đất đai	7,8	3
3	Thành phố Phan Thiết	3-Khá	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	6,26	5
			Tính năng động và hiệu lực thi hành	6,41	5
			Chi phí thời gian	4,32	7
			Chi phí không chính thức	7,56	3
			Cạnh tranh bình đẳng	8,03	3
			Hỗ trợ doanh nghiệp	4,93	6
			Thiết chế pháp lý	4,88	6
			Ứng dụng công nghệ thông tin và triển khai chuyên đổi số	7,22	6
			Tiếp cận đất đai	8,01	2
4	Huyện Bắc Bình	4-Khá	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	5,32	6
			Tính năng động và hiệu lực thi hành	5,98	7
			Chi phí thời gian	5,87	4
			Chi phí không chính thức	7,49	5
			Cạnh tranh bình đẳng	8,05	2
			Hỗ trợ doanh nghiệp	5,5	1
			Thiết chế pháp lý	2,8	9
			Ứng dụng công nghệ thông tin và triển khai chuyên đổi số	8,58	2
			Tiếp cận đất đai	6,99	5
5	Huyện Đức Linh		Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	7,5	4
			Tính năng động và hiệu lực thi hành	5,25	9

TT	Huyện, thị xã, thành phố	Xếp hạng	Kết quả chi tiết chỉ số thành phần		
			Chỉ số thành phần	Điểm số	Xếp hạng
		5- Trung Bình	Chi phí thời gian	4,71	5
			Chi phí không chính thức	5,91	9
			Cạnh tranh bình đẳng	7,14	6
			Hỗ trợ doanh nghiệp	5,5	1
			Thiết chế pháp lý	5,85	2
			Ứng dụng công nghệ thông tin và triển khai chuyên đổi số	5,74	7
			Tiếp cận đất đai	4,48	9
6	Huyện Tánh Linh	6- Trung Bình	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	9,29	2
			Tính năng động và hiệu lực thi hành	8,12	1
			Chi phí thời gian	6,48	2
			Chi phí không chính thức	6,23	7
			Cạnh tranh bình đẳng	7,64	4
			Hỗ trợ doanh nghiệp	1	10
			Thiết chế pháp lý	6,17	1
			Ứng dụng công nghệ thông tin và triển khai chuyên đổi số	5,39	8
			Tiếp cận đất đai	6,67	6
7	Thị xã La Gi	7- Trung Bình	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	4,25	9
			Tính năng động và hiệu lực thi hành	6,25	6
			Chi phí thời gian	4,55	6
			Chi phí không chính thức	7,53	4
			Cạnh tranh bình đẳng	3,6	9
			Hỗ trợ doanh nghiệp	4	7
			Thiết chế pháp lý	5,38	5
			Ứng dụng công nghệ thông tin và triển khai chuyên đổi số	7,41	5
			Tiếp cận đất đai	7,09	4
8	Huyện Hàm Thuận Nam	8- Tương Đối Thấp	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	5,08	7
			Tính năng động và hiệu lực thi hành	5,18	10
			Chi phí thời gian	3,95	8
			Chi phí không chính thức	6,24	6
			Cạnh tranh bình đẳng	4,65	8
			Hỗ trợ doanh nghiệp	2,66	8
			Thiết chế pháp lý	2,5	10
			Ứng dụng công nghệ thông tin và triển khai chuyên đổi số	7,56	3
			Tiếp cận đất đai	5,87	7
9	Huyện Tuy Phong	9- Tương Đối Thấp	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	4,47	8
			Tính năng động và hiệu lực thi hành	5,76	8
			Chi phí thời gian	3,63	9
			Chi phí không chính thức	6,01	8
			Cạnh tranh bình đẳng	5	7
Hỗ trợ doanh nghiệp	1,58	9			

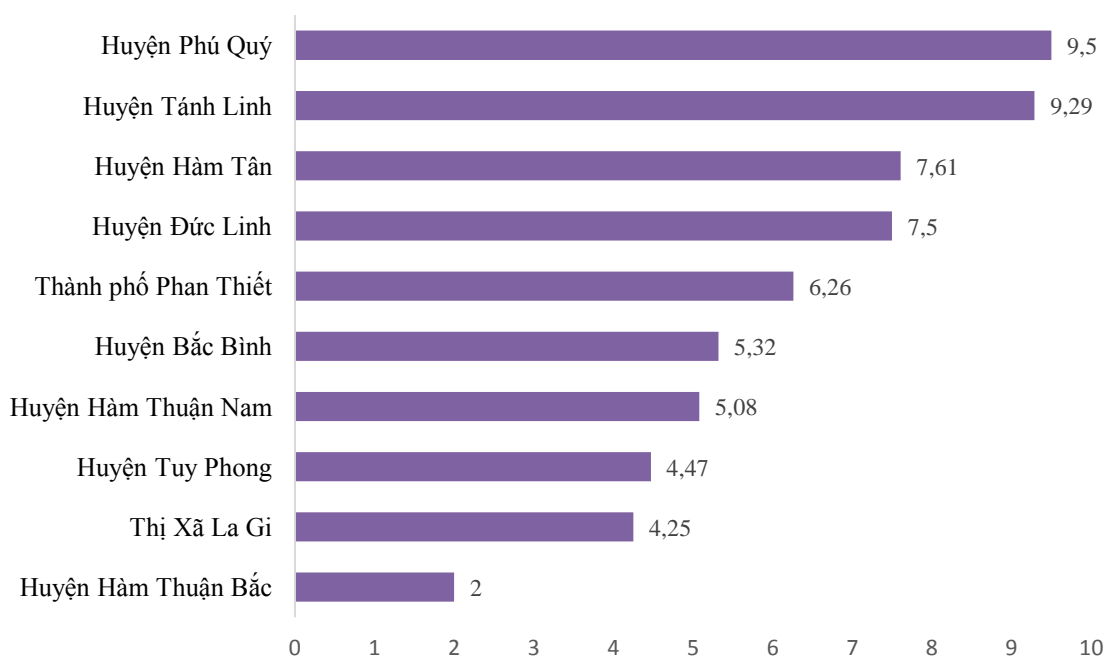
TT	Huyện, thị xã, thành phố	Xếp hạng	Kết quả chi tiết chỉ số thành phần		
			Chỉ số thành phần	Điểm số	Xếp hạng
			Thiết chế pháp lý	4,49	8
			Ứng dụng công nghệ thông tin và triển khai chuyển đổi số	2,21	10
			Tiếp cận đất đai	5,01	8
10	Huyện Hàm Thuận Bắc	10- Tương Đổi Thấp	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	2	10
			Tính năng động và hiệu lực thi hành	6,62	4
			Chi phí thời gian	1	10
			Chi phí không chính thức	3,78	10
			Cạnh tranh bình đẳng	2,12	10
			Hỗ trợ doanh nghiệp	5,5	1
			Thiết chế pháp lý	5,59	3
			Ứng dụng công nghệ thông tin và triển khai chuyển đổi số	5,37	9
			Tiếp cận đất đai	2,41	10

2. Kết quả 9 chỉ số thành phần khối địa phương

2.1. Chỉ số Tính minh bạch và tiếp cận thông tin của khối địa phương

Điểm số trung bình của chỉ số thành phần Tính minh bạch và tiếp cận thông tin của khối địa phương tại Bình Thuận năm 2023 đạt 6,13 điểm, giảm nhẹ so với mức 7,01 điểm năm 2020 cho thấy sự hạn chế của các địa phương trong việc nâng cao sự minh bạch và khả năng tiếp cận thông tin của doanh nghiệp.

Hình 3. 6 Xếp hạng Chỉ số Tính minh bạch và tiếp cận thông tin khối địa phương năm 2023

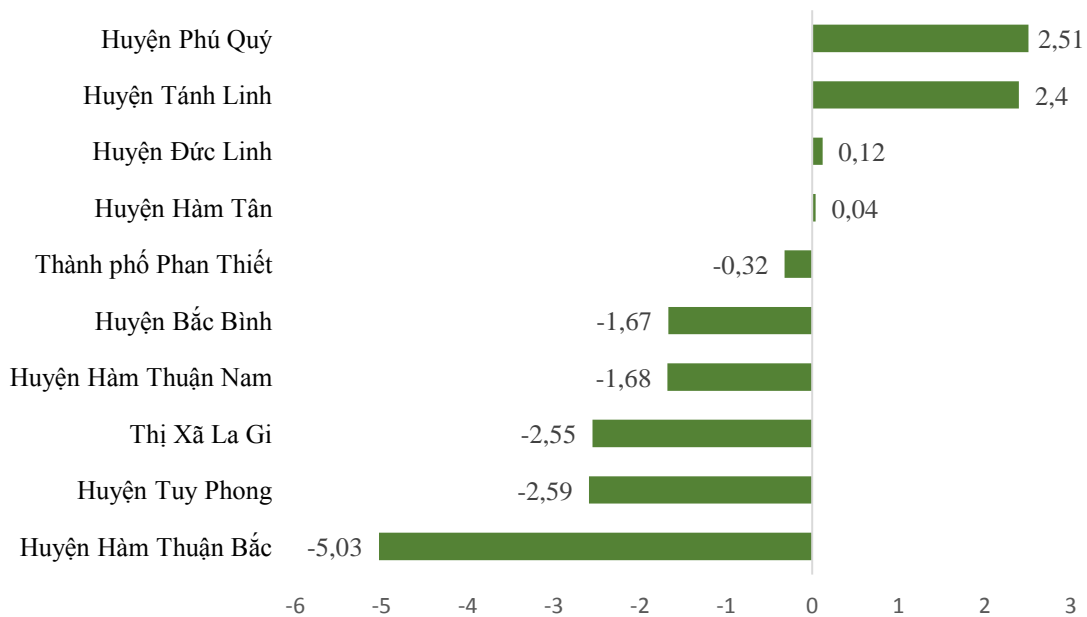


Chỉ số thành phần Tính minh bạch và tiếp cận thông tin của khối địa phương tại Bình Thuận ghi nhận 6/10 địa phương sụt giảm về điểm số và vị trí xếp hạng. Kết quả

chỉ số thành phần Tính minh bạch và tiếp cận thông tin của khối địa phương cho thấy sự có sự khác biệt cao (7,5 điểm) giữa các địa phương và có xu hướng tăng mạnh so với năm 2020 (0,99 điểm). Huyện Phú Quý và huyện Tánh Linh có sự tiến bộ rõ nét khi tăng tương ứng 5 bậc và 6 bậc so với năm 2020 và giữ hai vị trí đứng đầu với 9,5 điểm và 9,29 điểm. Đây cũng là hai địa phương có điểm số tăng mạnh nhất so với năm 2020, tương ứng là 2,51 điểm và 2,4 điểm. Cùng giảm 2 bậc, giữ các vị trí thứ ba và thứ tư là huyện Hàm Tân (7,61 điểm, tăng 0,04 điểm so với năm 2020) và huyện Đức Linh (7,5 điểm, tăng 0,12 điểm so với năm 2020). Tăng 5 bậc so với năm 2020, thành phố Phan Thiết chuyển từ vị trí cuối cùng lên vị trí thứ năm với 6,26 điểm (giảm nhẹ 0,32 điểm so với năm 2020).

Huyện Bắc Bình với 5,32 điểm (giảm 1,67 điểm so với năm 2020) giảm 1 bậc và giữ vị trí thứ sáu. Đứng ở vị trí thứ bảy là huyện Hàm Thuận Nam (tăng 2 bậc so với năm 2020) với 5,08 điểm (giảm 1,68 điểm so với năm 2020). Huyện Tuy Phong đạt 5,08 điểm, giảm 2,59 điểm so với năm 2020, nhưng tăng 2 bậc và xếp ở vị trí thứ tám. Vị trí thứ chín thuộc về thị xã La Gi với 4,47 điểm, giảm 2,25 điểm và giảm 1 bậc so với năm 2020. Đứng cuối bảng là huyện Hàm Thuận Bắc với điểm số rất thấp (2 điểm), giảm mạnh 5,3 điểm và giảm 6 bậc so với năm 2020.

Hình 3.7 Mức độ cải thiện điểm số Tính minh bạch và tiếp cận thông tin khối địa phương năm 2023 so với năm 2020



Điểm trung bình của chỉ số “Tính minh bạch và tiếp cận thông tin” giảm nhẹ từ mức 7,01 điểm (năm 2020) xuống mức 6,13 điểm (năm 2023), có 6/9 địa phương sụt giảm về điểm số năm 2023 so với năm 2020. Điển hình là huyện Hàm Thuận Bắc ghi nhận mức giảm cao nhất (5,03 điểm). Mức giảm khá mạnh thuộc về huyện Tuy Phong (2,59 điểm) và thị xã La Gi (2,55 điểm). Huyện Hàm Thuận Nam và huyện Bắc Bình có mức giảm vừa phải (1,68 điểm và 1,67 điểm) so với năm 2020. Huyện Phú Quý và huyện Tánh Linh ghi nhận mức tăng khá mạnh so với năm 2020 (2,51 điểm và 2,4 điểm), là nguyên nhân khiến các địa phương này dẫn đầu bảng xếp hạng.

Bảng 3.4 Điểm số trung bình các chỉ tiêu của chỉ số Tính minh bạch và tiếp cận thông tin của khối địa phương năm 2023

TT	Tên chỉ tiêu	Điểm trung bình toàn tỉnh	Điểm đơn vị cao nhất	Điểm đơn vị thấp nhất
1	Đánh giá về mức độ dễ dàng trong việc tiếp cận các thông tin, tài liệu theo quy định pháp luật từ cơ quan nhà nước.	0,967	1,000	0,972
2	Đánh giá về khả năng đáp ứng yêu cầu cung cấp thông tin từ Website của cơ quan nhà nước.	0,852	1,000	0,735
3	Đánh giá về việc có cần “mối quan hệ” với cơ quan nhà nước để tiếp cận các thông tin, tài liệu một cách dễ dàng, thuận lợi.	0,937	1,000	0,765
4	Đánh giá về mức độ tiếp cận các thông tin không được công bố công khai.	0,965	1,000	0,921

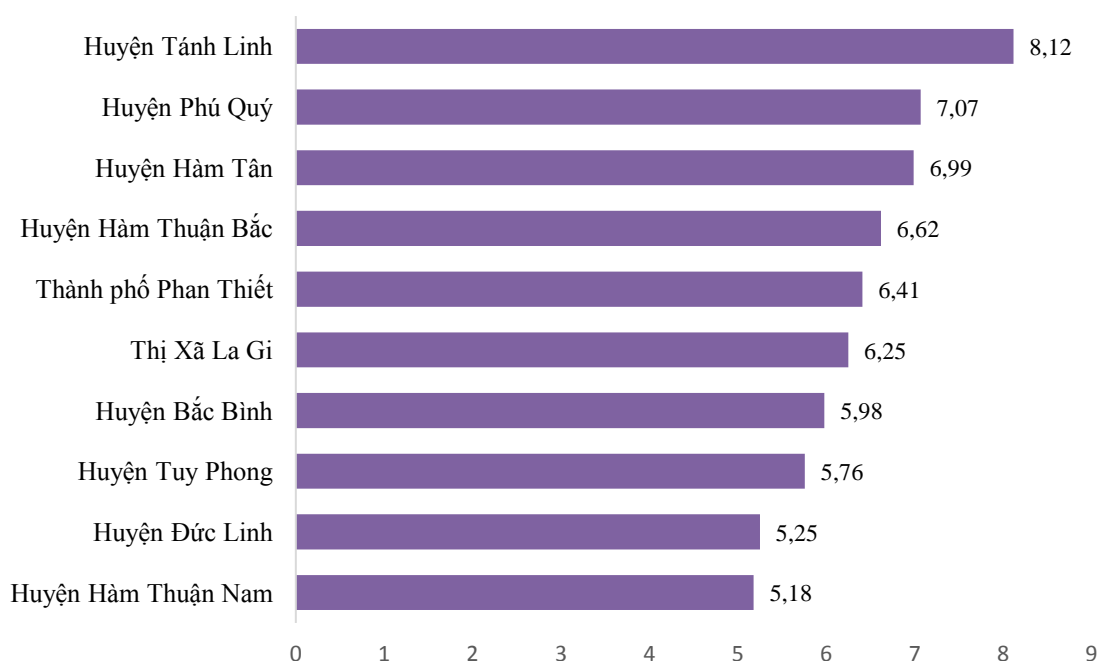
Chỉ số Tính minh bạch và tiếp cận thông tin của khối địa phương được cấu thành từ 4 chỉ tiêu. Các chỉ tiêu đều có điểm trung bình ở mức khá cao (trên 85%). Khối địa phương tỉnh Bình Thuận đang nỗ lực tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp trong việc tiếp cận thông tin. Điểm nổi bật là hầu hết các chỉ tiêu đều đạt điểm số cao và điều này thể hiện sự minh bạch trong việc cung cấp thông tin, tài liệu theo quy định pháp luật, công khai minh bạch về phí và lệ phí, cũng như sẵn sàng cung cấp thông tin, văn bản khi doanh nghiệp đề nghị.

Theo kết quả khảo sát, có 96,7% doanh nghiệp đánh giá việc tiếp cận thông tin như văn bản pháp luật, thủ tục hành chính, cơ chế và chính sách mới là dễ dàng; có 96,5% doanh nghiệp cho rằng họ có thể tiếp cận các thông tin không được công bố công khai; có 85,2% doanh nghiệp cho rằng các thông tin trên website là đầy đủ và đáp ứng được yêu cầu của doanh nghiệp. Ngoài ra, 93,7% doanh nghiệp khẳng định không cần “có quan hệ” với cơ quan nhà nước vẫn có thể tiếp cận được thông tin một cách thuận lợi. Tuy nhiên, khoảng cách lớn về điểm giữa đơn vị cao nhất và thấp nhất cho thấy vẫn còn một số địa phương, doanh nghiệp phải nhờ “mối quan hệ” mới có thể tiếp cận kịp thời và đầy đủ các nguồn thông tin quan trọng.

2.2. Chỉ số Tính năng động và hiệu lực thi hành của khối địa phương

Điểm số trung bình của chỉ số thành phần Tính năng động và hiệu lực thi hành của khối địa phương tại Bình Thuận năm 2023 đạt 6,36 điểm, tăng nhẹ so với mức 5,73 điểm năm 2020 cho thấy sự cải thiện về tính sáng tạo, sự linh hoạt của các cơ quan quản lý trong thực thi chính sách, các sáng kiến nhằm phát triển kinh tế tư nhân trong việc triển khai các hoạt động đầu tư, kinh doanh trên địa bàn.

Hình 3. 8 Xếp hạng Chỉ số Tính năng động và hiệu lực thi hành của khối địa phương năm 2023

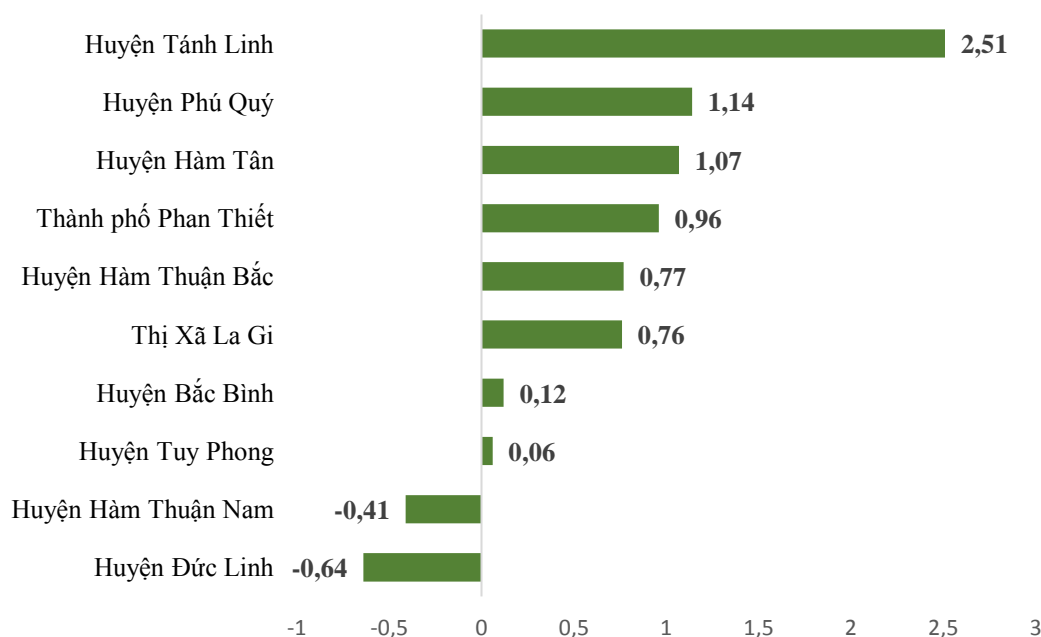


Chỉ số thành phần Tính năng động và hiệu lực thi hành của khối địa phương tại Bình Thuận ghi nhận 8/10 địa phương có sự cải thiện về điểm số; 6/10 địa phương có sự cải thiện vị trí trên bảng xếp hạng. Kết quả của một số địa phương dẫn đầu năm 2023 (huyện Tánh Linh, 8,12 điểm; huyện Phú Quý, 7,07 điểm; huyện Hàm Tân, 6,99 điểm...) khẳng định nỗ lực của các địa phương trong việc sáng tạo và khả năng phản ứng linh động trong quá trình thực thi chính sách của tỉnh Bình Thuận cũng như trong việc đưa ra các sáng kiến riêng nhằm phát triển khu vực kinh tế tư nhân. Huyện Hàm Thuận Nam (5,18 điểm) và huyện Đức Linh (5,25 điểm) là các địa phương đứng cuối bảng xếp hạng, cho thấy vẫn còn những hạn chế trong việc chủ động sáng tạo khi thực thi chính sách.

Theo kết quả khảo sát cho thấy sự khác biệt nhỏ (2,94 điểm) giữa các địa phương và có xu hướng tăng so với năm 2020 (0,48 điểm), thể hiện mức độ khác biệt trong việc đổi mới sáng tạo, sự linh hoạt trong quá trình thực thi chính sách giữa các địa phương ở mức vừa phải. Tuy nhiên, sự khác biệt này có xu hướng tăng nhẹ là dấu hiệu cần lưu ý trong việc thực thi chính sách của khối địa phương.

Huyện Tánh Linh vươn lên dẫn đầu với 8,12 điểm, tăng ấn tượng 2,51 điểm so với năm 2020. Huyện Hàm Thuận Bắc và thành phố Phan Thiết ghi nhận sự tiến bộ vượt bậc khi tăng lên vị trí thứ tư (6,62 điểm) và thứ năm (6,41 điểm). Thị xã La Gi, huyện Bắc Bình và huyện Tuy Phong lần lượt giữ vị trí thứ sáu, bảy và tám. Hai vị trí cuối thuộc về huyện Đức Linh (5,25 điểm) và huyện Hàm Thuận Nam (5,18 điểm), cho thấy cần có những giải pháp cải thiện năng lực cạnh tranh cho các địa phương này.

Hình 3. 9 Mức độ cải thiện điểm số Tính năng động và hiệu lực thi hành của khối địa phương năm 2023 so với năm 2020



Chỉ số Tính năng động và hiệu lực thi hành của khối địa phương được cấu thành từ 5 chỉ tiêu. Các chỉ tiêu đều có điểm trung bình khá cao (trên 85%). Điều này cho thấy, khối địa phương tỉnh Bình Thuận năng động, linh hoạt trong việc thực hiện các chính sách đã được ban hành.

Theo kết quả khảo sát, có 95,5% doanh nghiệp đánh giá cao việc đề xuất, tham mưu các chính sách, quy định cho tỉnh nhằm hỗ trợ, phát triển sản xuất kinh doanh của cơ quan nhà nước. Có 95,4% doanh nghiệp cho rằng không có hiện tượng trì hoãn/chậm trễ hoặc thực hiện không đúng các chủ trương, chính sách của tỉnh, trung ương tại cơ quan nhà nước cấp dưới. Có 95,8% doanh nghiệp khẳng định sự phù hợp hiệu quả, thiết thực của các chính sách, quy định hỗ trợ, phát triển sản xuất kinh doanh do cơ quan nhà nước tham mưu cho tỉnh. Đối với sự chủ động, sáng tạo của các địa phương, có 86% doanh nghiệp đánh giá cao sự mạnh dạn, sáng tạo trong việc triển khai các chủ trương, quyết định, chính sách,... của cơ quan nhà nước cấp trên; có 89,1% đánh giá cao vai trò của người đứng đầu cơ quan nhà nước trong công tác lãnh, chỉ đạo cải thiện môi trường kinh doanh, nhưng khoảng cách lớn về điểm giữa đơn vị cao nhất và thấp nhất cho thấy vai trò của người đứng đầu chưa được thể hiện rõ ở một số địa phương.

Bảng 3. 5 Điểm số trung bình các chỉ tiêu của chỉ số Tính năng động và hiệu lực thi hành của khối địa phương năm 2023

TT	Tên chỉ tiêu	Điểm trung bình toàn tỉnh	Điểm đơn vị cao nhất	Điểm đơn vị thấp nhất
1	Đánh giá về sự mạnh dạn, sáng tạo trong việc triển khai các chủ trương, quyết định, chính sách... của cơ quan nhà nước cấp trên.	0,860	1,000	0,751

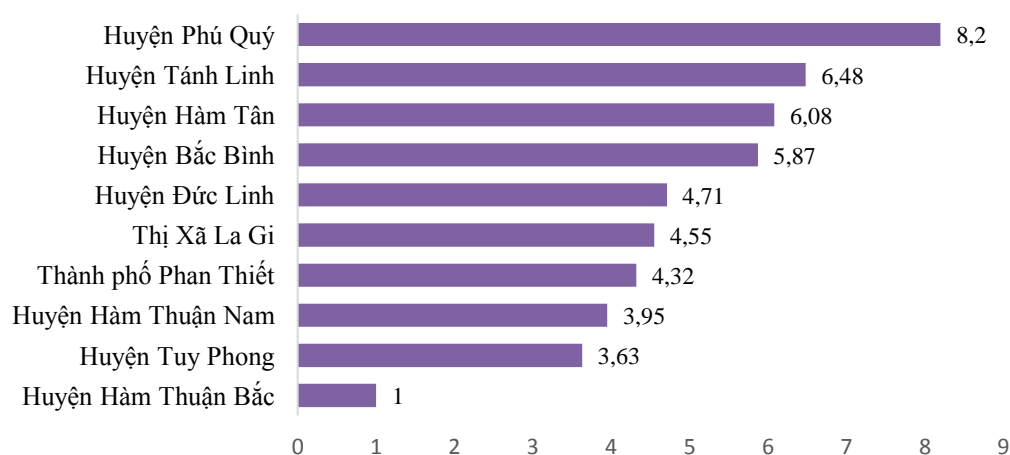
2	Đánh giá về mức độ đề xuất, tham mưu các chính sách, quy định cho tỉnh nhằm hỗ trợ, phát triển sản xuất kinh doanh của cơ quan nhà nước.	0,955	1,000	0,868
3	Đánh giá về hiện tượng trì hoãn/chậm trễ hoặc thực hiện không đúng các chủ trương, chính sách của tỉnh, trung ương tại cơ quan nhà nước cấp dưới.	0,954	1,000	0,815
4	Đánh giá về tính phù hợp, hiệu quả, thiết thực của các chính sách, quy định hỗ trợ, phát triển sản xuất kinh doanh do cơ quan nhà nước tham mưu cho tỉnh	0,958	1,000	0,895
5	Đánh giá về vai trò của người đứng đầu cơ quan nhà nước trong công tác lãnh, chỉ đạo cải thiện môi trường	0,891	1,000	0,769

2.3. Chỉ số Chi phí thời gian của khối địa phương:

Điểm số trung bình của chỉ số thành phần Chi phí thời gian của khối địa phương tại Bình Thuận năm 2023 chỉ đạt 4,89 điểm, giảm rất mạnh so với mức 7,07 điểm năm 2020 cho thấy các địa phương cần nỗ lực rất nhiều trong việc giảm bớt thời gian chờ đợi của khách hàng khi thực hiện các thủ tục hành chính cũng như phải tạm dừng kinh doanh để các cơ quan chính quyền địa phương thực hiện việc thanh tra, kiểm tra định kỳ và đột xuất. Đáng chú ý, đây cũng là một trong ba chỉ số thành phần năm 2023 có điểm số thấp nhất và nằm dưới ngưỡng 5 điểm⁶.

Chỉ số thành phần Chi phí thời gian của khối địa phương tại Bình Thuận ghi nhận 9/10 địa phương có sự cải thiện về điểm số (ngoại trừ huyện Phú Quý); 5/10 địa phương giảm vị trí trên bảng xếp hạng.

Hình 3. 10 Xếp hạng Chỉ số Chi phí thời gian của khối địa phương năm 2023



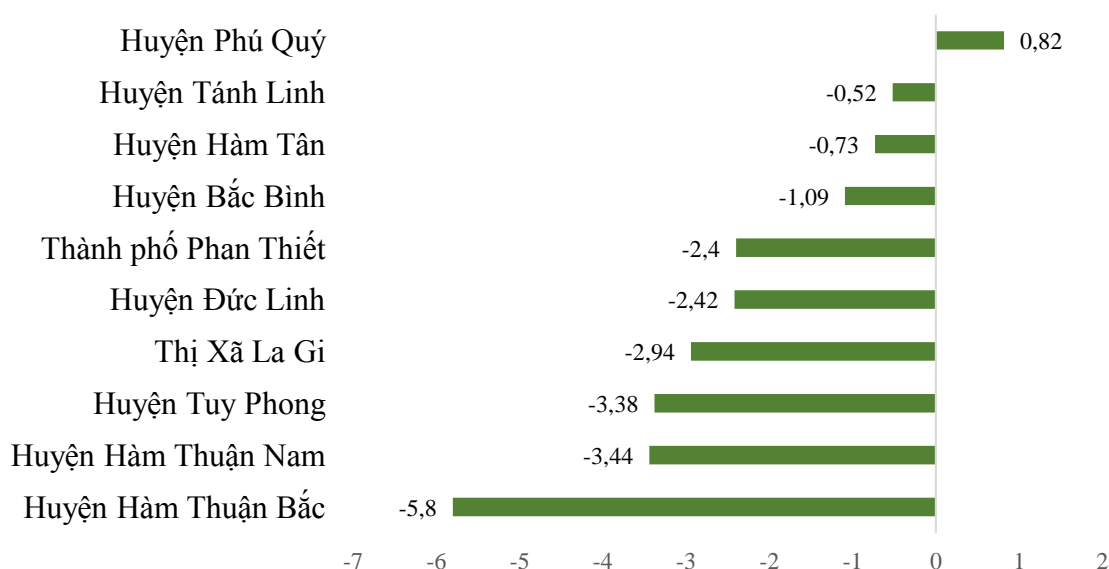
⁶ Điểm số các chỉ số thành phần năm 2023 khối địa phương: (1) Tỉnh minh bạch và tiếp cận thông tin: 6,13 điểm; (2) Tỉnh năng động và hiệu lực thi hành: 6,36 điểm; (3) Chi phí thời gian: 4,88 điểm; (4) Chi phí không chính thức: 6,74 điểm; (5) Cạnh tranh bình đẳng: 6,37 điểm; (6) Hỗ trợ doanh nghiệp: 4,18 điểm; (7) Thiết chế pháp lý: 4,8 điểm; (8) ứng dụng công nghệ thông tin và triển khai chuyển đổi số: 6,64 điểm; (9) Tiếp cận đất đai: 6,43 điểm.

Chỉ số thành phần Chi phí thời gian của khối địa phương tại Bình Thuận năm 2023 cho thấy giữa các địa phương thể hiện mức độ khác biệt rất lớn về thời gian mà doanh nghiệp phải chờ đợi để thực hiện các dịch vụ công. Đáng chú ý là sự khác biệt này có xu hướng tăng rất mạnh so với năm 2020 (0,77 điểm) cho thấy chi phí thời gian mà các doanh nghiệp phải chấp nhận khi thực hiện dịch vụ công ở các địa phương ngày càng khác nhau. Nguyên nhân có thể đến từ việc cán bộ quản lý chưa giải thích đầy đủ, kịp thời các thông tin cho doanh nghiệp. Sự khác biệt này có xu hướng tăng mạnh mẽ là dấu hiệu mà khối địa phương tỉnh Bình Thuận cần có biện pháp chấn chỉnh kịp thời.

Huyện Phú Quý là đơn vị duy nhất ghi nhận điểm số tăng so với năm 2020 (tăng nhẹ 0,82 điểm), đạt 8,2 điểm và nhờ đó tăng 2 bậc, vươn lên dẫn đầu. Giữ vị trí thứ hai nhưng có khoảng cách khá xa với địa phương dẫn đầu là huyện Tánh Linh với 6,48 điểm (giảm nhẹ 0,52 điểm, nhưng tăng 4 bậc so với năm 2020). Huyện Hàm Tân và huyện Bắc Bình cùng ghi nhận tăng tương ứng 5 bậc và 3 bậc, xếp ở vị trí thứ ba và thứ tư với số điểm tương ứng là 6,08 điểm (giảm 0,73 điểm so với năm 2020) và 5,87 điểm (giảm 1,09 điểm so với năm 2020). Vị trí thứ năm thuộc về huyện Đức Linh với 4,71 điểm (giảm 2,42 điểm và giảm 1 bậc so với năm 2020).

Đứng ở vị trí thứ sáu là thị xã La Gi với 4,55 điểm. Địa phương này giảm 2,94 điểm và giảm 5 bậc so với năm 2020. Tăng 3 bậc và giữ vị trí thứ bảy là thành phố Phan Thiết với 4,32 điểm (giảm 2,4 điểm so với năm 2020). Huyện Hàm Thuận Nam giảm mạnh 3,44 điểm so với năm 2020 (chỉ đạt 3,95 điểm) và giảm mạnh 6 bậc so với năm 2020, đứng ở vị trí thứ tám. Huyện Tuy Phong đứng ở vị trí thứ chín (giảm 4 bậc) với 3,63 điểm (giảm mạnh 3,38 điểm so với năm 2020). Vị trí cuối bảng thuộc về huyện Hàm Thuận Bắc chỉ với 1 điểm (giảm rất mạnh 5,8 điểm so với năm 2020) và có khoảng cách khá xa so với địa phương xếp liền kề trên bảng xếp hạng. Thời gian tới, huyện Hàm Thuận Bắc cần có giải pháp mạnh mẽ để cải thiện chỉ số Chi phí thời gian để thu hẹp khoảng cách với các địa phương khác trong tỉnh Bình Thuận.

Hình 3. 11 Mức độ cải thiện điểm số Chi phí thời gian của khối địa phương năm 2023 so với năm 2020



Chỉ số Chi phí thời gian của khối địa phương được cấu thành từ 9 chỉ tiêu. Các chỉ tiêu đều có điểm trung bình ở mức khá cao (trên 80%). Điều này cho thấy, các doanh nghiệp đánh giá khối địa phương đạt được kết quả tương đối tốt trong việc giải quyết thủ tục hành chính cho doanh nghiệp, bao gồm cả việc cắt giảm thủ tục hành chính và tư vấn cho doanh nghiệp về những lợi ích khi giải quyết công việc.

Theo kết quả khảo sát, có 96,4% doanh nghiệp đánh giá cao thời gian giải quyết công việc, thủ tục hành chính của cơ quan nhà nước; có 96,3% doanh nghiệp cho rằng không có tình trạng ùn đầy công việc tại cơ quan nhà nước. Đáng chú ý, 100% doanh nghiệp đánh giá tốt công tác thanh tra, kiểm tra năm 2023 của cơ quan quản lý nhà nước, thời gian trung bình của mỗi đợt thanh tra, kiểm tra là hợp lý; hoạt động của doanh nghiệp không bị ảnh hưởng nhiều bởi hoạt động thanh tra, kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước; không có sự chông chéo của các hoạt động thanh tra, kiểm tra và thực hiện đúng phạm vi thanh tra, kiểm tra theo quy định của cơ quan nhà nước.

Có 83,9% doanh nghiệp cho rằng việc giải quyết công việc, thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến hoặc dịch vụ bưu chính công ích dễ dàng thuận tiện. Ngoài ra, 81,4% doanh nghiệp khẳng định việc giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến hoặc dịch vụ bưu chính công ích, có được tư vấn hỗ trợ của cơ quan quản lý nhà nước, nhưng khoảng cách rất lớn về điểm giữa đơn vị cao nhất và thấp nhất cho thấy kết quả này chưa đồng nhất ở một số địa phương.

Bảng 3. 6 Điểm số trung bình các chỉ tiêu của chỉ số Chi phí thời gian của khối địa phương năm 2023

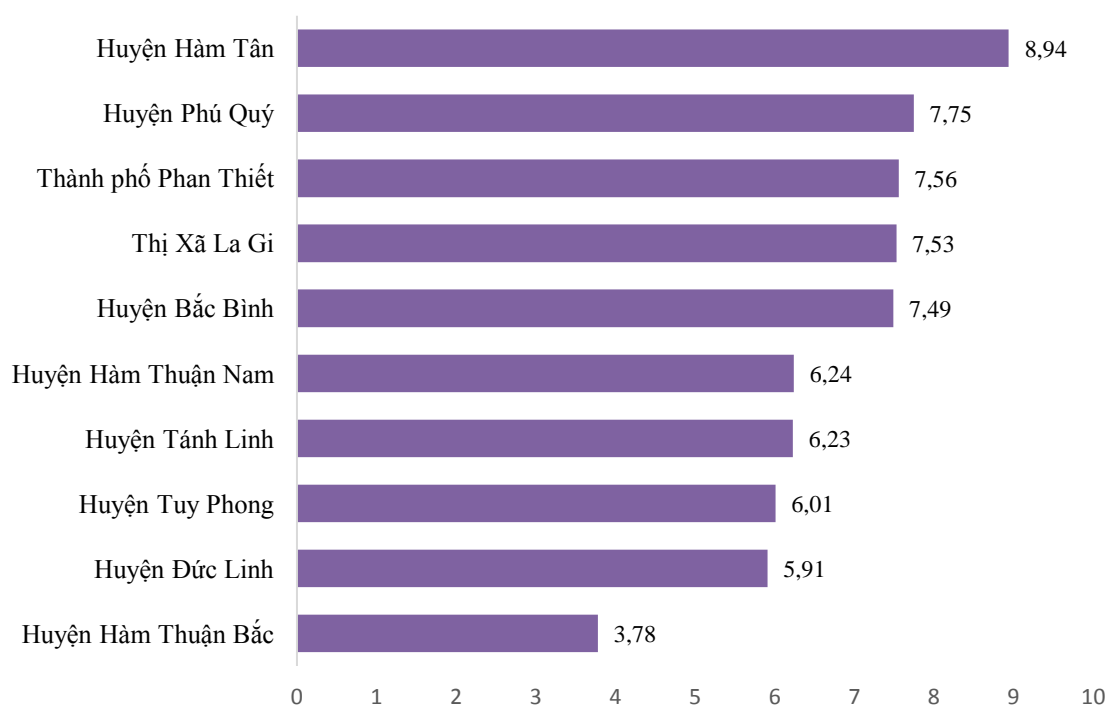
TT	Tên chỉ tiêu	Điểm trung bình toàn tỉnh	Điểm đơn vị cao nhất	Điểm đơn vị thấp nhất
1	Đánh giá về thời gian giải quyết công việc, thủ tục hành chính của cơ quan nhà nước	0,988	1,000	0,941
2	Đánh giá việc giải quyết công việc, thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến hoặc dịch vụ bưu chính công ích có dễ dàng thuận tiện hay không.	0,839	1,000	0,647
3	Đánh giá việc giải quyết công việc, thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến hoặc dịch vụ bưu chính công ích, có được tư vấn hỗ trợ của cơ quan quản lý nhà nước.	0,814	0,947	0,706
4	Đánh giá về tình trạng ùn đầy công việc tại cơ quan nhà nước	0,963	1,000	0,941
5	Đánh giá về tình trạng thanh tra, kiểm tra năm 2023 của cơ quan quản lý nhà nước với doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh	1,000	1,000	1,000
6	Đánh giá về thời gian trung bình của mỗi đợt thanh tra, kiểm tra			

TT	Tên chỉ tiêu	Điểm trung bình toàn tỉnh	Điểm đơn vị cao nhất	Điểm đơn vị thấp nhất
7	Đánh giá về mức độ ảnh hưởng hoạt động thanh tra, kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh			
8	Đánh giá về mức độ chông chéo của các hoạt động thanh tra, kiểm tra.			
9	Đánh giá về phạm vi thanh tra, kiểm tra theo quy định của cơ quan nhà nước.			

2.4. Chỉ số Chi phí không chính thức của khối địa phương:

Điểm số trung bình của chỉ số thành phần Chi phí không chính thức của khối địa phương tại Bình Thuận năm 2023 đạt 6,74 điểm, giảm so với mức 7,13 điểm năm 2020 cho thấy các địa phương đã hạn chế việc cán bộ quản lý sử dụng các quy định của nhà nước để trục lợi; giảm sự phiền hà, sách nhiễu, khó khăn cho doanh nghiệp cũng như các khoản chi phí không chính thức mà doanh nghiệp phải chi trả.

Hình 3. 12 Xếp hạng Chỉ số Chi phí không chính thức của khối địa phương năm 2023



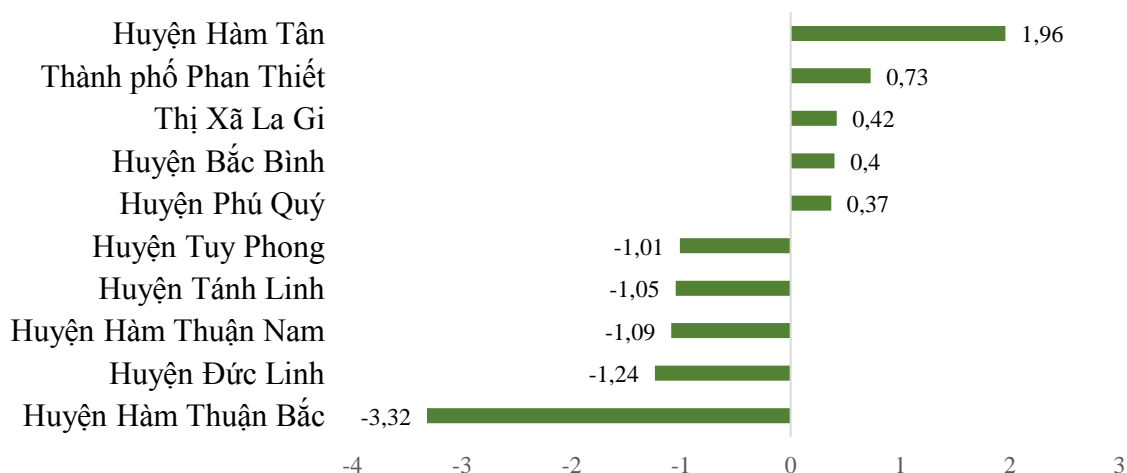
Chỉ số thành phần Chi phí không chính thức của khối địa phương tại Bình Thuận ghi nhận 5/10 địa phương có sự sụt giảm về điểm số; 1/10 địa phương giữ nguyên vị trí và 5/10 địa phương có sự sụt giảm vị trí trên bảng xếp hạng. Kết quả của một số địa phương dẫn đầu năm 2023 (huyện Hàm Tân, 8,94 điểm; huyện Phú Quý, 7,75 điểm; thành phố Phan Thiết, 7,56 điểm...) khẳng định nỗ lực của các địa phương trong việc cải thiện kiểm soát cán bộ sử dụng quy định để trục lợi và giảm bớt phiền hà, sách nhiễu,

khó khăn cho doanh nghiệp. Tuy nhiên, huyện Hàm Thuận Bắc (3,78 điểm) là địa phương đứng cuối bảng xếp hạng với điểm số giảm rất mạnh (3,32 điểm), cho thấy có khoản chi phí không chính thức phát sinh (thời gian, tài chính) mà doanh nghiệp phải chi trả khi sử dụng dịch vụ công của cơ quan quản lý.

Chỉ số thành phần Chi phí không chính thức của khối địa phương tại Bình Thuận năm 2023 cho thấy sự khác biệt lớn (5,16 điểm) giữa các địa phương và có xu hướng tăng mạnh so với năm 2020 (0,55 điểm), thể hiện mức độ khác biệt lớn giữa các địa phương về chi phí không chính thức (thời gian, tài chính) mà doanh nghiệp phải chấp nhận khi sử dụng các dịch vụ công. Nguyên nhân có thể đến từ việc cán bộ quản lý chưa giải thích rõ ràng về các quy định của nhà nước, sử dụng các quy định của nhà nước để gây phiền hà, sách nhiễu của cán bộ quản lý,... đối với doanh nghiệp. Thêm vào đó, sự gia tăng khác biệt giữa các địa phương cũng là vấn đề đáng lo ngại mà khối địa phương cần tiếp tục đề ra giải pháp khắc phục trong thời gian tới.

Huyện Hàm Tân vươn lên dẫn đầu về chỉ số Chi phí không chính thức tại Bình Thuận với 8,94 điểm, tăng 1,96 điểm và tăng 8 bậc so với năm 2020. Xếp sau là huyện Phú Quý (7,75 điểm) và thành phố Phan Thiết (7,56 điểm). Cả hai địa phương này đều có sự tiến bộ so với năm 2020, cụ thể Phú Quý tăng nhẹ 0,37 điểm và giảm 1 bậc, trong khi Phan Thiết tăng 0,73 điểm và tăng 7 bậc. Thị xã La Gi (7,53 điểm) và huyện Bắc Bình (7,49 điểm) lần lượt giữ vị trí thứ tư và năm, với La Gi tăng 0,42 điểm và tăng 1 bậc, Bắc Bình tăng 0,4 điểm và tăng 2 bậc. Nhóm dẫn đầu này đều vượt mức điểm trung bình của tỉnh (6,74 điểm). Tuy nhiên, một số địa phương lại cho thấy sự giảm điểm. Huyện Hàm Thuận Nam (6,24 điểm) và Tánh Linh (6,23 điểm) cùng tụt 4 bậc, lần lượt xuống vị trí thứ năm và sáu, đồng thời điểm số cũng giảm lần lượt 1,09 và 1,05 điểm so với năm 2020. Huyện Tuy Phong (6,01 điểm) giữ vị trí thứ tám, giảm 1,01 điểm so với năm 2020. Đức Linh (5,91 điểm) rơi xuống vị trí thứ chín, giảm 5 bậc và 1,24 điểm. Đáng chú ý, huyện Hàm Thuận Bắc đứng cuối bảng với 3,78 điểm, giảm mạnh 3,32 điểm và tụt 4 bậc so với năm 2020. Kết quả này cho thấy huyện Hàm Thuận Bắc cần có những biện pháp cải thiện quyết liệt.

Hình 3. 13 Mức độ cải thiện điểm số Chi phí không chính thức của khối địa phương năm 2023 so với năm 2020



Chỉ số Chi phí không chính thức của khối địa phương được cấu thành từ 4 chỉ tiêu. Các chỉ tiêu đều có điểm trung bình ở mức khá cao (trên 85%). Điều này cho thấy, theo đánh giá của doanh nghiệp, các địa phương tại Bình Thuận vẫn đang thành công trong việc kiểm soát chi phí không chính thức, giảm phiền hà cho doanh nghiệp; và chính quyền địa phương đang nỗ lực xây dựng môi trường kinh doanh minh bạch, hạn chế tối đa chi phí không chính thức, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp hoạt động hiệu quả.

Theo kết quả khảo sát, có 99,1% doanh nghiệp cho rằng họ không phải chi trả chi phí không chính thức cho cơ quan nhà nước so với doanh thu của doanh nghiệp; có 97,8% doanh nghiệp khẳng định không phải chi trả chi phí không chính thức trong hoạt động thanh, kiểm tra trong năm 2023; có 97% doanh nghiệp cho biết họ không phải trả chi phí không chính thức trong hoạt động thanh, kiểm tra trong năm 2023 so với năm 2020.

Có 87,3% doanh nghiệp cho rằng chi phí không chính thức không ảnh hưởng, tác động đến kết quả giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan nhà nước, nhưng khoảng cách lớn về điểm giữa đơn vị cao nhất và thấp nhất cho thấy có lúc, có nơi, doanh nghiệp vẫn phải chi trả các khoản chi phí không chính thức.

Bảng 3.7 Điểm số trung bình các chỉ tiêu của chỉ số Chi phí không chính thức của khối địa phương năm 2023

TT	Tên chỉ tiêu	Điểm trung bình toàn tỉnh	Điểm đơn vị cao nhất	Điểm đơn vị thấp nhất
1	Đánh giá về mức độ phải trả chi phí không chính thức cho cơ quan nhà nước so với doanh thu của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh.	0,991	1,000	0,962
2	Đánh giá về ảnh hưởng, tác động của chi phí không chính thức đến kết quả giải quyết công việc, thủ tục hành chính của cơ quan nhà nước đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh	0,873	1,000	0,765
3	Đánh giá về mức độ phải chi trả chi phí không chính thức trong hoạt động thanh, kiểm tra trong năm 2023.	0,978	1,000	0,947
4	Đánh giá về mức độ phải chi trả chi phí không chính thức trong hoạt động thanh, kiểm tra trong năm 2023 so với năm 2020	0,970	1,000	0,882

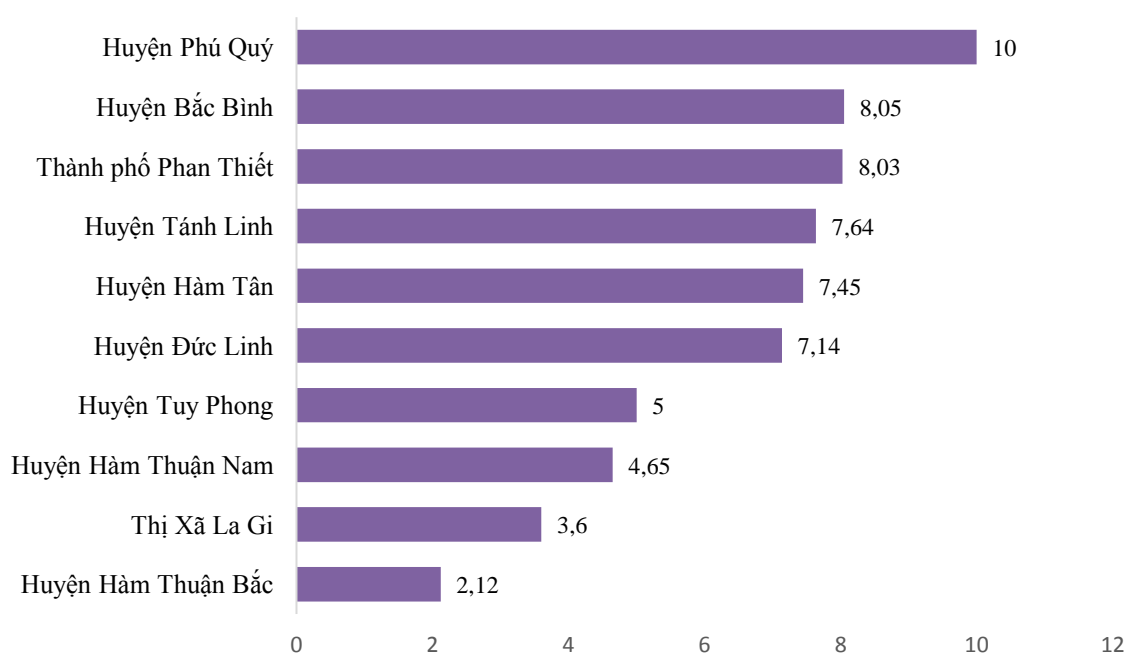
2.5. Chỉ số Cạnh tranh bình đẳng của khối địa phương:

Điểm số trung bình của chỉ số Cạnh tranh bình đẳng của khối địa phương tại Bình Thuận năm 2023 đạt 6,37 điểm, giảm nhẹ so với mức 7,38 điểm năm 2020 cho thấy kết quả chưa khả quan của các địa phương trong việc tạo ra môi trường cạnh tranh bình

đẳng, không phân biệt đối xử giữa doanh nghiệp lớn và nhỏ, giữa doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp tư nhân, giữa doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và doanh nghiệp trong nước.

Chỉ số thành phần Cạnh tranh bình đẳng của khối địa phương tại Bình Thuận ghi nhận 6/10 địa phương sụt giảm về điểm số; 5/10 địa phương sụt giảm vị trí trên bảng xếp hạng. Các địa phương dẫn đầu năm 2023 (huyện Phú Quý, 10 điểm; huyện Bắc Bình, 8,05 điểm; thành phố Phan Thiết, 8,03 điểm,...) khẳng định nỗ lực và kết quả của khối địa phương trong việc tạo ra môi trường kinh doanh không phân biệt đối xử giữa các loại hình doanh nghiệp, hạn chế việc ưu tiên đối với doanh nghiệp “sân sau” và việc gây cản trở đối với các doanh nghiệp. Ở nhóm cuối bảng, huyện Hàm Thuận Bắc (2,12 điểm), thị xã La Gi (3,6 điểm) cho thấy doanh nghiệp đánh giá chưa được cao về vấn đề đối xử công bằng giữa các doanh nghiệp. Thời gian tới, các địa phương này cần có giải pháp kịp thời khắc phục những chỉ tiêu còn hạn chế để thu hẹp khoảng cách với các địa phương khác tại Bình Thuận.

Hình 3. 14 Xếp hạng Chỉ số Cạnh tranh bình đẳng của khối địa phương năm 2023

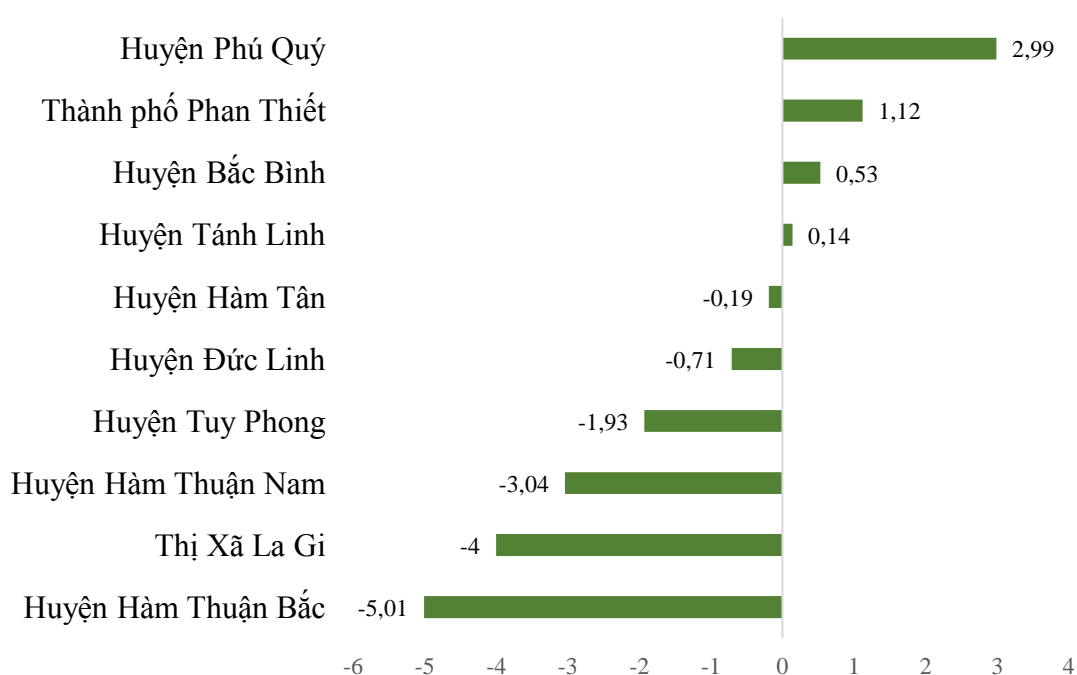


Chỉ số thành phần Cạnh tranh bình đẳng của khối địa phương tại Bình Thuận năm 2023 cho thấy sự khác biệt lớn (7,88 điểm) giữa các địa phương và có xu hướng tăng rất mạnh so với năm 2020 (0,94 điểm), thể hiện mức độ khác biệt lớn giữa các địa phương về sự công bằng trong đối xử giữa các loại hình doanh nghiệp. Nguyên nhân có thể đến từ việc cán bộ quản lý có sự ưu tiên đối với các doanh nghiệp “sân sau”, doanh nghiệp lớn và có đóng góp nhiều cho địa phương. Thêm vào đó, sự gia tăng khác biệt mạnh mẽ giữa các địa phương cũng là vấn đề đáng lo ngại mà khối địa phương cần tiếp tục đưa ra giải pháp khắc phục trong thời gian tới.

Chỉ số Cạnh tranh bình đẳng cho thấy sự bứt phá của huyện Phú Quý với số điểm tuyệt đối 10, tăng 2,99 điểm và tăng 7 bậc so với năm 2020. Bám đuổi phía sau là huyện Bắc Bình (8,05 điểm) và thành phố Phan Thiết (8,03 điểm), cùng tăng 7 bậc so với năm

trước. Huyện Tánh Linh (7,64 điểm) cũng cho thấy sự tiến bộ vượt bậc khi tăng 2 bậc và vươn lên vị trí thứ tư. Riêng huyện Hàm Tân (7,45 điểm) mặc dù vẫn nằm trong nhóm dẫn đầu nhưng lại tụt 2 bậc so với năm 2020. Nhóm 5 địa phương dẫn đầu này đều vượt mức điểm trung bình của tỉnh (6,37 điểm). Huyện Đức Linh (7,14 điểm) giảm 5 bậc và rơi xuống vị trí thứ 6. Đặc biệt, thị xã La Gi và huyện Hàm Thuận Bắc ghi nhận sự giảm sút về điểm số, lần lượt giảm 4,0 điểm và 5,01 điểm, khiến cả hai địa phương này xuống vị trí cuối bảng xếp hạng. Trong khi đó, huyện Tuy Phong (5,0 điểm) và huyện Hàm Thuận Nam (4,65 điểm) dù giữ vị trí thứ 7 và 8 nhưng vẫn cần nỗ lực hơn nữa để cải thiện điểm số, hướng đến sự công bằng trong môi trường cạnh tranh cho doanh nghiệp.

Hình 3. 15 Mức độ cải thiện điểm số Cạnh tranh bình đẳng của khối địa phương năm 2023 so với năm 2020



Chỉ số Cạnh tranh bình đẳng của khối địa phương được cấu thành từ 5 chỉ tiêu. Các chỉ tiêu đều có điểm trung bình ở mức khá cao (trên 85%). Điều này cho thấy khối địa phương đảm bảo sự công bằng đối với các doanh nghiệp trong hoạt động kinh doanh.

Theo kết quả khảo sát, có 94,8% doanh nghiệp phản hồi rằng không có sự phân biệt đối xử giữa các loại hình doanh nghiệp trong việc giải quyết kiến nghị, khó khăn; có 95,5% doanh nghiệp cho rằng không có sự ưu ái cho các doanh nghiệp thân hữu và doanh nghiệp “sân sau” về giải quyết thủ tục hành chính; có 97,9% doanh nghiệp khẳng định không có sự ưu ái cho các doanh nghiệp lớn và gây cản trở, khó khăn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trong hoạt động sản xuất kinh doanh và 98,2% doanh nghiệp cho biết không có sự ưu ái cho các doanh nghiệp thân hữu và doanh nghiệp sân sau với cơ quan quản lý nhà nước.

Mặc dù có 88,9% doanh nghiệp phản hồi không thấy có sự phân biệt đối xử giữa doanh nghiệp lớn, doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài so với doanh nghiệp nhỏ và vừa trong việc tiếp cận thông tin, cơ hội kinh doanh, nhưng vẫn còn khoảng cách vừa phải về điểm số giữa đơn vị cao nhất và thấp nhất cho thấy sự phân biệt đối xử giữa các loại hình doanh nghiệp nói trên vẫn còn tồn tại.

Bảng 3.8 Điểm số trung bình các chỉ tiêu của Chỉ số Cạnh tranh bình đẳng của chính quyền Địa phương năm 2023

TT	Tên chỉ tiêu	Điểm trung bình toàn tỉnh	Điểm đơn vị cao nhất	Điểm đơn vị thấp nhất
1	Mức độ bình đẳng, không phân biệt đối xử giữa Doanh nghiệp (DN) lớn, Doanh nghiệp nhà nước (DNNN), Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (DN FDI) hơn Doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) trong việc tiếp cận thông tin, cơ hội kinh doanh.	0,889	1,000	0,765
2	Mức độ bình đẳng, không phân biệt đối xử giữa DN lớn, DNNN, DN FDI hơn DNNVV trong việc giải quyết kiến nghị, khó khăn.	0,968	1,000	0,931
3	Mức độ bình đẳng, không phân biệt đối xử giữa DN lớn, DNNN, DN FDI hơn DNNVV trong việc giải quyết các thủ tục hành chính nhanh chóng, đơn giản hơn.	0,955	1,000	0,912
4	Việc ưu ái cho các DN lớn, DNNN, DN FDI gây cản trở, khó khăn cho DNNVV trong hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD).	0,979	1,000	0,912
5	Đánh giá mức độ thân hữu, doanh nghiệp sẵn sàng có quan hệ với cơ quan quản lý nhà nước.	0,982	1,000	0,944

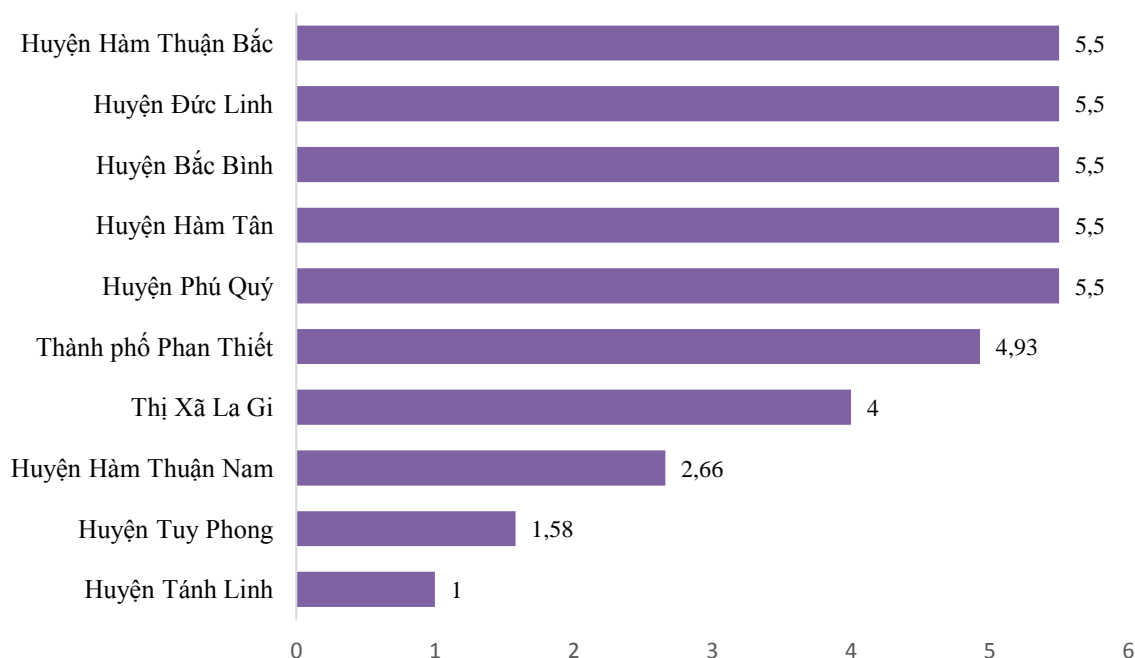
2.6. Chỉ số Hỗ trợ doanh nghiệp khởi địa phương:

Điểm số trung bình của chỉ số thành phần Hỗ trợ doanh nghiệp của khối địa phương tại Bình Thuận năm 2023 ở mức rất thấp 4,17 điểm, giảm mạnh so với mức 6,65 điểm năm 2020 cho thấy một số bất cập của các cơ quan tại Bình Thuận trong việc gỡ gỡ, đối thoại để giải quyết khó khăn cho doanh nghiệp, cũng như hiệu quả của các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp do các cơ quan quản lý thực hiện. Đây cũng là một trong ba chỉ số thành phần năm 2023 có điểm số thấp nhất và nằm dưới ngưỡng 5 điểm⁷.

⁷ Điểm số các chỉ số thành phần năm 2023 khối địa phương: (1) Tính minh bạch và tiếp cận thông tin: 6,13 điểm; (2) Tính năng động và hiệu lực thi hành: 6,36 điểm; (3) Chi phí thời gian: 4,88 điểm; (4) Chi phí không chính thức: 6,74 điểm; (5) Cạnh tranh bình đẳng: 6,37 điểm; (6) Hỗ trợ doanh nghiệp: 4,18 điểm; (7) Thiết chế pháp lý: 4,8 điểm; (8) ứng dụng công nghệ thông tin và triển khai chuyển đổi số: 6,64 điểm; (9) Tiếp cận đất đai: 6,43 điểm.

Chỉ số thành phần Hỗ trợ doanh nghiệp của khối địa phương ghi nhận tới 9/10 địa phương sụt giảm về điểm số (ngoại trừ huyện Bắc Bình tăng nhẹ 0,1 điểm); 4/10 địa phương sụt giảm vị trí và 1/9 địa phương giữ nguyên vị trí trên bảng xếp hạng.

Hình 3. 16 Xếp hạng Chỉ số Hỗ trợ doanh nghiệp của khối địa phương năm 2023



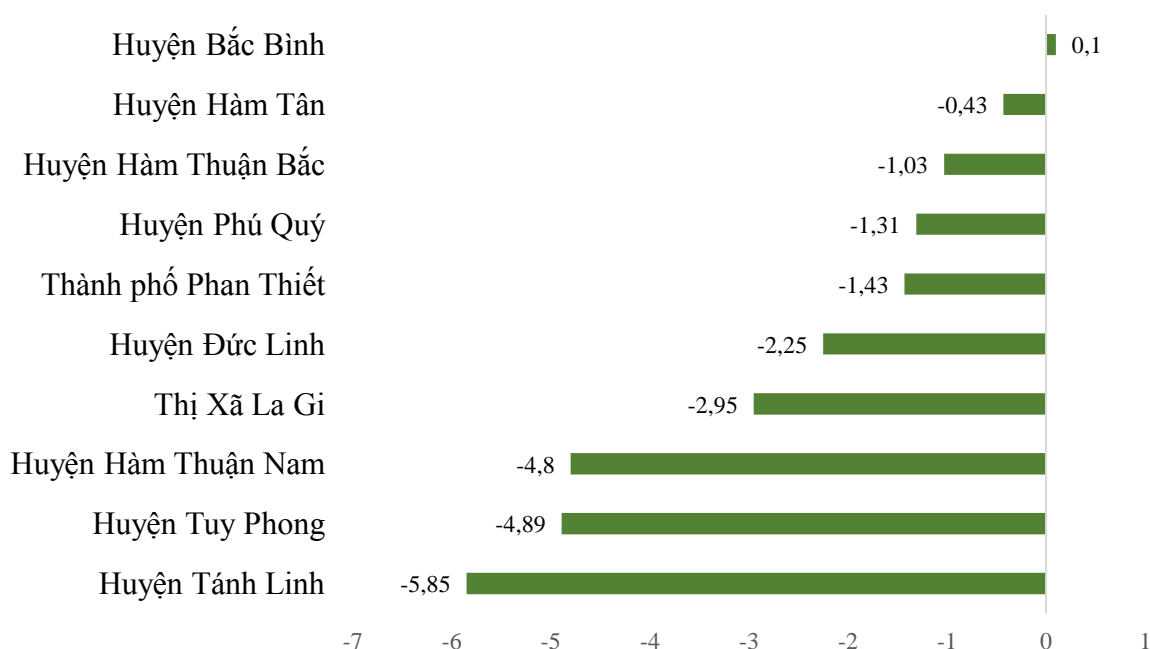
Chỉ số thành phần Hỗ trợ doanh nghiệp của khối địa phương tại Bình Thuận năm 2023 cho thấy sự khác biệt lớn (4,5 điểm) giữa các địa phương và có xu hướng tăng mạnh so với năm 2020 (2,35 điểm), thể hiện mức độ khác biệt lớn giữa các địa phương trong hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp. Nguyên nhân có thể đến từ việc một số địa phương thiếu cơ chế, chính sách phù hợp để hỗ trợ doanh nghiệp, công tác đối thoại với doanh nghiệp nhằm khắc phục khó khăn của doanh nghiệp chưa đi vào thực chất. Bên cạnh đó, sự gia tăng khác biệt mạnh mẽ giữa các địa phương cũng là vấn đề đáng lo ngại. Trong thời gian tới, khối địa phương cần có giải pháp: (i) Quyết liệt cải thiện, nâng cao hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp, (ii) thu hẹp sự khác biệt và tạo sự tương đồng hơn giữa các địa phương trong việc hỗ trợ doanh nghiệp.

Dẫn đầu bảng xếp hạng là nhóm 5 địa phương cùng đạt 5,5 điểm, bao gồm: huyện Đức Linh, huyện Phú Quý, huyện Hàm Thuận Bắc, huyện Hàm Tân và huyện Bắc Bình. Tuy nhiên, so với năm 2020, ngoại trừ huyện Bắc Bình có điểm số tăng nhẹ 0,1 điểm thì 4 địa phương còn lại đều ghi nhận sự sụt giảm, cụ thể: huyện Hàm Tân giảm 0,43 điểm, huyện Hàm Thuận Bắc giảm 1,03 điểm, huyện Phú Quý giảm 1,31 điểm và huyện Đức Linh giảm tới 2,25 điểm.

Nửa cuối bảng xếp hạng cho thấy bức tranh chưa mấy khả quan. Thành phố Phan Thiết (4,93 điểm) và thị xã La Gi (4,0 điểm) lần lượt xếp vị trí thứ sáu và thứ bảy, với mức giảm điểm đáng kể so với năm 2020 (thành phố Phan Thiết giảm 1,43 điểm, thị xã La Gi giảm 2,95 điểm). Huyện Hàm Thuận Nam (2,66 điểm) đứng thứ 8 với số điểm giảm mạnh 4,8 điểm. Đặc biệt, huyện Tuy Phong (1,58 điểm) và huyện Tánh Linh (1,0

điểm) xếp cuối bảng, cho thấy sự giảm điểm của hai địa phương này lần lượt là 4,89 điểm và 5,85 điểm. Kết quả này, công tác hỗ trợ doanh nghiệp của địa phương cần phải quan tâm đánh giá thực trạng và có giải pháp hiệu quả để cải thiện tình hình.

Hình 3. 17 Mức độ cải thiện điểm số Hỗ trợ doanh nghiệp của khối địa phương năm 2023 so với năm 2020



Chỉ số Hỗ trợ doanh nghiệp của khối địa phương được cấu thành từ 7 chỉ tiêu. Các chỉ tiêu đều có tỉ lệ đánh giá trung bình ở mức rất cao (trên 95%). Có 100% Doanh nghiệp cho biết không tham gia các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp do địa phương tổ chức. Ngoài ra, có 97,5% doanh nghiệp hài lòng với cách phản hồi/giải quyết các thủ tục, hồ sơ còn vướng mắc.

Bảng 3. 9 Điểm số trung bình các chỉ tiêu của Chỉ số Hỗ trợ doanh nghiệp của khối địa phương năm 2023

TT	Tên chỉ tiêu	Điểm trung bình toàn tỉnh	Điểm đơn vị cao nhất	Điểm đơn vị thấp nhất
1	Đánh giá mức độ tham gia của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh với các chương trình hỗ trợ từ cơ quan quản lý nhà nước.			
2	Đánh giá công tác truyền thông, phổ biến chính sách pháp luật của sở, ban, ngành/chính quyền địa phương đến doanh nghiệp.	1,000	1,000	1,000
3	Đánh giá công tác truyền thông, hỗ trợ doanh nghiệp của sở, ban, ngành/chính quyền địa phương đến doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh.			

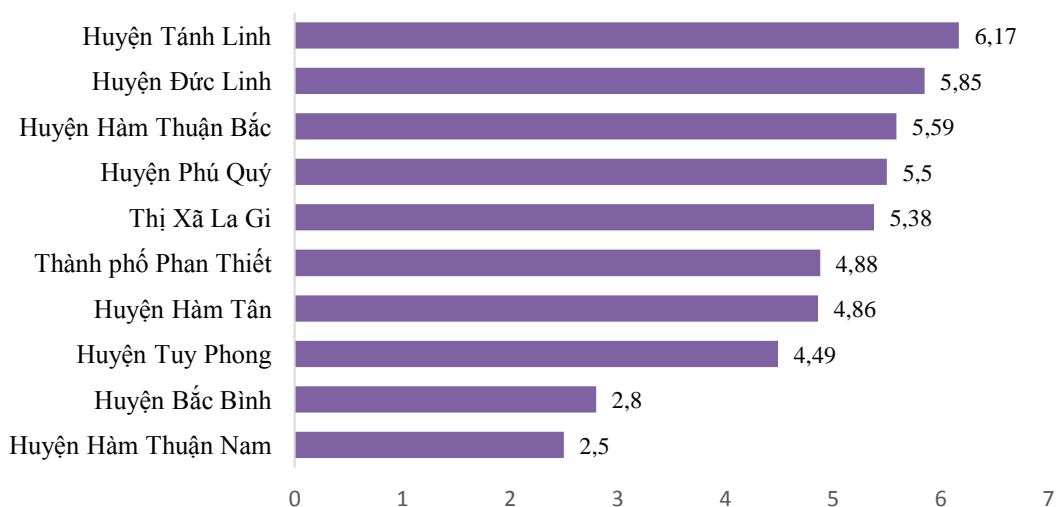
4	Đánh giá chất lượng về chương trình hỗ trợ doanh nghiệp của sở, ban, ngành/chính quyền địa phương đến doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh.			
5	Đánh giá chất lượng hỗ trợ doanh nghiệp của sở, ban, ngành/chính quyền địa phương đến doanh nghiệp hợp tác xã, hộ kinh doanh.			
6	Đánh giá về mức độ tiếp thu, hỗ trợ của của sở, ban, ngành/chính quyền địa phương đến doanh nghiệp hợp tác xã, hộ kinh doanh, sau các chương trình đối thoại.			
7	Đánh giá mức độ hài lòng với cách phản hồi/giải quyết các thủ tục, hồ sơ còn vướng mắc (chương trình hỗ trợ doanh nghiệp).	0,975	1,000	0,917

2.7. Chỉ số Thiết chế pháp lý của khối địa phương:

Điểm số trung bình của chỉ số thành phần Thiết chế pháp lý của khối địa phương tại Bình Thuận năm 2023 đạt 4,8 điểm, giảm khá mạnh so với mức 6,22 điểm năm 2020 và đang ở mức thấp cho thấy năng lực thực thi pháp luật, giải quyết khiếu nại, tranh chấp của cơ quan nhà nước cũng như khả năng đảm bảo an ninh trật tự của chính quyền địa phương sụt giảm khá rõ nét. Đây cũng là một trong ba chỉ số thành phần năm 2023 có điểm số thấp nhất và nằm dưới ngưỡng 5 điểm⁸.

Chỉ số thành phần Thiết chế pháp lý của khối địa phương tại Bình Thuận ghi nhận 10/10 địa phương đều sụt giảm về điểm số; 4/9 địa sụt giảm vị trí trên bảng xếp hạng. Đây là vấn đề cần phải chú trọng cải thiện điểm số để đảm bảo thực thi pháp luật, giải quyết khiếu nại và tranh chấp, đảm bảo an ninh trật tự của chính quyền địa phương.

Hình 3. 18 Xếp hạng Chỉ số Thiết chế pháp lý của khối địa phương năm 2023



⁸ Điểm số các chỉ số thành phần năm 2023 khối địa phương có mức dưới 5 điểm: (1) Chi phí thời gian: 4,88 điểm; (2) Hỗ trợ doanh nghiệp: 4,18 điểm và (3) Thiết chế pháp lý: 4,8 điểm.

Chỉ số thành phần Thiết chế pháp lý của khối địa phương tại Bình Thuận năm 2023 cho thấy sự khác biệt lớn (3,67 điểm) giữa các địa phương và có xu hướng tăng rất mạnh so với năm 2020 (0,64 điểm), thể hiện mức độ khác biệt lớn giữa các địa phương trong việc đảm bảo thực thi pháp luật, an ninh trật tự cho các doanh nghiệp hoạt động kinh doanh. Nguyên nhân có thể đến từ việc một số địa phương thực thi pháp luật chưa kịp thời và công bằng.

Huyện Tánh Linh dẫn đầu bảng xếp hạng năm 2023 với 6,7 điểm (giảm 0,17 điểm nhưng tăng 4 bậc so với năm 2020). Vị trí thứ hai thuộc về huyện Đức Linh với 5,85 điểm (giảm 0,51 điểm nhưng tăng 1 bậc so với năm 2020). Huyện Hàm Thuận Bắc và huyện Phú Quý giữ các vị trí thứ ba và thứ tư với số điểm tương ứng là 5,59 điểm và 5,5 điểm (giảm tương ứng 0,7 điểm và 0,49 điểm so với năm 2020). Ở vị trí thứ năm là thị xã La Gi với 5,38 điểm (giảm 1,07 điểm và giảm 3 bậc). Đây cũng là 5 địa phương có điểm số chỉ số thành phần Thiết chế pháp lý năm 2023 đạt trên ngưỡng 5,0 điểm.

Hình 3. 19 Mức độ cải thiện điểm số Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự của khối địa phương năm 2023 so với năm 2020



Thành phố Phan Thiết xếp ở vị trí thứ sáu, tăng 4 bậc, với 4,88 điểm (giảm 0,94 điểm so với năm 2020). Vị trí thứ bảy là huyện Hàm Tân với 4,86 điểm (giảm 1,49 điểm và giảm 3 bậc so với năm 2020). Huyện Tuy Phong tăng 1 bậc và đứng thứ 8 với 4,49 điểm (giảm 1,44 điểm so với năm 2020). Đứng ở hai vị trí cuối với điểm số rất thấp là huyện Bắc Bình (2,8 điểm) và huyện Hàm Thuận Nam (2,5 điểm). Trong đó, huyện Bắc Bình giảm 3,38 điểm và giảm 2 bậc so với năm 2020; huyện Hàm Thuận Nam giảm 3,96 điểm và giảm rất mạnh 9 bậc so với năm 2020. Đây là những địa phương cần khẩn trương có các giải pháp cụ thể nhằm nâng cao điểm số, tích cực hơn trong việc đảm bảo pháp luật được thực thi một cách công bằng, nghiêm minh. Đặc biệt, huyện Hàm Thuận Nam là địa phương cần có biện pháp để lấy lại điểm số và vị trí dẫn đầu năm 2020.

Chỉ số Thiết chế pháp lý của khối địa phương được cấu thành từ 3 chỉ tiêu. Các chỉ tiêu đều có điểm trung bình ở mức cao (trên 80%). Cho thấy, doanh nghiệp vẫn đánh giá khá tốt khối địa phương trong việc thực hiện tính nghiêm minh của cơ quan nhà nước, tính kịp thời trong việc xử lý vi phạm, cán bộ quản lý làm đúng quy định và đảm bảo an toàn cho tài sản của doanh nghiệp.

Theo kết quả khảo sát, có 96,8% doanh nghiệp cho rằng không có việc bao che cho cán bộ, công chức, viên chức có hành vi nhũng nhiễu; có 100% doanh nghiệp hài lòng về công tác giải quyết khiếu nại của cơ quan quản lý nhà nước.

Có 83,5% doanh nghiệp cho rằng cơ quan nhà nước thường xuyên tham mưu, giải quyết, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật hoặc tranh chấp của doanh nghiệp, nhưng khoảng cách vừa phải về điểm số giữa đơn vị cao nhất và thấp nhất cho thấy ở một số địa phương, việc tham mưu của cơ quan quản lý chưa thường xuyên.

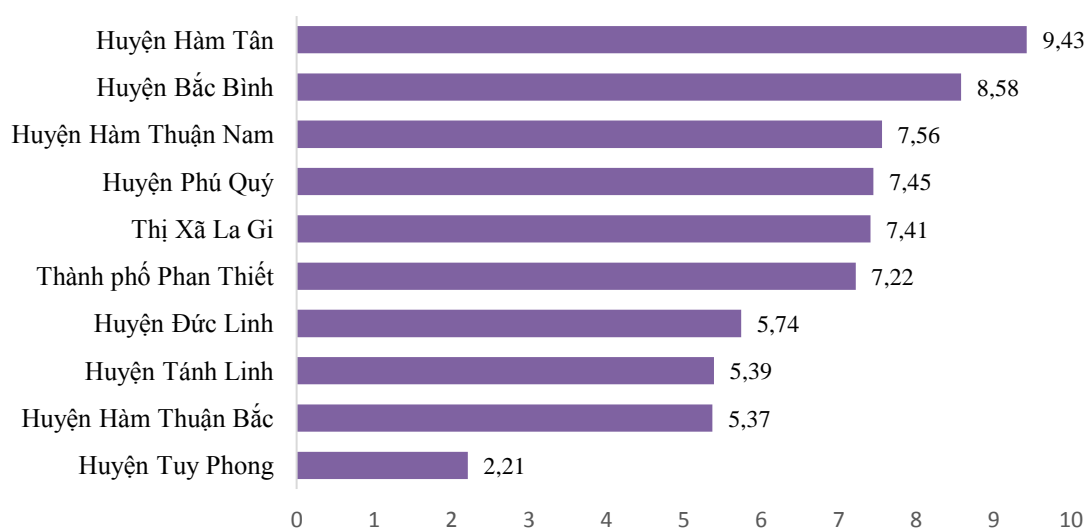
Bảng 3.10 Điểm số trung bình các chỉ tiêu của chỉ số Thiết chế pháp lý của khối địa phương năm 2023

TT	Tên chỉ tiêu	Điểm trung bình toàn tỉnh	Điểm đơn vị cao nhất	Điểm đơn vị thấp nhất
1	Đánh giá về việc xử lý cán bộ, công chức, viên chức có hành vi nhũng nhiễu.	0,968	1,000	0,895
2	Đánh giá về việc tham mưu, giải quyết, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật hoặc tranh chấp của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh.	0,835	0,947	0,684
3	Đánh giá về việc mức độ hài lòng về công tác giải quyết khiếu nại của cơ quan quản lý nhà nước.	1,000	1,000	1,000

2.8. Chỉ số Ứng dụng công nghệ thông tin và triển khai chuyển đổi số của khối địa phương:

Điểm số trung bình của chỉ số thành phần Ứng dụng công nghệ thông tin và triển khai chuyển đổi số của khối địa phương năm 2023 tại Bình Thuận đạt 6,64 điểm, giảm khá mạnh so với mức 7,76 điểm năm 2020 cho thấy còn hạn chế về việc cập nhật kịp thời và đầy đủ các chủ trương, chính sách và các văn bản liên quan đến doanh nghiệp cũng như khả năng phản hồi ý kiến, giải đáp khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp trên cổng thông tin điện tử. Khối địa phương cũng ghi nhận 8/10 địa phương sụt giảm về điểm số; 4/10 địa phương sụt giảm vị trí trên bảng xếp hạng năm 2023.

Hình 3. 20 Xếp hạng Chỉ số Ứng dụng công nghệ thông tin và triển khai chuyển đổi số của khối địa phương năm 2023

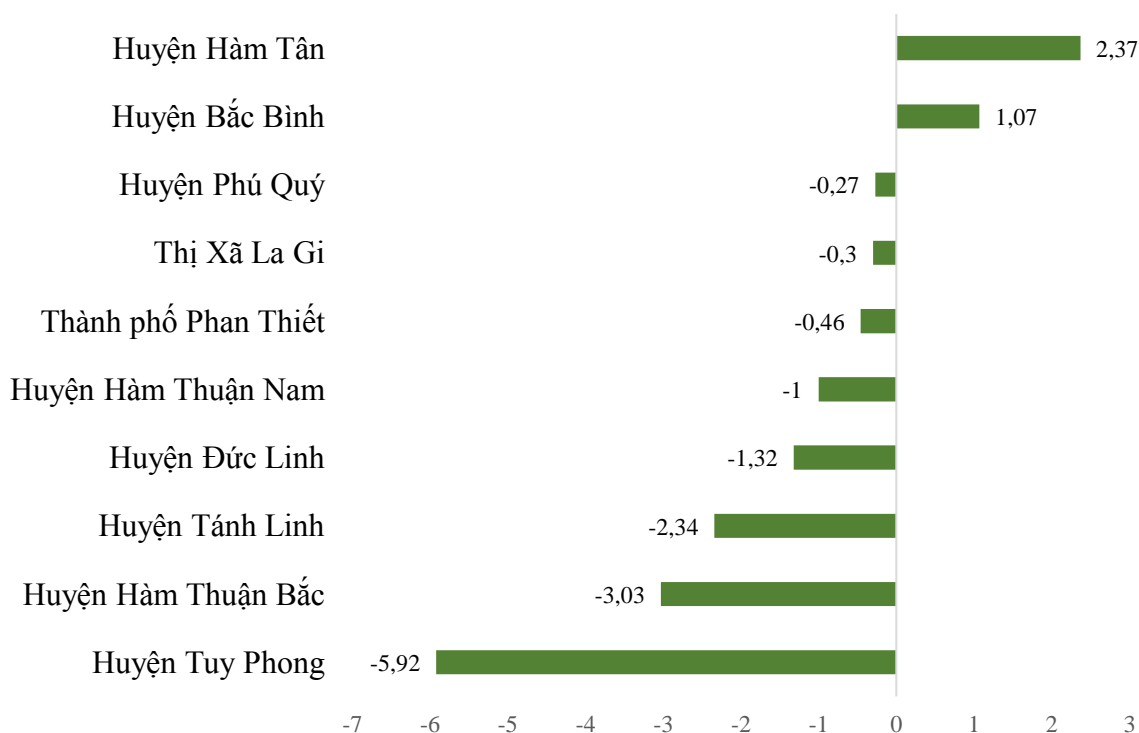


Chỉ số thành phần Ứng dụng công nghệ thông tin và triển khai chuyển đổi số của khối địa phương tại Bình Thuận năm 2023 cho thấy sự khác biệt rất lớn (7,22 điểm) giữa các địa phương và tăng rất mạnh so với năm 2020 (1,5 điểm), thể hiện mức độ khác biệt lớn giữa các địa phương về ứng dụng công nghệ thông tin cũng như thực hiện chuyển đổi số đối với các thủ tục hành chính trên công thông tin điện tử để cung ứng dịch vụ công cho doanh nghiệp. Nguyên nhân có thể đến từ việc một số địa phương chưa chú trọng đến hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số.

Chỉ số Ứng dụng công nghệ thông tin và triển khai chuyển đổi số tại Bình Thuận cho thấy sự tiến bộ vượt bậc của huyện Hàm Tân, từ vị trí cuối bảng năm 2020, đã vươn lên dẫn đầu với 9,43 điểm, tăng 2,37 điểm và 9 bậc, trở thành địa phương duy nhất có điểm số trên 9. Huyện Bắc Bình cũng ghi nhận sự bứt phá ấn tượng khi tăng 6 bậc, đạt 8,58 điểm. Tuy nhiên, phần lớn các địa phương còn lại đều cho thấy sự sụt giảm hoặc giậm chân tại chỗ. Huyện Hàm Thuận Nam (7,56 điểm), huyện Phú Quý (7,45 điểm), thị xã La Gi (7,41 điểm) và thành phố Phan Thiết (7,22 điểm) vẫn giữ vị trí trong top 6 nhưng điểm số đều giảm so với năm 2020. Trong khi đó, huyện Đức Linh (5,74 điểm) dù tăng 2 bậc nhưng điểm số lại giảm 1,32 điểm. Huyện Tuy Phong rơi xuống vị trí cuối bảng với chỉ 2,21 điểm, giảm tới 5,92 điểm và 7 bậc so với năm 2020. Cho thấy huyện Tuy Phong cần phải xem lại công tác ứng dụng công nghệ thông tin và triển khai chuyển đổi số.

Nhìn chung, mặc dù có sự tiến bộ của một số địa phương, chỉ số Ứng dụng công nghệ thông tin và triển khai chuyển đổi số tại khối địa phương vẫn còn nhiều hạn chế. Các địa phương cần nỗ lực hơn nữa, đặc biệt là rút kinh nghiệm từ các mô hình thành công của huyện Hàm Tân, để đẩy mạnh quá trình chuyển đổi số.

Hình 3. 21 Mức độ cải thiện điểm số Chỉ số Ứng dụng công nghệ thông tin và triển khai chuyển đổi số của khối địa phương năm 2023 so với 2020



Chỉ số thành phần Ứng dụng công nghệ thông tin và triển khai chuyển đổi số của khối địa phương được cấu thành từ 4 chỉ tiêu. Các chỉ tiêu đều có điểm trung bình ở mức cao (trên 80%). Điều này cho thấy mặc dù điểm số của chỉ số thành phần này giảm so với năm 2020, doanh nghiệp vẫn đánh giá cao chất lượng của công nghệ thông tin điện tử của địa phương.

Theo kết quả khảo sát, có 98,3% doanh nghiệp đánh giá cao chất lượng, khả năng truy cập của website địa phương; có 94,9% doanh nghiệp cho rằng website đáp ứng được dịch vụ hỏi, đáp/hỗ trợ trực tuyến; có 95,5% doanh nghiệp đánh giá cao khả năng tiếp cận kịp thời các văn bản pháp luật, chính sách trên website của địa phương.

Có 81,6% doanh nghiệp cho rằng website có đăng tải và cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành và văn bản quản lý hành chính có liên quan đến doanh nghiệp, nhưng khoảng cách lớn về điểm số giữa đơn vị cao nhất và thấp nhất cho thấy ở một số địa phương, việc cập nhật các văn bản mới trên website chưa được thực hiện thường xuyên và kịp thời.

Bảng 3. 11 Điểm số trung bình Chỉ tiêu Ứng dụng công nghệ thông tin và triển khai chuyển đổi số của khối địa phương năm 2023

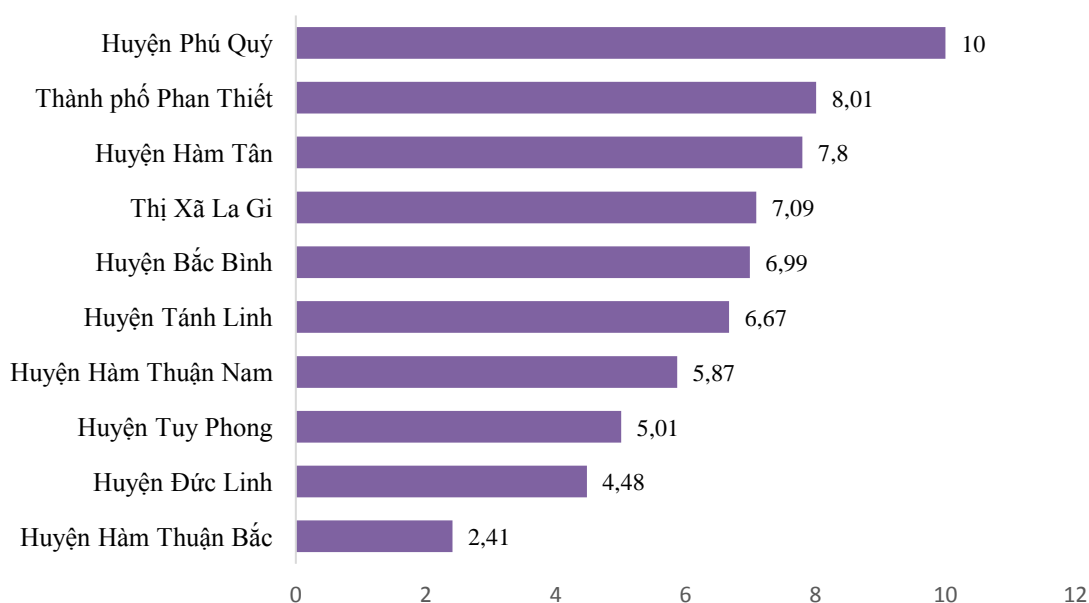
TT	Tên chỉ tiêu	Điểm trung bình toàn tỉnh	Điểm đơn vị cao nhất	Điểm đơn vị thấp nhất
1	Đánh giá chất lượng đáp ứng truy cập của website.	0,983	1,000	0,927
2	Website có đáp ứng dịch vụ hỏi, đáp/hỗ trợ trực tuyến.	0,949	1,000	0,895
3	Đánh giá Website có đăng tải và cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành và văn bản quản lý hành chính có liên quan đến doanh nghiệp.	0,816	0,926	0,692
4	Đánh giá chất lượng tiếp cận các VBPL, chính sách,... trên Website của đơn vị.	0,955	1,000	0,855

2.9. Chỉ số Tiếp cận đất đai của khối địa phương:

Điểm số trung bình của chỉ số thành phần Tiếp cận đất đai của khối địa phương tại Bình Thuận năm 2023 đạt 6,43 điểm, giảm nhẹ so với mức 7,19 điểm năm 2020 cho thấy có sự sụt giảm về khả năng tiếp cận đất đai, mặt bằng, cơ sở hạ tầng cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Chỉ số thành phần Tiếp cận đất đai của khối địa phương ghi nhận 7/10 địa phương có sự sụt giảm về điểm số; 6/10 địa phương sụt giảm vị trí và 1/10 địa phương giữ nguyên vị trí trên bảng xếp hạng.

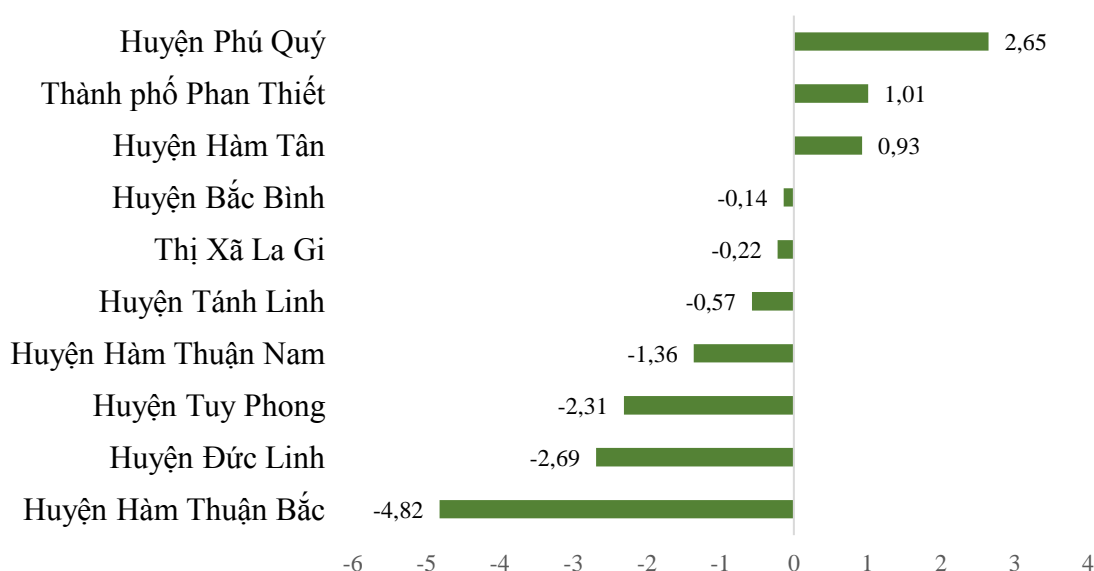
Hình 3. 22 Xếp hạng Chỉ số Tiếp cận đất đai khối địa phương năm 2023



Chỉ số thành phần Khả năng tiếp cận đất đai và cơ sở hạ tầng của khối địa phương tại Bình Thuận năm 2023 cho thấy sự khác biệt rất lớn (7,59 điểm) giữa các địa phương và có xu hướng tăng rất mạnh so với năm 2020 (0,48 điểm) về khả năng tiếp cận nguồn lực đất đai, cơ sở hạ tầng, mặt bằng kinh doanh của doanh nghiệp và khoảng cách giữa các địa phương ngày càng xa. Nguyên nhân có thể đến từ thủ tục hành chính, công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất tại địa phương, công tác giải phóng mặt bằng chưa được quan tâm đúng mức.

Huyện Phú Quý tiếp tục khẳng định vị thế dẫn đầu về chỉ số này với số điểm tuyệt đối 10, tăng 2,65 điểm so với năm 2020. Đáng chú ý, thành phố Phan Thiết và huyện Hàm Tân có bước tiến khi cùng tăng 7 bậc, lần lượt vươn lên vị trí thứ hai với 8,01 điểm (tăng 1,01 điểm) và thứ ba với 7,8 điểm (tăng 0,93 điểm). Trong khi đó, thị xã La Gi giảm 1 bậc và 0,22 điểm so với năm 2020, giữ vị trí thứ tư với 7,09 điểm. Huyện Bắc Bình ở vị trí thứ năm với 6,99 điểm (giảm nhẹ 0,14 điểm nhưng tăng 3 bậc so với năm 2020). Huyện Tánh Linh giảm 0,57 điểm và tụt 2 bậc so với năm 2020, đứng ở vị trí thứ sáu với 6,67 điểm. Huyện Hàm Thuận Nam giảm nhẹ 1 bậc và 1,36 điểm so với năm 2020, đứng thứ bảy với 5,87 điểm. Huyện Tuy Phong giảm 2,31 điểm và tụt 6 bậc so với năm 2020, đứng ở vị trí thứ tám với 5,01 điểm. Giảm 2 bậc và 2,69 điểm so với năm 2020, huyện Đức Linh giữ vị trí thứ chín với 4,48 điểm. Đặc biệt, huyện Hàm Thuận Bắc rơi xuống vị trí cuối bảng xếp hạng với 2,41 điểm, giảm mạnh 4,82 điểm và tụt 5 bậc so với năm 2020. Kết quả này cho thấy Hàm Thuận Bắc cần có những giải pháp đột phá để cải thiện.

Hình 3. 23 Mức độ cải thiện điểm số Tiếp cận đất đai khối địa phương năm 2023 so với năm 2020



Chỉ số Tiếp cận đất đai của khối địa phương được cấu thành từ 6 chỉ tiêu. Các chỉ tiêu đều có điểm trung bình ở mức cao (trên 88%). Cho thấy khối địa phương vẫn được doanh nghiệp đánh giá cao trong việc nâng cao khả năng tiếp cận đất đai và cơ sở hạ tầng của doanh nghiệp thông qua công tác quy hoạch, xây dựng kế hoạch thực hiện quy hoạch, hỗ trợ giải phóng mặt bằng,...

Theo kết quả khảo sát, có 91,1% doanh nghiệp cho rằng có khả năng tiếp cận dễ dàng với các thông tin về đất đai; có 96,9% doanh nghiệp phản hồi rằng không phải trả “chi phí không chính thức” trong việc thực hiện thủ tục đất đai tại địa phương; có 96,4% doanh nghiệp cho biết rủi ro bị thu hồi đất của doanh nghiệp ở mức thấp; 95,6% doanh nghiệp hài lòng về vấn đề bồi thường trong trường hợp bị thu hồi đất.

Có 88% doanh nghiệp cho rằng không gặp khó khăn khi cần tiếp cận thông tin mở rộng mặt bằng kinh doanh, nhưng khoảng cách lớn về điểm số giữa đơn vị cao nhất và thấp nhất cho thấy ở một số địa phương, doanh nghiệp vẫn gặp khó khăn khi tiếp cận thông tin. Ngoài ra, 82,9% doanh nghiệp không gặp khó khăn trong việc thực hiện thủ tục hành chính về đất đai, tuy nhiên, khoảng cách lớn về điểm giữa đơn vị cao nhất và thấp nhất cho thấy ở một số địa phương, doanh nghiệp vẫn bị gây khó khăn, phiền hà khi thực hiện các thủ tục hành chính có liên quan đến đất đai.

Bảng 3. 12 Điểm số trung bình các chỉ tiêu của Chỉ số Tiếp cận đất đai của khối địa phương năm 2023

TT	Tên chỉ tiêu	Điểm trung bình toàn tỉnh	Điểm đơn vị cao nhất	Điểm đơn vị thấp nhất
1	Đánh giá khả năng tiếp cận thông tin về đất đai.	0,911	1,000	0,735
2	Đánh giá mức độ tiếp cận thông tin mở rộng mặt bằng kinh doanh.	0,880	1,000	0,737
3	Đánh giá mức độ khó khăn của doanh nghiệp trong việc thực hiện thủ tục hành chính về đất đai.	0,829	1,000	0,684
4	Vấn đề chi trả “chi phí không chính thức” trong việc thực hiện thủ tục đất đai tại địa phương.	0,969	1,000	0,923
5	Đánh giá mức độ rủi ro khi bị thu hồi đất của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh.	0,964	1,000	0,917
6	Đánh giá mức độ hài lòng của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh về vấn đề bồi thường trong trường hợp bị thu hồi đất.	0,956	1,000	0,853

II. TỔNG HỢP MỘT SỐ Ý KIẾN KHẢO SÁT CỦA CÁC DN, HTX, HKD ĐỐI VỚI KHỐI ĐỊA PHƯƠNG

Bình Thuận đang nỗ lực tạo dựng môi trường kinh doanh thuận lợi, thu hút đầu tư và phát triển doanh nghiệp. Để đánh giá thực trạng và tìm giải pháp nâng cao hiệu quả, cuộc khảo sát toàn diện về Chỉ số DDCI đã được triển khai tại 10 huyện, thị xã, thành phố trong tỉnh. Cuộc khảo sát này không chỉ tập trung vào các chỉ số cơ bản như minh bạch, tiếp cận thông tin và cạnh tranh bình đẳng, ... mà còn đi sâu vào thực tế bằng

cách thu thập ý kiến trực tiếp từ những người trực tiếp làm kinh doanh: Doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh. Thông qua những phản hồi quý báu từ cộng đồng doanh nghiệp, tỉnh Bình Thuận sẽ có cái nhìn sâu sắc hơn về thực trạng kinh doanh, xác định những điểm mạnh, điểm yếu và từ đó đưa ra những giải pháp thiết thực, hiệu quả nhằm cải thiện môi trường kinh doanh, tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển bền vững của các doanh nghiệp.

Sau quá trình khảo sát và đánh giá Chỉ số DDCI tại 10 địa phương tỉnh Bình Thuận, đã tổng hợp một số ý kiến từ các DN, HTX, HKD theo Bảng 3.12:

Bảng 3.13 Tổng hợp một số ý kiến, kiến nghị của các DN, HTX, HKD cho các địa phương

Địa phương	Một số ý kiến, kiến nghị từ kết quả khảo sát
Huyện Hàm Thuận Nam	<ul style="list-style-type: none"> - Chủ doanh nghiệp gặp rất nhiều khó khăn về tài chính khi kinh tế suy thoái sau đại dịch Covid 19, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa. - Đề xuất các cơ quan, lãnh đạo nhà nước nói chung và ngành Giáo dục Mầm non nói riêng lược bỏ những quy định không cần thiết đối với nhóm trẻ Mầm non tư thục, Trường Mầm non tư thục như: Giới hạn số lượng trẻ trong nhóm trẻ, nhóm trẻ tư thục không được nhận trẻ 5 tuổi mặc dù cơ sở vật chất và đội ngũ giáo viên đảm bảo chất lượng dạy và học. - Để nhận được số trẻ hơn 70 và nhận trẻ 5 tuổi thì phải thành lập Trường tư thục mà thủ tục thành lập Trường tư thục lại quá nhiều, quá rắc rối và quá khó để đáp ứng.
Thị xã La Gi	<ul style="list-style-type: none"> - Các cơ quan chức năng ở địa phương hoặc bảo thủ ý kiến hoặc không nhìn nhận bản thân mắc sai lầm trong văn bản luật. - Khi được cơ quan cấp trên xem xét các khiếu nại hay kiến nghị và đánh giá người dân đúng thì họ tìm cách hoặc lý do để đổ lỗi cho một lỗi khác không đáng kể.
Thành phố Phan Thiết	<p>Nên tổ chức các cuộc gặp gỡ trực tiếp giữa các đơn vị trong Tỉnh với Địa Phương theo định kỳ Quý hoặc 6 tháng hoặc hằng năm để địa phương và doanh nghiệp có cơ hội trao đổi những vấn đề góp ý như trong nội dung khảo sát này.</p>
Huyện Tuy Phong	<p>Đề xuất các cơ quan chức năng của huyện Tuy Phong nên thường xuyên mời các Doanh nghiệp/HTX/HKD tham gia tập huấn, phổ biến, hướng dẫn, triển khai các chủ trương, chính sách mới của địa phương.</p>

CHƯƠNG IV. NHẬN XÉT VÀ KHUYẾN NGHỊ

1. Nhận xét

Theo bảng dữ liệu công bố của VCCI ngày 09/5/2024, Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) của tỉnh Bình Thuận đứng thứ 18/63 tỉnh, thành phố, tăng 24 bậc, đạt 68,06 điểm⁹. Kết quả cho thấy Bình Thuận đã nằm trong Top 30 tỉnh, thành phố có chất lượng điều hành tốt nhất cả nước. Trong 10 tiêu chí PCI 2023, Bình Thuận có 6/10 tiêu chí tăng điểm: (1) Gia nhập thị trường; (2) Tính minh bạch; (3) Chi phí không chính thức; (4) Tính năng động của chính quyền tỉnh; (5) Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp và (6) Đào tạo lao động. Bên cạnh đó, có 4/10 tiêu chí giảm điểm là (1) Tiếp cận đất đai; (2) Chi phí thời gian; (3) Cạnh tranh bình đẳng và (4) Thiết chế pháp lý và An ninh trật tự. Đây được xem là thành tựu đáng ghi nhận, phản ánh sự nỗ lực và cam kết của tỉnh trong việc tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp và tăng cường sức mạnh kinh tế của tỉnh.

Năm 2023, tình hình kinh tế - xã hội tỉnh có nhiều chuyển biến tích cực so với năm 2022; tuyến đường cao tốc Bắc - Nam phía Đông đoạn Vĩnh Hảo - Phan Thiết, Phan Thiết - Dầu Giây được đưa vào hoạt động, cùng với việc Bình Thuận tổ chức Năm Du lịch quốc gia 2023 “Bình Thuận - Hội tụ xanh” tạo hiệu ứng tích cực quảng bá du lịch, thu hút các nhà đầu tư, du khách trong và ngoài nước, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Tuy nhiên, cũng có những khó khăn và thách thức, đặc biệt còn nhiều yếu tố rủi ro khó lường do tình hình lạm phát trong nước cũng như thế giới tăng, dẫn đến sức mua của các nước trên thế giới giảm, làm ảnh hưởng đến các hoạt động sản xuất kinh doanh, xuất khẩu của các đơn vị sản xuất trong tỉnh. Tỉnh Bình Thuận đã ban hành Kế hoạch 2484/KH-UBND ngày 04/7/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh và Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Bình Thuận giai đoạn 2024-2026¹⁰ hướng đến các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh với mục tiêu xuyên suốt là “Chính quyền đồng hành cùng doanh nghiệp”; trong đó, nêu cao tinh thần, thái độ phục vụ doanh nghiệp, nhà đầu tư, không ngừng đổi mới, nâng cao chất lượng điều hành nhằm mục đích cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh vì sự phát triển của doanh nghiệp và kinh tế - xã hội.

Tỉnh Bình Thuận đã tập trung nguồn lực, đặc biệt là trong lĩnh vực đầu tư công và phát triển hạ tầng, tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển kinh tế. Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh được triển khai đồng bộ, bao gồm cả việc đơn giản hóa thủ tục hành chính, đã góp phần tạo ra môi trường kinh doanh minh bạch và năng động. Những nỗ lực này đã thu hút dòng vốn đầu tư mới, đồng thời giữ chân được các doanh nghiệp hiện hữu, tạo động lực cho tăng trưởng kinh tế bền vững. Sự linh hoạt và chủ động của chính quyền địa phương đã góp phần xây dựng một Bình Thuận năng động, đầy

⁹ Đạt 68,06 điểm, tăng 3,67 điểm so với năm 2020. Trong 10 chỉ số thành phần PCI, Bình Thuận có 06/10 chỉ số tăng điểm, tăng bậc và tăng điểm, giảm bậc nhưng có 04/10 chỉ số giảm điểm, giảm bậc và giảm điểm bằng bậc so với năm 2020; trong đó có 02 chỉ số vừa giảm điểm vừa giảm bậc tương đối lớn, đó là chi phí thời gian (*giảm 0,28 điểm, giảm 30 bậc, đứng thứ 48*) và cạnh tranh bình đẳng (*giảm 0,92 điểm, giảm 12 bậc, đứng thứ 15*); 01 chỉ số giảm điểm nhưng bằng bậc, đó là thiết chế pháp lý và an ninh trật tự (*giảm 0,16 điểm, bằng bậc, đứng thứ 63*) và 01 chỉ số giảm điểm nhưng tăng bậc, đó là tiếp cận đất đai (*giảm 0,06 điểm, tăng 5 bậc, đứng thứ 51*).

¹⁰ Quyết định số 2485/QĐ-UBND ngày 27/11/2023 của UBND tỉnh trong hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư

tiềm năng, sẵn sàng bứt phá trong thời gian tới.

Tỉnh Bình Thuận đã tiến hành khảo sát và đánh giá Chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp sở, ngành và cấp huyện, thị xã, thành phố (DDCI) tỉnh Bình Thuận năm 2023, nhằm nắm bắt chính xác bức tranh kinh doanh và cạnh tranh tại địa phương. Khảo sát không chỉ dừng lại ở việc đo lường các chỉ số quan trọng như minh bạch, tiếp cận thông tin, hỗ trợ doanh nghiệp hay cạnh tranh công bằng, ... mà còn chủ động lắng nghe ý kiến, đề xuất từ cộng đồng doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh, nhằm xây dựng một cái nhìn toàn diện về môi trường kinh doanh của tỉnh. Đáng chú ý, trong năm 2023, Bình Thuận đã ứng dụng công nghệ vào quy trình khảo sát DDCI, nâng cao hiệu quả thu thập dữ liệu. Mặc dù, đối mặt với không ít khó khăn, cuộc khảo sát vẫn hoàn thành mục tiêu đề ra về số lượng phiếu thu về, thể hiện niềm tin của cộng đồng doanh nghiệp đối với DDCI. Họ coi đây như một công cụ hữu ích để phản ánh tiếng nói, nguyện vọng của mình, góp phần cải thiện môi trường kinh doanh địa phương.

2. Khuyến nghị

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 06/01/2023 của Chính phủ và Chương trình hành động của UBND tỉnh Bình Thuận tại Quyết định số 176/QĐ-UBND ngày 19/01/2023 về thực hiện các Nghị quyết của Chính phủ, của Tỉnh ủy và HĐND tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước và cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh năm 2023, tỉnh Bình Thuận đã và đang thực hiện các hoạt động tái cấu trúc cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội, nhằm gia tăng khả năng cạnh tranh, hấp dẫn các nhà đầu tư và thúc đẩy sự phát triển toàn diện của tỉnh.

Triển khai Kế hoạch số 2198/KH-UBND ngày 19/6/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận về việc triển khai thực đánh giá Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp sở, ngành và cấp huyện, thị xã, thành phố (DDCI) tỉnh Bình Thuận năm 2023 và năm 2024, Bộ chỉ số DDCI của tỉnh đã cung cấp cái nhìn toàn diện về hiệu suất và khả năng cạnh tranh của các địa phương và các sở, ban, ngành tại tỉnh Bình Thuận, giúp các địa phương và đơn vị thuộc tỉnh hiểu rõ hơn về điểm mạnh để phát huy và những điểm yếu cần cải thiện. Đây không chỉ là công cụ đánh giá mà còn định hướng chính sách và chiến lược phát triển, nhằm nâng cao môi trường kinh doanh và thu hút đầu tư cho tỉnh, từ đó tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp và thúc đẩy năng lực cạnh tranh của tỉnh, các khuyến nghị chính sách được đưa ra nhằm mục tiêu tối ưu hóa quy trình hành chính, loại bỏ những rào cản phiền hà, tạo nên một môi trường kinh doanh minh bạch, hiệu quả và năng động.

2.1 Khuyến nghị đối với Ủy ban nhân dân tỉnh:

Để cải thiện môi trường đầu tư và nâng cao chỉ số DDCI, tỉnh Bình Thuận cần hành động quyết liệt, đồng lòng, dựa trên những giải pháp cụ thể, phù hợp với bối cảnh và điều kiện thực tiễn. Với lợi thế về vị trí địa lý, nguồn nhân lực dồi dào và tiềm năng phát triển, tỉnh Bình Thuận cần tập trung vào việc cải thiện môi trường đầu tư, tạo dựng niềm tin cho nhà đầu tư trong và ngoài nước, thu hút nguồn lực, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội bền vững.

Thứ nhất, để khơi dậy tiềm năng phát triển kinh tế và thu hút đầu tư, UBND tỉnh cần đặt hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp vào vị trí trung tâm, biến nó thành động lực mạnh mẽ thúc đẩy tăng trưởng, cụ thể: (1) rà soát, cập nhật và bổ sung các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, tạo ra một hệ thống minh bạch, đồng bộ, hiệu quả và phù hợp với thực tiễn; (2) triển khai các chương trình hỗ trợ cụ thể cho các ngành nghề, lĩnh vực trọng điểm, cùng với cơ chế ưu đãi hấp dẫn về thuế, đất đai, tín dụng để thu hút mạnh mẽ nguồn lực đầu tư; (3) xây dựng cơ chế phối hợp hiệu quả giữa các địa phương, cơ quan sở, ban, ngành sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp tiếp cận dịch vụ hỗ trợ, rút ngắn thời gian và thủ tục hành chính; (4) tập trung đầu tư phát triển hạ tầng công nghệ thông tin, giao thông, sản xuất để tạo ra môi trường kinh doanh thuận lợi, hiện đại.

Thứ hai, để tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, giảm thiểu chi phí và thời gian không cần thiết, Bình Thuận cần đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong cải cách hành chính. Phát huy hiệu quả của hệ thống dịch vụ công trực tuyến, đơn giản hóa quy trình, rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính, đồng thời xây dựng hệ thống thông tin công khai, minh bạch, dễ tiếp cận, cung cấp dịch vụ công trực tuyến theo tinh thần Nghị quyết số 10-NQ/TU ngày 18/3/2022 của Tỉnh ủy về chuyển đổi số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Nhờ đó, giúp cho doanh nghiệp dễ dàng tiếp cận thông tin, giảm thiểu chi phí và thời gian, góp phần tạo môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, thu hút đầu tư.

Thứ ba, để nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, công chức, UBND tỉnh Bình Thuận cần tập trung đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng lãnh đạo, quản lý và ứng dụng công nghệ thông tin, kiến thức về cải cách hành chính; đặc biệt, đối với người đứng đầu các sở, ban, ngành và địa phương. Bên cạnh đó, việc xây dựng cơ chế giám sát, đánh giá hiệu quả minh bạch, khách quan, kết hợp với cơ chế động viên, khen thưởng phù hợp sẽ tạo động lực thúc đẩy cán bộ, công chức phấn đấu và cống hiến.

Thứ tư, để phát huy tối đa vai trò của cộng đồng doanh nghiệp, UBND tỉnh Bình Thuận cần chú trọng hỗ trợ, kết nối và nâng cao vai trò của các hội, hiệp hội như: Hội Doanh nhân trẻ tỉnh, Hội Nữ doanh nhân tỉnh, Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh và các Hiệp hội ngành nghề, ... trên địa bàn tỉnh. Việc này không chỉ giúp cho các hội, hiệp hội phát huy vai trò cầu nối, đại diện cho doanh nghiệp trong việc bảo vệ quyền lợi hợp pháp, hỗ trợ giải quyết khó khăn, vướng mắc, mà còn khuyến khích doanh nghiệp tích cực tham gia các hoạt động xã hội, góp phần xây dựng cộng đồng doanh nghiệp văn minh và hiệu quả. Ngoài ra, tỉnh cần tạo điều kiện thuận lợi để các hội, hiệp hội phát triển, hoạt động hiệu quả như: Tiếp cận thông tin, tham gia các chính sách, góp ý xây dựng các văn bản pháp luật liên quan đến hoạt động kinh doanh.

Thứ năm, để thu hút dòng vốn đầu tư, Bình Thuận cần một môi trường kinh doanh minh bạch, an toàn và hấp dẫn. Điều này đòi hỏi tỉnh phải ưu tiên hoàn thiện hệ thống pháp lý, đảm bảo tính minh bạch, rõ ràng, dễ hiểu và dễ tiếp cận. Việc tăng cường công khai thông tin, nâng cao chất lượng văn bản pháp luật là điều cần thiết để tạo niềm tin cho nhà đầu tư. Sở Tư pháp cần chủ động trong việc tuyên truyền, hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, đồng thời nâng cao vai trò của luật sư. Bên cạnh đó, việc thiết lập cơ chế tiếp nhận ý kiến,

phản ánh của người dân, doanh nghiệp là chìa khóa để thúc đẩy sự minh bạch và hiệu quả trong hoạt động quản lý. Tòa án nhân dân tỉnh cần nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố, kiểm sát, xét xử, bảo vệ quyền lợi hợp pháp của doanh nghiệp và đẩy nhanh tiến độ thi hành án dân sự. Công an tỉnh cần đảm bảo an ninh trật tự, trấn áp tội phạm, đặc biệt là các băng nhóm tội phạm hình sự, “tín dụng đen”, siết nợ, đòi nợ thuê, tạo môi trường kinh doanh an toàn cho doanh nghiệp. Bên cạnh đó, Thanh tra tỉnh cần điều phối công tác thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, tránh chồng chéo, đảm bảo mỗi doanh nghiệp chỉ được thanh tra một lần trong năm. Chi cục Hải quan Cửa khẩu Cảng Bình Thuận và Cục Quản lý thị trường cần thực thi đúng pháp luật về hải quan, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp trong hoạt động xuất nhập khẩu cũng như cần đẩy mạnh công tác kiểm tra, xử lý các hoạt động kinh doanh trái phép, buôn lậu và gian lận thương mại. Với những giải pháp đồng bộ và hiệu quả, Bình Thuận sẽ tạo dựng môi trường đầu tư kinh doanh minh bạch, an toàn, thu hút đầu tư, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Thứ sáu, để thu hút đầu tư và phát triển bền vững, tỉnh cần tạo ra môi trường đầu tư thông thoáng, minh bạch, hỗ trợ tối đa cho các nhà đầu tư. Điều này đòi hỏi tỉnh phải: (1) tập trung chỉ đạo các cơ quan chức năng triển khai hiệu quả quy hoạch tỉnh, giải quyết dứt điểm những chông chéo, vướng mắc, mâu thuẫn giữa quy hoạch tỉnh với quy hoạch đất đai và quy hoạch xây dựng tại các huyện, thị xã, thành phố; (2) xây dựng chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào các ngành nghề sản xuất, kinh doanh có lợi thế, khai thác hiệu quả tài nguyên, khoáng sản, bảo vệ môi trường, hướng đến phát triển bền vững; (3) đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin hiện đại, tạo nền tảng vững chắc cho doanh nghiệp ứng dụng công nghệ số vào sản xuất kinh doanh; (4) hình thành các doanh nghiệp công nghệ số, xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số; (5) triển khai Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh sẽ là động lực thu hút đầu tư xanh, góp phần xây dựng kinh tế - xã hội phát triển bền vững gắn với bảo vệ môi trường.

Thứ bảy, để tăng cường minh bạch thông tin, nâng cao tương tác với người dân, doanh nghiệp và thúc đẩy cải cách hành chính, tỉnh cần triển khai đồng bộ các giải pháp như xây dựng hệ thống thu thập dữ liệu DDCI trực tuyến, tích hợp vào cổng dịch vụ công, công bố công khai kết quả DDCI hàng năm, đưa kết quả DDCI thành tiêu chí đánh giá thi đua và đẩy mạnh truyền thông về DDCI. Những nỗ lực này sẽ góp phần nâng cao hiệu quả quản lý, tăng cường sự tin tưởng của người dân và doanh nghiệp, tạo động lực cho các cơ quan, đơn vị và cá nhân nỗ lực cải thiện môi trường đầu tư và nâng cao chỉ số DDCI, góp phần cải thiện Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) tỉnh Bình Thuận.

Cuối cùng, để khai thác tối đa tiềm năng của Chỉ số này trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, sau khi công bố kết quả đánh giá, xếp hạng Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp sở, ngành và cấp huyện, thị xã, thành phố (DDCI) tỉnh Bình Thuận năm 2023, UBND tỉnh cần chỉ đạo cấp sở, ngành và cấp huyện, thị xã, thành phố triển khai, thực hiện một số nội dung như: (i) Căn cứ Báo cáo thuyết minh kết quả đánh giá Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp sở, ngành và cấp huyện, thị xã, thành phố (DDCI) tỉnh Bình Thuận năm 2023, các đơn vị khẩn trương rà soát, phân tích, đánh giá từng chỉ số thành phần có điểm số hoặc thứ hạng chưa được cải thiện của đơn vị mình, để xây dựng kế hoạch, chương trình

hành động cụ thể nhằm cải thiện Chỉ số DDCI tỉnh Bình Thuận trong thời gian tới; (ii) Báo cáo tình hình triển khai, thực hiện kế hoạch cải thiện Chỉ số DDCI tỉnh Bình Thuận trong năm 2024 và năm 2025 gửi về Ủy ban nhân dân tỉnh trước ngày 15/12 hằng năm (thông qua Sở Kế hoạch và Đầu tư); (iii) Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư theo dõi, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình triển khai, thực hiện cải thiện Chỉ số DDCI tỉnh Bình Thuận và đề xuất các nhiệm vụ, giải pháp thực hiện trong thời gian tới.

2.2 Khuyến nghị đối với các sở, ban, ngành và địa phương:

Khuyến nghị chung đối với các SBN và địa phương cũng như khuyến nghị cụ thể đối với từng SBN và địa phương được trình bày tại Phụ lục 1 và Phụ lục 2.

Phụ lục 1. Hồ sơ DDCI Bình Thuận năm 2023 theo sở, ban, ngành

A. Khuyến nghị chung đối với các sở, ban, ngành

Để cải thiện chỉ số DDCI cho tỉnh Bình Thuận, các cơ quan cần nghiên cứu kỹ lưỡng các chỉ tiêu và chỉ số liên quan, đề xuất giải pháp phù hợp và xây dựng kế hoạch hành động cụ thể, bám sát thực tế. Việc đánh giá thường xuyên, theo dõi sát sao các chỉ tiêu, chỉ số của DDCI sẽ giúp kịp thời phát hiện hạn chế và đưa ra giải pháp khắc phục. Tăng cường sự phối hợp giữa các SBN giữa các địa phương trong tỉnh sẽ đảm bảo triển khai đồng bộ các giải pháp, nâng cao hiệu quả chung. Đồng thời, việc tuyên truyền, nâng cao nhận thức về DDCI, tổ chức các buổi tập huấn, hội thảo, chia sẻ kinh nghiệm, xây dựng cơ chế đánh giá, khen thưởng sẽ góp phần tạo sự đồng lòng, thúc đẩy cán bộ, công chức, người dân hiểu rõ tầm quan trọng của chỉ số này đối với phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Thứ nhất, cải cách hành chính là yếu tố then chốt để tạo môi trường kinh doanh thuận lợi cho doanh nghiệp. Các SBN tại tỉnh Bình Thuận cần rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính, giảm thiểu giấy tờ, thời gian và chi phí cho doanh nghiệp. Việc ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng hệ thống thông tin quản lý hành chính công, cổng thông tin điện tử phục vụ doanh nghiệp, giải quyết thủ tục hành chính trực tuyến sẽ nâng cao hiệu quả và minh bạch thông tin. Ngoài ra, từng SBN cần tăng cường công khai các quy định, chính sách, hướng dẫn liên quan đến doanh nghiệp, cùng với việc đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng cho cán bộ, công chức về cải cách hành chính, nâng cao tinh thần phục vụ sẽ tạo sự hài lòng cho doanh nghiệp.

Thứ hai, các SBN cần tập trung xây dựng khuôn khổ pháp luật rõ ràng, dễ hiểu và dễ áp dụng. Các SBN cần phối hợp với tỉnh trong việc rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định pháp luật, loại bỏ các quy định chồng chéo, cùng với việc tăng cường công khai, minh bạch pháp luật, công khai đầy đủ, dễ tiếp cận các văn bản pháp quy, tăng cường truyền thông, phổ biến pháp luật cho doanh nghiệp sẽ giúp doanh nghiệp nắm bắt thông tin đầy đủ, kịp thời. Hơn nữa, việc xây dựng cơ chế phối hợp hiệu quả giữa các SBN thúc đẩy chia sẻ thông tin, giảm thiểu chồng chéo trong công tác quản lý sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp hoạt động một cách minh bạch và hiệu quả.

Thứ ba, bên cạnh việc đào tạo cán bộ, các SBN cần kiểm soát chặt chẽ hoạt động của đội ngũ cán bộ của mình. Tăng cường công tác thanh tra, giám sát, đánh giá hiệu quả hoạt động trong các SBN kịp thời phát hiện và xử lý các hành vi tiêu cực, những nhiễu, gây khó khăn cho doanh nghiệp là điều cần thiết. Bên cạnh đó, việc xây dựng cơ chế tiếp nhận và xử lý phản ánh của doanh nghiệp một cách kịp thời, minh bạch và hiệu quả, đảm bảo quyền lợi của doanh nghiệp sẽ tạo niềm tin cho doanh nghiệp và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Thứ tư, xây dựng văn hóa minh bạch, liêm chính trong hoạt động của cơ quan nhà nước là yếu tố quan trọng để tạo niềm tin cho doanh nghiệp và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Bình Thuận. Việc thúc đẩy văn hóa minh bạch, liêm chính, tăng cường nhận thức về vai trò của minh bạch và liêm chính đối với sự phát triển kinh tế - xã hội, cùng với việc tăng cường giáo dục, tuyên truyền về văn hóa minh bạch, liêm chính sẽ tạo

lòng tin cho doanh nghiệp vào cơ quan nhà nước, góp phần tạo môi trường kinh doanh minh bạch, hiệu quả và thu hút đầu tư.

Thứ năm, SBN tỉnh Bình Thuận cần chủ động kết nối với doanh nghiệp, cung cấp thông tin đầy đủ và kịp thời về chính sách pháp luật, các cơ chế hỗ trợ. Cụ thể, cần tăng cường truyền thông qua các kênh phù hợp, như website, báo chí, mạng xã hội, đồng thời tổ chức các hoạt động tập huấn, hội thảo để chia sẻ thông tin về các quy định, thủ tục, cơ hội đầu tư và chính sách ưu đãi. Việc xây dựng cầu nối, tạo điều kiện cho doanh nghiệp tiếp cận trực tiếp với các cơ quan quản lý sẽ giúp họ giải quyết khó khăn một cách nhanh chóng và hiệu quả. Cung cấp thông tin minh bạch, đầy đủ và kịp thời sẽ giúp doanh nghiệp chủ động nắm bắt thông tin, tiếp cận nguồn lực và giải quyết khó khăn một cách hiệu quả, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Bình Thuận.

Thứ sáu, cơ quan nhà nước cần căn cứ ý kiến phản hồi của doanh nghiệp để nghiên cứu, rà soát và chấn chỉnh một số vấn đề nhằm nâng cao chất lượng phục vụ doanh nghiệp như:

(i) Nâng cao hơn nữa sự mạnh dạn, tính chủ động, mạnh dạn đề xuất, tham mưu các chính sách, quy định cho tỉnh nhằm hỗ trợ, phát triển sản xuất kinh doanh.

(ii) Nghiên cứu, đơn giản hóa hơn nữa quy trình và thủ tục thực hiện công việc, thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến hoặc dịch vụ bưu chính công ích để tăng sự dễ dàng, thuận tiện cho doanh nghiệp. Chủ động tư vấn hỗ trợ doanh nghiệp khi giải quyết công việc, thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến hoặc dịch vụ bưu chính công ích.

(iii) Có biện pháp kiểm soát tốt hơn nữa nhằm hạn chế tối đa việc doanh nghiệp phải chi trả chi phí không chính thức khi thực hiện công việc, thủ tục hành chính của cơ quan nhà nước, tiến tới đảm bảo việc doanh nghiệp không phải trả các chi phí không chính thức khi thực hiện thủ tục hành chính ở tất cả cơ quan của tỉnh Bình Thuận.

(iv) Đảm bảo sự bình đẳng trong tiếp cận thông tin, không có sự phân biệt đối xử giữa các doanh nghiệp trong tiếp cận thông tin đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa, các hộ sản xuất, kinh doanh nhỏ.

(v) Nâng cao hơn nữa sự chủ động của cơ quan nhà nước trong việc tham mưu, giải quyết, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật hoặc tranh chấp của doanh nghiệp một cách kịp thời, hợp lý, đúng quy định.

(vi) Rà soát, thường xuyên đăng tải và cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành và văn bản quản lý hành chính có liên quan đến doanh nghiệp.

Thứ bảy, một số cơ quan cần kịp thời nghiên cứu, đưa ra giải pháp nhằm cải thiện chỉ số thành phần DDCI năm 2023 là Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Y tế và Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh trong thời gian tới.

B. Khuyến nghị cụ thể đối với các sở, ban, ngành
B.1. Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh

TT	Chỉ số thành phần	2020	2023	Tăng/giảm
01	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	6,54	5,34	-1,2
02	Tính năng động và hiệu lực thi hành	7,88	6,11	-1,77
03	Chi phí thời gian	7,14	6,94	-0,2
04	Chi phí không chính thức	7,14	7,06	-0,08
05	Cạnh tranh bình đẳng	6,93	7,44	+0,51
06	Hỗ trợ doanh nghiệp	7,56	5,5	-2,06
07	Thiết chế pháp lý	6,72	3,53	-3,19
08	Ứng dụng công nghệ thông tin và triển khai chuyển đổi số	6,89	5,13	-1,76
Điểm DDCI		70,73	59,55	-11,18

1. So với năm 2020, điểm số DDCI năm 2023 của Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh giảm ở mức độ vừa phải (1 chỉ số thành phần tăng điểm và 7 chỉ số thành phần giảm điểm), đạt 59,55 điểm, xếp thứ 18/21 SBN được xếp hạng và thuộc nhóm Trung bình.

2. Những vấn đề cần phát huy: Không phân biệt đối xử giữa các loại hình doanh nghiệp, nhóm doanh nghiệp, mức độ đóng góp của doanh nghiệp khi xử lý những vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong các khu công nghiệp.

3. Những vấn đề cần khắc phục:

- Chủ động phổ biến, tuyên truyền, thực thi hiệu quả các văn bản pháp luật đến các doanh nghiệp trong các khu công nghiệp. Kiểm soát việc cán bộ thuộc Ban Quản lý các khu công nghiệp gây khó khăn, phiền hà cho doanh nghiệp.

- Thường xuyên tổ chức các cuộc gặp gỡ, đối thoại doanh nghiệp trong các khu công nghiệp để giải quyết khó khăn, vướng mắc phát sinh.

- Thực hiện mạnh mẽ hoạt động chuyển đổi số trong hoạt động quản lý, điều hành. Phát huy tính sáng tạo và khả năng vận dụng linh hoạt của các phòng ban, bộ phận chuyên môn của Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh trong quá trình thực thi chính sách của tỉnh.

- Đảm bảo khả năng tiếp cận các kế hoạch, văn bản pháp lý, thông tin cần thiết cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp; giảm thiểu thủ tục, giấy tờ nằm ngoài quy định khi thực hiện thủ tục hành chính.

B.2. Bảo hiểm xã hội tỉnh

TT	Chỉ số thành phần	2020	2023	Tăng/giảm
01	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	7,18	8,47	+ 1,29
02	Tính năng động và hiệu lực thi hành	8,27	8,11	-0,16
03	Chi phí thời gian	7,84	6,97	-0,87
04	Chi phí không chính thức	6,97	8,98	+2,01
05	Cạnh tranh bình đẳng	7,27	8,09	+0,82
06	Hỗ trợ doanh nghiệp	7,61	5,5	-2,11
07	Thiết chế pháp lý	6,76	6,15	-0,61
08	Ứng dụng công nghệ thông tin và triển khai chuyển đổi số	8,65	9,20	+0,55
Điểm DDCI		75,08	74,95	-0,13

1. So với năm 2020, điểm số DDCI năm 2023 của Bảo hiểm xã hội tỉnh đạt 74,95 điểm giảm nhẹ (0,13 điểm) với 4 chỉ số thành phần tăng điểm và 4 chỉ số thành phần giảm điểm. Tuy nhiên, Bảo hiểm xã hội tỉnh vẫn xếp thứ 04/21 SBN được xếp hạng và thuộc nhóm Tốt.

2. Những vấn đề cần phát huy:

- Tránh gây khó khăn, phiền hà cho doanh nghiệp trên địa bàn; kiểm soát các khoản chi phí phát sinh mà các doanh nghiệp phải chi trả đối với các thủ tục bảo hiểm xã hội. Ngoài ra, cần quản lý hiệu quả hơn đối với các cán bộ sử dụng quy định để lấy lợi ích cho bản thân.

- Đảm bảo khả năng tiếp cận các kế hoạch, văn bản pháp lý, thông tin cần thiết cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội; giảm thiểu thủ tục, giấy tờ nằm ngoài quy định khi thực hiện thủ tục hành chính.

- Không phân biệt đối xử giữa các loại hình doanh nghiệp bảo hiểm, đảm bảo các doanh nghiệp được cạnh tranh bình đẳng với nhau.

3. Những vấn đề cần khắc phục:

- Nâng cao hiệu quả của các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp, thường xuyên tổ chức các cuộc gặp gỡ, đối thoại doanh nghiệp bảo hiểm

- Giảm thiểu thời gian doanh nghiệp bảo hiểm thực hiện các thủ tục hành chính, thời gian phải tạm dừng kinh doanh để các cơ quan thực hiện việc thanh tra, kiểm tra.

B.3. Chi Cục Hải quan Cửa khẩu Cảng tỉnh

TT	Chỉ số thành phần	2020	2023	Tăng/giảm
01	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	6,11	5,71	-0,4
02	Tính năng động và hiệu lực thi hành	7,46	8,19	+0,73
03	Chi phí thời gian	5,90	7,7	+1,8
04	Chi phí không chính thức	6,77	6,09	-0,68
05	Cạnh tranh bình đẳng	7,10	3,53	-3,57
06	Hỗ trợ doanh nghiệp	5,50	5,5	0
07	Thiết chế pháp lý	6,40	6,35	-0,05
08	Ứng dụng công nghệ thông tin và triển khai chuyển đổi số	6,25	7,92	+1,67
	Điểm DDCI	64,47	63,39	-1,08

1. So với năm 2020, điểm số DDCI năm 2023 của Chi Cục Hải quan Cửa khẩu Cảng tỉnh giảm nhẹ (3 chỉ số thành phần tăng điểm và 5 chỉ số thành phần giảm điểm), đạt 63,39 điểm, xếp thứ 12/21 SBN được xếp hạng và thuộc nhóm Khá.

2. Những vấn đề cần phát huy:

- Giảm hơn nữa thời gian doanh nghiệp thực hiện các thủ tục hải quan, thời gian phải tạm dừng kinh doanh để các cơ quan thực hiện việc thanh tra, kiểm tra.

- Quyết liệt chuyển đổi số trong hoạt động quản lý, điều hành. Nâng cấp và thay đổi cách quản trị công nghệ thông tin điện tử, cập nhật nhanh chóng và đầy đủ các chủ trương, chính sách và các văn bản liên quan tới thủ tục hành chính và pháp luật về hải quan, đảm bảo dễ dàng tra cứu cũng như khả năng phản hồi ý kiến, giải đáp khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp trên cổng thông tin điện tử.

- Khuyến khích sự sáng tạo và vận dụng linh hoạt của các phòng ban, bộ phận chuyên môn trong quá trình thực thi chính sách của tỉnh.

3. Những vấn đề cần khắc phục:

- Quán triệt việc không phân biệt đối xử giữa các loại hình doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục hải quan, đảm bảo các doanh nghiệp được cạnh tranh bình đẳng với nhau.

- Hạn chế việc gây khó khăn, phiền hà cho doanh nghiệp của cán bộ hải quan; những khoản chi phí không chính thức mà doanh nghiệp phải trả. Kiểm soát việc cán bộ hải quan sử dụng các quy định để phục vụ mục đích cá nhân.

B.4. Công an tỉnh

TT	Chỉ số thành phần	2020	2023	Tăng/giảm
01	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	6,48	6,13	-0,35
02	Tính năng động và hiệu lực thi hành	7,92	5,42	-2,5
03	Chi phí thời gian	7,27	6,09	-1,18
04	Chi phí không chính thức	6,56	6,86	+0,3
05	Cạnh tranh bình đẳng	6,87	8,79	+1,92
06	Hỗ trợ doanh nghiệp	6,44	5,5	-0,94
07	Thiết chế pháp lý	6,59	4,63	-1,96
08	Ứng dụng công nghệ thông tin và triển khai chuyển đổi số	6,54	6,32	-0,22
	Điểm DDCI	68,26	61,72	-6,54

1. So với năm 2020, điểm số DDCI năm 2023 của Công an tỉnh giảm nhẹ (2 chỉ số thành phần tăng điểm và 6 chỉ số thành phần giảm điểm), đạt 61,72 điểm, xếp thứ 16/21 SBN được xếp hạng và thuộc nhóm Khá.

2. Những vấn đề cần phát huy:

- Đẩy mạnh việc không phân biệt đối xử giữa các loại hình doanh nghiệp, nhóm doanh nghiệp, mức độ đóng góp của doanh nghiệp khi xử lý những vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

- Tiếp tục giảm khó khăn, phiền hà cho doanh nghiệp của cán bộ công an; những khoản chi phí không chính thức mà doanh nghiệp phải trả. Kiểm soát việc cán bộ sử dụng các quy định để phục vụ mục đích cá nhân.

3. Những vấn đề cần khắc phục:

- Phát huy tính sáng tạo và khả năng vận dụng linh hoạt của các phòng ban, bộ phận chuyên môn trong quá trình thực thi chính sách của tỉnh.

- Nâng cao năng lực thực thi pháp luật, giải quyết hiệu quả các tranh chấp, khiếu nại về các hành vi gây khó khăn, phiền hà của cán bộ công an cấp cơ sở.

- Giảm thiểu thời gian doanh nghiệp thực hiện các thủ tục hành chính, thời gian doanh nghiệp phải tạm dừng kinh doanh để các cơ quan thực hiện việc thanh tra, kiểm tra.

B.5. Cục Quản lý thị trường tỉnh

TT	Chỉ số thành phần	2020	2023	Tăng/giảm
01	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	6,49	8,08	+1,59
02	Tính năng động và hiệu lực thi hành	7,85	8,16	+0,31
03	Chi phí thời gian	7,04	6,51	-0,53
04	Chi phí không chính thức	6,54	7,39	+0,85
05	Cạnh tranh bình đẳng	7,30	7,88	+0,58
06	Hỗ trợ doanh nghiệp	6,34	3,4	-2,94
07	Thiết chế pháp lý	6,69	3,24	-3,45
08	Ứng dụng công nghệ thông tin và triển khai chuyển đổi số	5,31	7,82	+2,51
	Điểm DDCI	66,95	62,83	-4,12

1. So với năm 2020, điểm số DDCI năm 2023 của Cục Quản lý thị trường tỉnh đạt 62,83 điểm giảm nhẹ (4,12 điểm) nhưng có 5 chỉ số thành phần tăng điểm và 3 chỉ số thành phần giảm điểm. Cục Quản lý thị trường tỉnh xếp thứ 13/21 SBN được xếp hạng và thuộc nhóm Khá.

2. Những vấn đề cần phát huy:

- Đẩy mạnh hoạt động chuyển đổi số trong hoạt động quản lý, điều hành. Nâng cấp và thay đổi cách quản trị công nghệ thông tin điện tử, cập nhật nhanh chóng và đầy đủ các chủ trương, chính sách và các văn bản liên quan tới thủ tục hành chính và pháp luật, đảm bảo dễ dàng tra cứu cũng như khả năng phản hồi ý kiến, giải đáp khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp trên công nghệ thông tin điện tử.

- Nâng cao khả năng tiếp cận các kế hoạch, văn bản pháp lý, thông tin cần thiết cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp; giảm thiểu thủ tục, giấy tờ nằm ngoài quy định khi thực hiện thủ tục hành chính.

Kiểm soát tốt hơn việc nhũng nhiễu, gây khó khăn cho doanh nghiệp của cán bộ công quyền; những khoản chi phí không chính thức mà doanh nghiệp phải trả. Kiểm soát việc cán bộ sử dụng các quy định để trục lợi cá nhân.

3. Những vấn đề cần khắc phục:

- Chủ động phổ biến, tuyên truyền, thực thi hiệu quả các văn bản pháp luật tới doanh nghiệp. Nâng cao năng lực thực thi pháp luật, giải quyết hiệu quả các tranh chấp, khiếu nại của doanh nghiệp.

- Thường xuyên tổ chức các cuộc gặp gỡ, đối thoại doanh nghiệp để cùng tháo gỡ khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp.

B.6. Cục Thuế tỉnh

TT	Chỉ số thành phần	2020	2023	Tăng/giảm
01	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	6,89	7,35	+0,46
02	Tính năng động và hiệu lực thi hành	8,18	8,28	+0,1
03	Chi phí thời gian	7,69	7,49	-0,2
04	Chi phí không chính thức	6,55	8,12	+1,57
05	Cạnh tranh bình đẳng	7,17	7,4	+0,23
06	Hỗ trợ doanh nghiệp	7,58	4,67	-2,91
07	Thiết chế pháp lý	6,79	6,48	-0,31
08	Ứng dụng công nghệ thông tin và triển khai chuyển đổi số	8,09	9,11	+1,02
	Điểm DDCI	72,97	71,38	-1,59

1. So với năm 2020, điểm số DDCI năm 2023 của Cục Thuế tỉnh đạt 71,38 điểm giảm nhẹ (1,59 điểm) nhưng có 5 chỉ số thành phần tăng điểm và 3 chỉ số thành phần giảm điểm. Cục Thuế tỉnh xếp thứ 8/21 SBN được xếp hạng và thuộc nhóm Tốt.

2. Những vấn đề cần phát huy:

- Hạn chế việc gây khó khăn, phiền hà cho doanh nghiệp của cán bộ thuế; những khoản chi phí không chính thức mà doanh nghiệp phải trả. Kiểm soát việc cán bộ sử dụng các quy định để phục vụ mục đích cá nhân.

- Chuyển đổi số trong hoạt động quản lý, điều hành. Nâng cấp và thay đổi cách quản trị công nghệ thông tin điện tử, cập nhật nhanh chóng và đầy đủ các chủ trương, chính sách và các văn bản liên quan tới lĩnh vực thuế, đảm bảo dễ dàng tra cứu cũng như khả năng phản hồi ý kiến, giải đáp khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp trên công nghệ thông tin điện tử.

- Đảm bảo khả năng tiếp cận các kế hoạch, văn bản pháp lý, thông tin cần thiết cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp; giảm thiểu thủ tục, giấy tờ nằm ngoài quy định khi thực hiện thủ tục hành chính về thuế.

3. Những vấn đề cần khắc phục:

- Nâng cao hiệu quả của các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp, thường xuyên tổ chức các cuộc gặp gỡ, đối thoại để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp.

- Chủ động phổ biến, tuyên truyền, thực thi hiệu quả các văn bản pháp luật trong lĩnh vực thuế doanh nghiệp. Nâng cao năng lực thực thi pháp luật, giải quyết hiệu quả các tranh chấp, khiếu nại và các hành vi gây khó khăn, phiền hà của cán bộ thuế.

B.7. Sở Công Thương

TT	Chỉ số thành phần	2020	2023	Tăng/giảm
01	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	6,98	5,39	-1,59
02	Tính năng động và hiệu lực thi hành	8,14	6,85	-1,29
03	Chi phí thời gian	7,37	5,39	-1,98
04	Chi phí không chính thức	6,57	6,18	-0,39
05	Cạnh tranh bình đẳng	6,98	8,22	+1,24
06	Hỗ trợ doanh nghiệp	7,28	5,5	-1,78
07	Thiết chế pháp lý	6,68	4,87	-1,81
08	Ứng dụng công nghệ thông tin và triển khai chuyển đổi số	6,40	8,37	+1,97
	Điểm DDCI	70,60	62,06	-8,54

1. So với năm 2020, điểm số DDCI năm 2023 của Sở Công Thương giảm ở mức độ vừa phải (2 chỉ số thành phần tăng điểm và 6 chỉ số thành phần giảm điểm), đạt 62,06 điểm, xếp thứ 15/21 SBN được xếp hạng và thuộc nhóm Khá.

2. Những vấn đề cần phát huy:

- Tiếp tục chuyển đổi số trong hoạt động quản lý, điều hành. Nâng cấp và thay đổi cách quản trị công nghệ thông tin điện tử, cập nhật nhanh chóng và đầy đủ các chủ trương, chính sách và các văn bản liên quan tới thủ tục hành chính và pháp luật, đảm bảo dễ dàng tra cứu cũng như khả năng phản hồi ý kiến, giải đáp khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp trên công nghệ thông tin điện tử.

- Nhất quán việc không phân biệt đối xử giữa các loại hình doanh nghiệp, nhóm doanh nghiệp, mức độ đóng góp của doanh nghiệp khi xử lý những vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Đảm bảo các doanh nghiệp được cạnh tranh bình đẳng với nhau.

3. Những vấn đề cần khắc phục:

- Phát huy tính sáng tạo và khả năng vận dụng linh hoạt của cán bộ Sở Công Thương trong quá trình thực thi chính sách của tỉnh. Giảm thiểu thời gian doanh nghiệp thực hiện các thủ tục hành chính, thời gian doanh nghiệp phải tạm dừng kinh doanh để các cơ quan thực hiện việc thanh tra, kiểm tra.

- Đảm bảo khả năng tiếp cận các kế hoạch, văn bản pháp lý, thông tin cần thiết cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp; giảm thiểu thủ tục, giấy tờ nằm ngoài quy định khi thực hiện thủ tục hành chính.

- Nâng cao hiệu quả của các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp, thường xuyên tổ chức các cuộc gặp gỡ, đối thoại để giải quyết khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp.

B.8. Sở Giáo dục và Đào tạo

TT	Chỉ số thành phần	2023	Điểm trung bình năm 2023	Chênh lệch
01	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	8,78	7,62	+1,16
02	Tính năng động và hiệu lực thi hành	9,16	7,45	+1,71
03	Chi phí thời gian	4,47	6,64	-2,17
04	Chi phí không chính thức	2,92	7,20	-4,28
05	Cạnh tranh bình đẳng	8,2	8,18	+0,02
06	Hỗ trợ doanh nghiệp	5,5	4,81	+0,69
07	Thiết chế pháp lý	4,87	4,43	+0,44
08	Ứng dụng công nghệ thông tin và triển khai chuyển đổi số	9,26	7,71	+1,55
	Điểm DDCI	62,36	65,77	-3,41

1. Sở Giáo dục và Đào tạo mới được đưa vào đánh giá, xếp hạng chỉ số DDCI năm 2023, đạt 62,36 điểm, xếp thứ 14/21 SBN được xếp hạng và thuộc nhóm Khá.

2. Những vấn đề cần phát huy:

- Đẩy mạnh hoạt động chuyển đổi số trong hoạt động quản lý, điều hành. Nâng cấp và thay đổi cách quản trị công thông tin điện tử, cập nhật nhanh chóng và đầy đủ các chủ trương, chính sách và các văn bản liên quan tới thủ tục hành chính và pháp luật, đảm bảo dễ dàng tra cứu cũng như khả năng phản hồi ý kiến, giải đáp khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp trên công thông tin điện tử.

- Phát huy tính sáng tạo và khả năng vận dụng linh hoạt của các phòng ban, bộ phận chuyên môn trong quá trình thực thi chính sách của tỉnh. Đưa ra các sáng kiến riêng nhằm hỗ trợ doanh nghiệp triển khai các hoạt động đầu tư, kinh doanh.

- Đảm bảo khả năng tiếp cận các kế hoạch, văn bản pháp lý, thông tin cần thiết cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp; giảm thiểu thủ tục, giấy tờ nằm ngoài quy định khi thực hiện thủ tục hành chính.

- Đảm bảo hiệu quả của các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp, thường xuyên tổ chức các cuộc gặp gỡ, đối thoại doanh nghiệp.

3. Những vấn đề cần khắc phục:

Để nâng cao hiệu quả Sở Giáo dục và Đào tạo cần tạo môi trường minh bạch, hạn chế tối đa phiền hà cho các đơn vị giáo dục. Rút ngắn thời gian thực hiện các thủ tục hành chính, đồng thời đảm bảo việc áp dụng các quy định một cách công bằng và minh bạch, tránh tình trạng lợi dụng để gây khó khăn cho các doanh nghiệp trong lĩnh vực giáo dục.

B.9. Sở Giao thông vận tải

TT	Chỉ số thành phần	2020	2023	Tăng/giảm
01	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	7,28	8,25	+0,97
02	Tính năng động và hiệu lực thi hành của sở, ban, ngành và địa phương	7,94	6,75	-1,19
03	Chi phí thời gian	7,17	7,43	+0,26
04	Chi phí không chính thức	6,66	8,12	+1,46
05	Cạnh tranh bình đẳng	7,29	8,8	+1,51
06	Hỗ trợ doanh nghiệp	6,68	5,5	-1,18
07	Thiết chế pháp lý	6,74	6,32	-0,42
08	Ứng dụng công nghệ thông tin và triển khai chuyển đổi số	8,73	7,48	-1,25
	Điểm DDCI	72,78	71,93	-0,85

1. So với năm 2020, điểm số DDCI năm 2023 của Sở Giao thông vận tải đạt 71,93 điểm giảm nhẹ (0,85 điểm) với 4 chỉ số thành phần tăng điểm và 4 chỉ số thành phần giảm điểm; xếp thứ 7/21 SBN được xếp hạng và thuộc nhóm Tốt.

2. Những vấn đề cần phát huy:

- Đảm bảo không phân biệt đối xử giữa các loại hình doanh nghiệp, nhóm doanh nghiệp, mức độ đóng góp của doanh nghiệp khi xử lý những vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Đảm bảo các doanh nghiệp được cạnh tranh bình đẳng với nhau.

- Hạn chế khó khăn, phiền hà cho doanh nghiệp; giảm những khoản chi phí không chính thức mà doanh nghiệp phải trả. Kiểm soát việc cán bộ sử dụng các quy định để phục vụ mục đích cá nhân.

- Đảm bảo khả năng tiếp cận các kế hoạch, văn bản pháp lý, thông tin cần thiết cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp; giảm thiểu thủ tục, giấy tờ nằm ngoài quy định khi thực hiện thủ tục hành chính.

3. Những vấn đề cần khắc phục:

- Nâng cao hiệu quả của các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp, thường xuyên tổ chức các cuộc gặp gỡ, đối thoại để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp.

- Phát huy tính sáng tạo và khả năng vận dụng linh hoạt của các phòng ban, bộ phận chuyên môn trong quá trình thực thi chính sách của tỉnh. Đưa ra các sáng kiến riêng nhằm hỗ trợ doanh nghiệp triển khai các hoạt động đầu tư, kinh doanh.

- Thực hiện mạnh mẽ hoạt động chuyển đổi số trong hoạt động quản lý, điều hành. Nâng cấp và cập nhật nhanh chóng và đầy đủ các chủ trương, chính sách và các văn bản liên quan tới thủ tục hành chính và pháp luật trên cổng thông tin điện tử.

B.10. Sở Kế hoạch và Đầu tư

TT	Chỉ số thành phần	2020	2023	Tăng/giảm
01	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	6,96	8,99	+2,03
02	Tính năng động và hiệu lực thi hành	6,66	8,58	+1,92
03	Chi phí thời gian	7,03	7,88	+0,85
04	Chi phí không chính thức	6,67	8,22	+1,55
05	Cạnh tranh bình đẳng	6,98	8,71	+1,73
06	Hỗ trợ doanh nghiệp	7,38	4,69	-2,69
07	Thiết chế pháp lý	6,41	6,49	+0,08
08	Ứng dụng công nghệ thông tin và triển khai chuyển đổi số	7,47	9,47	+2,00
	Điểm DDCI	68,89	75,77	+6,88

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư là 1 trong 3 cơ quan có sự cải thiện về điểm số DDCI năm 2023 so với năm 2020 (tăng nhẹ 6,88 điểm) với 7 chỉ số thành phần tăng điểm và 1 chỉ số thành phần giảm điểm, xếp thứ 02/21 SBN được xếp hạng và thuộc nhóm Tốt.

2. Những vấn đề cần phát huy:

- Đảm bảo khả năng tiếp cận các kế hoạch, văn bản pháp lý, thông tin cần thiết cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp; giảm thiểu thủ tục, giấy tờ nằm ngoài quy định khi thực hiện thủ tục hành chính.

- Đẩy mạnh hoạt động chuyển đổi số trong hoạt động quản lý, điều hành. Cập nhật nhanh chóng và đầy đủ các chủ trương, chính sách và các văn bản liên quan tới thủ tục hành chính và pháp luật, đảm bảo dễ dàng tra cứu cũng như khả năng phản hồi ý kiến, giải đáp khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp trên cổng thông tin điện tử.

- Phát huy tính sáng tạo và khả năng vận dụng linh hoạt của các phòng ban, bộ phận chuyên môn trong quá trình thực thi chính sách của tỉnh. Đưa ra các sáng kiến riêng nhằm phát triển doanh nghiệp và hỗ trợ triển khai các hoạt động đầu tư, kinh doanh.

- Đảm bảo các doanh nghiệp được cạnh tranh bình đẳng. Không phân biệt đối xử giữa các loại hình doanh nghiệp, nhóm doanh nghiệp khi xử lý những vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

3. Những vấn đề cần khắc phục:

Nâng cao hiệu quả của các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp, thường xuyên tổ chức các cuộc gặp gỡ, đối thoại để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp.

B.11. Sở Khoa học và Công nghệ

TT	Chỉ số thành phần	2020	2023	Tăng/giảm
01	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	6,73	10	3,27
02	Tính năng động và hiệu lực thi hành	7,97	9,54	1,57
03	Chi phí thời gian	6,84	8,2	1,36
04	Chi phí không chính thức	6,53	6,86	0,33
05	Cạnh tranh bình đẳng	6,91	8,79	1,88
06	Hỗ trợ doanh nghiệp	7,44	5,5	-1,94
07	Thiết chế pháp lý	6,52	3,53	-2,99
08	Ứng dụng công nghệ thông tin và triển khai chuyển đổi số	8,63	9,7	1,07
	Điểm DDCI	71,36	75,15	+3,79

1. Sở Khoa học và Công nghệ là 1 trong 3 cơ quan có sự cải thiện về điểm số DDCI năm 2023 so với năm 2020 (tăng nhẹ 3,79 điểm) với 6 chỉ số thành phần tăng điểm và 2 chỉ số thành phần giảm điểm, xếp thứ 03/21 SBN được xếp hạng và thuộc nhóm Tốt.

2. Những vấn đề cần phát huy:

- Đảm bảo khả năng tiếp cận các kế hoạch, văn bản pháp lý, thông tin cần thiết cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong lĩnh vực khoa học, công nghệ; giảm thiểu thủ tục, giấy tờ nằm ngoài quy định khi thực hiện thủ tục hành chính.

- Đảm bảo các doanh nghiệp được cạnh tranh bình đẳng, Không phân biệt đối xử giữa các loại hình doanh nghiệp, nhóm doanh nghiệp khi xử lý những vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

- Phát huy tính sáng tạo và khả năng vận dụng linh hoạt của các phòng ban, bộ phận chuyên môn trong quá trình thực thi chính sách của tỉnh. Đưa ra các sáng kiến riêng nhằm phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

- Giảm thiểu thời gian doanh nghiệp thực hiện các thủ tục hành chính, thời gian doanh nghiệp phải tạm dừng kinh doanh để các cơ quan thực hiện việc thanh tra, kiểm tra.

3. Những vấn đề cần khắc phục:

- Chủ động phổ biến, tuyên truyền, thực thi hiệu quả các văn bản pháp luật của các SBN tới cộng đồng doanh nghiệp. Nâng cao năng lực thực thi pháp luật, giải quyết hiệu quả các tranh chấp, khiếu nại của doanh nghiệp.

- Nâng cao hiệu quả của các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp, thường xuyên tổ chức các cuộc gặp gỡ, đối thoại để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp.

B.12. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

TT	Chỉ số thành phần	2020	2023	Tăng/giảm
01	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	7,03	8,78	+1,75
02	Tính năng động và hiệu lực thi hành	8,33	9,16	+0,83
03	Chi phí thời gian	7,34	4,47	-2,87
04	Chi phí không chính thức	7,10	2,92	-4,18
05	Cạnh tranh bình đẳng	7,19	8,2	+1,01
06	Hỗ trợ doanh nghiệp	7,57	5,5	-2,07
07	Thiết chế pháp lý	6,80	4,87	-1,93
08	Ứng dụng công nghệ thông tin và triển khai chuyển đổi số	7,73	9,26	+1,53
	Điểm DDCI	73,65	70,29	-3,36

1. So với năm 2020, điểm số DDCI năm 2023 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đạt 70,29 điểm giảm nhẹ (3,36 điểm) với 4 chỉ số thành phần tăng điểm và 4 chỉ số thành phần giảm điểm. Tuy nhiên, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội vẫn xếp thứ 11/21 SBN được xếp hạng và thuộc nhóm Tốt.

2. Những vấn đề cần phát huy:

- Đảm bảo khả năng tiếp cận các kế hoạch, văn bản pháp lý, thông tin cần thiết cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp; giảm thiểu thủ tục, giấy tờ nằm ngoài quy định khi thực hiện thủ tục hành chính.

- Thực hiện mạnh mẽ hoạt động chuyển đổi số trong hoạt động quản lý, điều hành. Cập nhật nhanh chóng và đầy đủ các chủ trương, chính sách và các văn bản liên quan tới thủ tục hành chính và pháp luật, đảm bảo dễ dàng tra cứu cũng như khả năng phản hồi ý kiến, giải đáp khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp trên cổng thông tin điện tử.

- Đảm bảo các doanh nghiệp được cạnh tranh bình đẳng. Không phân biệt đối xử giữa các loại hình doanh nghiệp, nhóm doanh nghiệp khi xử lý những vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

3. Những vấn đề cần khắc phục:

- Kiểm soát việc gây khó khăn cho doanh nghiệp của cán bộ; những khoản chi phí không chính thức mà doanh nghiệp phải trả; việc cán bộ sử dụng các quy định để phục vụ mục đích cá nhân.

- Giảm thiểu thời gian doanh nghiệp thực hiện các thủ tục hành chính, thời gian doanh nghiệp phải tạm dừng kinh doanh để các cơ quan thực hiện việc thanh tra, kiểm tra.

- Nâng cao hiệu quả của các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp, thường xuyên tổ chức các cuộc gặp gỡ, đối thoại để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp.

B.13. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

TT	Chỉ số thành phần	2020	2023	Tăng/giảm
01	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	6,50	7,33	+0,83
02	Tính năng động và hiệu lực thi hành	7,59	6,3	-1,29
03	Chi phí thời gian	6,64	6,38	-0,26
04	Chi phí không chính thức	6,22	7,64	+1,42
05	Cạnh tranh bình đẳng	6,45	5,51	-0,94
06	Hỗ trợ doanh nghiệp	6,25	1,88	-4,37
07	Thiết chế pháp lý	6,11	3,04	-3,07
08	Ứng dụng công nghệ thông tin và triển khai chuyển đổi số	6,18	5,51	-0,67
	Điểm DDCI	65,17	52,48	-12,69

1. So với năm 2020, điểm số DDCI năm 2023 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giảm ở mức độ vừa phải (2 chỉ số thành phần tăng điểm và 6 chỉ số thành phần giảm điểm), đạt 52,48 điểm, xếp thứ 20/21 SBN được xếp hạng và thuộc nhóm Trung bình.

2. Những vấn đề cần phát huy:

- Giảm khó khăn, phiền hà cho doanh nghiệp nông nghiệp của cán bộ công quyền; những khoản chi phí không chính thức mà doanh nghiệp phải trả. Kiểm soát việc cán bộ sử dụng các quy định để phục vụ mục đích cá nhân.

- Đảm bảo khả năng tiếp cận các kế hoạch, văn bản pháp lý, thông tin cần thiết cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp; giảm thiểu thủ tục, giấy tờ nằm ngoài quy định khi thực hiện thủ tục hành chính.

3. Những vấn đề cần khắc phục:

- Nâng cao hiệu quả của các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nông nghiệp. Thường xuyên tổ chức đối thoại để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp.

- Chủ động phổ biến, tuyên truyền, thực thi hiệu quả các văn bản pháp luật trong lĩnh vực nông nghiệp tới doanh nghiệp.

- Phát huy tính sáng tạo và khả năng vận dụng linh hoạt của các phòng ban, bộ phận chuyên môn trong quá trình thực thi chính sách của tỉnh. Đưa ra các sáng kiến riêng nhằm phát triển doanh nghiệp nông nghiệp.

- Đảm bảo các doanh nghiệp được cạnh tranh bình đẳng. Không phân biệt đối xử giữa các loại hình doanh nghiệp, nhóm doanh nghiệp, mức độ đóng góp của doanh nghiệp khi xử lý những vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

B.14. Sở Tài chính

TT	Chỉ số thành phần	2023	Điểm trung bình năm 2023	Chênh lệch
01	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	9,18	7,62	+1,56
02	Tính năng động và hiệu lực thi hành	7,19	7,45	-0,26
03	Chi phí thời gian	6,8	6,64	+0,16
04	Chi phí không chính thức	7,75	7,20	+0,55
05	Cạnh tranh bình đẳng	10	8,18	+1,82
06	Hỗ trợ doanh nghiệp	5,5	4,81	+0,69
07	Thiết chế pháp lý	5,39	4,43	+0,96
08	Ứng dụng công nghệ thông tin và triển khai chuyển đổi số	9,07	7,71	+1,36
	Điểm DDCI	65,17	65,77	-0,6

1. Sở Tài chính mới được đưa vào đánh giá, xếp hạng chỉ số DDCI năm 2023, đạt 73,66 điểm, xếp thứ 6/21 SBN được xếp hạng và thuộc nhóm Tốt.

2. Những vấn đề cần phát huy:

- Không phân biệt đối xử giữa các loại hình doanh nghiệp, nhóm doanh nghiệp, mức độ đóng góp của doanh nghiệp khi xử lý những vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

- Đảm bảo khả năng tiếp cận các kế hoạch, văn bản pháp lý, thông tin cần thiết cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp; giảm thiểu thủ tục, giấy tờ nằm ngoài quy định khi thực hiện thủ tục hành chính.

- Thực hiện mạnh mẽ hoạt động chuyển đổi số trong hoạt động quản lý, điều hành. Cập nhật nhanh chóng và đầy đủ các chủ trương, chính sách và các văn bản liên quan tới thủ tục hành chính và pháp luật, đảm bảo dễ dàng tra cứu cũng như khả năng phản hồi ý kiến, giải đáp khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp trên cổng thông tin điện tử.

- Chủ động phổ biến, tuyên truyền, thực thi hiệu quả các văn bản pháp luật tới cộng đồng doanh nghiệp.

3. Những vấn đề cần khắc phục:

Phát huy tính sáng tạo và khả năng vận dụng linh hoạt của các phòng ban, bộ phận chuyên môn trong quá trình thực thi chính sách tài chính của tỉnh. Đưa ra các sáng kiến riêng nhằm phát triển doanh nghiệp và hỗ trợ triển khai chính sách ưu đãi về tài chính đối với doanh nghiệp của tỉnh.

B.15. Sở Tài nguyên và Môi trường

TT	Chỉ số thành phần	2020	2023	Tăng/giảm
01	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	6,66	3,44	-3,22
02	Tính năng động và hiệu lực thi hành	7,90	3,82	-4,08
03	Chi phí thời gian	7,25	4	-3,25
04	Chi phí không chính thức	6,78	6,69	-0,09
05	Cạnh tranh bình đẳng	7,04	7,48	+0,44
06	Hỗ trợ doanh nghiệp	6,63	1	-5,63
07	Thiết chế pháp lý	6,62	2,91	-3,71
08	Ứng dụng công nghệ thông tin và triển khai chuyển đổi số	7,74	2,27	-5,47
	Điểm DDCI	70,41	37,96	-32,45

1. So với năm 2020, điểm số DDCI năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường giảm mạnh (1 chỉ số thành phần tăng điểm và 7 chỉ số thành phần giảm điểm), đạt 37,96 điểm, xếp thứ 21/21 SBN và là cơ quan duy nhất thuộc nhóm Tương đối thấp.

2. Những vấn đề cần phát huy:

Đảm bảo các doanh nghiệp được cạnh tranh bình đẳng. Không phân biệt đối xử giữa các loại hình doanh nghiệp, nhóm doanh nghiệp, mức độ đóng góp của doanh nghiệp khi xử lý những vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

3. Những vấn đề cần khắc phục:

- Thực hiện mạnh mẽ hoạt động chuyển đổi số trong hoạt động quản lý, điều hành. Cập nhật nhanh chóng và đầy đủ các chủ trương, chính sách và các văn bản liên quan tới thủ tục hành chính và pháp luật, đảm bảo dễ dàng tra cứu cũng như khả năng phản hồi ý kiến, giải đáp khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp trên cổng thông tin điện tử.

- Chủ động phổ biến, tuyên truyền, thực thi hiệu quả các văn bản pháp luật thuộc lĩnh vực chuyên ngành tới doanh nghiệp. Nâng cao năng lực thực thi pháp luật, giải quyết hiệu quả các tranh chấp, khiếu nại của doanh nghiệp.

- Đảm bảo khả năng tiếp cận các kế hoạch, văn bản pháp lý, thông tin cần thiết cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp; giảm thiểu thủ tục, giấy tờ nằm ngoài quy định khi thực hiện thủ tục hành chính.

- Phát huy tính sáng tạo và khả năng vận dụng linh hoạt của các phòng ban, bộ phận chuyên môn trong quá trình thực thi chính sách của tỉnh. Giảm thiểu thời gian doanh nghiệp thực hiện các thủ tục hành chính, thời gian doanh nghiệp phải tạm dừng kinh doanh để các cơ quan thực hiện việc thanh tra, kiểm tra.

- Nâng cao hiệu quả của các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp, thường xuyên tổ chức các cuộc gặp gỡ, đối thoại để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp.

B.16. Sở Thông tin và Truyền thông

TT	Chỉ số thành phần	2023	Điểm trung bình năm 2023	Chênh lệch
01	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	9,37	7,62	+1,75
02	Tính năng động và hiệu lực thi hành	8,84	7,45	+1,39
03	Chi phí thời gian	6,05	6,64	-0,59
04	Chi phí không chính thức	8,27	7,20	+1,07
05	Cạnh tranh bình đẳng	10	8,18	+1,82
06	Hỗ trợ doanh nghiệp	5,5	4,81	+0,69
07	Thiết chế pháp lý	2,53	4,43	-1,9
08	Ứng dụng công nghệ thông tin và triển khai chuyển đổi số	7,94	7,71	+0,23
	Điểm DDCI	71,16	65,77	+5,39

1. Sở Thông tin và Truyền thông mới được đưa vào đánh giá, xếp hạng chỉ số DDCI năm 2023, đạt 71,16 điểm, xếp thứ 9/21 SBN được xếp hạng và thuộc nhóm Tốt.

2. Những vấn đề cần phát huy:

- Đảm bảo các doanh nghiệp được cạnh tranh. Không phân biệt đối xử giữa các loại hình doanh nghiệp, nhóm doanh nghiệp, mức độ đóng góp của doanh nghiệp khi xử lý những vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

- Đảm bảo khả năng tiếp cận các kế hoạch, văn bản pháp lý, thông tin cần thiết cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp; giảm thiểu thủ tục, giấy tờ nằm ngoài quy định khi thực hiện thủ tục hành chính.

- Phát huy tính sáng tạo và khả năng vận dụng linh hoạt của các phòng ban, bộ phận chuyên môn trong quá trình thực thi chính sách của tỉnh. Đưa ra các sáng kiến riêng nhằm phát triển khu vực kinh tế tư nhân và hỗ trợ triển khai các hoạt động đầu tư, kinh doanh.

- Giảm những nhiễu, khó khăn cho doanh nghiệp của cán bộ công quyền; những khoản chi phí không chính thức mà doanh nghiệp phải trả. Kiểm soát việc cán bộ sử dụng các quy định để trục lợi cá nhân.

3. Những vấn đề cần khắc phục:

- Chủ động phổ biến, tuyên truyền, thực thi hiệu quả các văn bản pháp luật trong lĩnh vực thông tin truyền thông tới doanh nghiệp.

- Giảm thiểu thời gian thực hiện các thủ tục hành chính, thời gian doanh nghiệp trong lĩnh vực thông tin truyền thông phải tạm dừng kinh doanh để các cơ quan thực hiện việc thanh tra, kiểm tra của cơ quan chức năng.

- Nâng cao hiệu quả của các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp trong lĩnh vực thông tin truyền thông, thường xuyên tổ chức các cuộc gặp gỡ, đối thoại doanh nghiệp.

B.17. Sở Tư pháp

TT	Chỉ số thành phần	2023	Điểm trung bình năm 2023	Chênh lệch
01	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	7,75	7,62	+0,13
02	Tính năng động và hiệu lực thi hành	8,85	7,45	+1,4
03	Chi phí thời gian	7,84	6,64	+1,2
04	Chi phí không chính thức	8,27	7,20	+1,07
05	Cạnh tranh bình đẳng	10	8,18	+1,82
06	Hỗ trợ doanh nghiệp	5,5	4,81	+0,69
07	Thiết chế pháp lý	3,34	4,43	-1,09
08	Ứng dụng công nghệ thông tin và triển khai chuyển đổi số	9,34	7,71	+1,63
	Điểm DDCI	74,45	65,77	+8,68

1. Sở Tư pháp mới được đưa vào đánh giá, xếp hạng chỉ số DDCI năm 2023, đạt 74,45 điểm, xếp thứ 5/21 SBN được xếp hạng và thuộc nhóm Tốt.

2. Những vấn đề cần phát huy:

- Đảm bảo các doanh nghiệp được cạnh tranh. Không phân biệt đối xử giữa các loại hình doanh nghiệp, nhóm doanh nghiệp, mức độ đóng góp của doanh nghiệp khi xử lý những vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

- Đẩy mạnh chuyển đổi số trong hoạt động quản lý, điều hành. Cập nhật nhanh chóng và đầy đủ các chủ trương, chính sách và các văn bản liên quan tới thủ tục hành chính và pháp luật, đảm bảo dễ dàng tra cứu cũng như khả năng phản hồi ý kiến, giải đáp khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp trên cổng thông tin điện tử.

- Phát huy tính sáng tạo và khả năng vận dụng linh hoạt của các phòng ban, bộ phận chuyên môn trong hoạt động tư pháp.

3. Những vấn đề cần khắc phục:

Chủ động phổ biến, tuyên truyền, thực thi hiệu quả các văn bản pháp luật tới doanh nghiệp. Nâng cao năng lực thực thi pháp luật, giải quyết hiệu quả các tranh chấp, khiếu nại của doanh nghiệp.

B.18. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

TT	Chỉ số thành phần	2020	2023	Tăng/giảm
01	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	6,98	8,17	+1,19
02	Tính năng động và hiệu lực thi hành	8,11	8,25	+0,14
03	Chi phí thời gian	7,07	7,03	-0,04
04	Chi phí không chính thức	6,01	7,65	+1,64
05	Cạnh tranh bình đẳng	7,24	8,7	+1,46
06	Hỗ trợ doanh nghiệp	7,29	5,5	-1,79
07	Thiết chế pháp lý	6,68	3,46	-3,22
08	Ứng dụng công nghệ thông tin và triển khai chuyển đổi số	7,15	9,14	+1,99
	Điểm DDCI	70,28	70,74	+0,46

1. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch là 1 trong 3 cơ quan có sự cải thiện về điểm số DDCI năm 2023 so với năm 2020 (tăng nhẹ 0,46 điểm) với 5 chỉ số thành phần tăng điểm và 3 chỉ số thành phần giảm điểm, xếp thứ 10/21 SBN được xếp hạng và thuộc nhóm Tốt.

2. Những vấn đề cần phát huy:

- Thực hiện mạnh mẽ hoạt động chuyển đổi số trong hoạt động quản lý, điều hành. Cập nhật nhanh chóng và đầy đủ các chủ trương, chính sách và các văn bản liên quan tới thủ tục hành chính và pháp luật, đảm bảo dễ dàng tra cứu cũng như khả năng phản hồi ý kiến, giải đáp khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp trên cổng thông tin điện tử.

- Hạn chế tình trạng gây khó khăn, phiền hà cho doanh nghiệp; những khoản chi phí không chính thức mà doanh nghiệp phải trả.

- Đảm bảo không phân biệt đối xử giữa các loại hình doanh nghiệp, nhóm doanh nghiệp, mức độ đóng góp của doanh nghiệp khi xử lý những vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất của doanh nghiệp.

3. Những vấn đề cần khắc phục:

- Chủ động phổ biến, tuyên truyền, thực thi hiệu quả các văn bản pháp luật liên quan đến lĩnh vực du lịch đến cộng đồng doanh nghiệp. Đồng thời, nâng cao năng lực thực thi pháp luật, giải quyết hiệu quả các tranh chấp, khiếu nại liên quan đến hành vi gây khó khăn, phiền hà của cán bộ công quyền cấp cơ sở trong lĩnh vực.

- Nâng cao hiệu quả của các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp du lịch, thường xuyên tổ chức các cuộc gặp gỡ, đối thoại với doanh nghiệp để nắm bắt khó khăn, vướng mắc, đồng thời đưa ra giải pháp hỗ trợ kịp

- Phối hợp với các đơn vị liên quan để phát triển các sản phẩm du lịch độc đáo, thu hút du khách, đồng thời đảm bảo tính bền vững cho hoạt động du lịch. Bên cạnh đó, cần tăng cường quảng bá, xúc tiến du lịch, nâng cao hình ảnh du lịch của địa phương.

B.19. Sở Xây dựng

TT	Chỉ số thành phần	2020	2023	Tăng/giảm
01	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	6,54	8,58	+2,04
02	Tính năng động và hiệu lực thi hành	8,14	6,15	-1,99
03	Chi phí thời gian	7,15	6,21	-0,94
04	Chi phí không chính thức	6,28	5,61	-0,67
05	Cạnh tranh bình đẳng	7,03	9,58	+2,55
06	Hỗ trợ doanh nghiệp	6,76	2,88	-3,88
07	Thiết chế pháp lý	6,67	3,22	-3,45
08	Ứng dụng công nghệ thông tin và triển khai chuyển đổi số	6,1	9,65	+3,55
	Điểm DDCI	68,36	60,67	-7,69

1. So với năm 2020, điểm số DDCI năm 2023 của Sở Xây dựng đạt 60,67 điểm giảm nhẹ (7,69 điểm) với 3 chỉ số thành phần tăng điểm và 5 chỉ số thành phần giảm điểm; xếp thứ 17/21 SBN được xếp hạng và thuộc nhóm Khá.

2. Những vấn đề cần phát huy:

- Chuyên đổi số trong hoạt động quản lý, điều hành. Cập nhật nhanh chóng và đầy đủ các chủ trương, chính sách và các văn bản liên quan tới thủ tục hành chính và pháp luật, đảm bảo dễ dàng tra cứu cũng như khả năng phản hồi ý kiến, giải đáp khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp trên cổng thông tin điện tử.

- Không phân biệt đối xử giữa các loại hình doanh nghiệp, nhóm doanh nghiệp, mức độ đóng góp của doanh nghiệp khi xử lý những vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong lĩnh vực xây dựng.

- Đảm bảo khả năng tiếp cận các kế hoạch, văn bản pháp lý, thông tin cần thiết cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp; giảm thiểu thủ tục, giấy tờ nằm ngoài quy định khi thực hiện thủ tục hành chính.

3. Những vấn đề cần khắc phục:

- Nâng cao hiệu quả của các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp, thường xuyên tổ chức các cuộc gặp gỡ, đối thoại để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp trong lĩnh vực xây dựng.

- Chủ động phổ biến, tuyên truyền, thực thi hiệu quả các văn bản pháp luật trong lĩnh vực xây dựng tới cộng đồng doanh nghiệp. Nâng cao năng lực thực thi pháp luật, giải quyết hiệu quả các tranh chấp, khiếu nại của doanh nghiệp trong lĩnh vực xây dựng.

- Phát huy tính sáng tạo và khả năng vận dụng linh hoạt của các phòng ban, bộ phận chuyên môn trong quá trình thực thi chính sách của tỉnh. Đưa ra các sáng kiến riêng nhằm phát triển doanh nghiệp trong lĩnh vực xây dựng và hỗ trợ triển khai các hoạt động đầu tư, kinh doanh.

B.20. Sở Y tế

TT	Chỉ số thành phần	2020	2023	Tăng/giảm
01	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	7,02	5,6	-1,42
02	Tính năng động và hiệu lực thi hành	8,05	4,86	-3,19
03	Chi phí thời gian	7,28	4,98	-2,3
04	Chi phí không chính thức	7,08	7,55	+0,47
05	Cạnh tranh bình đẳng	7,05	6,24	-0,81
06	Hỗ trợ doanh nghiệp	7,91	5,5	-2,41
07	Thiết chế pháp lý	6,61	1,64	-4,97
08	Ứng dụng công nghệ thông tin và triển khai chuyển đổi số	7,88	4,46	-3,42
	Điểm DDCI	73,23	52,6	-20,63

1. So với năm 2020, điểm số DDCI năm 2023 của Sở Y tế giảm khá mạnh (1 chỉ số thành phần tăng điểm và 7 chỉ số thành phần giảm điểm), đạt 52,6 điểm, xếp thứ 19/21 SBN được xếp hạng và thuộc nhóm Trung bình.

2. Những vấn đề cần phát huy:

Tiếp tục giảm khó khăn, phiền hà cho doanh nghiệp của cán bộ công quyền; những khoản chi phí không chính thức mà doanh nghiệp phải trả. Kiểm soát việc cán bộ sử dụng các quy định để phục vụ lợi ích cá nhân.

3. Những vấn đề cần khắc phục:

- Chủ động phổ biến, tuyên truyền, thực thi hiệu quả các văn bản pháp luật trong lĩnh vực y tế doanh nghiệp. Nâng cao năng lực thực thi pháp luật, giải quyết hiệu quả các tranh chấp, khiếu nại của doanh nghiệp trong lĩnh vực y tế.

- Thực hiện mạnh mẽ hoạt động chuyển đổi số trong hoạt động quản lý, điều hành. Cập nhật nhanh chóng và đầy đủ các chủ trương, chính sách và các văn bản liên quan tới thủ tục hành chính và pháp luật, đảm bảo dễ dàng tra cứu cũng như khả năng phản hồi ý kiến, giải đáp khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp trên cổng thông tin điện tử.

- Phát huy tính sáng tạo và khả năng vận dụng linh hoạt của các phòng ban, bộ phận chuyên môn trong quá trình thực thi chính sách trong lĩnh vực y tế của tỉnh. Đưa ra các sáng kiến riêng nhằm hỗ trợ triển khai các hoạt động đầu tư, kinh doanh đối với doanh nghiệp trong lĩnh vực y tế.

- Nâng cao hiệu quả của các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp, thường xuyên tổ chức các cuộc gặp gỡ, đối thoại nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp trong lĩnh vực y tế.

- Giảm thiểu thời gian doanh nghiệp thực hiện các thủ tục hành chính, thời gian doanh nghiệp phải tạm dừng kinh doanh để các cơ quan thực hiện việc thanh tra, kiểm tra.

B.21. Tòa án nhân dân tỉnh

TT	Chỉ số thành phần	2023	Điểm trung bình năm 2023	Chênh lệch
01	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	10	7,62	+2,38
02	Tính năng động và hiệu lực thi hành	8,99	7,45	+1,54
03	Chi phí thời gian	7,26	6,64	+0,62
04	Chi phí không chính thức	7,37	7,20	+0,17
05	Cạnh tranh bình đẳng	9,17	8,18	+0,99
06	Hỗ trợ doanh nghiệp	5,5	4,81	+0,69
07	Thiết chế pháp lý	5,39	4,43	+0,96
08	Ứng dụng công nghệ thông tin và triển khai chuyển đổi số	9,65	7,71	+1,94
	Điểm DDCI	76,15	65,77	+10,38

1. Tòa án nhân dân tỉnh mới được đưa vào đánh giá, xếp hạng chỉ số DDCI năm 2023, đạt 76,15 điểm, đứng đầu bảng xếp hạng SBN và thuộc nhóm Tốt.

2. Những vấn đề cần phát huy:

- Đẩy mạnh chuyển đổi số trong hoạt động quản lý, điều hành. Cập nhật nhanh chóng và đầy đủ các chủ trương, chính sách và các văn bản liên quan tới thủ tục hành chính và pháp luật, đảm bảo dễ dàng tra cứu cũng như khả năng phản hồi ý kiến, giải đáp khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp trên cổng thông tin điện tử.

- Không phân biệt đối xử giữa các loại hình doanh nghiệp, nhóm doanh nghiệp, mức độ đóng góp của doanh nghiệp khi xét xử những vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Phụ lục 2. Hồ sơ DDCI Bình Thuận năm 2023 theo địa phương

A. Khuyến nghị chung đối với các địa phương

Để tạo dựng môi trường kinh doanh minh bạch, hiệu quả và thu hút đầu tư, các địa phương cần thực hiện: (i) giám sát, đánh giá hiệu quả hoạt động của cơ quan nhà nước, xử lý nghiêm minh các hành vi tiêu cực, những nhiễu sẽ tạo môi trường kinh doanh minh bạch, công bằng; (ii) xây dựng cơ chế, chính sách minh bạch, hiệu quả, tạo môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, năng động và cạnh tranh sẽ là động lực thu hút đầu tư, bảo đảm quyền lợi của doanh nghiệp và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Thứ nhất, để nâng cao năng lực cạnh tranh của chính quyền địa phương tỉnh Bình Thuận, việc đầu tư phát triển hạ tầng, nguồn nhân lực và các ngành công nghiệp mũi nhọn là điều cần thiết. Mỗi địa phương cần xác định rõ thế mạnh và nhu cầu phát triển của mình để tập trung đầu tư vào các lĩnh vực phù hợp như: Thành phố Phan Thiết nên tập trung phát triển hạ tầng du lịch biển, thị xã La Gi hướng đến đầu tư vào hạ tầng nông nghiệp công nghệ cao, còn huyện Bắc Bình có thể tập trung phát triển hạ tầng khai thác khoáng sản. Bên cạnh đó, việc hỗ trợ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, và xây dựng cơ chế, chính sách phù hợp với từng địa phương sẽ tạo nên một môi trường kinh doanh thuận lợi, minh bạch, hiệu quả, năng động và cạnh tranh, bảo đảm quyền lợi cho các doanh nghiệp. Sự kết hợp đồng bộ các yếu tố này sẽ góp phần thúc đẩy sự phát triển bền vững của tỉnh Bình Thuận, thu hút đầu tư, tạo việc làm và nâng cao đời sống cho người dân.

Thứ hai, cải thiện môi trường kinh doanh là yếu tố then chốt để thu hút đầu tư và thúc đẩy phát triển kinh tế. Chính quyền địa phương cần tập trung vào việc cải cách hành chính, đơn giản hóa thủ tục, ứng dụng công nghệ thông tin và xây dựng khung pháp lý minh bạch, ổn định. Đồng thời, việc kiểm soát chặt chẽ hoạt động của cơ quan nhà nước, xử lý nghiêm minh các hành vi tiêu cực và nâng cao năng lực, kiến thức, tinh thần phục vụ của cán bộ, công chức là điều cần thiết để tạo môi trường kinh doanh minh bạch, công bằng và thu hút doanh nghiệp. Mỗi địa phương cần rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính, xây dựng khung pháp lý phù hợp, tăng cường giám sát và đào tạo cán bộ, công chức để góp phần tạo môi trường kinh doanh thuận lợi cho doanh nghiệp hoạt động hiệu quả.

Thứ ba, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao là động lực chính cho sự phát triển kinh tế - xã hội của Bình Thuận. Chính quyền địa phương nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu phát triển của từng địa phương mình. Việc thúc đẩy đào tạo nghề, tập trung vào các ngành nghề có nhu cầu cao, tạo điều kiện tiếp cận công nghệ mới và nâng cao kỹ năng cho người lao động là điều cần thiết. Bên cạnh đó, các chương trình hỗ trợ việc làm, kết nối người lao động với doanh nghiệp và hỗ trợ doanh nghiệp trong tuyển dụng và đào tạo nhân lực sẽ góp phần giải quyết vấn đề việc làm. Ngoài ra, việc tạo điều kiện thuận lợi cho các bạn trẻ khởi nghiệp, hỗ trợ về vốn, đào tạo, kết nối thị trường sẽ thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp, tạo ra nguồn lực mới cho phát triển kinh tế của tỉnh.

Thứ tư, tỉnh Bình Thuận sở hữu tiềm năng du lịch đa dạng, cần phát triển đa dạng sản phẩm du lịch, nâng cao chất lượng dịch vụ, xây dựng thương hiệu riêng biệt và phát triển du lịch bền vững. Bên cạnh du lịch, nông nghiệp là ngành kinh tế quan trọng của Bình Thuận, cần được đầu tư để nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng và phát triển nông nghiệp hữu cơ. Thúc đẩy ứng dụng công nghệ cao, xây dựng chuỗi giá trị và hỗ trợ nông dân sẽ giúp nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống và góp phần thúc đẩy phát triển bền vững cho ngành nông nghiệp của tỉnh. Sự kết hợp phát triển du lịch và nông nghiệp một cách đồng bộ và hiệu quả sẽ giúp các địa phương trong tỉnh khai thác tối đa tiềm năng, thu hút đầu tư, tạo việc làm và nâng cao đời sống cho người dân.

Thứ năm, phát triển kết cấu hạ tầng là nền tảng cho sự phát triển kinh tế - xã hội của Bình Thuận. Tỉnh phối hợp với chính quyền địa phương tập trung đầu tư nâng cấp hệ thống giao thông đường bộ, đường thủy, đường hàng không để tạo điều kiện thuận lợi cho việc lưu thông hàng hóa, du lịch và đầu tư. Việc phát triển hạ tầng năng lượng, đặc biệt là năng lượng tái tạo, sẽ đảm bảo cung cấp năng lượng ổn định và bền vững cho sản xuất và đời sống. Đầu tư phát triển mạng lưới viễn thông, nâng cao tốc độ Internet sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho việc ứng dụng công nghệ thông tin trong sản xuất, kinh doanh và đời sống. Cuối cùng, đầu tư nâng cấp hạ tầng đô thị, xây dựng đô thị thông minh sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho việc thu hút đầu tư và phát triển kinh tế. Mỗi địa phương cần tập trung đầu tư vào các lĩnh vực hạ tầng phù hợp với nhu cầu và tiềm năng của địa phương, góp phần tạo nên một môi trường phát triển đồng đều và bền vững cho toàn tỉnh.

Thứ sáu, ứng dụng công nghệ thông tin là yếu tố quan trọng giúp Bình Thuận nâng cao hiệu quả quản lý và phát triển kinh tế. Chính quyền địa phương cần thúc đẩy ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp tiếp cận thông tin, dịch vụ công. Việc xây dựng hệ thống thông tin quản lý thống nhất, minh bạch, giúp doanh nghiệp dễ dàng tiếp cận thông tin, nâng cao hiệu quả hoạt động cũng rất cần thiết. Bên cạnh đó, chính quyền địa phương cần tạo điều kiện, hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng công nghệ thông tin vào sản xuất, kinh doanh, nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả hoạt động. Mỗi địa phương cần chủ động triển khai các giải pháp ứng dụng công nghệ thông tin phù hợp với đặc thù của địa phương, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

Thứ bảy, để thu hút đầu tư và phát triển kinh tế, mỗi chính quyền địa phương tại tỉnh Bình Thuận cần xây dựng môi trường đầu tư hấp dẫn thông qua nâng cao chất lượng dịch vụ hỗ trợ đầu tư, tăng cường hỗ trợ doanh nghiệp về thủ tục đầu tư, thông tin thị trường, kết nối với đối tác. Bên cạnh đó, việc xây dựng cơ chế, chính sách ưu đãi đầu tư phù hợp, thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước là điều cần thiết. Tăng cường công tác xúc tiến đầu tư, giới thiệu tiềm năng, lợi thế của tỉnh và của từng địa phương sẽ thu hút các nhà đầu tư quan tâm. Sự kết hợp đồng bộ các yếu tố này sẽ tạo nên một môi trường đầu tư hấp dẫn, thu hút nguồn lực, và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Bình Thuận.

Thứ tám, chính quyền địa phương cần căn cứ ý kiến phản hồi của doanh nghiệp để nghiên cứu, rà soát và chấn chỉnh một số vấn đề nhằm nâng cao chất lượng phục vụ doanh nghiệp như:

(i) Đảm bảo các thông tin trên website của địa phương luôn cung cấp đầy đủ, kịp thời các thông tin cần thiết để doanh nghiệp tra cứu và thực hiện dịch vụ công trực tuyến; đảm bảo việc tiếp cận thông tin một cách thuận lợi, công bằng, nhanh chóng và đầy đủ đối với mọi thông tin mà không có sự phân biệt đối xử giữa các doanh nghiệp.

(ii) Mạnh dạn, sáng tạo trong việc triển khai các chủ trương, quyết định, chính sách... của cơ quan nhà nước cấp trên; phát huy hơn nữa vai trò của người đứng đầu cơ quan nhà nước trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo cải thiện môi trường kinh doanh.

(iii) Đảm bảo việc giải quyết công việc, thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến hoặc dịch vụ bưu chính công ích luôn được thực hiện một cách dễ dàng thuận tiện; nỗ lực hơn nữa để loại bỏ chi phí không chính thức trong việc giải quyết công việc, thủ tục hành chính của cơ quan nhà nước.

(iv) Thực hiện tốt hơn nữa chủ trương không sự phân biệt đối xử giữa doanh nghiệp lớn, doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài so với doanh nghiệp nhỏ và vừa trong việc tiếp cận thông tin, cơ hội kinh doanh.

(v) Nâng cao hơn nữa công tác hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện thủ tục hành chính về đất đai, tiếp cận thông tin mở rộng mặt bằng kinh doanh; không gây khó khăn, phiền hà khi thực hiện các thủ tục hành chính có liên quan đến đất đai.

(vi) Thường xuyên tham mưu, giải quyết, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật hoặc tranh chấp của doanh nghiệp.

Thứ chín, một số địa phương cần kịp thời có giải pháp mạnh mẽ, tổng thể nhằm cải thiện các Chỉ số thành phần DDCI năm 2023 là huyện Tuy Phong, huyện Hàm Thuận Nam, huyện Hàm Thuận Bắc nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh trong thời gian tới.

B. Khuyến nghị cụ thể với các địa phương

B.1. Huyện Đức Linh

TT	Chỉ số thành phần	2020	2023	Tăng/giảm
01	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	7,38	7,5	+0,12
02	Tính năng động và hiệu lực thi hành	5,89	5,25	-0,64
03	Chi phí thời gian	7,13	4,71	-2,42
04	Chi phí không chính thức	7,15	5,91	-1,24
05	Cạnh tranh bình đẳng	7,85	7,14	-0,71
06	Hỗ trợ doanh nghiệp	7,75	5,5	-2,25
07	Thiết chế pháp lý	6,36	5,85	-0,51
08	Ứng dụng công nghệ thông tin và triển khai chuyển đổi số	7,06	5,74	-1,32
09	Tiếp cận đất đai và ổn định trong sử dụng đất	7,17	4,48	-2,69
	Điểm DDCI	69,90	57,91	-11,99

1. So với năm 2020, điểm số DDCI năm 2023 của huyện Đức Linh giảm ở mức vừa phải (1 chỉ số thành phần tăng điểm và 8 chỉ số thành phần giảm điểm), đạt 57,91 điểm, xếp thứ 5/10 địa phương được xếp hạng và thuộc nhóm Trung bình.

2. Những vấn đề cần phát huy:

Đảm bảo khả năng tiếp cận các kế hoạch, văn bản pháp lý, thông tin cần thiết cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp; giảm thiểu thủ tục, giấy tờ nằm ngoài quy định khi thực hiện thủ tục hành chính.

3. Những vấn đề cần khắc phục:

- Đảm bảo việc tiếp cận đất đai được dễ dàng, cải thiện chất lượng cơ sở hạ tầng kết nối với cơ sở kinh doanh của doanh nghiệp tại địa phương. Thực hiện tốt công tác quy hoạch, xây dựng kế hoạch sử dụng đất cũng như hỗ trợ giải phóng mặt bằng tại địa phương.

- Thực hiện mạnh mẽ hoạt động chuyển đổi số trong hoạt động quản lý, điều hành. Cập nhật nhanh chóng và đầy đủ các chủ trương, chính sách và các văn bản liên quan tới thủ tục hành chính và pháp luật, đảm bảo dễ dàng tra cứu cũng như khả năng phản hồi ý kiến, giải đáp khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp trên cổng thông tin điện tử.

- Giảm thiểu thời gian doanh nghiệp thực hiện các thủ tục hành chính, thời gian doanh nghiệp phải tạm dừng kinh doanh để các cơ quan thực hiện việc thanh tra, kiểm tra.

- Nâng cao hiệu quả của các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp, thường xuyên tổ chức các cuộc gặp gỡ, đối thoại để kịp thời giải quyết, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp trên địa bàn huyện Đức Linh.

- Giảm thiểu việc cán bộ công quyền tại địa phương gây khó khăn, phiền hà cho doanh nghiệp và những khoản chi phí không chính thức mà doanh nghiệp phải trả.

B.2. Huyện Hàm Tân

TT	Chỉ số thành phần	2020	2023	Tăng/giảm
01	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	7,57	7,61	+0,04
02	Tính năng động và hiệu lực thi hành	5,92	6,99	+1,07
03	Chi phí thời gian	6,81	6,08	-0,73
04	Chi phí không chính thức	6,98	8,94	+1,96
05	Cạnh tranh bình đẳng	7,64	7,45	-0,19
06	Hỗ trợ doanh nghiệp	5,93	5,50	-0,43
07	Thiết chế pháp lý	6,35	4,86	-1,49
08	Ứng dụng công nghệ thông tin và triển khai chuyển đổi số	7,06	9,43	+2,37
09	Tiếp cận đất đai và ổn định trong sử dụng đất	6,87	7,8	+0,93
	Điểm DDCI	68,25	71,14	+2,89

1. Huyện Hàm Tân là 1 trong 2 địa phương có sự cải thiện về điểm số DDCI năm 2023 so với năm 2020 (tăng nhẹ 2,89 điểm) với 5 chỉ số thành phần tăng điểm và 4 chỉ số thành phần giảm điểm, xếp thứ 2/10 địa phương được xếp hạng và thuộc nhóm Tốt.

2. Những vấn đề cần phát huy:

- Đẩy mạnh chuyển đổi số trong hoạt động quản lý, điều hành tại địa phương. Đảm bảo cập nhật nhanh chóng và đầy đủ các chủ trương, chính sách và các văn bản liên quan tới thủ tục hành chính và pháp luật, sự dễ dàng tra cứu cũng như khả năng phản hồi ý kiến, giải đáp khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp trên cổng thông tin điện tử của Huyện.

- Hạn chế việc gây khó khăn, phiền hà cho doanh nghiệp tại địa phương cũng như những khoản chi phí không chính thức mà doanh nghiệp phải trả. Kiểm soát việc cán bộ sử dụng các quy định để phục vụ cá nhân.

- Phát huy tính sáng tạo và khả năng vận dụng linh hoạt của các phòng ban, bộ phận chuyên môn địa phương trong quá trình thực thi chính sách của tỉnh. Đưa ra các sáng kiến riêng nhằm phát triển hỗ trợ triển khai các hoạt động đầu tư, kinh doanh của doanh nghiệp tại địa phương.

3. Những vấn đề cần khắc phục:

- Chủ động phổ biến, tuyên truyền, thực thi hiệu quả các văn bản pháp luật tới cộng đồng doanh nghiệp. Nâng cao năng lực thực thi pháp luật, giải quyết hiệu quả các tranh chấp, khiếu nại của doanh nghiệp trên địa bàn.

- Giảm thiểu thời gian doanh nghiệp thực hiện các thủ tục hành chính, thời gian doanh nghiệp phải tạm dừng kinh doanh để các cơ quan thực hiện việc thanh tra, kiểm tra.

- Nâng cao hiệu quả của các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp, thường xuyên tổ chức các cuộc gặp gỡ, đối thoại nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp trên địa bàn huyện Hàm Tân.

B.3. Huyện Bắc Bình

TT	Chỉ số thành phần	2020	2023	Tăng/giảm
01	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	6,99	5,32	-1,67
02	Tính năng động và hiệu lực thi hành	5,86	5,98	+0,12
03	Chi phí thời gian	6,96	5,87	-1,09
04	Chi phí không chính thức	7,09	7,49	+0,4
05	Cạnh tranh bình đẳng	7,52	8,05	+0,53
06	Hỗ trợ doanh nghiệp	5,40	5,5	+0,1
07	Thiết chế pháp lý	6,18	2,8	-3,38
08	Ứng dụng công nghệ thông tin và triển khai chuyển đổi số	7,51	8,58	+1,07
09	Tiếp cận đất đai và ổn định trong sử dụng đất	7,13	6,99	-0,14
	Điểm DDCI	67,44	62,84	-4,6

1. So với năm 2020, điểm số DDCI năm 2023 của huyện Bắc Bình giảm nhẹ (5 chỉ số thành phần tăng điểm và 4 chỉ số thành phần giảm điểm), đạt 62,84 điểm, xếp thứ 4/10 địa phương được xếp hạng và thuộc nhóm Khá.

2. Những vấn đề cần phát huy:

- Đẩy mạnh chuyển đổi số trong hoạt động quản lý, điều hành. Cập nhật nhanh chóng và đầy đủ các chủ trương, chính sách và các văn bản liên quan tới thủ tục hành chính và pháp luật, đảm bảo dễ dàng tra cứu cũng như khả năng phản hồi ý kiến, giải đáp khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp trên cổng thông tin điện tử của Huyện.

- Đảm bảo các doanh nghiệp tại địa phương được cạnh tranh bình đẳng. Không phân biệt đối xử giữa các loại hình doanh nghiệp, nhóm doanh nghiệp, mức độ đóng góp của doanh nghiệp khi xử lý những vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

- Giảm thiểu khó khăn, phiền hà cho doanh nghiệp tại địa phương và những khoản chi phí không chính thức mà doanh nghiệp phải trả. Kiểm soát việc cán bộ sử dụng các quy định để phục vụ lợi ích cá nhân.

3. Những vấn đề cần khắc phục:

- Chủ động phổ biến, tuyên truyền, thực thi hiệu quả các văn bản pháp luật tới cộng đồng doanh nghiệp trên địa bàn Huyện. Nâng cao năng lực thực thi pháp luật, giải quyết hiệu quả các tranh chấp, khiếu nại của doanh nghiệp.

- Đảm bảo khả năng tiếp cận các kế hoạch, văn bản pháp lý, thông tin cần thiết cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp; giảm thiểu thủ tục, giấy tờ nằm ngoài quy định khi thực hiện thủ tục hành chính.

- Giảm thiểu thời gian doanh nghiệp trên địa bàn huyện Bắc Bình thực hiện các thủ tục hành chính, thời gian doanh nghiệp phải tạm dừng kinh doanh để các cơ quan thực hiện việc thanh tra, kiểm tra.

B.4. Huyện Hàm Thuận Bắc

TT	Chỉ số thành phần	2020	2023	Tăng/giảm
01	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	7,03	2	-5,03
02	Tính năng động và hiệu lực thi hành	5,85	6,62	+ 0,77
03	Chi phí thời gian	6,80	1	-5,8
04	Chi phí không chính thức	7,10	3,78	-3,32
05	Cạnh tranh bình đẳng	7,13	2,12	-5,01
06	Hỗ trợ doanh nghiệp	6,53	5,5	-1,03
07	Thiết chế pháp lý	6,29	5,59	-0,7
08	Ứng dụng công nghệ thông tin và triển khai chuyển đổi số	8,40	5,37	-3,03
09	Tiếp cận đất đai và ổn định trong sử dụng đất	7,23	2,41	-4,82
	Điểm DDCI	68,45	38,47	-29,98

1. So với năm 2020, điểm số DDCI năm 2023 của huyện Hàm Thuận Bắc giảm mạnh (1 chỉ số thành phần tăng điểm và 8 chỉ số thành phần giảm điểm), đạt 38,47 điểm, xếp thứ 10/10 địa phương được xếp hạng và thuộc nhóm Tương đối thấp.

2. Những vấn đề cần phát huy: Phát huy tính sáng tạo và khả năng vận dụng linh hoạt của các phòng ban, bộ phận chuyên môn trong quá trình thực thi chính sách của tỉnh. Đưa ra các sáng kiến riêng nhằm phát triển hỗ trợ doanh nghiệp tại địa phương triển khai các hoạt động đầu tư, kinh doanh.

3. Những vấn đề cần khắc phục:

- Giảm thiểu thời gian doanh nghiệp tại huyện Hàm Thuận Bắc thực hiện các thủ tục hành chính, thời gian doanh nghiệp phải tạm dừng kinh doanh để các cơ quan thực hiện việc thanh tra, kiểm tra.

- Đảm bảo khả năng tiếp cận các kế hoạch, văn bản pháp lý, thông tin cần thiết cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trên địa bàn huyện Hàm Thuận Bắc; giảm thiểu thủ tục, giấy tờ nằm ngoài quy định khi thực hiện thủ tục hành chính.

- Đảm bảo các doanh nghiệp được cạnh tranh bình đẳng, không phân biệt đối xử giữa các loại hình doanh nghiệp, nhóm doanh nghiệp, mức độ đóng góp của doanh nghiệp.

- Đảm bảo việc tiếp cận đất đai được dễ dàng, cải thiện chất lượng cơ sở hạ tầng kết nối với cơ sở kinh doanh của doanh nghiệp tại địa phương. Thực hiện tốt công tác quy hoạch, xây dựng kế hoạch sử dụng đất cũng như hỗ trợ giải phóng mặt bằng tại địa phương.

- Hạn chế tối đa việc gây khó khăn, phiền hà cho doanh nghiệp trên địa bàn Huyện Hàm Thuận Bắc và những khoản chi phí không chính thức mà doanh nghiệp phải trả. Kiểm soát việc cán bộ sử dụng các quy định để phục vụ lợi ích cá nhân.

- Thực hiện mạnh mẽ hoạt động chuyển đổi số trong hoạt động quản lý, điều hành.

B.5. Huyện Hàm Thuận Nam

TT	Chỉ số thành phần	2020	2023	Tăng/giảm
01	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	6,76	5,08	-1,68
02	Tính năng động và hiệu lực thi hành của sở, ban, ngành và địa phương	5,59	5,18	-0,41
03	Chi phí thời gian	7,39	3,95	-3,44
04	Chi phí không chính thức	7,33	6,24	-1,09
05	Cạnh tranh bình đẳng	7,69	4,65	-3,04
06	Hỗ trợ doanh nghiệp	7,46	2,66	-4,8
07	Thiết chế pháp lý	6,46	2,5	-3,96
08	Ứng dụng công nghệ thông tin và triển khai chuyên đổi số	8,56	7,56	-1
09	Tiếp cận đất đai và ổn định trong sử dụng đất	7,23	5,87	-1,36
	Điểm DDCI	69,47	46,88	-22,59

1. So với năm 2020, điểm số DDCI năm 2023 của huyện Hàm Thuận Nam giảm mạnh (toàn bộ 9 chỉ số thành phần giảm điểm), đạt 46,88 điểm, xếp thứ 8/10 địa phương được xếp hạng và thuộc nhóm Tương đối thấp.

2. Những vấn đề cần khắc phục:

- Nâng cao hiệu quả của các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp, thường xuyên tổ chức các cuộc gặp gỡ, đối thoại để kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp tại địa phương.

- Chủ động phổ biến, tuyên truyền, thực thi hiệu quả các văn bản pháp luật tới cộng đồng doanh nghiệp tại địa phương. Nâng cao năng lực thực thi pháp luật, giải quyết hiệu quả các tranh chấp, khiếu nại của doanh nghiệp.

- Giảm thiểu thời gian doanh nghiệp trên địa bàn huyện Hàm Thuận Nam thực hiện các thủ tục hành chính, thời gian doanh nghiệp phải tạm dừng kinh doanh để các cơ quan thực hiện việc thanh tra, kiểm tra.

- Đảm bảo các doanh nghiệp tại địa phương được cạnh tranh bình đẳng, không phân biệt đối xử giữa các loại hình doanh nghiệp, nhóm doanh nghiệp, mức độ đóng góp của doanh nghiệp.

- Đảm bảo khả năng tiếp cận các kế hoạch, văn bản pháp lý, thông tin cần thiết cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp; giảm thiểu thủ tục, giấy tờ nằm ngoài quy định khi thực hiện thủ tục hành chính.

- Thực hiện tốt công tác quy hoạch, xây dựng kế hoạch sử dụng đất cũng như hỗ trợ giải phóng mặt bằng tại địa phương. Đảm bảo các doanh nghiệp tiếp cận đất đai được dễ dàng, cải thiện chất lượng cơ sở hạ tầng kết nối với cơ sở kinh doanh của doanh nghiệp tại địa phương.

B.6. Huyện Phú Quý

TT	Chỉ số thành phần	2020	2023	Tăng/giảm
01	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	6,99	9,5	+2,51
02	Tính năng động và hiệu lực thi hành	5,93	7,07	+1,14
03	Chi phí thời gian	7,38	8,2	+0,82
04	Chi phí không chính thức	7,38	7,75	+0,37
05	Cạnh tranh bình đẳng	7,01	10	+2,99
06	Hỗ trợ doanh nghiệp	6,81	5,5	-1,31
07	Thiết chế pháp lý	5,99	5,5	-0,49
08	Ứng dụng công nghệ thông tin và triển khai chuyển đổi số	7,72	7,45	-0,27
09	Tiếp cận đất đai và ổn định trong sử dụng đất	7,35	10	+2,65
	Điểm DDCI	69,10	76,81	+7,71

1. Huyện Phú Quý là 1 trong 2 địa phương có sự cải thiện về điểm số DDCI năm 2023 so với năm 2020 (tăng nhẹ 7,71 điểm) với 6 chỉ số thành phần tăng điểm và 3 chỉ số thành phần giảm điểm, dẫn đầu địa phương được xếp hạng và thuộc nhóm Tốt.

2. Những vấn đề cần phát huy:

- Đảm bảo các doanh nghiệp tại địa phương được cạnh tranh bình đẳng, không phân biệt đối xử giữa các loại hình doanh nghiệp, nhóm doanh nghiệp, mức độ đóng góp của doanh nghiệp trên địa bàn huyện Phú Quý.

- Đảm bảo doanh nghiệp tại huyện Phú Quý tiếp cận đất đai được dễ dàng, cải thiện chất lượng cơ sở hạ tầng kết nối với cơ sở kinh doanh của doanh nghiệp tại địa phương. Thực hiện tốt công tác quy hoạch, xây dựng kế hoạch sử dụng đất cũng như hỗ trợ giải phóng mặt bằng tại địa phương.

- Đảm bảo khả năng tiếp cận các kế hoạch, văn bản pháp lý, thông tin cần thiết cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp; giảm thiểu thủ tục, giấy tờ nằm ngoài quy định khi thực hiện thủ tục hành chính.

- Phát huy tính sáng tạo và khả năng vận dụng linh hoạt của các phòng ban, bộ phận chuyên môn trong quá trình thực thi chính sách của tỉnh. Đưa ra các sáng kiến riêng nhằm phát triển và hỗ trợ doanh nghiệp địa phương triển khai các hoạt động đầu tư, kinh doanh.

3. Những vấn đề cần khắc phục:

- Nâng cao hiệu quả của các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp, thường xuyên tổ chức các cuộc gặp gỡ, đối thoại nhằm kịp thời xử lý khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp tại địa phương.

- Chủ động phổ biến, tuyên truyền, thực thi hiệu quả các văn bản pháp luật tới doanh nghiệp tại địa phương. Nâng cao năng lực thực thi pháp luật, giải quyết hiệu quả các tranh chấp, khiếu nại của doanh nghiệp trên địa bàn huyện Phú Quý.

B.7. Huyện Tánh Linh

TT	Chỉ số thành phần	2020	2023	Tăng/giảm
01	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	6,89	9,29	+2,4
02	Tính năng động và hiệu lực thi hành	5,61	8,12	+2,51
03	Chi phí thời gian	7,00	6,48	-0,52
04	Chi phí không chính thức	7,28	6,23	-1,05
05	Cạnh tranh bình đẳng	7,50	7,64	+0,14
06	Hỗ trợ doanh nghiệp	6,85	1	-5,85
07	Thiết chế pháp lý	6,34	6,17	-0,17
08	Ứng dụng công nghệ thông tin và triển khai chuyển đổi số	7,73	5,39	-2,34
09	Tiếp cận đất đai và ổn định trong sử dụng đất	7,24	6,67	-0,57
	Điểm DDCI	68,35	57,05	-11,30

1. So với năm 2020, điểm số DDCI năm 2023 của huyện Tánh Linh giảm ở mức vừa phải (03 chỉ số thành phần tăng điểm và 6 chỉ số thành phần giảm điểm), đạt 57,05 điểm, xếp thứ 6/10 địa phương được xếp hạng và thuộc nhóm Trung bình.

2. Những vấn đề cần phát huy:

- Phát huy tính sáng tạo và khả năng vận dụng linh hoạt của các phòng ban, bộ phận chuyên môn trong quá trình thực thi chính sách của tỉnh. Đưa ra các sáng kiến riêng nhằm phát triển và hỗ trợ doanh nghiệp địa phương triển khai các hoạt động đầu tư, kinh doanh.

- Đảm bảo khả năng tiếp cận các kế hoạch, văn bản pháp lý, thông tin cần thiết cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trên địa bàn huyện Tánh Linh; giảm thiểu thủ tục, giấy tờ nằm ngoài quy định khi thực hiện thủ tục hành chính.

3. Những vấn đề cần khắc phục:

- Nâng cao hiệu quả của các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp, thường xuyên tổ chức các cuộc gặp gỡ, đối thoại để kịp thời xử lý khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp trên địa bàn huyện Tánh Linh.

- Thực hiện mạnh mẽ hoạt động chuyển đổi số trong hoạt động quản lý, điều hành. Cập nhật nhanh chóng và đầy đủ các chủ trương, chính sách và các văn bản liên quan tới thủ tục hành chính và pháp luật, đảm bảo dễ dàng tra cứu cũng như khả năng phản hồi ý kiến, giải đáp khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp trên cổng thông tin điện tử.

- Hạn chế tối đa việc gây khó khăn, phiền hà cho doanh nghiệp cũng như những khoản chi phí không chính thức mà doanh nghiệp tại địa phương phải trả. Kiểm soát việc cán bộ sử dụng các quy định để phục vụ lợi ích cá nhân.

- Thực hiện tốt công tác quy hoạch, xây dựng kế hoạch sử dụng đất cũng như hỗ trợ giải phóng mặt bằng tại địa phương. Đảm bảo việc tiếp cận đất đai được dễ dàng, cải thiện chất lượng cơ sở hạ tầng kết nối với cơ sở kinh doanh của doanh nghiệp tại địa phương.

B.8. Huyện Tuy Phong

TT	Chỉ số thành phần	2020	2023	Tăng/giảm
01	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	7,06	4,47	-2,59
02	Tính năng động và hiệu lực thi hành	5,70	5,76	+0,06
03	Chi phí thời gian	7,01	3,63	-3,38
04	Chi phí không chính thức	7,02	6,01	-1,01
05	Cạnh tranh bình đẳng	6,93	5	-1,93
06	Hỗ trợ doanh nghiệp	6,47	1,58	-4,89
07	Thiết chế pháp lý	5,93	4,49	-1,44
08	Ứng dụng công nghệ thông tin và triển khai chuyển đổi số	8,13	2,21	-5,92
09	Tiếp cận đất đai và ổn định trong sử dụng đất	7,32	5,01	-2,31
	Điểm DDCI	67,90	39,87	-28,03

1. So với năm 2020, điểm số DDCI năm 2023 của huyện Tuy Phong giảm mạnh (1 chỉ số thành phần tăng điểm và 8 chỉ số thành phần giảm điểm), đạt 39,87 điểm, xếp thứ 9/10 địa phương được xếp hạng và thuộc nhóm Tương đối thấp.

2. Những vấn đề cần phát huy: Phát huy tính sáng tạo và khả năng vận dụng linh hoạt của các phòng ban, bộ phận chuyên môn trong quá trình thực thi chính sách của tỉnh. Đưa ra các sáng kiến riêng nhằm phát triển và hỗ trợ doanh nghiệp tại huyện Tuy Phong triển khai các hoạt động đầu tư, kinh doanh.

3. Những vấn đề cần khắc phục:

- Đẩy mạnh chuyển đổi số trong hoạt động quản lý, điều hành. Thực hiện cập nhật nhanh chóng và đầy đủ các chủ trương, chính sách và các văn bản liên quan tới thủ tục hành chính và pháp luật, đảm bảo dễ dàng tra cứu cũng như khả năng phản hồi ý kiến, giải đáp khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp trên cổng thông tin điện tử.

- Nâng cao hiệu quả của các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp, thường xuyên tổ chức các cuộc gặp gỡ, đối thoại để kịp thời xử lý khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp tại huyện Tuy Phong.

- Giảm thiểu thời gian doanh nghiệp tại địa phương thực hiện các thủ tục hành chính, thời gian doanh nghiệp phải tạm dừng kinh doanh để các cơ quan thực hiện việc thanh tra, kiểm tra.

- Đảm bảo khả năng tiếp cận các kế hoạch, văn bản pháp lý, thông tin cần thiết cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp tại địa phương; giảm thiểu thủ tục, giấy tờ nằm ngoài quy định khi thực hiện thủ tục hành chính.

- Đảm bảo doanh nghiệp tại địa phương tiếp cận đất đai được dễ dàng, cải thiện chất lượng cơ sở hạ tầng kết nối với cơ sở kinh doanh của doanh nghiệp. Thực hiện tốt công tác quy hoạch, xây dựng kế hoạch sử dụng đất cũng như hỗ trợ giải phóng mặt bằng tại địa phương.

B.9. Thành phố Phan Thiết

TT	Chỉ số thành phần	2020	2023	Tăng/giảm
01	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	6,58	6,26	-0,32
02	Tính năng động và hiệu lực thi hành	5,45	6,41	+0,96
03	Chi phí thời gian	6,72	4,32	-2,4
04	Chi phí không chính thức	6,83	7,56	+0,73
05	Cạnh tranh bình đẳng	6,91	8,03	+1,12
06	Hỗ trợ doanh nghiệp	6,36	4,93	-1,43
07	Thiết chế pháp lý	5,82	4,88	-0,94
08	Ứng dụng công nghệ thông tin và triển khai chuyển đổi số	7,68	7,22	-0,46
09	Tiếp cận đất đai và ổn định trong sử dụng đất	7,00	8,01	+1,01
	Điểm DDCI	65,10	63,13	-1,97

1. So với năm 2020, điểm số DDCI năm 2023 của thành phố Phan Thiết giảm nhẹ (4 chỉ số thành phần tăng điểm và 5 chỉ số thành phần giảm điểm), đạt 63,13 điểm, xếp thứ 3/10 địa phương được xếp hạng và thuộc nhóm Khá.

2. Những vấn đề cần phát huy:

- Thực hiện tốt công tác quy hoạch, xây dựng kế hoạch sử dụng đất cũng như hỗ trợ giải phóng mặt bằng tại địa phương. Đảm bảo doanh nghiệp tại địa phương việc tiếp cận đất đai được dễ dàng, cải thiện chất lượng cơ sở hạ tầng kết nối với cơ sở kinh doanh của doanh nghiệp.

- Không phân biệt đối xử giữa các loại hình doanh nghiệp, nhóm doanh nghiệp, mức độ đóng góp của doanh nghiệp khi xử lý những vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp tại thành phố Phan Thiết.

- Phát huy tính sáng tạo và khả năng vận dụng linh hoạt của các phòng ban, bộ phận chuyên môn trong quá trình thực thi chính sách của tỉnh.

3. Những vấn đề cần khắc phục:

- Giảm thiểu thời gian doanh nghiệp thực hiện các thủ tục hành chính, thời gian doanh nghiệp phải tạm dừng kinh doanh để các cơ quan thực hiện việc thanh tra, kiểm tra.

- Nâng cao hiệu quả của các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp, thường xuyên tổ chức các cuộc gặp gỡ, đối thoại để kịp thời xử lý khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp tại thành phố Phan Thiết.

- Chủ động phổ biến, tuyên truyền, thực thi hiệu quả các văn bản pháp luật tới cộng đồng doanh nghiệp. Nâng cao năng lực thực thi pháp luật, giải quyết hiệu quả các tranh chấp, khiếu nại của doanh nghiệp trên địa bàn.

- Đẩy mạnh hơn nữa việc chuyển đổi số trong hoạt động quản lý, điều hành của thành phố Phan Thiết.

B.10. Thị xã La Gi

TT	Chỉ số thành phần	2020	2023	Tăng/giảm
01	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	6,80	4,25	-2,55
02	Tính năng động và hiệu lực thi hành	5,49	6,25	+0,76
03	Chi phí thời gian	7,49	4,55	-2,94
04	Chi phí không chính thức	7,11	7,53	+0,42
05	Cạnh tranh bình đẳng	7,60	3,60	-4
06	Hỗ trợ doanh nghiệp	6,95	4	-2,95
07	Thiết chế pháp lý	6,45	5,38	-1,07
08	Ứng dụng công nghệ thông tin và triển khai chuyển đổi số	7,71	7,41	-0,3
09	Tiếp cận đất đai và ổn định trong sử dụng đất	7,31	7,09	-0,22
	Điểm DDCI	68,54	54,70	-13,84

1. So với năm 2020, điểm số DDCI năm 2023 của thị xã La Gi ở mức vừa phải (2 chỉ số thành phần tăng điểm và 7 chỉ số thành phần giảm điểm), đạt 54,7 điểm, xếp thứ 7/10 địa phương được xếp hạng và thuộc nhóm Trung bình.

2. Những vấn đề cần phát huy:

- Phát huy tính sáng tạo và khả năng vận dụng linh hoạt của các phòng ban, bộ phận chuyên môn trong quá trình thực thi chính sách của tỉnh.

- Hạn chế việc gây khó khăn, phiền hà cho doanh nghiệp tại thị xã La Gi; giảm những khoản chi phí không chính thức mà doanh nghiệp phải trả. Kiểm soát việc cán bộ sử dụng các quy định để phục vụ lợi ích cá nhân.

3. Những vấn đề cần khắc phục:

- Đảm bảo các doanh nghiệp tại thị xã La Gi được cạnh tranh bình đẳng; không phân biệt đối xử giữa các loại hình doanh nghiệp, nhóm doanh nghiệp, mức độ đóng góp của doanh nghiệp.

- Nâng cao hiệu quả của các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp, thường xuyên tổ chức các cuộc gặp gỡ, đối thoại nhằm kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp trên địa bàn.

- Đảm bảo khả năng tiếp cận các kế hoạch, văn bản pháp lý, thông tin cần thiết cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trên địa bàn; giảm thiểu thủ tục, giấy tờ nằm ngoài quy định khi thực hiện thủ tục hành chính.

- Chủ động phổ biến, tuyên truyền, thực thi hiệu quả các văn bản pháp luật tới cộng đồng doanh nghiệp trên địa bàn. Giảm thiểu thời gian thực hiện thủ tục hành chính, thời gian doanh nghiệp phải tạm dừng kinh doanh để các cơ quan thực hiện việc thanh tra, kiểm tra.

Phụ lục 3. Danh sách các sở, ban, ngành trong DDCI Bình Thuận 2023

STT	Sở, ban, ngành của tỉnh Bình Thuận
1	Tòa án nhân dân tỉnh
2	Sở Kế hoạch và Đầu tư
3	Sở Khoa học và Công nghệ
4	Bảo hiểm xã hội tỉnh
5	Sở Tư pháp
6	Sở Tài chính
7	Sở Giao thông vận tải
8	Cục Thuế tỉnh
9	Sở Thông tin và Truyền thông
10	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
11	Sở Lao động – Thương binh và Xã hội
12	Chi Cục Hải Quan cửa khẩu Cảng tỉnh
13	Cục Quản lý thị trường tỉnh
14	Sở Giáo dục và Đào tạo
15	Sở Công thương
16	Công an tỉnh
17	Sở Xây dựng
18	Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh
19	Sở Y tế
20	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
21	Sở Tài nguyên và Môi trường

Phụ lục 4. Danh sách các huyện, thị xã, thành phố trong DDCI Bình Thuận 2023

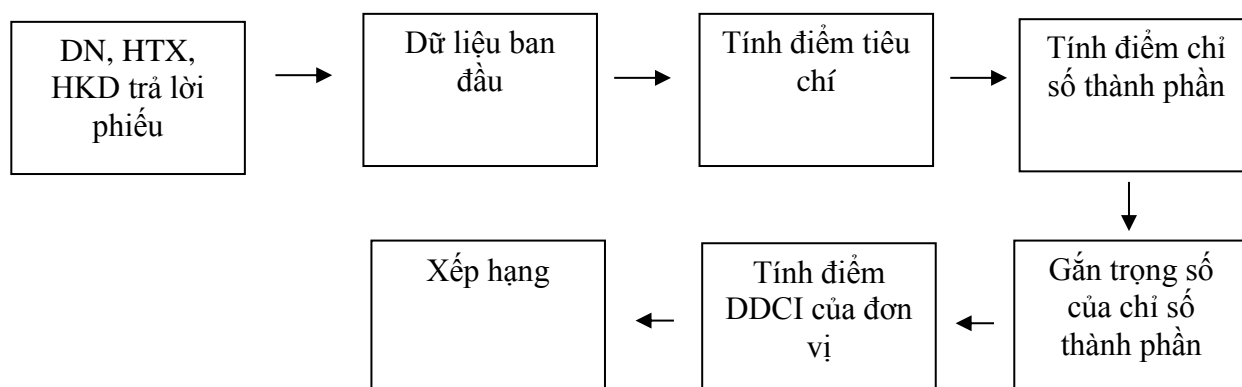
STT	Huyện, thị xã, thành phố
1	Huyện Phú Quý
2	Huyện Hàm Tân
3	Thành phố Phan Thiết
4	Huyện Bắc Bình
5	Huyện Đức Linh
6	Huyện Tánh Linh
7	Thị xã La Gi
8	Huyện Hàm Thuận Nam
9	Huyện Tuy Phong
10	Huyện Hàm Thuận Bắc

Phụ lục 5. Hướng dẫn Tổng hợp kết quả khảo sát, xếp hạng chỉ số DDCI Bình Thuận 2023

I. NGUỒN DỮ LIỆU DÙNG ĐỂ TỔNG HỢP KẾT QUẢ KHẢO SÁT

Kết quả khảo sát DDCI được tổng hợp từ nguồn dữ liệu là phiếu khảo sát trực tuyến trên website.

II. QUY TRÌNH TỔNG HỢP KẾT QUẢ KHẢO SÁT VÀ XẾP HẠNG



Toàn bộ quy trình tổng hợp kết quả khảo sát sẽ được thực hiện tự động trên phần mềm, không có sự tác động của bất kỳ cá nhân, tổ chức nào từ bên ngoài để đảm bảo kết quả khảo sát được tổng hợp chính xác, khách quan.

1. Bước 1: Lọc dữ liệu ban đầu

Từ kết quả trả lời phiếu khảo sát của DN, HTX, HKD, hệ thống sẽ tổng hợp để lọc và lựa chọn phương án trả lời (phương án A, B, C, D) của từng tiêu chí. Số lượng phương án được lựa chọn để tổng hợp kết quả là phương án A, B của từng tiêu chí sẽ được quy về tỷ lệ phần trăm (%) dùng để tính điểm tiêu chí theo công thức:

Tỷ lệ % phương án được lựa chọn (phương án A, B) của tiêu chí = Số lượng phương án được lựa chọn (phương án A, B) / tổng số phương án của tiêu chí (phương án A, B, C, D) x 100. Tổng số kết quả trả lời về tiêu chí này của đơn vị Z là 100 phiếu, trong đó có 40 phiếu lựa chọn phương án A, B, 60 phiếu lựa chọn phương án C, D. Theo đó, tỷ lệ % phương án được lựa chọn (phương án A, B) dùng để tính điểm tiêu chí = $40/100 \times 100 = 40\%$

2. Bước 2: Tính điểm các tiêu chí

Điểm số các chỉ số thành phần được xây dựng dựa trên cơ sở tính toán điểm số các tiêu chí. Theo đó các tiêu chí sau khi thu thập, sẽ được chuẩn hóa theo thang điểm 10 (điểm tối đa là 10 và điểm tối thiểu là 1). Những đánh giá còn lại nằm giữa được quy về điểm số tương ứng trong khoảng điểm còn lại. Đối với khảo sát DDCI 2023 các tiêu chí đều là tiêu chí thuận (tức là điểm tiêu chí càng cao thì phản ánh chất lượng điều hành càng tốt). Công thức chuẩn hóa điểm số các tiêu chí như sau:

$$\text{Điểm của cơ quan/đơn vị Z} = 1 + 9 * \frac{X - \min}{\max - \min}$$

Trong đó:

- + X là giá trị của đơn vị Z.
- + Min: Điểm thấp nhất trong tổng số đơn vị được đánh giá.
- + Max: Điểm cao nhất trong tổng số đơn vị được đánh giá.

Ví dụ: Tiêu chí % doanh nghiệp hài lòng về thái độ, ứng xử của cán bộ tại bộ phận một cửa. Đây là tiêu chí thuận, giá trị của đơn vị Z là 40%; đơn vị tốt nhất tại tiêu chí này đạt 60%; đơn vị thấp nhất là 17%. Theo đó, điểm quy chuẩn của đơn vị Z ở tiêu chí này đạt: $1+9*(40-17)/(60-17) = 5,81$ điểm. Đơn vị đạt điểm cao nhất (trong trường hợp này là 60%) được 10 điểm; đơn vị đạt điểm thấp nhất (trong trường hợp này là 17%) chỉ được 1 điểm.

3. Bước 3: Tính điểm chỉ số thành phần

Công thức chuẩn hóa điểm số các chỉ số thành phần (điểm tối đa là 10 và điểm tối thiểu là 1):

Chỉ số thành phần = Trung bình cộng điểm các tiêu chí trong chỉ số thành phần. Ví dụ: Chỉ số thành phần Văn hoá giao tiếp, cơ sở vật chất của đơn vị Z gồm 04 tiêu chí với điểm số: TC1 = 4,23 điểm; TC2 = 5,51 điểm; TC3 = 6,99 điểm; TC4 = 4,25 điểm. Điểm số chỉ số thành phần = $(4,23 + 5,51 + 6,99 + 4,25)/4 = 5.25$ điểm

4. Bước 4: Tính điểm DDCI (có gắn trọng số)

Chỉ số DDCI được xác định thông qua tính toán các chỉ số thành phần và chuẩn hóa theo thang điểm 100 (điểm tối đa là 100 và điểm tối thiểu là 1); gắn trọng số và tính điểm DDCI tổng hợp gồm điểm có trọng số của các chỉ số thành phần. Việc xếp loại DDCI được quy định cụ thể theo phương pháp tính của từng năm tùy theo yêu cầu, mục đích khảo sát, đánh giá của từng năm.

Các trọng số thể hiện mức đóng góp và tầm quan trọng của từng chỉ số thành phần đối với sự phát triển của khu vực tư nhân. Các trọng số được xác định dựa trên việc tham khảo các trọng số của các chỉ số trong PCI và đánh giá chủ quan về thứ tự ưu tiên của các chỉ số trong việc cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh của tỉnh. Các trọng số này được làm tròn và chia thành các mức (5%; 10%; 15%; 20%). Theo đó những chỉ số thành phần nào có tác động lớn nhất đến việc điều hành, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh được trọng số cao hơn.

Trọng số của các chỉ số thành phần cho khối huyện, thành phố và SBN như sau:

- Khối huyện, thị xã, thành phố:

STT	Chỉ số thành phần	Trọng số (%)
1	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	10
2	Tính năng động và hiệu lực thi hành của sở ban ngành/chính quyền địa phương	5
3	Chi phí thời gian	10
4	Chi phí không chính thức	15

5	Cạnh tranh bình đẳng	10
6	Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp	20
7	Thiết chế pháp lý	10
8	Ứng dụng công nghệ thông tin và triển khai chuyển đổi số	10
9	Tiếp cận đất đai	10
Tổng cộng		100

- Khối các sở, ban, ngành

STT	Chỉ số thành phần	Trọng số (%)
1	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	10
2	Tính năng động và hiệu lực thi hành của sở ban ngành/chính quyền địa phương	10
3	Chi phí thời gian	15
4	Chi phí không chính thức	15
5	Cạnh tranh bình đẳng	10
6	Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp	20
7	Thiết chế pháp lý	10
8	Ứng dụng công nghệ thông tin và triển khai chuyển đổi số	10
Tổng cộng		100

Công thức tính điểm DDCI (có gắn trọng số):

Điểm số DDCI (có trọng số) = (Chỉ số 1 x trọng số % + Chỉ số 2 x trọng số % + ... + Chỉ số 10 x trọng số %) x 10

Ví dụ: DDCI của đơn vị Z = (5,27 x 20% + 6,33 x 15% + 7,52 x 15% + 5,14 x 10% + 9,22 x 10% + 8,21 x 10% + 6,27 x 5% + 7,66 x 5% + 4,28 x 5% + 5,94 x 5%) x 10 = 65,96 điểm

5. Bước 5: Xếp hạng Chỉ số DDCI

Xếp hạng DDCI của các đơn vị căn cứ theo điểm số từ cao xuống thấp. Đơn vị nào có điểm số cao xếp trên, điểm số thấp xếp dưới trong bảng xếp hạng. Điểm số DDCI là cơ sở để xác định mức xếp hạng đối với cơ quan, đơn vị. Mỗi cơ quan, đơn vị chỉ được xếp hạng khi có tối thiểu từ 10 phiếu hợp lệ trả lời về cơ quan, đơn vị. Nếu cơ quan, đơn vị được khảo sát có dưới 10 phiếu hợp lệ trả lời thì không tiến hành xếp hạng cơ quan, đơn vị đó.

Phân thành 2 nhóm để xếp hạng, bao gồm:

- Các huyện, thành phố của tỉnh Bình Thuận (10 huyện, thành phố)
- Các sở, ban, ngành thuộc và trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận (21 cơ quan).

Mức xếp hạng:

STT	Mức xếp hạng	Điểm số DDCI đạt được (Thang điểm 100)
1	Rất Tốt	$DDCI \geq 80$ điểm
2	Tốt	$70 \text{ điểm} \leq DDCI < 80 \text{ điểm}$
3	Khá	$60 \text{ điểm} \leq DDCI < 70 \text{ điểm}$
4	Trung bình	$50 \text{ điểm} \leq DDCI < 60 \text{ điểm}$
5	Tương đối thấp	$30 \text{ điểm} \leq DDCI < 50 \text{ điểm}$
6	Rất thấp	$DDCI < 30 \text{ điểm}$

Trong trường hợp các cơ quan, đơn vị trong nhóm xếp hạng có điểm số DDCI bằng nhau thì sẽ dùng điểm chỉ số thành phần theo thứ tự ưu tiên chỉ số thành phần có trọng số cao hơn để xếp hạng. Các cơ quan, đơn vị điểm chỉ số thành phần có trọng số lớn nhất cao hơn sẽ xếp hạng bên trên.

Phụ lục 6. Các chỉ số thành phần, tiêu chí và phương án được lựa chọn dùng để tính tỷ lệ % tổng hợp điểm

STT	Chỉ số thành phần	Tiêu chí	Phương án được lựa chọn dùng để tính tỷ lệ % tổng hợp điểm
I	Các chỉ số thành phần chung (Mẫu phiếu A-H/TP và mẫu phiếu B-SBN)		
1	1. Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	1.1. DN/HTX/HKD đánh giá như thế nào về mức độ dễ dàng trong việc tiếp cận các thông tin, tài liệu theo quy định pháp luật từ cơ quan Nhà nước?	A. Rất dễ tiếp cận B. Dễ tiếp cận C. Khó tiếp cận D. Không tiếp cận được
		1.2 Website của Địa phương/SBN có đáp ứng được yêu cầu về cung cấp thông tin của DN/HTX/HKD không?	A. Đáp ứng đầy đủ B. Đáp ứng được phần lớn C. Đáp ứng được một phần D. Chưa đáp ứng được
		1.3 Theo DN/HTX/HKD cần có "mối quan hệ" với Địa phương/SBN để tiếp cận các thông tin, tài liệu một cách dễ dàng, thuận lợi không?	A. Không cần B. Trong một số trường hợp C. Thường xuyên cần mối quan hệ D. Rất cần
		1.4. DN/HTX/HKD cho biết ý kiến về nhận định sau: “Địa phương/SBN sẵn sàng cung cấp những thông tin, văn bản (trừ thông tin thuộc bí mật Nhà nước) không có sẵn trên kênh truyền thông đại chúng (truyền hình, báo, đài, website, ...) khi DN/HTX/HKD đề nghị”?	A. Hoàn toàn đồng ý B. Đồng ý C. Không đồng ý D. Hoàn toàn không đồng ý
2	2. Tính năng động và hiệu	2.1 Địa phương/SBN có mạnh dạn, sáng tạo trong việc triển khai các chủ trương, quyết định, chính sách,... của cấp trên theo hướng	A. Luôn luôn B. Thường xuyên

STT	Chỉ số thành phần	Tiêu chí	Phương án được lựa chọn dùng để tính tỷ lệ % tổng hợp điểm
	lực thi hành của sở ban ngành/chính quyền địa phương	<p>có lợi cho môi trường đầu tư, kinh doanh không?</p> <p>2.2 Địa phương/SBN chủ động tham mưu và kiến nghị UBND tỉnh các đề xuất/giải pháp cụ thể để hỗ trợ Đơn vị cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh trên địa bàn tỉnh?</p> <p>2.3 Có hiện tượng các chủ trương, chính sách của Tỉnh, Trung ương rất tốt nhưng khi thực hiện tại Địa phương/SBN thì bị trì hoãn/chậm trễ hoặc không thực hiện, đúng hay không?</p> <p>2.4 Địa phương/SBN nắm bắt và xử lý kịp thời những bất cập, vướng mắc của DN/HTX/HKD trong phạm vi quyền hạn?</p> <p>2.5 DN/HTX/HKD có cảm nhận, đánh giá như thế nào đối với của người đứng đầu Địa phương/SBN trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh?</p>	<p>C. Thỉnh thoảng D. Không bao giờ</p> <p>A. Hoàn toàn đồng ý B. Đồng ý C. Không đồng ý D. Hoàn toàn không đồng ý</p> <p>A. Không thấy B. Có thấy nhưng không phổ biến C. Phổ biến D. Rất phổ biến</p> <p>A. Hoàn toàn đồng ý B. Đồng ý C. Không đồng ý D. Hoàn toàn không đồng ý</p> <p>A. Rất tích cực B. Tích cực C. Bình thường D. Không tích cực</p>
3	3. Chi phí thời gian	3.1 DN/HTX/HKD đánh giá như thế nào về thời gian giải quyết công việc, thủ tục hành chính (gọi tắt là TTHC) của Địa phương/SBN?	<p>A. Sớm hơn so với giấy hẹn B. Đúng theo giấy hẹn C. Kéo dài hơn so với giấy hẹn dưới 05 ngày</p>

STT	Chỉ số thành phần	Tiêu chí	Phương án được lựa chọn dùng để tính tỷ lệ % tổng hợp điểm
			D. kéo dài hơn so với giấy hẹn 05 ngày hoặc trên 05 ngày
		3.2 DN/HTX/HKD có thể lựa chọn phương thức giải quyết công việc, TTHC qua dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ bưu chính công ích một cách dễ dàng khi có nhu cầu hay không?	A. Luôn luôn B. Thường xuyên C. Thỉnh thoảng D. Không bao giờ
		3.3 DN/HTX/HKD có được cán bộ, công chức, viên chức, người có thẩm quyền tư vấn về những lợi ích khi giải quyết công việc, TTHC trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích và hướng dẫn quy trình thực hiện không?	A. Luôn luôn B. Thường xuyên C. Thỉnh thoảng D. Không bao giờ
		3.4 DN/HTX/HKD cho biết ý kiến về tình trạng đùn đẩy công việc tại Địa phương mà Đơn vị đến làm việc cho các sở, ban, ngành hoặc lên các cấp thẩm quyền cao hơn?	A. Không có B. Ít khi C. Thường xuyên D. Luôn luôn
		3.5 DN/HTX/HKD có bị thanh tra và kiểm tra trong năm 2023 không? Đơn vị có bị thanh tra và kiểm tra vui lòng cho biết ý kiến của đơn vị với các nhận định sau:	A. Có B. Không
		3.5.1 DN/HTX/HKD cho biết thời gian trung bình của 01 đợt thanh kiểm tra giờ ?	
		3.5.2 DN/HTX/HKD cho biết hoạt động thanh tra, kiểm tra không gây cản trở đến hoạt động của DN/HTX/HKD?	A. Hoàn toàn đồng ý B. Đồng ý C. Không đồng ý D. Hoàn toàn không đồng ý
		3.5.3 DN/HTX/HKD cho biết nội dung thanh tra, kiểm tra không chồng chéo, trùng lặp	A. Hoàn toàn đồng ý

STT	Chỉ số thành phần	Tiêu chí	Phương án được lựa chọn dùng để tính tỷ lệ % tổng hợp điểm
		<i>giữa các cơ quan nhà nước làm nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra?</i>	B. Đồng ý C. Không đồng ý D. Hoàn toàn không đồng ý
		3.5.4 DN/HTX/HKD cho biết nội dung thanh tra, kiểm tra đúng như trong phạm vi của quyết định thanh tra, kiểm tra đã ban hành?	A. Hoàn toàn đồng ý B. Đồng ý C. Không đồng ý D. Hoàn toàn không đồng ý
4	4. Chi phí không chính thức	4.1 Trong các đợt thanh tra, kiểm tra, DN/HTX/HKD có phải đưa quà hay trả các khoản “Chi phí không chính thức” cho cán bộ thanh tra, kiểm tra không?	A. Không bao giờ B. Rất ít khi C. Thường xuyên D. Luôn luôn
		4.2 DN/HTX/HKD cho biết ý kiến về nhận định sau: “Khi đã chi khoản chi không chính thức, công việc có được giải quyết cho DN/HTX/HKD đúng như mong muốn không?”	A. Hoàn toàn đồng ý B. Đồng ý C. Không đồng ý D. Hoàn toàn không đồng ý
		4.3 Trong năm 2023, DN/HTX/HKD phải trả “Chi phí không chính thức” cho Địa phương/SBN ở mức độ như thế nào so với doanh thu của DN/HTX/HKD?	A. Không bao giờ B. Phải trả không đáng kể C. Phải trả đáng kể D. Phải trả rất đáng kể
		4.4 Mức “Chi phí không chính thức” DN/HTX/HKD phải chi trả cho Địa phương/SBN so với năm 2020?	A. Không phải trả B. Phải trả không đáng kể C. Tương đương D. Tăng đáng kể

STT	Chỉ số thành phần	Tiêu chí	Phương án được lựa chọn dùng để tính tỷ lệ % tổng hợp điểm
5	5. Cạnh tranh bình đẳng	<p>5.1 DN/HTX/HKD cho biết ý kiến về nhận định: “Sự quan tâm của Địa phương/SBN phụ thuộc vào quy mô đóng góp của DN/HTX/HKD cho cơ quan nhà nước (như số lao động sử dụng, số thuế nộp cho nhà nước, số tiền ủng hộ các chương trình/hoạt động,...)”?</p>	<p>A. Hoàn toàn đồng ý B. Đồng ý C. Không đồng ý D. Hoàn toàn không đồng ý</p>
		<p>5.2 Có hiện tượng Địa phương/SBN ưu tiên hỗ trợ, giải quyết khó khăn, vướng mắc, kiến nghị cho các doanh nghiệp Đầu tư trực tiếp nước ngoài (gọi tắt là FDI), doanh nghiệp Nhà nước (gọi tắt là DNNN) và doanh nghiệp lớn (gọi tắt là DNL) so với doanh nghiệp nhỏ và vừa (gọi tắt là DNNVV), HTX, HKD không?</p>	<p>A. Không có B. Có nhưng không phổ biến C. Phổ biến D. Rất phổ biến</p>
		<p>5.3 Có hiện tượng Địa phương/SBN ưu tiên trong việc giải quyết các TTHC nhanh chóng, đơn giản hơn cho các doanh nghiệp FDI, DNNN và DNL so với DNNVV, HTX, HKD không?</p>	<p>A. Không có B. Có nhưng không phổ biến C. Phổ biến D. Rất phổ biến</p>
		<p>5.4 Việc ưu ái cho các doanh nghiệp FDI, DNNN và DNL có gây cản trở, khó khăn cho DN/HTX/HKD trong hoạt động sản xuất kinh doanh không?</p>	<p>A. Không ảnh hưởng B. Ảnh hưởng không nhiều C. Ảnh hưởng D. Ảnh hưởng phần lớn</p>
		<p>5.6 DN/HTX/HKD nhận định như thế nào về sự hiện diện của doanh nghiệp sân sau</p>	<p>A. Không có</p>

STT	Chỉ số thành phần	Tiêu chí	Phương án được lựa chọn dùng để tính tỷ lệ % tổng hợp điểm
		và/hoặc doanh nghiệp có liên kết “thân hữu” với Địa phương	B. Có nhưng không phổ biến C. Phổ biến D. Rất phổ biến
6	6. Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp	<p>6.1 DN/HTX/HKD đã tham gia các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh (mời tập huấn, phổ biến, hướng dẫn, triển khai các chủ trương, chính sách mới,...) của Địa phương/SBN? DN/HTX/HKD có tham gia các Chương trình hỗ trợ của Địa phương/SBN, xin vui lòng cho biết ý kiến của DN/HTX/HKD với các nhận định dưới đây:</p> <p>6.1.1 DN/HTX/HKD đánh giá như thế nào về công tác truyền thông, phổ biến chính sách pháp luật của Địa phương/SBN đến DN/HTX/HKD?</p> <p>6.1.2 Công tác truyền thông chương trình hỗ trợ doanh nghiệp của Địa phương/SBN đến DN/HTX/HKD?</p> <p>6.1.3 DN/HTX/HKD đánh giá như thế nào về chất lượng các chương trình hỗ trợ do Địa phương/SBN thực hiện?</p> <p>6.1.4 DN/HTX/HKD đánh giá chất lượng chương trình hỗ trợ doanh nghiệp của chính quyền Địa phương/SBN đến DN/HTX/HKD?</p>	<p>A. Có B. Không</p> <p>A. Rất dễ tiếp cận B. Dễ tiếp cận C. Khó tiếp cận D. Không tiếp cận</p> <p>A. Rất dễ tiếp cận B. Dễ tiếp cận C. Khó tiếp cận D. Không tiếp cận</p> <p>A. Rất thực chất B. Thực chất C. Phần nào thực chất D. Chỉ mang tính hình thức</p> <p>A. Rất thực chất B. Thực chất C. Phần nào thực chất</p>

STT	Chỉ số thành phần	Tiêu chí	Phương án được lựa chọn dùng để tính tỷ lệ % tổng hợp điểm
			D. Chỉ mang tính hình thức
		6.1.5 Vấn đề, quan ngại của DN/HTX/HKD được phản ánh đầy đủ trong các cuộc đối thoại và Địa phương/SBN có kế hoạch cụ thể, tiếp thu và thay đổi sau đối thoại?	A. Hoàn toàn đồng ý B. Đồng ý C. Không đồng ý D. Hoàn toàn không đồng ý
		6.2 DN/HTX/HKD hài lòng với cách phản hồi, hỗ trợ giải quyết các thủ tục, hồ sơ còn vướng mắc (các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp)?	A. Rất hài lòng B. Hài lòng C. Không hài lòng D. Rất không hài lòng
7	7. Thiết chế pháp lý	7.1 DN/HTX/HKD cho biết ý kiến về nhận định sau: “Cơ quan nhà nước sẽ không bao che và nghiêm minh xử lý các cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý có hành vi nhũng nhiễu DN/HTX/HKD”?	A. Hoàn toàn đồng ý B. Đồng ý C. Không đồng ý D. Hoàn toàn không đồng ý
		7.2 Địa phương/SBN có tham mưu/giải quyết/xử lý các hành vi vi phạm pháp luật/tranh chấp của DN/HTX/HKD thuộc lĩnh vực/ phạm vi quản lý đảm bảo nghiêm minh, kịp thời, công bằng không?	A. Luôn luôn B. Thường xuyên C. Thỉnh thoảng D. Không bao giờ
		7.3 DN/HTX/HKD đã từng khiếu nại lên cấp quản lý có thẩm quyền, xin vui lòng cho biết ý kiến của DN/HTX/HKD về mức độ hài lòng của công tác giải quyết khiếu nại của cơ quan có thẩm quyền?	A. Hoàn toàn đồng ý B. Đồng ý C. Không đồng ý D. Hoàn toàn không đồng ý

STT	Chỉ số thành phần	Tiêu chí	Phương án được lựa chọn dùng để tính tỷ lệ % tổng hợp điểm
8	8. Ứng dụng công nghệ thông tin và triển khai chuyển đổi số	8.1 Địa phương/SBN có đồng ý về chất lượng Website của Địa phương tốt, truy cập nhanh chóng, không bị treo, trễ?	A. Hoàn toàn đồng ý B. Đồng ý C. Không đồng ý D. Hoàn toàn không đồng ý
		8.2 Website của Địa phương/SBN có dịch vụ hỏi, đáp hoặc hỗ trợ trực tuyến?	A. Hoàn toàn đồng ý B. Đồng ý C. Không đồng ý D. Hoàn toàn không đồng ý
		8.3 Website của Địa phương/SBN có đăng tải và cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành và văn bản quản lý hành chính có liên quan đến DN/HTX/HKD?	A. Luôn luôn B. Thường xuyên C. Thỉnh thoảng D. Không bao giờ
		8.4 DN/HTX/HKD có dễ tiếp cận các Văn bản pháp luật, chính sách, ... trên Website của Địa phương?	A. Rất dễ tiếp cận B. Dễ tiếp cận C. Khó tiếp cận D. Chưa tiếp cận được
II	Các chỉ số thành phần đặc thù cho huyện, thành phố (Mẫu phiếu A-H/TP)		
9	9. Khả năng tiếp cận đất đai và cơ sở hạ tầng	9.1 Khả năng các nhà đầu tư tiếp cận thông tin về các chương trình, chính sách và các dự án về đất đai?	A. Rất dễ tiếp cận B. Dễ tiếp cận C. Khó tiếp cận D. Chưa tiếp cận được
		9.2 DN/HTX/HKD có gặp vấn đề cản trở tiếp cận thông tin mở rộng mặt bằng kinh doanh?	A. Hoàn toàn đồng ý B. Đồng ý C. Không đồng ý

STT	Chỉ số thành phần	Tiêu chí	Phương án được lựa chọn dùng để tính tỷ lệ % tổng hợp điểm
			D. Hoàn toàn không đồng ý
		9.3 DN/HTX/HKD có gặp khó khăn trong việc thực hiện thủ tục hành chính (viết tắt TTHC) về đất đai trong năm 2023?	A. Hoàn toàn đồng ý B. Đồng ý C. Không đồng ý D. Hoàn toàn không đồng ý
		9.4 DN/HTX/HKD có phải chi trả “Chi phí không chính thức” để đẩy nhanh trong việc thực hiện thủ tục liên quan đến đất đai tại địa phương?	A. Không phải trả B. Phải trả không đáng kể C. Tương đương D. Tăng đáng kể
		9.5 DN/HTX/HKD đánh giá như thế nào về mức độ rủi ro bị thu hồi đất khi sử dụng đất tại Địa phương/SBN?	A. Rất thấp B. Thấp C. Cao D. Rất cao
		9.6 DN/HTX/HKD có hài lòng với mức bồi thường thỏa đáng khi Địa phương/SBN thu hồi đất?	A. Rất hài lòng B. Hài lòng C. Không hài lòng D. Rất không hài lòng

Ghi chú: Số thứ tự của Chỉ số thành phần và các tiêu chí trong bảng trên trùng với số thứ tự trong phiếu khảo sát và trong các bảng biểu tổng hợp điểm.

Phụ lục 7. Tổng hợp điểm chỉ số thành phần DDCI khối Địa phương

Địa phương	Chỉ số thành phần										DDCI 2023	DDCI 2020
	1. Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	2. Tính năng động và hiệu lực thi hành của chính quyền địa phương	3. Chi phí thời gian	4. Chi phí không chính thức	5. Cạnh tranh bình đẳng	6. Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp	7. Thiết chế pháp lý	8. Ứng dụng công nghệ thông tin và triển khai chuyển đổi số	9. Tiếp cận đất đai			
Huyện Bắc Bình	5,32	5,98	5,87	7,49	8,05	5,5	2,8	8,58	6,99	62,84	67,44	
Huyện Đức Linh	7,5	5,25	4,71	5,91	7,14	5,5	5,85	5,74	4,48	57,91	69,90	
Huyện Hàm Tân	7,61	6,99	6,08	8,94	7,45	5,5	4,86	9,43	7,8	71,14	68,25	
Huyện Hàm Thuận Bắc	2	6,62	1	3,78	2,12	5,5	5,59	5,37	2,41	38,47	68,45	
Huyện Hàm Thuận Nam	5,08	5,18	3,95	6,24	4,65	2,66	2,5	7,56	5,87	46,88	69,47	
Huyện Phú Quý	9,5	7,07	8,2	7,75	10	5,5	5,5	7,45	10	76,81	69,10	
Huyện Tánh Linh	9,29	8,12	6,48	6,23	7,64	1	6,17	5,39	6,67	57,05	68,35	
Huyện Tuy Phong	4,47	5,76	3,63	6,01	5	1,58	4,49	2,21	5,01	39,87	67,90	
Thành phố Phan Thiết	6,26	6,41	4,32	7,56	8,03	4,93	4,88	7,22	8,01	63,13	65,10	
Thị xã La Gi	4,25	6,25	4,55	7,53	3,6	4	5,38	7,41	7,09	54,7	68,54	

Phụ lục 8. Tổng hợp điểm chỉ số thành phần DDCI khối Sở, ban, ngành

Sở, ban, ngành	Chỉ số thành phần								DDCI 2023	DDCI 2020
	1. Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	2. Tính năng động và hiệu lực thi hành của sở, ban, ngành	3. Chi phí thời gian	4. Chi phí không chính thức	5. Cạnh tranh bình đẳng	6. Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp	7. Thiết chế pháp lý	8. Ứng dụng công nghệ thông tin và triển khai chuyển đổi số		
Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh	5,34	6,11	6,94	7,06	7,44	5,5	3,53	5,13	59,55	70,73
Bảo hiểm xã hội tỉnh	8,47	8,11	6,97	8,98	8,09	5,5	6,15	9,2	74,95	75,08
Chi Cục Hải Quan cửa khẩu Cảng tỉnh	5,71	8,19	7,7	6,09	3,53	5,5	6,35	7,92	63,39	64,37
Công an tỉnh	6,13	5,42	6,09	6,86	8,79	5,5	4,63	6,32	61,72	68,26
Cục Quản lý thị trường tỉnh	8,08	8,16	6,51	7,39	7,88	3,4	3,24	7,82	62,83	66,95
Cục Thuế tỉnh	7,35	8,28	7,49	8,12	7,4	4,67	6,48	9,11	71,38	72,97
Sở Công thương	5,39	6,85	5,39	6,18	8,22	5,5	4,87	8,37	62,06	70,60
Sở Giáo dục và Đào tạo	8,78	9,16	4,47	2,92	8,2	5,5	4,87	9,26	62,36	-
Sở Giao thông vận tải	8,25	6,75	7,43	8,12	8,8	5,5	6,32	7,48	71,93	72,78
Sở Kế hoạch và Đầu tư	8,99	8,58	7,88	8,22	8,71	4,69	6,49	9,47	75,77	68,89
Sở Khoa học và Công nghệ	10	9,54	8,2	6,86	8,79	5,5	3,53	9,7	75,15	71,36
Sở Lao động – Thương binh và Xã hội	8,21	7,99	7,77	7,61	9,24	5,5	5,58	5,2	70,29	73,65
Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	7,33	6,3	6,38	7,64	5,51	1,88	3,04	5,51	52,48	65,17

Sở, ban, ngành	Chỉ số thành phần								DDCI 2023	DDCI 2020
	1. Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	2. Tính năng động và hiệu lực thi hành của sở, ban, ngành	3. Chi phí thời gian	4. Chi phí không chính thức	5. Cạnh tranh bình đẳng	6. Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp	7. Thiết chế pháp lý	8. Ứng dụng công nghệ thông tin và triển khai chuyển đổi số		
Sở Tài chính	9,18	7,19	6,8	7,75	10	5,5	5,39	9,07	73,66	-
Sở Tài nguyên và Môi trường	3,44	3,82	4	6,69	7,48	1	2,91	2,27	37,96	70,41
Sở Thông tin và Truyền thông	9,37	8,84	6,05	8,27	10	5,5	2,53	7,94	71,16	-
Sở Tư pháp	7,75	8,85	7,84	8,27	10	5,5	3,34	9,34	74,45	-
Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	8,17	8,25	7,03	7,65	8,7	5,5	3,46	9,14	70,74	70,28
Sở Xây dựng	8,58	6,15	6,21	5,61	9,58	2,88	3,22	9,65	60,67	68,36
Sở Y tế	5,6	4,86	4,98	7,55	6,24	5,5	1,64	4,46	52,6	73,23
Tòa án nhân dân tỉnh	10	8,99	7,26	7,37	9,17	5,5	5,39	9,65	76,15	-